

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình dạy học trình độ đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lâm nghiệp được ban hành kèm theo Nghị quyết số 2268/NQ-HĐT ngày 27/12/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hình thức chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3656/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 30/12/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành tạm thời Quy trình thiết kế và phát triển Chương trình dạy học;

Căn cứ Biên bản số /BB-ĐHLN-ĐT ngày 07/3/2022 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường về việc họp nghiệm thu Chương trình dạy học trình độ đại học hệ chính quy;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường, Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình dạy học trình độ đại học hệ chính quy cho các ngành học tại Trường Đại học Lâm nghiệp (có Chương trình dạy học chi tiết kèm theo).

Điều 2. Chương trình dạy học trình độ đại học hệ chính quy cho các ngành ban hành tại Điều 1 được áp dụng chính thức tại Trường Đại học Lâm nghiệp kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường, các cán bộ giảng viên và những sinh viên hệ chính quy có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng;
- Chủ tịch Hội đồng trường;
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Các Phân hiệu;
- Lưu: VT, ĐT.



Trần Văn Chú

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP



CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC – HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: THIẾT KẾ NỘI THẤT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 518-2/QĐ-ĐHLN-ĐT, ngày 10/03/2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)*

Hà Nội, năm 2022

MỤC LỤC

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1. Mục tiêu đào tạo.....	1
2. Thông tin tuyển sinh.....	1
3. Điều kiện nhập học	1
4. Điều kiện tốt nghiệp	1
PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1. Kiến thức.....	1
2. Kỹ năng	1
3. Phẩm chất đạo đức	1
PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy	1
2. Khung chương trình đào tạo	1
3. Các học phần hình thành kiến thức, kỹ năng theo chuẩn đầu ra đã công bố	1
4. Kế hoạch đào tạo theo thời gian được thiết kế.....	1
5. Phương pháp và hình thức đào tạo.....	1
6. Cách thức đánh giá kết quả học tập	1
7. Điều kiện thực hiện chương trình	1
8. Hướng dẫn thực hiện và tổ chức chương trình đào tạo.....	1

PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình:
 - + Tiếng Việt: Thiết kế nội thất
 - + Tiếng Anh: Interior Design
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Ngành đào tạo: Thiết kế nội thất
- Mã số: 7580108
- Thời gian đào tạo: 3,5-4 năm
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân Thiết kế nội thất
 - + Tiếng Anh: Interior Design Bachelor

3. Mục tiêu đào tạo

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân thiết kế nội thất có kiến thức tổng hợp về khoa học kỹ thuật, mỹ thuật và xã hội nhân văn; có năng lực thiết kế và kỹ năng mềm phù hợp; có thái độ nghề nghiệp tốt đáp ứng nhu cầu xã hội về nhân lực trong lĩnh vực thiết kế và thi công công trình nội thất, thiết kế và chế tạo sản phẩm nội thất.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

MT1: Làm việc được tại các cơ quan công lập, doanh nghiệp và tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực Thiết kế nội thất;

MT2: Sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, phát hiện và giải quyết vấn đề mới; quản lý và điều hành được hoạt động thiết kế và thi công nội thất, thiết kế và sản xuất sản phẩm nội thất;

MT3: Có khả năng học tập nâng cao trình độ; Phát triển sự nghiệp để trở thành chuyên gia, nhà quản lý, lãnh đạo; quản lý chương trình và hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn;

MT4: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong lĩnh vực Thiết kế nội thất;

MT5: Trở thành công dân có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt, yêu ngành, yêu nghề, năng động và sáng tạo.

Về trình độ ngoại ngữ và tin học

MT6: Đạt trình độ tiếng Anh chuẩn TOEIC 450 theo Quyết định số 2441/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 16/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp hoặc các chứng chỉ khác tương đương.

MT7: Đạt trình độ tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và truyền thông và Quyết định số 2441/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 16/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp.

1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh

- Về đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, có đủ điều kiện theo quy chế hiện hành của bộ GDĐT

- Tiêu chí tuyển sinh:

+ Xét tuyển sinh dựa theo kết quả thi THPT Quốc gia: *Tốt nghiệp THPT, Có điểm thi THPT Quốc gia theo tổ hợp môn thi đạt ngưỡng ĐBCL theo quy định của BGD&ĐT gồm khối A00, D01, C15, H00.*

+ *Xét học bạ THPT: Tốt nghiệp THPT, có tổng điểm 3 môn xét tuyển năm lớp 12 đạt từ 18 điểm trở lên hoặc có kết quả điểm bình quân của điểm trung bình cả năm của 3 lớp (10,11,12) từ 6,0 trở lên (xét tuyển không quá 40% tổng chỉ tiêu).*

+ *Xét tuyển thẳng: Những đối tượng xét tuyển thẳng theo Quy định trong quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, thí sinh đạt giải trong các kỳ thi HSG cấp tỉnh trở lên; thí sinh học tại các trường chuyên; thí sinh có học lực khá ít nhất 1 năm tại các trường THPT và có chứng chỉ tiếng anh quốc tế, tin học quốc tế; Người nước ngoài/người VN tốt nghiệp THPT ở nước ngoài.*

+ *Xét tuyển theo đơn đặt hàng*

1.4. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ

1.5. Điều kiện tốt nghiệp

Chương trình đào tạo được tổ chức theo hệ thống tín chỉ và thực hiện theo văn bản số 17/VBHN-BGD&ĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ và Quyết định của Hiệu trưởng về chương trình đào tạo của ngành.

PHẦN 2: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Sau khi hoàn thành khóa học, người học sẽ đạt được các yêu cầu sau đây:

1. Về kiến thức

1.1. Kiến thức chung:

KT1: Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, pháp luật; giáo dục thể chất (chứng chỉ); quốc phòng – an ninh (chứng chỉ); công nghệ thông tin (chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản); tiếng anh chuẩn TOEIC 450 theo Quyết định số 2441/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 16/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp hoặc các chứng chỉ khác tương đương vào công việc thực tiễn của một Cử nhân ngành Thiết kế nội thất.

1.2. Kiến thức chuyên môn

KT2: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học nhân văn, nghệ thuật và cảm thụ mỹ thuật: Vẽ mỹ thuật, về cơ sở tạo hình, về cơ sở mỹ thuật công nghiệp, tạo dáng sản phẩm công nghiệp, về cơ sở kiến trúc và môi trường vật lý kiến trúc,... vào lĩnh vực thiết kế kiến trúc và nội thất;

KT3: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về vẽ hình họa, vẽ kỹ thuật; bản vẽ kỹ thuật trong thiết kế không gian và sản phẩm nội thất;

KT4: Hiểu và vận dụng được các kiến thức về trình tự thiết kế sản phẩm, thiết kế tạo dáng và công năng sản phẩm, cấu tạo và kết cấu sản phẩm; Hiểu biết về vật liệu và công nghệ gia công sản xuất sản phẩm nội thất;

KT5: Hiểu và vận dụng các kiến thức về nguyên lý thiết kế nội thất, trình tự thiết kế; thiết kế kỹ thuật, tổ chức không gian nội thất, các yếu tố thiết kế, vật liệu sử dụng trong công trình nội thất;

KT6: Hiểu và vận dụng được các kiến thức về tổ chức và giám sát thi công trong quá trình thi công công trình và sản xuất đồ gỗ nội thất;

KT7: Hiểu và vận dụng được các kiến thức về kinh doanh và khởi nghiệp, về khoa học kỹ thuật tiên tiến, hiện đại trong lĩnh vực của ngành và liên ngành.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng cứng

KN1: Thiết kế sản phẩm nội thất và không gian nội thất: Khảo sát hiện trường, thu thập thông tin làm căn cứ thiết kế; Phân tích, tổng hợp, đánh giá thiết kế; Thể hiện phương án thiết kế sơ bộ (2D) trên máy tính bằng phần mềm thông dụng; Thể hiện phương án thiết kế không gian và sản phẩm (3D) trên máy tính bằng phần mềm thông dụng; Vẽ bóc tách kết cấu kiến trúc nội thất và sản phẩm nội thất theo đúng tiêu chuẩn vẽ kỹ thuật và những quy ước trong lĩnh vực thiết kế; Tính toán khối lượng và hoàn thiện hồ sơ thiết kế; Báo cáo, thuyết minh thiết kế;

KN2: Tổ chức và quản lý quá trình sản xuất sản phẩm và thi công công trình nội

thất: Đọc bản vẽ kỹ thuật trong lĩnh vực thiết kế kiến trúc nội thất và sản phẩm nội thất; Lập kế hoạch tiến độ thi công công trình và sản xuất sản phẩm nội thất; Hướng dẫn và tổ chức quá trình thi công công trình và sản xuất sản phẩm nội thất;

KN3: Giám sát quá trình sản xuất và thi công: Quản lý chất lượng, giám sát quá trình sản xuất sản phẩm và thi công công trình nội thất theo kế hoạch; Phân tích, báo cáo đánh giá chất lượng và tiến độ sản xuất sản phẩm và thi công công trình nội thất;

KN4: Vận hành một số trang thiết bị đặc thù chuyên dụng trong sản xuất sản phẩm và thi công công trình nội thất.

2.2. Kỹ năng mềm

KN5: Có kỹ năng đàm phán và thương thuyết, viết báo cáo và thuyết trình về lĩnh vực chuyên môn; có kỹ năng tổ chức quản lý và điều hành;

KN6: Sử dụng thành thạo các phần mềm hỗ trợ thiết kế 2D và 3D thông dụng trong lĩnh vực thiết kế nội thất.

3. Thái độ, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

NL1: Có kỹ năng tự học hỏi, tìm tòi, khám phá và cập nhật kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn, có tư duy sáng tạo và tư duy phản biện;

NL2 Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; Có phẩm chất đạo đức và ý thức nghề nghiệp tốt, tự chủ, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm về mọi hành vi của bản thân trước pháp luật.

4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Cử nhân Thiết kế nội thất có thể làm việc tại các vị trí sau:

- Là chuyên gia trong các tổ chức tư vấn, thiết kế, giám sát, thi công về nội thất các công trình dân dụng và công nghiệp;

- Là nghiên cứu viên, giảng viên giảng dạy trong các trường Đại học, Cao đẳng, Học viện, Viện nghiên cứu liên quan đến thiết kế nội thất;

- Hành nghề độc lập về thiết kế nội thất các công trình kiến trúc dân dụng và công nghiệp.

5. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sinh viên tốt nghiệp ngành Thiết kế nội thất có thể học tập cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) tại các tổ chức, cơ sở hoặc các trường Đại học/Học viện trong và ngoài nước trong lĩnh vực thiết kế nội thất và những lĩnh vực liên quan khác.

6. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo

6.1. Các chương trình trong nước

1. Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội: 145 tín chỉ/4.5 năm

http://hau.edu.vn/Cac-nganh-dao-tao-Khoa-Noi-that--My-thuat-CN_n801.html

2. Trường Đại học Kiến trúc Hồ Chí Minh: 173 tín chỉ/5 năm

<http://www.uah.edu.vn/router/thiet-ke-noi-that-367.html>

3. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng: 160 tín chỉ/5 năm

<http://kientruc.dau.edu.vn/intro.aspx?m=71>

4. Trường Đại học Nguyễn Trãi: 165 tín chỉ/5 năm

<http://daihocnguyentraivn.edu.vn/thiet-ke-noi/>

6.1. Các chương trình quốc tế

1. Queensland University – Úc: 144 tín chỉ/ 3 năm

- <https://www.qut.edu.au/courses/bachelor-of-design-interior-architecture>

2. European Institute of Design - Milano Campus – Ý: 180 tín chỉ/ 3 năm

<https://www.ied.edu/milan/design-school/undergraduate-courses/interior-design/DBB810E>

3. Iowa State University - Mỹ: 129.5 - 130.5 tín chỉ/ 4 năm

<https://catalog.iastate.edu/collegeofdesign/interiordesign/#fouryearplantext>

4. 南京林业大学 (Đại học Lâm nghiệp Nam Kinh): 170 tín chỉ/4 năm

<https://art.njfu.edu.cn/>

5. 同济大学 (Đại học Đồng Tế): 160 tín chỉ/ 4 năm và 200 tín chỉ/5 năm

<https://caup.tongji.edu.cn/10948/list.htm>

6. 扬州大学 (Đại học Dương Châu): 164 tín chỉ/ 4 năm

<http://msxy.yzu.edu.cn/col/col43421/index.html>

PHẦN 3: MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO						
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	MT7
1. Kiến thức (KT)	KT 1						✓	✓
	KT 2	✓	✓					
	KT 3	✓	✓					
	KT 4	✓	✓					
	KT 5	✓	✓					
	KT 6	✓	✓					
	KT 7			✓				
2. Kỹ năng (KN)	KN 1	✓	✓					
	KN 2	✓	✓					
	KN 3	✓	✓					
	KN 4	✓						
	KN 5	✓	✓		✓			
	KN 6	✓	✓		✓			
3. Thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm	NL 1			✓				
	NL 2	✓	✓		✓	✓		

PHẦN 4: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo:

Tổng số tín chỉ phải tích lũy	130
Trong đó:	
- Khối kiến thức giáo dục đại cương	38
+ <i>Bắt buộc</i>	21
+ <i>Học phần của trường</i>	13
+ <i>Tự chọn</i>	4
- Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	92
• Kiến thức cơ sở ngành	20
+ <i>Bắt buộc</i>	14
+ <i>Tự chọn</i>	06
• Kiến thức ngành và chuyên ngành	37
+ <i>Bắt buộc</i>	27
+ <i>Tự chọn</i>	10
• Kiến thức bổ trợ	10
+ <i>Bắt buộc</i>	6
+ <i>Tự chọn</i>	4
• Học kỳ doanh nghiệp	15
• Tốt nghiệp	10

4.2. Khung chương trình đào tạo:

TT	Tên học phần	TC	Thời lượng (tiết)								HP tiên quyết	
			Lý thuyết		Bài tập/ Thảo luận		Đồ án/Bài tập lớn		Thí nghiệm/ Thực hành			Tự học
			TC	TT	TC	TT	TC	TT	TC	TT		
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		38										
1.1	Các học phần bắt buộc	21										
1	Triết học Mác – Lênin	3	31	31	14	28						
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	21	21	9	18						
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	21	9	18						
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	21	9	18						
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	21	9	18						
6	Tiếng Anh 1	3	30	30	15	30						
7	Tiếng Anh 2	3	30	30	15	30						
8	Tin học đại cương	2	20	20					10	20		

9	Pháp luật đại cương	2	30	30									
1.2	Các học phần của Trường	13											
1	Mỹ học	2	20	20	10	20							
2	Luật xa gần	3	30	30					15	30			
3	Hình họa đen trắng	4	15	15	15	30			30	60			
4	Hình họa màu	4	15	15	15	30			30	60			
1.3	Các học phần tự chọn	4/8											
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành nội thất	2	25	25	5	10							
2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	20	20	10	20							
3	Lịch sử Mỹ thuật	2	20	20	10	20							
4	Tâm lý học đại cương	2	30	30									
1.4	Giáo dục thể chất		Theo quy định của Bộ GD&ĐT										
1.5	Giáo dục Quốc phòng		Theo quy định của Bộ GD&ĐT										
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		92											
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	20											
2.1.1	Kiến thức bắt buộc	14											
1	Vẽ kỹ thuật trong TKNT	2	15	15					15	30			
2	Cơ sở tạo hình	4	30	30					30	60			
3	Vật liệu nội thất	3	30	30	5	10			10	20			
4	Nguyên lý thiết kế nội thất	3	30	30	15	30							
5	Ergonomics trong thiết kế nội thất	2	20	20	10	20							
2.1.2	Kiến thức tự chọn	6/10											
1	Màu sắc trong TKNT	2	20	20	10	20							
2	Phong thủy trong TKNT	2	20	20	10	20							
3	Thiết kế môi trường vật lý kiến trúc	2	20	20	10	20							
4	Cơ sở mỹ thuật công nghiệp	2	10	10	10	20			10	20			
5	Tạo dáng sản phẩm công nghiệp	2	15	15					15	45			
2.2	Kiến thức ngành, chuyên ngành	37											
2.2.1	Kiến thức bắt buộc	27											
1	Công nghệ gia công sản phẩm nội thất	4	30	30	15	30			15	30			
2	Thiết kế sản phẩm nội thất	4	30	30	15	30	15	45					
3	Thiết kế nội thất nhà ở	3	30	30			15	45					
4	Thiết kế nội thất công trình công cộng	4	30	30	15	30	15	45					
5	Đồ án thiết kế sản phẩm nội thất	2	10	10			20	60					

4.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra														
		Kiến thức							Kỹ năng cứng				Kỹ năng mềm		Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KT7	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	NL1	NL2
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																
<i>1.1</i>	<i>Các học phần bắt buộc</i>															
1	Triết học Mác - Lênin	✓													<input type="checkbox"/>	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	✓													<input type="checkbox"/>	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	✓													<input type="checkbox"/>	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	✓													<input type="checkbox"/>	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	✓													<input type="checkbox"/>	
6	Tiếng Anh 1	✓		<input type="checkbox"/>									<input type="checkbox"/>			
7	Tiếng Anh 2	✓		<input type="checkbox"/>									<input type="checkbox"/>			
8	Tin học đại cương	✓		<input type="checkbox"/>									<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		
9	Pháp luật đại cương	✓												<input type="checkbox"/>		✓
<i>1.2</i>	<i>Các học phần của Trường</i>															
10	Mỹ học		✓	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>											
11	Luật xa gần			✓	✓			✓	✓	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>					
12	Hình họa đen trắng			✓	✓			✓	✓							
13	Hình họa màu			✓	✓			✓	✓							

1.3	Các học phần tự chọn															
14	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành nội thất						✓						<input type="checkbox"/>			
15	Cơ sở văn hóa Việt Nam		✓		<input type="checkbox"/>								✓			<input type="checkbox"/>
16	Lịch sử Mỹ thuật		✓	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>											
17	Tâm lý học đại cương	<input type="checkbox"/>											✓		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
II	Giáo dục thể chất	✓													<input type="checkbox"/>	
III	Giáo dục Quốc phòng	✓													<input type="checkbox"/>	
II. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP																
2.1	Kiến thức cơ sở ngành															
2.1.1	Kiến thức bắt buộc															
18	Vẽ kỹ thuật trong TKNT			✓						<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>				
19	Cơ sở tạo hình		✓						✓		✓	<input type="checkbox"/>				
20	Vật liệu nội thất				✓	✓		✓		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>				
21	Nguyên lý thiết kế nội thất				✓	✓	✓				<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>				
22	Ergonomics trong thiết kế nội thất				✓				✓		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>				
2.1.2	Kiến thức tự chọn				<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>				<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>				
23	Màu sắc trong TKNT		✓		✓				✓	✓						
24	Phong thủy trong TKNT		✓			✓										
25	Thiết kế môi trường vật lý kiến trúc		✓			✓	<input type="checkbox"/>		✓							
26	Cơ sở mỹ thuật công nghiệp		✓	<input type="checkbox"/>	✓					<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
27	Tạo dáng sản phẩm công nghiệp		✓		✓					<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.2	Kiến thức ngành, chuyên ngành				<input type="checkbox"/>					<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.2.1	Kiến thức bắt buộc				<input type="checkbox"/>					<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

28	Công nghệ gia công sản phẩm nội thất				✓		✓		✓	✓	✓	✓		<input type="checkbox"/>		
29	Thiết kế sản phẩm nội thất				✓	<input type="checkbox"/>	✓		✓	✓	✓	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	✓		✓
30	Thiết kế nội thất nhà ở				<input type="checkbox"/>	✓	✓		✓	✓	✓	<input type="checkbox"/>	✓	✓		✓
31	Thiết kế nội thất công trình công cộng				<input type="checkbox"/>	✓	✓		✓	✓	✓	<input type="checkbox"/>	✓	✓		✓
32	Đồ án thiết kế sản phẩm nội thất				✓	<input type="checkbox"/>	✓		✓	✓	✓	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	✓		✓
33	Đồ án thiết kế nội thất nhà ở				<input type="checkbox"/>	✓	✓		✓	✓	✓	<input type="checkbox"/>	✓	✓		✓
34	Đồ án thiết kế nội thất CT công cộng				<input type="checkbox"/>	✓	✓		✓	✓	✓	<input type="checkbox"/>	✓	✓		✓
35	Thiết kế thi công công trình NT					✓	✓		<input type="checkbox"/>	✓	✓	<input type="checkbox"/>				✓
36	Tổ chức thi công công trình nội thất					<input type="checkbox"/>	✓		<input type="checkbox"/>	✓	✓	<input type="checkbox"/>				✓
2.2.2	<i>Kiến thức tự chọn</i>				<input type="checkbox"/>					<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
37	Quản lý chất lượng trong nội thất						✓									
38	Sản phẩm mộc truyền thống				✓			<input type="checkbox"/>	✓		✓	<input type="checkbox"/>		✓		
39	Thiết kế nội thất biệt thự				<input type="checkbox"/>	✓	✓		✓	✓	✓	<input type="checkbox"/>	✓	✓		✓
40	Thiết kế nội thất công trình thương nghiệp				<input type="checkbox"/>	✓	✓		✓	✓	✓	<input type="checkbox"/>	✓	✓		✓
41	Thiết kế nội thất công trình công sở				<input type="checkbox"/>	✓	✓		✓	✓	✓	<input type="checkbox"/>	✓	✓		✓
42	Thiết kế nội thất công trình khách sạn				<input type="checkbox"/>	✓	✓		✓	✓	✓	<input type="checkbox"/>	✓	✓		✓
43	Thiết kế nội thất công trình vui chơi, giải trí				<input type="checkbox"/>	✓	✓		✓	✓	✓	<input type="checkbox"/>	✓	✓		✓
44	Thiết kế trưng bày triển lãm				<input type="checkbox"/>	✓	✓		✓	✓	✓	<input type="checkbox"/>	✓	✓		✓
45	Cây xanh trong TKNT		✓													
46	Thiết kế xanh				✓		✓	✓	✓	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	✓		✓

47	Thiết kế tiêu cảnh				<input type="checkbox"/>	✓	✓	<input type="checkbox"/>	✓	✓	✓			✓		✓
48	Marketing							✓					✓			
49	Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp				<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	✓	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			✓	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
2.3	Kiến thức bổ trợ				<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
2.3.1	Kiến thức bắt buộc				<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
50	Cơ sở kiến trúc		✓	✓	<input type="checkbox"/>	✓				✓						
51	Tin học chuyên ngành nội TKNT									<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		✓		✓
2.3.2	Kiến thức tự chọn									<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		
52	Tin học nâng cao									<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		✓		✓
53	Kỹ thuật xử lý ảnh trong TKNT								✓					✓		
54	Lựa chọn và sử dụng thiết bị gia công gỗ				✓			✓				✓				
55	Đồ họa CNC				✓		✓	✓	✓	✓	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		✓		
2.4	Học kỳ doanh nghiệp				<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
2.4.1	Thực tập 1: Cơ sở ngành		✓	✓					✓		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	✓			✓
2.4.2	Thực tập 2: Ngành và chuyên ngành		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	<input type="checkbox"/>	✓	✓	✓	✓
2.5	Khóa luận tốt nghiệp		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	<input type="checkbox"/>	✓	✓	✓	✓

4.4. Kế hoạch các học phần giảng dạy dự kiến theo học kỳ

TT	Tên học phần	T C	Thời lượng								Ghi chú
			Lý thuyết		Bài tập/ Thảo luận		Đồ án/ Bài tập lớn		Thí nghiệm/ Thực hành		
			TC	TT	TC	TT	TC	TT	TC	TT	
Học kỳ 1		17									
1	Triết học Mác – Lênin	3	31	31	14	28					Nhập học
2	Tiếng Anh 1	3	30	30	15	30					
3	Tin học đại cương	2	20	20					10	20	
4	Mỹ học	2	20	20	10	20					
5	Vẽ kỹ thuật trong TKNT	2	15	15					15	30	
6	Luật xa gần	3	15	15	15	30			15	30	
7	Pháp luật đại cương	2	30	30							
Học kỳ 2		17									
1	Tiếng Anh 2	3	30	30	15	30					
2	Cơ sở tạo hình	4	10	10	50	100					
3	Hình họa đen trắng	4	15	15	15	30			30	60	
4	Ergonomics trong thiết kế nội thất	2	20	20	10	20					
	Kiến thức đại cương (tự chọn)	2									
5	Lịch sử Mỹ thuật	2	20	20	10	20					
6	Tâm lý học đại cương	2	30	30							
	Kiến thức cơ sở ngành (tự chọn)	2									
7	Màu sắc trong TKNT	2	5	5	25	50					
8	Cơ sở mỹ thuật công nghiệp	2	10	10	20	40					
Học kỳ 3		18									
1	Hình họa màu	4	15	15	15	30			30	60	
2	Vật liệu nội thất	3	30	30	5	10			10	20	
3	Nguyên lý thiết kế nội thất	3	30	30	15	30					
	Kiến thức đại cương (tự chọn)	2									
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành nội thất	2	25	25	5	10					
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	20	20	10	20					
	Kiến thức bổ trợ ngành (bắt buộc)	6									
6	Cơ sở kiến trúc	3	30	30			15	45			
7	Tin học chuyên ngành TKNT	3	5	5					40	80	
Học kỳ 4		18									
1	Công nghệ gia công sản phẩm nội thất	4	30	30	15	30			15	30	
2	Thiết kế sản phẩm nội thất	4	30	30	15	30	15	45			

3	Thiết kế nội thất công trình công cộng	4	30	30	15	30	15	45			
	Kiến thức cơ sở ngành (tự chọn)	4									
4	Phong thủy trong TKNT	2	20	20	10	20					
5	Thiết kế môi trường vật lý kiến trúc	2	20	20	10	20					
6	Tạo dáng sản phẩm công nghiệp	2	10	10	20	40					
	Kiến thức bổ trợ ngành (tự chọn)	2									
7	Tin học nâng cao	2	5	5					25	50	
8	Lựa chọn và sử dụng thiết bị gia công gỗ	2	20	20					10	20	
Học kỳ 5		18									
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	21	9	18					
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	21	21	9	18					
3	Thiết kế thi công công trình NT	3	20	20	10	20	15	45			
4	Đồ án thiết kế sản phẩm nội thất	2	5	5			25	75			
5	Thiết kế nội thất nhà ở	3	30	30			15	45			
	Kiến thức bổ trợ ngành (tự chọn)	2									
6	Kỹ thuật xử lý ảnh trong TKNT	2	5	5					25	50	
7	Đồ họa CNC	2	20	20					10	20	
	Kiến thức ngành (tự chọn)	4									
8	Quản lý chất lượng trong nội thất	2	20	20	10	20					
9	Sản phẩm mộc truyền thống	2	20	20	10	20					
10	Thiết kế xanh	2	20	20	10	20					
11	Thiết kế nội thất công trình thương nghiệp	2	15	15			15	45			
12	Thiết kế nội thất công trình công sở	2	15	15			15	45			
13	Thiết kế nội thất công trình khách sạn	2	15	15			15	45			
Học kỳ 6		17									
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	21	9	18					
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	21	9	18					
3	Tổ chức thi công công trình nội thất	3	30	30			15	45			
4	Đồ án thiết kế nội thất nhà ở	2	5	5			25	75			
5	Đồ án thiết kế nội thất CT công cộng	2	5	5			25	75			
	Kiến thức ngành (tự chọn)	6									
6	Thiết kế nội thất biệt thự	2	15	15			15	45			

7	Thiết kế nội thất công trình vui chơi, giải trí	2	15	15			15	45			
8	Thiết kế trưng bày triển lãm	2	15	15			15	45			
9	Cây xanh trong TKNT	2	30	30							
10	Thiết kế tiểu cảnh	2	15	15			15	45			
11	Marketing	2	15	15	15	30					
12	Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp	2	15	15	15	30					
Học kỳ 7		15									
<i>Học kỳ doanh nghiệp</i>											
1	<i>Thực tập 1: cơ sở ngành</i>	3									
2	<i>Thực tập 2: ngành và chuyên ngành</i>	12									
Học kỳ 8											
<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>		10									Tốt nghiệp

PHẦN 5. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

HỌC PHẦN: TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Triết học Mác - Lênin

Tên học phần tiếng Anh: Marxist – Leninist Philosophy

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 03

Lý thuyết : 31 tiết

Thảo luận : 14 tiết

Tự học : 120 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Triết học

Khoa: Khoa Lý luận chính trị

3. Điều kiện tiên quyết: Bố trí học vào năm thứ nhất bậc đại học, cao đẳng

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, đầy đủ, hệ thống về triết học, triết học Mác – Lênin. Xác lập thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng cho việc nhận thức các vấn đề của thực tiễn và xã hội.

4.2. Kỹ năng: Nhận biết đúng đắn các hiện tượng kinh tế, chính trị - xã hội. Từ đó hình thành hệ thống các giải pháp giải quyết vấn đề một cách khoa học và hiệu quả nhất.

4.3. Thái độ: Hình thành thái độ sống tích cực, nỗ lực trong học tập, vươn lên trong cuộc sống và sáng tạo, tự tin trong công việc.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Chương 1 trình bày những nét khái quát về triết học, triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm những vấn đề về vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm những vấn đề hình thái kinh tế xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội và triết học về con người.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
VỀ KIẾN THỨC	
CDR1	Hiểu biết căn bản, hệ thống về quá trình ra đời và phát triển của triết học, triết học Mác – Lênin và nắm được vai trò của triết học trong đời sống xã

	hội
CĐR2	Hình thành thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật để khách quan trong quá trình nhận thức và hoạt động thực tiễn
Về kỹ năng	
CĐR3	Có kỹ năng phát hiện, đánh giá những vấn đề chính trị, kinh tế - xã hội một cách khoa học
CĐR4	Có kỹ năng phân tích, phản biện, đóng góp và xây dựng cho các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, cũng như thực tiễn phát triển đất nước
CĐR5	Viết được báo cáo, các tham luận và trình bày khoa học
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR6	Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo và tự chịu trách nhiệm
CĐR7	Thích nghi với làm việc nhóm, tập thể
CĐR9	Giác ngộ động viên sinh viên, đồng chí, nhân dân chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; đấu tranh chống các thế lực thù địch, duy tâm.

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	Chương 1: TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI	04	00	02	00	12	CĐR 1 CĐR 2 CĐR 3 CĐR 6 CĐR 7
2	Chương 2: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG	14	00	14	00	56	CĐR 1 CĐR 2 CĐR 3 CĐR 4 CĐR 5 CĐR 6 CĐR 7 CĐR 8 CĐR 9
3	Chương 3: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ	13	00	13	00	52	CĐR 1 CĐR 2 CĐR 3 CĐR 4 CĐR 5 CĐR 6 CĐR 7

							CĐR 8
							CĐR 9

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

(Số tiết: 06 tiết, lý thuyết: 04 tiết, thảo luận: 02 tiết)

1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học

1.1.1. Khái lược về triết học

1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học

1.1.3. Biện chứng và siêu hình

1.2. Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội

1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác – Lênin

1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác – Lênin

1.2.3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

Chương 2

CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

(Số tiết: 28 tiết, lý thuyết: 14 tiết, thảo luận: 14 tiết)

2.1. Vật chất và ý thức

2.1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất

2.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức

2.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

2.2. Phép biện chứng duy vật

2.2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật

2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật

a) Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật

b) Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật

c) Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

2.3. Lý luận nhận thức

2.3.1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng

2.3.2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức

Chương 3

CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

(Số tiết: 26 tiết, lý thuyết: 13 tiết, thảo luận: 13 tiết)

3.1. Học thuyết hình thái kinh tế xã hội

3.1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở nền tảng cho sự phát triển của xã hội

3.1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

3.1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

3.1.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên

3.2. Giai cấp và dân tộc

3.2.1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp

3.2.2. Dân tộc

3.2.3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại

3.3. Nhà nước và cách mạng

3.3.1. Nhà nước

3.3.2. Cách mạng xã hội

3.4. Ý thức xã hội

3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội

3.4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội

3.5. Triết học về con người

3.5.1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử triết học

3.5.2. Quan điểm về con người trong triết học Mác - Lênin

3.5.3. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử

3.5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	Chương 1: TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận...	Máy chiếu, phấn, bảng...
2	Chương 2: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận...	Máy chiếu, phấn, bảng...
3	Chương 3: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận...	Máy chiếu, phấn, bảng...

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên: Lên lớp đúng với đề cương chi tiết đã được duyệt, đúng lịch trình và yêu cầu của từng chương, tiết.

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. Thang điểm đánh giá: Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	5%	CĐR5
2	Điểm thảo luận	Chuẩn bị và thuyết trình chủ đề thảo luận		CĐR 1,2,3,4,5,6,7,8,9
3	Điểm thi giữa kỳ	Thi viết	15%	CĐR 1,2,3,4,5,6,7,8,9
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi viết (trắc nghiệm)	60%	CĐR 1,2,3,4,5,6,7,8,9

11.3. Rubrics đánh giá kết quả học tập

1. Đánh giá kết quả bài tập cá nhân (bài về nhà hoặc trên lớp)

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Bài tập thảo luận	30	Đủ số bài tập được giao, hình thức sạch đẹp. Đúng hạn	Đủ số lượng bài tập. Đúng hạn	Đủ bài tập nhưng nộp trễ hoặc thiếu 10% bài tập	Dưới 80% bài tập. Bài tập do người khác thực hiện	

Nội dung	70	Đúng trên 90% yêu cầu	Đúng 70 - 90% yêu cầu	Đúng 40 - 70% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm đúng dưới 40%. Nội dung kiến thức không đạt yêu cầu.
Điểm tổng					

2. Đánh giá kết quả bài thi viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	80	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40-60% câu theo đề tài	Làm bài đúng theo yêu cầu <40% câu theo đề bài	
Vận dụng	10	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo	Có khả năng vận dụng kiến thức	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Không thực hiện được bài tập	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Câu trả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

3. Đánh giá kết quả bài thực hành: Một số bài đặc trưng có phiếu đánh giá riêng, nhưng phần lớn các bài được đánh giá bằng các tiêu chí sau:

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Quy trình thực hiện	30	Đầy đủ, chính xác trình tự của tất cả các bước	Đầy đủ nhưng chưa đúng trình tự các bước	Đúng trình tự các bước của quy trình thực hiện nhưng thiếu 1 bước	Thiếu bước và trình tự của quy trình không chính xác	
Thao tác thực hiện	30	Thực hiện các thao tác thuần thực, chính xác	Thực hiện các thao tác tốt, chính xác	Thực hiện các thao tác chậm, độ chính xác của thao tác tạm chấp nhận được	Thao tác chậm, không chính xác	
Độ chính xác của	30	Sai số thực hiện <80% Sai số quy	Sai số thực hiện <90% Sai số quy	Sai số thực hiện = Sai số quy định	Sai số thực hiện > Sai số quy định	

kết quả		định	định			
Thời gian thực hiện	10	Thời gian hoàn thành < 80% thời gian quy định	Thời gian hoàn thành < 90% thời gian quy định	Thời gian hoàn thành = thời gian quy định	Thời gian hoàn thành > thời gian quy định	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

- Chương trình môn học Triết học Mác-Lênin do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

12.2. Tài liệu tham khảo

Giáo trình các môn học Triết học Mác-Lênin do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn. Các tài liệu phục vụ dạy và học Chương trình Lý luận chính trị do Bộ Giáo dục và Đào tạo trực tiếp chỉ đạo, tổ chức biên soạn.

HỌC PHẦN: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Tên học phần tiếng Anh: Marxism-Leninism political economy

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 02

Lý thuyết : 21 tiết

Bài tập, Thảo luận : 18 tiết

Tự học : 60 tiết

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học.

Khoa: Lý luận chính trị

3. Điều kiện tiên quyết:

- Sinh viên phải học xong môn học Triết học Mác – Lênin.

- Lớp học kinh tế chính trị không vượt quá số lượng 50 sinh viên/lớp

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học.

4.2. Kỹ năng: sinh viên có thể vận dụng các cơ sở lý luận cơ bản đó việc hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế – xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.

4.3. Thái độ: Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung chương trình gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR1	Nhận thức được tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường của đất nước và thế giới ngày nay
CDR2	Bồi dưỡng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lí luận kinh tế cho việc nhận thức các vấn đề kinh tế và nội dung của các môn học khác.
Về kỹ năng	
CDR3	Biết vận dụng tri thức kinh tế chính trị của môn học để rèn luyện tư duy biện chứng, sáng tạo, phân tích, phê phán trong cuộc sống, học tập.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	

CDR4	Củng cố niềm tin vào chủ nghĩa Mác – Lênin
CDR5	Bảo vệ bản chất khoa học, cách mạng và đấu tranh phê phán những luận điệu xuyên tạc Chủ nghĩa Mác - Lênin;
CDR6	Chủ động, tích cực và nỗ lực trong việc học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; trau dồi tri thức khoa học chuyên ngành, xây dựng nhân sinh quan cách mạng.

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học			Chuẩn đầu ra
		Lên lớp		Sinh viên tự nghiên cứu	
		Lý thuyết	Thảo luận, bài tập		
Chương 1	Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	1	4	Theo chuẩn đầu ra đã công bố ở mục 6 bản đề cương này
Chương 2	Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường	5	3	14	
Chương 3	Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường	4	2	10	
Chương 4	Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường	4	2	10	
Chương 5	Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam	5	3	14	
Chương 6	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	5	3	12	

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ

(Tổng số: 03 tiết, trong đó 02 tiết lý thuyết; 01 tiết thảo luận)

1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác-Lênin

- Giai đoạn thứ nhất, từ thời cổ đại đến cuối thế kỷ XVIII

- Giai đoạn thứ hai, từ sau thế kỷ thứ XVIII đến nay.

1.2. Đối tượng, mục đích và phương pháp nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác-Lênin

1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác-Lênin

1.2.2. Phương pháp nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác-Lênin

1.3. Chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin

1.3.1. Chức năng nhận thức

1.3.2. Chức năng thực tiễn

1.3.3. Chức năng tư tưởng

1.3.4. Chức năng phương pháp luận

Chương 2

HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG

(Tổng số: 08 tiết, trong đó 05 tiết lý thuyết; 03 tiết thảo luận)

2.1. Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa

2.1.1. Sản xuất hàng hóa

2.1.2. Hàng hóa

2.1.3. Tiền

2.1.4. Dịch vụ và một số hàng hóa đặc biệt

2.2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường

2.2.1. Thị trường

2.2.2. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường

Chương 3

GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

(Tổng số: 06 tiết, trong đó 04 tiết lý thuyết; 02 tiết thảo luận)

3.1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư

3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư

3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa.

3.2. Tích lũy tư bản

3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường

3.3.1. Lợi nhuận

3.3.2. Lợi tức

3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa

Chương 4

CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

(Tổng số: 06 tiết, trong đó 04 tiết lý thuyết; 02 tiết thảo luận)

4.1. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường

4.2. Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường

4.2.1. Lý luận của V.Lênin về độc quyền trong nền kinh tế thị trường

4.2.1.1. Nguyên nhân hình thành và tác động của độc quyền

4.2.1.2. Những đặc điểm kinh tế cơ bản của độc quyền trong chủ nghĩa tư bản

4.2.2. Lý luận của V.Lênin về độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản

4.2.2.1. Nguyên nhân ra đời và phát triển của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản

4.2.2.2. Bản chất của độc quyền trong chủ nghĩa tư bản

4.2.2.3. Những biểu hiện chủ yếu độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản

4.2.2.4. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản

Chương 5

KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM

(Tổng số 08 tiết, trong đó 05 tiết lý thuyết; 03 tiết thảo luận)

5.1. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

5.1.3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

5.2.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trên một số khía cạnh chủ yếu

5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam

5.3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế

5.3.1.1. Lợi ích kinh tế

5.3.1.2. Quan hệ lợi ích kinh tế

5.3.2. Vai trò nhà nước trong bảo đảm hài hòa các lợi ích kinh tế

5.3.2.1. Bảo vệ lợi ích hợp pháp, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động tìm kiếm lợi ích của các chủ thể kinh tế

5.3.2.2. Điều hòa lợi ích giữa cá nhân – doanh nghiệp – xã hội

5.3.2.3. Kiểm soát, ngăn ngừa các quan hệ lợi ích có ảnh hưởng tiêu cực đối với sự phát triển xã hội

5.3.2.4. Giải quyết những mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích kinh tế

Chương 6

CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

(Tổng số 08 tiết, trong đó 05 tiết lý thuyết; 03 tiết thảo luận, bài tập)

6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa

6.1.1.1. Khái quát về cách mạng công nghiệp

6.1.1.2. Công nghiệp hóa và các mô hình công nghiệp hóa trên thế giới

6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

6.1.2.1. Tính tất yếu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

6.1.2.2. Nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

6.1.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

6.1.3.1. Quan điểm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

6.1.3.2. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam thích ứng với cách mạng công nghiệp lần thứ tư

6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

6.2.1. Khái niệm và các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế

6.2.1.1. Khái niệm và sự cần thiết khách quan hội nhập kinh tế quốc tế

6.2.1.2. Nội dung hội nhập kinh tế quốc tế

6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam

6.2.2.1. Tác động tích cực của hội nhập kinh tế quốc tế

6.2.2.2. Tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế

6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam

6.2.3.1. Nhận thức sâu sắc về thời cơ và thách thức do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại

6.2.3.2. Xây dựng chiến lược và lộ trình hội nhập kinh tế phù hợp

6.2.3.3. Tích cực, chủ động, tham gia các liên kết kinh tế quốc tế và thực hiện đầy đủ các cam kết của Việt Nam trong các liên kết kinh tế quốc tế và khu vực

6.2.3.4. Hoàn thiện thể chế kinh tế và pháp luật

6.2.3.5. Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của nền kinh tế

6.2.3.6. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ của Việt Nam

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
Chương 1	Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác -	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận...	Máy chiếu, phấn, bảng...

	Lênin		
Chương 2	Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận...	Máy chiếu, phấn, bảng...
Chương 3	Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận...	Máy chiếu, phấn, bảng...
Chương 4	Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận...	Máy chiếu, phấn, bảng...
Chương 5	Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận...	Máy chiếu, phấn, bảng...
Chương 6	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận...	Máy chiếu, phấn, bảng...

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên: Lên lớp đúng với đề cương chi tiết đã được duyệt, đúng lịch trình và yêu cầu của từng chương, tiết.

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. Thang điểm đánh giá: Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	10%	CĐR 2,4,5
2	Điểm bài tập	Trả lời câu hỏi và thảo luận	10%	CĐR 3,4,5,6
3	Điểm thi giữa kỳ	Thi viết.	20%	CĐR 3,4,5,6
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi viết.	60%	CĐR

				1,2,3,4,5,6
--	--	--	--	-------------

11.3. Rubrics đánh giá kết quả học tập

1. Đánh giá kết quả bài tập cá nhân (bài về nhà hoặc trên lớp)

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Bài tập thực hiện	30	Đủ số bài tập được giao, hình thức sạch đẹp. Đúng hạn	Đủ số lượng bài tập. Đúng hạn	Đủ bài tập nhưng nộp trễ hoặc thiếu 10% bài tập	Dưới 80% bài tập. Bài tập do người khác thực hiện	
Nội dung	70	Đúng trên 90% yêu cầu	Đúng 70 - 90% yêu cầu	Đúng 40 - 70% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm đúng dưới 40%. Nội dung kiến thức không đạt yêu cầu.	
Điểm tổng						

2. Đánh giá kết quả bài thi viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	80	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40-60% câu theo đề tài	Làm bài đúng theo yêu cầu <40% câu theo đề bài	
Vận dụng	10	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo	Có khả năng vận dụng kiến thức	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Không thực hiện được bài tập	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc:

- Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản.

12.2. Tài liệu tham khảo

Giáo trình các môn học Kinh tế chính trị Mác-Lênin do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn. Các tài liệu phục vụ dạy và học Chương trình Lý luận chính trị do Bộ Giáo dục và Đào tạo trực tiếp chỉ đạo, tổ chức biên soạn.

HỌC PHẦN: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Tên học phần tiếng Anh: Science socialism

1.2. Mã học phần: SocS4

1.3. Số tín chỉ: 02

Lý thuyết : 21 tiết

Bài tập : 0 tiết

Thảo luận : 18 tiết

Thực hành/thực tập : 0 tiết

Tự học : 60 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học

Khoa: Lý luận chính trị

3. Điều kiện tiên quyết: Bố trí học năm thứ hai trình độ đào tạo đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; bắt đầu giảng dạy và học tập sau môn Triết học và Kinh tế chính trị của chương trình các môn Lý luận chính trị trong trường đại học, cao đẳng.

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành của Chủ nghĩa Mác – Lênin.

4.2. Kỹ năng: Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội (CNXH) và con đường đi lên CNXH ở nước ta.

4.3. Thái độ: Sinh viên có thái độ chính trị đúng đắn về môn học CNXHKH nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung..

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần : Nội dung của môn học gồm 7 chương: Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKH (Quá trình hình thành, phát triển của CNXHKH); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKH theo mục tiêu môn học: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân chủ và nhà nước, vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
	Về kiến thức
CDR1	- Trình bày được những tri thức cơ bản, hệ thống về lịch sử hình thành, phát triển của CNXHKH, một trong ba bộ phận cấu thành của Chủ nghĩa Mác – Lênin

CĐR2	- Phân tích được sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân - Phân tích được sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam
CĐR3	- Trình bày được khái niệm, đặc điểm, tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội - Trình bày được đặc trưng, định hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay
CĐR4	- Trình bày được khái niệm, đặc điểm của dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa
CĐR5	- Trình bày được khái niệm, vị trí, cơ sở của cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
CĐR6	- Trình bày được quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và tôn giáo - Trình bày được đặc điểm cơ bản của vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam
CĐR7	- Trình bày được khái niệm, vị trí, chức năng cơ bản của gia đình - Phân tích được những cơ sở để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt ở Việt Nam
VỀ KỸ NĂNG	
CĐR8	Biết vận dụng tri thức của môn học để rèn luyện tư duy biện chứng, sáng tạo, phân tích, phê phán trong cuộc sống, học tập.
NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM	
CĐR9	Bảo vệ bản chất khoa học, cách mạng và đấu tranh phê phán những luận điệu xuyên tạc Chủ nghĩa Mác – Lênin, chống phá sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt Nam
CĐR10	Chủ động, tích cực và nỗ lực trong việc học tập, nghiên cứu CNXHKKH, trau dồi tri thức khoa học chuyên ngành, xây dựng nhân sinh quan cách mạng.

7. Cấu trúc nội dung học phần

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra HP
		Lên lớp						
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập			
1	Nhập môn CNXHKKH	02	00	02	00	06	CĐR1,8 ,9,10	
2	Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	04	00	03	00	11	CĐR2,8 ,9,10	
3	Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ	03	00	02	00		CĐR3,8	

	quá độ lên chủ nghĩa xã hội					08	,9,10
4	Dân chủ XHCN và nhà nước XHCN	03	00	03	00	09	CĐR4,8 ,9,10
5	Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH	02	00	02	00	06	CĐR5,8 ,9,10
6	Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH	04	00	03	00	11	CĐR6,8 ,9,10
7	Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH	03	00	03	00	09	CĐR7,8 ,9,10
	Tổng	21	00	18	00	60	

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học

(Số tiết: 04, lý thuyết: 02, bài tập: 02, thảo luận: 00)

Tóm tắt nội dung : Hệ thống về sự ra đời, các giai đoạn phát triển, đối tượng, phương pháp, ý nghĩa việc học tập chủ nghĩa xã hội khoa học - một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.

1.1. Sự ra đời của CNXHKKH

1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Chủ nghĩa xã hội khoa học

1.1.2. Vai trò của Các Mác và Phriđrich Ăngghen

1.2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của CNXHKKH

1.2.1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học

1.2.2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển CNXHKKH trong điều kiện mới

1.3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH

1.3.1. Đối tượng nghiên cứu của CNXHKKH

1.3.2. Phương pháp nghiên cứu của CNXHKKH

1.3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH

Tài liệu học tập:

[1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, tr.6 - tr.27

[2] Bộ Giáo dục và đào tạo (2016), *Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.9 - tr.32

Chương 2

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

(Số tiết: 07, lý thuyết: 04, bài tập: 00, thảo luận: 03)

Tóm tắt nội dung: Quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, nội dung, biểu hiện và ý nghĩa của sứ mệnh lịch sử đó trong bối cảnh hiện nay

2.1. Quan niệm về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân

2.1.1. Quan niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân

2.1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

2.1.3. Điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

2.2. Giai cấp công nhân và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay.

2.2.1. Quan niệm về giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay

2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay

2.3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam

2.3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam

2.3.2. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong các thời kỳ cách mạng

2.3.3. Định hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.

Tài liệu học tập

[1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, tr.28 - tr.46

[2] Bộ Giáo dục và đào tạo (2016), *Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.356 - tr.416

Chương 3

Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

(Số tiết: 05, lý thuyết: 03, bài tập: 00, thảo luận: 02)

Tóm tắt nội dung: Quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, sự vận dụng sáng tạo của Đảng cộng sản Việt Nam trong điều kiện mới

3.1. Chủ nghĩa xã hội

3.1.1. Chủ nghĩa xã hội – giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

3.1.2. Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội

3.2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

3.2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

3.2.2. Đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

3.3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3.3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chủ nghĩa tư bản

3.3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

Tài liệu học tập

[1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, tr.47 - tr.66

[2] Bộ Giáo dục và đào tạo (2016), *Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.358- tr.417

Chương 4

Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa

(Số tiết: 06, lý thuyết: 03, bài tập: 00, thảo luận: 03)

Tóm tắt nội dung: Bản chất của nền dân chủ, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa nói chung và ở Việt Nam nói riêng

4.1. Dân chủ và dân chủ XHCN

4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ

4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa

4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa

4.2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa

4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ XHCN và nhà nước XHCN

4.3. Xây dựng chế độ dân chủ XHCN và nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam

4.3.1. Dân chủ XHCN Việt Nam

4.3.2. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam

4.3.3. Phát huy dân chủ, xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Tài liệu học tập

[1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, tr.66 - tr.87

[2] Bộ Giáo dục và đào tạo (2016), *Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.358- tr.417

Chương 5

Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

(Số tiết: 04, lý thuyết: 02, bài tập: 00, thảo luận: 02)

Tóm tắt nội dung: Nền tảng kiến thức về cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

5.1. Cơ cấu xã hội giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH

5.1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội

5.1.2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH

5.2.1. Xét từ góc độ chính trị - xã hội

5.2.2. Xét từ góc độ kinh tế

5.3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam

5.3.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam

5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam

Tài liệu học tập

[1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, tr.89 - tr.103

[2] Bộ Giáo dục và đào tạo (2016), *Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.358- tr.417

Chương 6

Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

(Số tiết: 07, lý thuyết: 04, bài tập: 00, thảo luận: 03)

Tóm tắt nội dung: Quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc, tôn giáo, mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo; chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước ở Việt Nam hiện nay

6.1. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên CNXH

6.1.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc

6.1.2. Vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam

6.2. Vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH

6.2.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề tôn giáo

6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay

6.3. Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

Tài liệu học tập

[1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, tr.89 - tr.103

[2] Bộ Giáo dục và đào tạo (2016), *Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.358- tr.417

Chương 7

Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

(Số tiết: 06, lý thuyết: 03, bài tập: 00, thảo luận: 03)

Tóm tắt nội dung: Quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam về gia đình, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay

7.1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình

7.1.1. Khái niệm gia đình

7.1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội

7.1.3. Chức năng cơ bản của gia đình

7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH

7.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội

7.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội

7.2.3. Cơ sở văn hóa

7.2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ

7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH

7.3.1. Những yếu tố tác động đến gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH

7.3.2. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH

7.3.3. Phương hướng cơ bản để xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH

Tài liệu học tập

[1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, tr.128 - tr.127

[2] Bộ Giáo dục và đào tạo (2016), *Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.358- tr.417

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	Nhập môn CNXHKKH	Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận...	Máy tính, máy chiếu, phấn bảng...
2	Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận...	Máy tính, máy chiếu, phấn bảng...
3	Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận...	Máy tính, máy chiếu, phấn bảng...
4	Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận...	Máy tính, máy chiếu, phấn bảng...
5	Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận...	Máy tính, máy chiếu, phấn bảng...
6	Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận...	Máy tính, máy chiếu, phấn bảng...
7	Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận...	Máy tính, máy chiếu, phấn bảng...

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- *Trước giờ lên lớp*: Chuẩn bị giáo án; kế hoạch bài giảng theo đúng đề cương môn học đã được duyệt.

- *Trong giờ lên lớp*: Thực hiện đúng đề cương, kế hoạch bài giảng; chú trọng tổ chức hoạt động phát triển kỹ năng của sinh viên theo phương châm lấy người học làm trung tâm; kiểm tra nội dung tự học của sinh viên.

- *Sau giờ lên lớp*: Nêu yêu cầu để sinh viên củng cố nội dung đã học; yêu cầu sinh viên nghiên cứu trước tài liệu nội dung buổi học sau; phản hồi ý kiến trao đổi của sinh viên liên quan đến nội dung chuyên môn.

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. *Cách đánh giá:*

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		0.4	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	0.1	CĐR1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
2	Điểm thuyết trình	Theo nhóm hoặc cá nhân	0.1	
3	Điểm thi giữa kỳ	Thi viết	0.2	
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi viết	0.6	

11.3 *Rubrics đánh giá kết quả học tập*

Đánh giá kết quả bài thuyết trình chủ đề theo nhóm

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	30	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	
Hình thức, báo cáo	20	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm của người	Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiện được	

		kiến/câu hỏi quan tâm		nghe	nội dung	
Trả lời câu hỏi	20	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng	Trả lời được 70% câu hỏi	Trả lời được 25%-50% câu hỏi	Không trả lời được câu nào	
Làm việc nhóm	30	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Không có sự kết hợp giữa các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung	
Điểm tổng						

Đánh giá kết quả bài thi viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	80	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40-60% câu theo đề tài	Làm bài đúng theo yêu cầu <40% câu theo đề bài	
Vận dụng	10	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo	Có khả năng vận dụng kiến thức	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Không thực hiện được bài tập	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

- Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Hà Nội

12.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và đào tạo (2016), *Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác*

HỌC PHẦN: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

Tên học phần tiếng Việt: **LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Tên học phần tiếng Anh: HISTORY OF VIETNAMESE COMMUNIST PARTY

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 02

Lý thuyết : 21 tiết

Bài tập : 0 tiết

Thảo luận : 18 tiết

Thực hành/thực tập : 0 tiết

Tự học : 60 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Khoa: Khoa Lý luận Chính trị - Trường Đại học Lâm nghiệp

3. Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong môn Triết học

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên hệ thống những tri thức cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng CNXH.

4.2. Kỹ năng: Trang bị cho sinh viên phương pháp nhận thức biện chứng, đánh giá khách quan về sự ra đời và lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH.

4.3. Thái độ: củng cố và tăng cường niềm tin cho sinh viên vào sự ra đời và lãnh đạo tất yếu, đúng đắn của Đảng cộng sản Việt Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gồm 4 chương và phần Kết luận

Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.

Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc (1930 - 1945)

Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975)

Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018)

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CĐR1	Nắm được quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền, kháng chiến bảo vệ Tổ quốc.
CĐR2	Sự phát triển về nhận thức của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc và công cuộc xây dựng CNXH
Về kỹ năng	
CĐR3	Trang bị cho sinh viên phương pháp nhận thức biện chứng, đánh giá khách quan về sự ra đời và lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR4	Củng cố niềm tin cho sinh viên vào sự ra đời và lãnh đạo tất yếu, đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH, giúp SV tránh sự hoang mang, dao động, bị lợi dụng trước các thế lực thù địch.

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập		
Chương nhập môn	Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản VN	1				2	CĐR 1
Chương 1	Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc (1930 - 1945)	4		5		14	CĐR 1, CĐR 3, CĐR 4

Chương 2	Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975)	6		6		18	CĐR 1, CĐR 2 CĐR 3 CĐR 4
Chương 3	Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-1986)	9		7		22	CĐR 1, CĐR 2 CĐR 3 CĐR 4
	Kết luận	1				4	CĐR 2,3,4
	Tổng	21		18		60	

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương nhập môn

ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Số tiết: 1 tiết, lý thuyết: 1 tiết, thảo luận: 0 tiết)

I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Môn học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nghiên cứu sâu sắc, có hệ thống các sự kiện lịch sử Đảng, hiểu rõ nội dung, tính chất, bản chất của các sự kiện đó gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng.

2. Lịch sử Đảng phải nghiên cứu, làm sáng tỏ nội dung Cương lĩnh, đường lối của Đảng, cơ sở lý luận, thực tiễn và giá trị hiện thực của đường lối trong tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam

3. Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam làm rõ thắng lợi, thành tựu, kinh nghiệm, bài học của cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, kháng chiến giành độc lập, thống nhất, thành tựu của công cuộc đổi mới.

4. Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng để nêu cao hiểu biết về công tác xây dựng Đảng trong các thời kỳ lịch sử về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức

II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Là một ngành của khoa học lịch sử, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có chức năng, nhiệm vụ của khoa học lịch sử, đồng thời có những điêm cần nhấn mạnh.

1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng

- Chức năng nhận thức.
- Chức năng giáo dục.
- Chức năng dự báo và phê phán.

2. Nhiệm vụ của khoa học Lịch sử Đảng

- Nhiệm vụ hàng đầu là khẳng định, chứng minh giá trị khoa học và hiện thực của những mục tiêu chiến lược và sách lược cách mạng mà Đảng đề ra trong Cương lĩnh, đường lối từ khi Đảng ra đời và suốt quá trình lãnh đạo cách mạng.

- Nhiệm vụ rất quan trọng và làm rõ những sự kiện lịch sử, làm nổi bật các thời kỳ, giai đoạn và dấu mốc phát triển căn bản của tiến trình lịch sử.

- Nhiệm vụ tổng kết từng chặng đường và suốt tiến trình lịch sử, làm rõ kinh nghiệm, bài học, quy luật và những vấn đề lý luận của cách mạng Việt Nam.

- Nhiệm vụ quan trọng của lịch sử Đảng là làm rõ vai trò, sức chiến đấu của hệ thống tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở trong lãnh đạo, tổ chức thực tiễn.

III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Phương pháp luận sử học

- Phương pháp luận khoa học mác xít, đặc biệt là nắm vững chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để xem xét và nhận thức lịch sử một cách khách quan, trung thực và đúng quy luật.

- Trên cơ sở nghiên cứu, nắm vững tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa quan trọng để hiểu rõ lịch sử Đảng.

2. Các phương pháp cụ thể

Khoa học lịch sử và chuyên ngành khoa học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đều sử dụng hai phương pháp cơ bản: phương pháp lịch sử và phương pháp logic, đồng thời chú trọng vận dụng các phương pháp khác trong nghiên cứu, học tập các môn khoa học xã hội.

Chương 1

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC (1930 - 1945) (Số tiết: 9 tiết, lý thuyết: 4 tiết, thảo luận: 5 tiết)

I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930)

1. Bối cảnh lịch sử

a. Tình hình thế giới

b. Tình hình Việt Nam và các phong trào yêu nước trước khi có Đảng

2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng

a. Nguyễn Ái Quốc xác định con đường giải phóng dân tộc

b. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng

3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

a. Các tổ chức cộng sản ra đời

b. Hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam

c. Nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

II. Đảng lãnh đạo quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc (1930 - 1945)

1. Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932-1935

a. Phong trào cách mạng 1930-1931 và Luận cương chính trị (10-1930)

b. Cuộc đấu tranh khôi phục tổ chức và phong trào cách mạng, Đại hội Đảng lần thứ nhất của Đảng (3-1935)

2. Phong trào dân chủ (1936-1939)

a. Điều kiện lịch sử và chủ trương của Đảng

b. Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình

3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945

a. Bối cảnh lịch sử và chủ trương chiến lược mới của Đảng

b. Phong trào chống Pháp - Nhật, đẩy mạnh chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang

c. Cao trào kháng Nhật cứu nước

d. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền

4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945

a. Tính chất

b. Ý nghĩa

c. Kinh nghiệm

Chương 2

ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945 - 1975)

(Số tiết: 12 tiết, lý thuyết: 6 tiết, thảo luận: 6 tiết)

I. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 -1954)

1. Xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946

a. Tình hình Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám

b. Xây dựng chế độ mới và chính quyền cách mạng

c. Tổ chức cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ, đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ.

2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950

a. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ

b. Đường lối kháng chiến của Đảng

c. Tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến từ năm 1947 đến năm 1950

3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi (1951-1954)

a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II và Chính cương của Đảng (2-1951)

b. Đẩy mạnh phát triển cuộc kháng chiến về mọi mặt

c. Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến.

4. Ý nghĩa lịch sử và, kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ.

a. Ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến

b. Kinh nghiệm của Đảng về lãnh đạo kháng chiến

II. Đảng lãnh xây dựng CNXH ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 - 1975)

1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam - Bắc (1954 -1965)

a. Khôi phục kinh tế, cải tạo XHCN ở miền Bắc, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công 1954-1960

b. Xây dựng CNXH ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam 1961-1965

2. Lãnh đạo cách mạng cả nước 1965-1975

a. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng

b. Xây dựng hậu phương, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc; giữ vững thế chiến lược tiến công, đánh bại chiến lược Chiến tranh Cục bộ của đế quốc Mỹ 1965-1968.

c. Khôi phục kinh tế, bảo vệ Miền Bắc, đẩy mạnh cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ Quốc 1969-1975.

3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954-1975

a. Ý nghĩa

b. Nguyên nhân thắng lợi

c. Kinh nghiệm

Chương 3

ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975-1986)

(Số tiết: 16 tiết, lý thuyết: 9 tiết, thảo luận: 7 tiết)

I. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986)

1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1981)

a. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước

b. ĐHĐBTQ lần thứ IV của Đảng và quá trình xây dựng CNXH, bảo vệ Tổ Quốc 1976-1981

2. ĐHĐBTQ lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986

a. ĐHĐBTQ lần thứ V và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội

b. Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế

II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế (1986-2018)

1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội (1986-1996)

a. ĐHĐBTQ lần thứ VI và thực hiện đường lối đổi mới toàn diện

b. ĐHĐBTQ lần thứ VII và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (1991-1996)

2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc

tế (1996 - 2018)

- a. ĐHĐBTQ lần thứ VIII và bước đầu thực hiện công cuộc đẩy mạnh CNH - HĐH (1996 - 2001)
- b. ĐHĐBTQ lần thứ IX, tiếp tục đẩy mạnh CNH - HĐH đất nước (2001-2006)
- c. ĐHĐBTQ lần thứ X của Đảng và quá trình thực hiện (2006 - 2011)
- d. ĐHĐBTQ lần thứ XI của Đảng bổ sung, phát triển Cương lĩnh 1991
- e. ĐHĐBTQ lần thứ XII của Đảng, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế.

3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới.

- a. Thành tựu của sự nghiệp đổi mới
- b. Hạn chế
- c. Nguyên nhân
- d. Một số kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo công cuộc đổi mới

KẾT LUẬN

(Số tiết: 1 tiết, lý thuyết: 1 tiết, thảo luận: 0 tiết)

I. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam

1. Thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa.
2. Thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ Quốc.
3. Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên CNXH

II. Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng

1. Năm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội
2. Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân
3. Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế
4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế
5. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
Chương nhập môn	Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Thuyết trình	Máy chiếu, bảng, phấn, giáo trình, đề cương.
Chương 1	Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc (1930 - 1945)	Thuyết trình Nêu vấn đề Phân tích Thảo luận	Máy chiếu, bảng, phấn, giáo trình, đề cương.

Chương 2	Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975)	Thuyết trình Nêu vấn đề Phân tích Thảo luận	Máy chiếu, bảng, phấn, giáo trình, đề cương.
Chương 3	Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-1986)	Thuyết trình Nêu vấn đề Phân tích Thảo luận	Máy chiếu, bảng, phấn, giáo trình, đề cương.
	Kết luận	Thuyết trình Nêu vấn đề Phân tích	Máy chiếu, bảng, phấn, giáo trình, đề cương.

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Lên lớp đúng giờ, đúng thời khóa biểu, thực hiện đúng số giờ trong đề cương;
- Soạn bài và giảng dạy đúng các nội dung đề cương chi tiết học phần; bổ sung, cập nhật bài giảng hàng năm;
- Giới thiệu hoặc cung cấp đầy đủ các tài liệu của học phần cho sinh viên;
- Lên lớp có bài giảng, giáo trình đầy đủ.
- Đánh giá sinh viên theo đúng các tiêu chí và trọng số như trong đề cương.

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Thực hiện đầy đủ các bài thảo luận và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. Thang điểm đánh giá: Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	20%	CĐR 1,2,3,4
2	Điểm thảo luận	Thảo luận các chủ đề trên lớp		CĐR 1,2,3,4
3	Điểm thi giữa kỳ	Thi viết	20%	CĐR 1,2,3,4
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi viết (tự luận)	60%	CĐR 1,2,3,4

11.3. Rubrics đánh giá kết quả học tập

1. Đánh giá kết quả thảo luận

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Thảo luận	10	Thực hiện đầy đủ các chủ đề thảo luận mà GV giao, tích cực tham gia thảo luận	Thực hiện đầy đủ các chủ đề thảo luận mà GV giao	Thực hiện 70% các chủ đề thảo luận mà GV giao	Thực hiện 50% các chủ đề thảo luận mà GV giao	
Nội dung	70	Đúng trên 90% yêu cầu	Đúng 70 - 90% yêu cầu	Đúng 40 - 70% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm đúng dưới 40%. Nội dung kiến thức không đạt yêu cầu.	
Điểm tổng						10

2. Đánh giá kết quả bài thi viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	80	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40-60% câu theo đề tài	Làm bài đúng theo yêu cầu <40% câu theo đề bài	
Vận dụng	10	Bài làm có liên hệ tốt	Có khả năng vận dụng kiến thức	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Không trình bày đủ nội dung kiến thức cơ bản	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						10

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam – Dành cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (chủ biên), (2004), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- Các Văn kiện, nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam

HỌC PHẦN: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Tên học phần tiếng Anh: Ho Chi Minh's thought

1.2. Mã số học phần: TTM4

1.3. Số tín chỉ:

Lý thuyết	: 21 tiết
Bài tập	: 0 tiết
Thảo luận	: 18 tiết
Thực hành/thực tập	: 0 tiết
Tự học	: 78 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Khoa: Lý luận Chính trị - Trường Đại học Lâm nghiệp.

3. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải học xong học phần Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học Mác - Lênin.

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

4.2. Kỹ năng: Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

4.3. Thái độ: Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức và con người.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR1	Nắm vững những nội dung kiến thức cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh
CDR2	Phân tích được những sáng tạo về lý luận của Hồ Chí Minh
CDR3	Đánh giá được những cống hiến to lớn của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam
Về kỹ năng	
CDR4	Có kỹ năng suy tầm, phân tích, khái quát tư liệu
CDR5	Có kỹ năng phối hợp, làm việc nhóm
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR6	Có khả năng tự học, tự nghiên cứu
CDR7	Sinh viên rèn luyện được khả năng lập luận, bảo vệ chính kiến của bản thân; có tư duy độc lập, sáng tạo, tích cực trong học tập và cuộc sống.

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lên lớp						
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập			
1	Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh	1		2		6	CDR1-7	

2	Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	4		3		14	CĐR1-7
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	5		4		18	CĐR1-7
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân	3		3		12	CĐR1-7
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế	4		3		14	CĐR1-7
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người	4		3		14	CĐR1-7
	Tổng	21		18		78	

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương I:

KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

(Số tiết: 03 tiết; lý thuyết: 01 tiết, thảo luận: 02 tiết)

I. KHÁI NIỆM TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

II. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh

- a. Thống nhất tính đảng và tính khoa học
- b. Thống nhất lý luận và thực tiễn
- c. Quan điểm lịch sử - cụ thể
- d. Quan điểm toàn diện và hệ thống
- e. Quan điểm kế thừa và phát triển

2. Một số phương pháp cụ thể

IV. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận

2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước.

3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác

Chương II:
CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH
VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

(Số tiết: 07 tiết; lý thuyết: 04 tiết, thảo luận: 03 tiết)

I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Cơ sở thực tiễn

- a. Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX
- b. Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

2. Cơ sở lý luận

- a. Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam
- b. Tinh hoa văn hóa nhân loại
- c. Chủ nghĩa Mác – Lênin

3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh

- a. Phẩm chất Hồ Chí Minh
- b. Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Thời kỳ trước ngày 5-6- 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và có chí hướng tìm con đường cứu nước mới
2. Thời kỳ từ giữa năm 1911 đến cuối năm 1920: Dần dần hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản.
3. Thời kỳ từ cuối năm 1920 đến đầu năm 1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam
4. Thời kỳ từ đầu năm 1930 đến đầu năm 1941: Vượt qua sóng gió, thử thách, kiên định giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo.
5. Thời kỳ từ đầu năm 1941 tháng 9-1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta

III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Đối với cách mạng Việt Nam

- a. Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến thắng lợi và bắt đầu xây dựng một xã hội mới trên đất nước ta
- b. Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam trong thời đại hiện nay

2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại

- a. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn với sự tiến bộ xã hội
- b. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ,

hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới.

Chương III:

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

(Số tiết: 09 tiết; lý thuyết: 05 tiết, thảo luận: 04 tiết)

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC

1. Vấn đề độc lập dân tộc

- a. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc
- b. Độc lập dân tộc phải gắn liền tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân
- c. Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thực sự, hoàn toàn và triệt để
- d. Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ

2. Về cách mạng giải phóng dân tộc

- a. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản
- b. Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của Việt Nam, muốn thắng lợi phải do Đảng cộng sản lãnh đạo
- c. Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết dân tộc, lấy liên minh công - nông làm nền tảng
- d. Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo, có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc
- e. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

- a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội
- b. Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan
- c. Một số đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- a. Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
- b. Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- a. Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ
- b. Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội

2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện bảo đảm nền độc lập dân tộc vững chắc

3. Điều kiện để bảo đảm nền độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

IV. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định

2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa

3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị

4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, suy thoái về đạo đức, lối sống và “tự diễn biến” và “tự chuyển hóa” trong nội bộ

Chương VI:

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN

(Số tiết: 06 tiết; lý thuyết: 03 tiết, thảo luận: 03 tiết)

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh

a. Đảng là đạo đức, là văn minh

b. Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng

c. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

1. Nhà nước dân chủ

a. Bản chất giai cấp của nhà nước

b. Nhà nước của dân, do dân, vì dân

2. Nhà nước pháp quyền

a. Nhà nước hợp hiến, hợp pháp

b. Nhà nước thượng tôn pháp luật

c. Pháp quyền nhân nghĩa

3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh

a. Kiểm soát quyền lực nhà nước

b. Phòng, chống tiêu cực trong nhà nước

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC

1. Xây dựng Đảng thực sự trong sạch vững mạnh

2. Xây dựng nhà nước

Chương V:

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

(Số tiết: 07 tiết; lý thuyết: 04 tiết, thảo luận: 03 tiết)

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc

- Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng
- Đại đoàn kết toàn dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam

2. Lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc

- Chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc
- Nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

4. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất

- Mặt trận dân tộc thống nhất
- Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất

5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế

- Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng
- Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần công nhận đến thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại

2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức

- Các lực lượng cần đoàn kết
- Hình thức tổ chức

3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế

- Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích; có lý, có tình
- Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ

II. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ SỰ ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

- Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng
- Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công – nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng
- Đại đoàn kết dân tộc phải kết hợp đoàn kết quốc tế

Chương VI:

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI

(Số tiết: 07 tiết; lý thuyết: 04 tiết, thảo luận: 03 tiết)

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác

- a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa
- b. Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa

- a. Văn hóa là mục tiêu động lực của sự nghiệp cách mạng
- b. Văn hóa là một mặt trận
- c. Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân

3. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

1. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng

- a. Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng
- b. Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội

2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng

- a. Trung với nước hiếu với dân
- b. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư
- c. Thương yêu con người, sống có tình có nghĩa
- d. Tinh thần quốc tế trong sáng

3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng

- a. Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức
- b. Xây đi đôi với chống
- c. Tu dưỡng đạo đức suốt đời

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI

1. Quan niệm Hồ Chí Minh về con người

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người

IV. XÂY DỰNG VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người

2. Xây dựng đạo đức cách mạng

9. Phương pháp giảng dạy

TT	Nội dung	Phương pháp	Vật liệu phục vụ giảng
----	----------	-------------	------------------------

		giảng dạy	dạy
1	Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh	Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm	Máy tính, máy chiếu, bài giảng Powerpoint
2	Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm	Máy tính, máy chiếu, bài giảng Powerpoint, hình ảnh, video về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm	Máy tính, máy chiếu, bài giảng Powerpoint, video về chiến tranh Việt Nam, hình ảnh về đất nước thời kỳ đổi mới
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân	Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm	Máy tính, máy chiếu, bài giảng Powerpoint
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế	Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm	Máy tính, máy chiếu, bài giảng Powerpoint, phim ngắn về chiến tranh Việt Nam
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người	Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm	Máy tính, máy chiếu, bài giảng Powerpoint

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Lên lớp đúng giờ, đúng thời khóa biểu, thực hiện đúng số giờ trong đề cương;
- Soạn bài và giảng dạy đúng các nội dung đề cương chi tiết học phần; bổ sung, cập nhật bài giảng hàng năm;
- Giới thiệu hoặc cung cấp đầy đủ các tài liệu của học phần cho sinh viên;
- Đánh giá sinh viên theo đúng các tiêu chí và trọng số như trong đề cương.

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. *Cách đánh giá:*

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	10%	CĐR1-7
2	Điểm bài thuyết trình/thảo luận	Theo nhóm/ cá nhân	10%	CĐR1-7
3	Điểm thi giữa kỳ	Thi viết	20%	CĐR1-7
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi viết	60%	CĐR1-7

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. *Đánh giá kết quả bài tập cá nhân*

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Bài tập thực hiện	30	Đủ số bài tập, hình thức sạch đẹp. Đúng hạn	Đủ số lượng bài tập. Đúng hạn	Đủ bài tập nhưng nộp trễ. Thiếu 10% bài tập	Dưới 80% bài tập. Bài tập do người khác thực hiện	
Nội dung	70	Đúng trên 90% yêu cầu	Đúng 70 - 90% yêu cầu	Đúng 40 - 70% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm đúng dưới 40%. Nội dung kiến thức không đạt yêu cầu.	
Điểm tổng						

11.3.2. *Đánh giá kết quả bài thuyết trình chủ đề theo nhóm*

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	30	Trình bày đầy	Trình bày	Trình bày	Trình bày nội	

		đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	
Hình thức, báo cáo	20	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/câu hỏi quan tâm	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm của người nghe	Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiện được nội dung	
Trả lời câu hỏi	20	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng	Trả lời được 70% câu hỏi	Trả lời được 25%-50% câu hỏi	Không trả lời được câu nào	
Làm việc nhóm	30	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Không có sự kết hợp giữa các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả bài thi viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	80	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40-60% câu theo đề tài	Làm bài đúng theo yêu cầu <40% câu theo đề bài	

Vận dụng	10	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo	Có khả năng vận dụng kiến thức	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Không thực hiện được bài tập	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Câu trả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh* (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2003), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, bộ 15 tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- Hồ Chí Minh (2016), *Biên niên tiểu sử* (10 tập), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

HỌC PHẦN: TIẾNG ANH HỌC PHẦN 1

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Tiếng Anh Học phần I

Tên học phần tiếng Anh: English 1st Phase

1.2. Mã số học phần: EN001

1.3. Số tín chỉ: 03

Lý thuyết : 30 tiết

Bài tập : 10 tiết

Thảo luận : 20 tiết

Thực hành/Thực tập : 0 tiết

Tự học : 90 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Ngoại Ngữ

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức:

- Trang bị kiến thức cơ bản trình độ A2 (Elementary/ Basic knowledge) về ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết.
- Nắm vững và có thể sử dụng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp thông dụng hàng ngày.
- Tạo cơ hội tìm hiểu thêm về nền văn hoá các nước sử dụng tiếng Anh.
- Trang bị kiến thức cơ bản để học tiếp môn học Tiếng Anh học phần II.

4.2. Kỹ năng:

- Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết ở trình độ A2 (Elementary/ Basic knowledge).
- Tạo khả năng tự học, làm việc theo nhóm.
- Chủ động, tự tin khi sử dụng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp hàng ngày.
- Ngoài việc rèn luyện về kỹ năng, sinh viên còn có thể vận dụng khả năng ngôn ngữ của mình trong công việc sau này.

4.3. Thái độ:

- Khởi dậy cho người học niềm đam mê học ngoại ngữ.
- Hình thành đức tính ham học, tích cực chủ động tham gia các hoạt động trên lớp.
- Rèn luyện tính kiên trì, cần mẫn và ý thức tự học.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Môn học Anh văn học phần I được triển khai dựa trên cuốn giáo trình Solutions (The 2nd Edition–Tim Falla and Paul A Davies) bao gồm 06 bài (từ bài I - Introduction đến bài 05), bao gồm những kiến thức cơ bản như sau:

- Ngữ pháp: Các thì của động từ (Hiện tại tiếp diễn, Tương lai gần, Hiện tại Hoàn thành); từ loại (danh từ, tính từ, trạng từ, đại từ sở hữu); so sánh tính từ, động từ nguyên thể chỉ mục đích, dạng câu hỏi,...

- Từ vựng: Cung cấp những vốn từ cơ bản, gần gũi với cuộc sống hàng ngày: đồ ăn và đồ uống, cuộc sống ở nông thôn và thành phố, mô tả người, mô tả cảm giác, thời tiết, ... để vận dụng vào các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
	Về kiến thức

CDR1	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản trình độ đầu A2 về ngữ pháp, từ vựng và luyện kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết.
CDR2	Nắm vững và có thể sử dụng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp thông dụng hàng ngày.
Về kỹ năng	
CDR10	Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đàm phán, kỹ năng làm việc nhóm.
CDR12	Sinh viên sau khi kết thúc chương trình Tiếng Anh học phần I đạt năng lực ngoại ngữ trình độ đầu A2.
Thái độ	
CDR15	Có đạo đức tốt, trung thực và cầu tiến, có nhận thức và thái độ đúng đắn về môn học.
CDR16	Có khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra
		Lên lớp					
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	I: Introduction	2	1	3		8	CDR1 CDR10 CDR15 CDR16
2	Unit 1: Friends and family	6	1	3		16	CDR1 CDR10 CDR15 CDR16
3	Unit 2: My time	6	1	2		15	CDR1 CDR10 CDR15 CDR16
4	Unit 3: At school	6	1	3		16	CDR1 CDR10 CDR15 CDR16
5	Ôn tập giữa kỳ	0	1	2		3	CDR1 CDR10 CDR15 CDR16
6	Thi giữa kỳ		1	0		1	CDR1 CDR10 CDR15 CDR16
7	Unit 4: Special	5	1	3		14	CDR1

	occasions						CĐR10 CĐR15 CĐR16
8	Unit 5: Healthy living	5	1	2		13	CĐR1 CĐR10 CĐR15 CĐR16
9	Ôn tập cuối kỳ	0	2	2		4	CĐR1 CĐR10 CĐR15 CĐR16
10	Thi cuối kỳ						CĐR1 CĐR10 CĐR15 CĐR16
11	Tổng số tiết	30	10	20		90	CĐR1 CĐR10 CĐR12 CĐR15 CĐR16

8. Nội dung chi tiết học phần:

Contents	Grammar	Vocabulary	Skills work			
			Listening	Speaking	Reading	Writing
I: Introduction	-Verb <i>to be</i> : <i>am/ is/ are</i> <i>-have got</i> - Possessive Adjectives - Demonstrative pronouns - Articles	- Numbers - Alphabet - Describing people - Time, days and dates	- Track 1.1-1.4 Introducing myself -Track1.8-track 1.13: Asking and telling the time	-Meeting people	-House	-Write sentences
Unit 1: Friends and family	- Present simple: <i>affirmative, negative and questions</i> - Question words - Object pronouns	- Family - Possessive 's - Plural nouns - Everyday activities	- Track 1.14- track 1.17: Describing my family - Track 1.20-1.22: Three people talk about the British monarchy	-Talking about family and friends - Making friends - Talking about everyday activities	-A simple life	-Write a message
Unit 2: My time	-Adverbs of frequency - <i>How often...?</i> - <i>Can</i>	-Hobbies and sports - Verb+ noun collocations	- Track1.31-track 1.32: talking about	-An interview - Talking about abilities	-Free time crazy time	-An announcement

	- Adverbs	- Action verbs - Parts of the body	hobbies and sports -Track 1.36-1.37: A radio interview -Track 1.40: song Ain't got no -Track 1.43-1.44: What do you like doing	- Expressing likes and dislikes		
Unit 3: At school	- There is/ there are - Have to - prepositions of place	- School subjects - Parts of the house - In the classroom - Parts of a school - Directions - Capital letters	- Talking about subjects and timetables - Describing a room - Giving directions	- Extracts from school lessons - An interview about school	- Sumo school - Eton College	- A letter
Revision and Mid-term test						
Unit 4: Special Occasions!	- Present continuous - Present simple and continuous - Present continuous for future arrangements - Prepositions of time - <i>can</i> for requests	- Clothes - Colors - Describing people - Halloween activities	- Describing clothes - Talking about the clothes you wear - Making arrangements - Describing a photo	- Clothes - Song: Fallin' Talking about the plan for the weekend	- I do: The big day - Halloween	An Invitation
Unit 5: Healthy living	- Quantity - Countable and uncountable nouns - How much/many? - Should/ shouldn't - Would like	- Food - Partitives - Methods of cooking	- Talking about food preferences - Giving advice - Ordering food in a café	- In a busy kitchen - Different diets	- Feeling good: Healthy alternatives - Food for thoughts	- A questionnaire
Final test						

9. Phương pháp giảng dạy:

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1.	<p>Unit 1</p> <p>1A. Vocabulary and Listening: Family Study the words about family members Possessive 's Listen track 1.14- 1.17</p> <p>1B. Grammar: Present simple affirmative and negative</p> <p>1C. Culture: The Royal Family</p> <p>1D. Grammar: Present simple: Question</p> <p>1E. Reading : The Amish</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng bài - Tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành, thảo luận - Hướng dẫn và chữa bài tập - Giải đáp thắc mắc 	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu bắt buộc - Tài liệu tham khảo - Bảng,phấn, máy tính, máy chiếu - Đĩa CD, cassette
2.	<p>Unit 2</p> <p>2A. Vocabulary and listening: Free-time activities</p> <p>2B. Grammar: Adverbs of frequency</p> <p>2C. Culture: It's fun, but is it sport? Listen Track 1.36- 1.37</p> <p>2 D. Grammar: <i>Can</i> and adverbs</p> <p>2E. Reading Extreme sports Đọc và làm bài tập bài “ Free time crazy time” Nghe và hoàn thành bài “ Ain't got no”</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng bài - Tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành, thảo luận - Hướng dẫn và chữa bài tập - Giải đáp thắc mắc 	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu bắt buộc - Tài liệu tham khảo - Bảng,phấn, máy tính, máy chiếu - Đĩa CD, cassette
3.	<p>Unit 3</p> <p>3A. Vocabulary: - School subjects - Part of the house</p> <p>3B. Grammar: - There is/ there are - Some/ any (with the plural nouns) - Preposition of place - Have to</p> <p>3.C. Culture: Schools in England</p> <p>3D. Reading: Eton College - Vocabulary: Parts of a school</p> <p>3E. Everyday English: Giving directions</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng bài - Tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành, thảo luận - Hướng dẫn và chữa bài tập - Giải đáp thắc mắc 	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu bắt buộc - Tài liệu tham khảo - Bảng,phấn, máy tính, máy chiếu - Đĩa CD, cassette
4.	Ôn tập GK	<ul style="list-style-type: none"> - Giải đáp thắc mắc trên lớp - Chữa bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu tham khảo - Bảng, phấn - Đĩa CD, cassette
5.	Thi GK	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài thi Viết + Nghe (50 phút) 	
6.	<p>Unit 4</p> <p>4A. Vocabulary: Clothes - Clothes - Describing people</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng bài - Tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành, thảo 	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu bắt buộc - Tài liệu tham khảo - Bảng,phấn, máy

	4B. Grammar: - Present Continuous - Present Simple and Continuous 4C. Culture: Halloween 4D. Reading: I do - Reading: The big day - Vocabulary: Weddings 4.E. Everyday English: Making arrangements	luận - Hướng dẫn và chữa bài tập - Giải đáp thắc mắc	tính, máy chiếu - Đĩa CD, cassette
9.	Unit 5 5A. Vocabulary: Food - Food and drink - Methods of cooking 5B. Grammar: - Quantity: Countable and uncountable nouns; How much, how many; some/ any - Should/ shouldn't 5C. Culture: Fussy eaters - Reading: Food for thoughts? - Vocabulary: Compound nouns 5D. Reading: Feeling good - Reading: Healthy alternatives - Vocabulary: Health problems 5E. Everyday English: In a café	- Giảng bài - Tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành, thảo luận - Hướng dẫn và chữa bài tập - Giải đáp thắc mắc	- Tài liệu bắt buộc - Tài liệu tham khảo - Bảng, phấn, máy tính, máy chiếu - Đĩa CD, cassette
10.	Ôn tập thi hết môn	- Giải đáp thắc mắc trên lớp - Chữa bài tập	- Tài liệu tham khảo - Bảng, phấn - Đĩa CD, cassette
11.	Thi hết môn	- Làm bài thi trắc nghiệm và thi vấn đáp (Theo lịch chung của Phòng Đào tạo)	

HỌC PHẦN: TIẾNG ANH HỌC PHẦN 2

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Tiếng Anh học phần II

Tên học phần tiếng Anh: English 2nd Phase

1.2. Mã số học phần: EN402

1.3. Số tín chỉ: 03

Lý thuyết : 30 tiết

Bài tập : 10 tiết

Thảo luận : 20 tiết

Thực hành/thực tập : 0 tiết

Tự học : 90 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Ngoại ngữ

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế & Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh học phần I

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức:

- Trang bị kiến thức cơ bản (Elementary/ Basic knowledge) về ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết.
- Nắm vững và có thể sử dụng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp thông dụng hàng ngày;
- Tạo cơ hội tìm hiểu thêm về nền văn hoá các nước nói tiếng Anh.
- Trang bị kiến thức cơ bản để sử dụng tiếng Anh trong học tập và công việc sau này

4.2. Kỹ năng:

- Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết ở trình độ A2 (Elementary/ Basic knowledge).
- Tạo khả năng tự học, làm việc theo nhóm.
- Chủ động, tự tin khi sử dụng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp hàng ngày.
- Ngoài việc rèn luyện về kỹ năng, sinh viên còn có thể vận dụng khả năng ngôn ngữ để sử dụng trong công việc sau này.

4.3. Thái độ:

- Khởi dậy cho sinh viên niềm đam mê học ngoại ngữ.
- Hình thành đức tính ham học, tích cực chủ động tham gia các hoạt động trên lớp.
- Rèn luyện tính kiên trì, cẩn mẫn và ý thức tự học.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Môn học Anh văn học phần II được triển khai dựa trên cuốn giáo trình Solutions (The 2nd Edition, Tim Falla, Paul A. Davies) bao gồm 05 bài (từ bài 06 đến bài 10), gồm những kiến thức cơ bản như sau:

- **Ngữ pháp:** Các thì của động từ (Hiện tại đơn, quá khứ đơn, tương lai gần, Hiện tại Hoàn thành, thì tương lai); từ loại (danh từ, tính từ, trạng từ, đại từ sở hữu); so sánh tính từ, động từ nguyên thể chỉ mục đích, các dạng câu hỏi,..

- **Từ vựng:** Cung cấp những vốn từ cơ bản, gần gũi với cuộc sống hàng ngày: đồ ăn và đồ uống, cuộc sống ở nông thôn và thành phố, mô tả người, mô tả cảm giác, thời tiết, ... để vận dụng vào các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR1	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản trình độ A2 về ngữ pháp, từ vựng và luyện kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết.
Về kỹ năng	
CDR10	Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm.
CDR12	Đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh trình độ A2.
Thái độ	
CDR15	Có đạo đức tốt, trung thực và cầu tiến, có nhận thức và thái độ đúng đắn về môn học.
CDR16	Có khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra
		Lên lớp					
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	Giới thiệu tổng quan về môn học, hình thức thi kiểm tra đánh giá	1					CDR1 CDR10 CDR15 CDR16

2	Unit 6: Going places	5	2	4		16	CĐR1 CĐR10 CĐR15 CĐR16
3	Unit 7: Fame	6	1	4		17	CĐR1 CĐR10 CĐR15 CĐR16
4	Unit 8: In the wind	6	1	3		16	CĐR1 CĐR10 CĐR15 CĐR16
5	Ôn tập giữa kỳ	0	2	1		3	CĐR1 CĐR10 CĐR15 CĐR16
6	Thi giữa kỳ		1	0		1	CĐR1 CĐR10 CĐR15 CĐR16
7	Unit 9: The world of work	6	1	2		15	CĐR1 CĐR10 CĐR15 CĐR16
8	Unit 10: Time to travel	6	1	4		17	CĐR1 CĐR10 CĐR15 CĐR16
9	Ôn tập cuối kỳ	0	1	2		3	CĐR1 CĐR10 CĐR15 CĐR16
10	Thi cuối kỳ						CĐR1 CĐR10 CĐR15 CĐR16 CĐR12

11	Tổng số tiết	30	10	20		90	
----	--------------	----	----	----	--	----	--

8. Nội dung chi tiết học phần

STT	Nội dung	HTTC dạy học	Thời gian/ Địa điểm/ Phân bố	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
1	Unit 6	Giảng bài, tổ chức các hoạt động trên lớp, giải đáp thắc mắc của sinh viên	LT:6 tiết BT:2 tiết TL:4 tiết	6.1 . Vocabulary and listening: In town Listening: T2.24 - T2.27	- Học từ vựng liên quan tới thị trấn/ thành phố - Học từ vựng chỉ phương hướng
				6.2 . Grammar: Past simple: be / can Listening: 2.28 – 2.29	- Ôn lại cách dùng tobe/ can (ở dạng quá khứ)
				6.3. Culture: Teen adventure Listening: 2.30 – 2.31	- Đọc trước bài T60- Student ‘s Book, tra trước từ mới nếu có
				6.4. Grammar: Past simple affirmative and regular verbs Listening: T2.32 – 2.33	- Ôn tập về thì quá khứ đơn
				6.5. Reading: "Out on the town" Exercise 1,2,3, 4	- Đọc trước bài T63- Student ‘s Book, tra trước từ mới nếu có
				6.6. Reading: "Out on the town" (cont.) Vocabulary and speaking	
				6.7. Everyday English: Asking for information Listening: 2.34 – 2.36	- Đọc trước ở nhà các phần 2 đến 4
				6.8. Writing: A note	- Đọc và làm trước bài tập 1,2,3,4 T65- Student’s Book
2	Unit 7	Giảng bài, tổ chức các hoạt động trên lớp, giải đáp thắc mắc của sinh viên	LT:6 tiết BT:1 tiết TL:4 tiết	7.1. Vocabulary and listening: Where are they from? Listening T2.37 – 2.38	- Chuẩn bị từ vựng liên quan tới quốc gia – quốc tịch
				7.2. Grammar: Past simple (Cont) irregular verbs	- Ôn lại thì Quá khứ đơn - Học trước các động từ bất quy tắc
				7.3. Culture: Changing the world	- Đọc trước bài T70- Student’s Book , tra từ

				Listening T2.40 – 2.41	mới nếu có
				7.4. Grammar: Past simple: negative and interrogative Listening T2.42 – 2.43	- Ôn lại thì quá khứ đơn
				7.5. Reading: "Famous artists" Exercise 1,2,3,4,5 Speaking	Đọc trước bài T72- Student's Book , tra từ mới nếu có
				7.6. Everyday English: Talking about your weekend Listening: T2.45 – 2.46	- Liệt kê các hoạt động hay làm vào cuối tuần
				7.7. Writing: An email message	- Đọc trước các lá thư điện tử T75- Student's book và tra từ mới nếu có
3	Unit 8	Giảng bài, tổ chức các hoạt động trên lớp, giải đáp thắc mắc	LT: 6 tiết BT: 1 tiết TL: 4 tiết	8.1. Vocabulary and Listening: Geography Listening 3.02; 3.04	- Tra nghĩa của các từ mới trong bài - Liệt kê những danh từ chỉ sự vật có ở thành phố và nông thôn
				8.2. Grammar 1: Comparative adjectives Short adjective Long adjective Irregular adjective	- Liệt kê các tính từ chỉ tính chất điểm, tính chất của người/ vật/ sự kiện - Phân các từ đó thành 2 nhóm: 1 âm tiết và 2 âm tiết trở lên
				8.3. Culture: Landmarks Listening 3.06; 3.07	- Đọc trước đoạn văn T80- Student's book - Làm trước bài tập 1,2,3 - Tra trước từ mới nếu có
				8.4. Grammar 2: Superlative adjective Listening 3.08; 3.0	- Xem trước cấu trúc so sánh hơn nhất của tính từ
				8.5. Reading: Dangerous Vocabulary	- Đọc trước bài T 82- Student's Book, tra từ mới nếu có
				8.6. Reading: Dangerous (cont.) Listening 3.10; 3.11	
				8.7. Everyday English:	- Xem trước cách

				Negotiating Listening 3.12; 3.1	mời, gợi ý ai đó làm gì cùng mình
				8.8. Writing: An advert	- Xem lại cách dùng của so/ because - Đọc trước đoạn quảng cáo trang 85- Student's book, tra từ mới nếu có
4	Ôn tập Gk	Giao bài luyện tập, giải đáp thắc mắc trên lớp	BT:2 tiết TL:1 tiết	- Giải đáp thắc mắc trên lớp - Chữa bài tập	- Ôn tập các thì, cấu trúc, ngữ pháp, từ vựng đã học. - Làm bài tập về nhà T66, 67, 76,77, 86,87 – Student's book
5	Thi GK	Sinh viên làm bài thi trên lớp	1 tiết	- Bài thi Đọc + Viết + Nghe (50 phút)	
6	Unit 9	Giảng bài, tổ chức các hoạt động trên lớp, giải đáp thắc mắc	LT:6 tiết BT:2 tiết TL:2 tiết	9.1. Vocabulary and Listening: Jobs and work Listening 3.15; 3.16; 3.17	- Liệt kê các danh từ chỉ nghề nghiệp
				9.2. Grammar 1: Going to Listening 3.18; 3.19	- Xem lại cấu trúc và cách dùng của Be going to
				9.3. Culture: Jobs for teenagers Listening 3.20; 3.21	- Đọc trước đoạn văn T90- Student's book - Làm trước bài tập 3,4 - Tra trước từ mới nếu có
				9.4. Grammar 2: Will	- Xem lại cấu trúc và cách dùng của Will
				9.5. Reading: A year out Exercise 1,2	- Đọc trước bài và tra từ mới nếu có
				9.6. Reading: A year out (Cont.) Exercise 4,5	
				9.7. Everyday English: On the phone Listening 3.22; 3.23; 3.24	- Tìm hiểu các câu giao tiếp bằng tiếng Anh qua điện thoại
				9.8. Writing: An application letter	- Đọc trước bài lá thư xin việc T95- Student's book và tra từ mới nếu có

7	Unit 10	Giảng bài, tổ chức các hoạt động trên lớp, giải đáp thắc mắc của sinh viên	LT:6 tiết BT:2 tiết TL:3 tiết	10.1. Vocabulary and Listening: Transport Listening 3.28; 3.29	- Liệt kê các từ chỉ phương tiện giao thông
				10.2. Grammar 1: Present perfect: affirmative Listening 3.31; 3.32	- Xem trước cách dùng của thì hiện tại hoàn thành và cấu trúc dạng khẳng định
				10.3. Culture: Gateway to the new world Listening 3.33;3.34	- Đọc trước đoạn văn T100- Student's book - Làm trước bài tập 3,4 - Tra trước từ mới nếu có
				10.4. Grammar 2: Present perfect: negative and interrogative Listening 3.35	Xem trước cấu trúc dạng phủ định và nghi vấn
				10.5. Reading: Alone in the canyon Exercise 1,2,3	- Đọc trước bài và tra từ mới nếu có
				10.6. Reading: Alone in the canyon (Cont.) Vocabulary and listening 3.37	
				10.7. Buying a train ticket Listening 3.38; 3.39; 3.40; 3.41	- Ôn lại cấu trúc với <i>I'd like....</i> - Ôn lại cách nói giờ
				10.8. Writing: A postcard	- Đọc trước các bưu thiếp trang 105- Students' Book - Làm trước bài tập 4.
8	Ôn tập thi hết môn	Giao bài ôn tập, giải đáp thắc mắc trên lớp	BT:2 tiết TL:1 tiết	- Giải đáp thắc mắc trên - Chữa bài tập	- Ôn tập và củng cố lại các kiến thức đã học. - Làm bài tập về nhà: T96, 97, 106,107 - Students' Book.
9	Thi hết môn	SV làm bài thi theo kế hoạch đào tạo)	60 phút	- Làm bài thi trắc nghiệm (Theo lịch chung của Phòng Đào tạo)	

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
-----	----------	-----------------------	----------------------------

1.	<p>Unit 6</p> <p>6A . Vocabulary and listening: In town</p> <p>6B . Grammar: Past simple: be / can</p> <p>6C. Culture: Teen adventure</p> <p>6D. Grammar: Past simple affirmative and regular verbs</p> <p>6E. Reading: "Out on the town"</p> <p>6F. Everyday English: Asking for information</p> <p>6G. Writing: A note</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng bài - Tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành, thảo luận - Hướng dẫn và chữa bài tập - Giải đáp thắc mắc 	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu bắt buộc - Tài liệu tham khảo - Bảng,phần, máy tính, máy chiếu - Đĩa CD, cassette
2.	<p>Unit 7</p> <p>7A. Vocabulary and listening: Where are they from?</p> <p>7B. Grammar: Past simple (Cont) irregular verbs</p> <p>7C. Culture: Changing the world</p> <p>7D. Grammar: Past simple: negative and interrogative</p> <p>7E. Reading: "Famous artists"</p> <p>7F. Everyday English: Talking about your weekend</p> <p>7G. Writing: An email message</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng bài - Tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành, thảo luận - Hướng dẫn và chữa bài tập - Giải đáp thắc mắc 	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu bắt buộc - Tài liệu tham khảo - Bảng,phần, máy tính, máy chiếu - Đĩa CD, cassette
3.	<p>Unit 8</p> <p>8A. Vocabulary and Listening: Geography</p> <p>8B. Grammar 1: Comparative adjectives</p> <p>Short adjective</p> <p>Long adjective</p> <p>Irregular adjective</p> <p>8C. Culture: Landmarks</p> <p>8D. Grammar 2: Superlative adjective</p> <p>8E. Reading: Dangerous</p> <p>8F. Everyday English: Negotiating</p> <p>8G. Writing: An advert</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng bài - Tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành, thảo luận - Hướng dẫn và chữa bài tập - Giải đáp thắc mắc 	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu bắt buộc - Tài liệu tham khảo - Bảng,phần, máy tính, máy chiếu - Đĩa CD, cassette
4.	<p>Ôn tập GK</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giải đáp thắc mắc trên lớp - Chữa bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu tham khảo - Bảng, phần - Đĩa CD, cassette

5.	Thi GK	- Làm bài thi Viết + Nghe (50 phút)	
6.	Unit 9 9A. Vocabulary and Listening: Jobs and work 9B. Grammar 1: Going to 9C. Culture: Jobs for teenagers 9D. Grammar 2: Will 9E. Reading: A year out 9F. Everyday English: On the phone 9G. Writing: An application letter	- Giảng bài - Tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành, thảo luận - Hướng dẫn và chữa bài tập - Giải đáp thắc mắc	- Tài liệu bắt buộc - Tài liệu tham khảo - Bảng, phần, máy tính, máy chiếu - Đĩa CD, cassette
7.	Unit 10 10A. Vocabulary and Listening: Transport 10B. Grammar 1: Present perfect: affirmative 10C. Culture: Gateway to the new world 10D. Grammar 2: Present perfect: negative and interrogative 10E. Reading: Alone in the canyon 10F. Buying a train ticket 10G. Writing: A postcard	- Giảng bài - Tổ chức các hoạt động cho sinh viên thực hành, thảo luận - Hướng dẫn và chữa bài tập - Giải đáp thắc mắc	- Tài liệu bắt buộc - Tài liệu tham khảo - Bảng, phần, máy tính, máy chiếu - Đĩa CD, cassette
8.	Ôn tập thi hết môn	- Giải đáp thắc mắc trên lớp - Chữa bài tập	- Tài liệu tham khảo - Bảng, phần - Đĩa CD, cassette
9.	Thi hết môn	- Làm bài thi trắc nghiệm và thi vấn đáp (Theo lịch chung của Phòng Đào tạo	

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Khuyến khích sinh viên tinh thần tự học, chủ động, tích cực đề xuất ý kiến, trao đổi, tranh luận về nội dung bài học trên lớp.

- Chuẩn bị tốt bài trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên.

- Có chính sách ưu tiên đánh giá quá trình tham gia học tập trên lớp cho những sinh viên có thái độ học tập tích cực, chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà đầy đủ.

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.

- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.

- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. Thang điểm đánh giá: Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	10%	CĐR15 CĐR16
2	Điểm bài tập	Trả lời câu hỏi và làm bài tập	10%	CĐR15 CĐR16
3	Điểm thi giữa kỳ	Thi trắc nghiệm, thi viết và thi nghe	20%	CĐR1 CĐR12
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi trắc nghiệm, thi nghe và thi vấn đáp	60%	CĐR1 CĐR12

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

- Solutions – 2nd Edition Tim Falla, Paul A Davies, Oxford, Student’s Book, 2013
- Basic Tactics Listening (Jack C. Richards, 2003).
- Dictionary of Contemporary English the living dictionary (Longman).

12.2. Tài liệu tham khảo

- New Headway Elementary (The 3rd edition- Liz and John Soars), Student’s book, 2013
- *A practical English grammar* - *A. J. Thompson, A. V. Martinet, 2008*
- English vocabulary in use (Elementary) - Stuart Redman, Cambridge University Press, 2017

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên:

10.1. Đối với giảng viên:

- Khuyến khích tinh thần tự học, chủ động, tích cực của người học, đề xuất ý kiến, trao đổi, tranh luận về nội dung bài học trên lớp.
- Chuẩn bị tốt bài trước khi đến lớp theo yêu cầu.
- Có chính sách ưu tiên đánh giá quá trình tham gia học tập trên lớp cho những sinh viên có thái độ học tập tích cực, chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà đầy đủ.
- Công bằng, minh bạch, khách quan trong đánh giá người học

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	10%	CĐR15 CĐR16
2	Điểm bài tập	Trả lời câu hỏi và làm bài tập	10%	CĐR15 CĐR16
3	Điểm thi giữa kỳ	Thi trắc nghiệm, thi viết và thi nghe	20%	CĐR1 CĐR12
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi trắc nghiệm, thi nghe và thi vấn đáp	60%	CĐR1 CĐR12

11. Tài liệu học tập

11.1. Tài liệu bắt buộc:

- Giáo trình Solutions Elementary (the 2nd Edition – Tim Falla and Paul A Davies, 2013), Student's book & Workbook/ 3 đĩa CD kèm theo.
- Basic Tactics Listening (Jack C. Richards, 2003).
- Dictionary of Contemporary English the living dictionary (Longman).
- English Grammar in use (Raymond Murphy, Cambridge University Press).

11.2. Tài liệu tham khảo:

- New Headway Elementary (The 3rd edition- Liz and John Soars, 2013)
- A practical English grammar -A. J. Thompson, A. V. Martinet, 2008
- English vocabulary in use (Elementary) - Stuart Redman, Cambridge University Press, 2017.

HỌC PHẦN: TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: **Tin học đại cương**

Tên học phần tiếng Anh: **Basic Informatics**

1.2. Mã số học phần: **THD4**

1.3. Số tín chỉ: **2 Tín chỉ**

Lý thuyết	: 13 tiết
Bài tập, Thảo luận	: 2 tiết
Thực hành/thực tập	: 15 tiết x 2 = 30 tiết
Tự học	: 45 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Tin học

Khoa/Viện: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: **Không**

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức:

Hiểu biết các kiến thức cơ bản về thông tin, xử lý thông tin. Nắm chắc kiến thức về máy tính, nguyên lý hoạt động của máy tính, các thiết bị, các loại phần mềm.

Hiểu biết các kiến thức Internet, an toàn thông tin trên mạng, biết cách tìm kiếm và khai thác thông tin trên Internet.

Hiểu biết và sử dụng các phần mềm thông dụng (các phần mềm hỗ trợ công tác văn phòng...)

4.2. Kỹ năng: Sử dụng thành thạo máy tính và một số phần mềm văn phòng thông dụng để có thể soạn thảo tài liệu, quản lý dữ liệu qua các bảng tính, trình diễn, khai thác Internet để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua email, có thể làm website đơn giản, sử dụng máy tính để giải quyết vấn đề.

4.3. Thái độ: Có ý thức ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc hàng ngày, nâng cao chất lượng của từng công việc, phong cách làm việc trong xã hội hiện đại.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Phần 1: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ sở về thông tin, hiểu biết về máy tính, phần cứng, phần mềm và các ứng dụng công nghệ thông tin.

Phần 2: Cung cấp kiến thức và thực hành rèn luyện kỹ năng sử dụng máy tính, tương tác làm việc với hệ điều hành, khai thác một số dịch vụ trên Internet, sử dụng các phần mềm văn phòng thông dụng.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CĐR1	Nắm được những kiến thức cơ bản nhất về công nghệ thông tin
CĐR2	Biết làm làm việc với hệ điều hành, khai thác một số dịch vụ trên Internet, sử dụng các phần mềm văn phòng thông dụng.
Về kỹ năng	
CĐR3	Có khả năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn liên quan đến tin học trong các bối cảnh khác nhau.
CĐR4	Có khả năng soạn thảo và trình bày các văn bản kinh tế, văn bản hành chính
CĐR6	Sử dụng thành thạo máy tính, tin học cơ bản và tin học văn phòng
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR7	Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
CĐR8	Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn
Phẩm chất đạo đức	
CĐR9	Có tinh thần cầu tiến, tinh thần học tập không ngừng để nâng cao trình độ.

7. Cấu trúc nội dung học phần:

Phần	Tên	Hình thức tổ chức dạy học học phần
------	-----	------------------------------------

		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	<i>Các kiến thức cơ bản của công nghệ thông tin</i>	12	2	0	0	30	CĐR1, CĐR3, CĐR7, CĐR8, CĐR9.
2	<i>Sử dụng máy tính</i>	0	0	0	30	60	CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR5, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9.
<i>Tổng</i>		13	2	0	30	90	

8. Nội dung chi tiết học phần

Phần 1

Các kiến thức cơ bản của công nghệ thông tin

Tổng số tiết: 30 (LT: 28 tiết, bài tập: 2, thực hành: 0)

[1] Thông tin và xử lý thông tin

1. Khái niệm về thông tin.
2. Đơn vị đo thông tin.
3. Sơ đồ tổng quát của một quá trình xử lý thông tin.
4. Mã hóa thông tin.
5. Xử lý thông tin bằng máy tính điện tử.

[2] Biểu diễn thông tin trong máy tính

1. Biểu diễn số trong các hệ đếm
2. Tìm hiểu các hệ đếm (2, 10, 16)
3. Chuyển đổi biểu diễn số trong các hệ đếm khác nhau
4. Mệnh đề logic
5. Biểu diễn thông tin trong máy tính điện tử

[3] Giải thuật và ngôn ngữ lập trình

1. Khái niệm bài toán và giải thuật
2. Đặc trưng của giải thuật
3. Các phương pháp diễn đạt giải thuật
4. Sơ lược về đánh giá giải thuật
5. Khái niệm về ngôn ngữ lập trình và các mức khác nhau của ngôn ngữ lập trình

[4] Máy tính điện tử

1. Khái niệm máy tính điện tử
2. Lịch sử phát triển máy tính điện tử
3. Phân loại máy tính
4. Cấu trúc hệ thống và cách thức hoạt động của máy tính
5. Tìm hiểu phần cứng

[5] Phần mềm

1. Khái niệm phần mềm
2. Phân loại phần mềm
3. Quy trình phát triển phần mềm
4. Phần mềm độc hại là gì?
5. Bản quyền phần mềm & sở hữu trí tuệ
6. Ngành công nghệ phần mềm & các xu hướng phát triển

[6] Hệ điều hành

1. Khái niệm chung về hệ điều hành
2. Các chức năng của hệ điều hành
3. Lịch sử phát triển hệ điều hành
4. Phân loại hệ điều hành
5. Các hệ điều hành phổ biến
6. Tìm hiểu hệ điều hành Windows
7. Quản lý tập tin và thư mục trong hệ điều hành Windows
8. Sử dụng bảng điều khiển (control pannel)
9. Xử lý sự cố máy tính

[7] Mạng máy tính

1. Khái niệm mạng máy tính
2. Phân loại mạng máy tính (LAN, WLAN, MAN, WAN, Internet)
3. Các mô hình mạng máy tính (mô hình xử lý, mô hình quản lý, mô hình ứng dụng)
4. Kiến trúc mạng (BUS, STAR, RING...)
5. Giao thức mạng (vai trò TCP/IP)

6. Phương tiện truyền dẫn & thiết bị mạng
7. Các dịch vụ mạng (File, Print, Application, Database)
8. Lợi ích của mạng máy tính

[8] Internet và dịch vụ web

1. Internet, Web Browsers, và World Wide Web
2. Hiểu về dịch vụ Web & các dịch vụ Web phổ biến
3. Bảo mật mạng
4. Nhân biết và xử lý sự cố

[9] Các lĩnh vực nghiên cứu của CNTT

1. Tìm hiểu các lĩnh vực nghiên cứu của CNTT
2. Xu hướng công nghệ hiện đại
3. Ứng dụng của công nghệ thông tin
4. Công nghệ thông tin và xã hội

[10] Soạn thảo văn bản

1. Tìm hiểu phần mềm Microsoft Word 2010
2. Tìm hiểu bộ gõ Tiếng Việt Unikey
3. Tìm hiểu các công vụ và thiết lập trong Microsoft Word 2010
4. Biên tập, soạn thảo và định dạng văn bản
5. Sử dụng văn bản nâng cao
6. Lưu trữ và chia sẻ tài liệu văn bản

[11] Sử dụng bảng tính

1. Tìm hiểu phần mềm Microsoft Excel 2010
2. Tìm hiểu các công vụ và thiết lập trong Excel 2010
3. Quản lý sổ tính, trang tính, bảng tính & nhập dữ liệu
4. Tìm hiểu công thức cơ bản & cách thức gọi hàm trong Excel
5. Sử dụng hàm nâng cao
6. Lưu trữ và chia sẻ bảng tính

[12] Bài trình diễn

1. Tìm hiểu phần mềm Microsoft PowerPoint 2010
2. Tìm hiểu các công vụ và thiết lập trong PowerPoint 2010
3. Biên tập và thiết kế nội dung trình diễn
4. Cách thức xây dựng bố cục và trình diễn nội dung
5. Trình diễn nâng cao
6. Lưu và chia sẻ bài trình diễn

[13] Kiểm tra giữ kỳ (lý thuyết)

Phần 2

Sử dụng máy tính

Tổng số tiết: 60 (LT: 0 tiết, thực hành: 60)

[1] Làm việc với máy tính và hệ điều hành

1. Cấu tạo & các thành phần của máy tính
2. Hệ điều hành Windows
3. Quản lý tập tin và thư mục
4. Thiết lập hệ thống
5. Sử dụng bộ gõ Unikey

[2] Làm việc với Internet và dịch vụ Web

1. Sử dụng Internet
2. Sử dụng công cụ tìm kiếm
3. Sử dụng Email
4. Sử dụng dịch vụ lưu trữ và chia sẻ dữ liệu trực tuyến
5. Tạo một trang web đơn giản

[3] Làm việc với văn bản

1. Làm quen với Microsoft Word 2010
2. Biên tập tài liệu
3. Định dạng văn bản trong word
4. liên kết
5. Sử dụng bảng biểu
6. Định dạng các trang tài liệu
7. Trộn thư (mail merge)
8. In tài liệu
9. Quản lý các phiên bản tài liệu
10. Bảo mật cho tài liệu

[3] Làm việc với bảng tính

1. Làm quen với trang tính trong Microsoft Excel 2010
2. Thực hiện tính toán trong Excel
3. Sử dụng các hàm nâng cao trong Excel
4. Định dạng dữ liệu
5. Sắp xếp và lọc dữ liệu
6. Biểu diễn dữ liệu sử dụng biểu đồ
7. Chỉnh sửa sổ tính Excel
8. Quản lý sổ tính Excel
9. Thiết lập in trong sổ tính Excel

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	Các kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận	Máy chiếu, bảng phấn, Máy tính, Tài liệu học tập
2	Sử dụng máy tính	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận	Máy chiếu, máy tính, bảng phấn, Tài liệu học tập

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị tài liệu, kế hoạch bài giảng môn học
- Lên lớp đúng giờ theo thời khóa biểu
- Chuẩn bị máy móc, dụng cụ cho các giờ học thực hành.

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thực hành.
- Hoàn thiện đầy đủ các bài thực hành và được đánh giá kết quả hoàn thiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. Thang điểm đánh giá: Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình			
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	10 %	CĐR7, CĐR9
2	Điểm thi giữa kỳ	Lý thuyết	15 %	CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR5, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9
		Thực hành	15 %	CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR5,

				CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9
II	Hình thức thi cuối kỳ	Hình thức thi có thể là thi vấn đáp hoặc thi đánh giá kỹ năng thông qua phần mềm.	60%	CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR5, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

1. Bài giảng Tin học đại cương – Trường Đại học Lâm nghiệp

12.2. Tài liệu tham khảo

1. Bài giảng của giáo viên
2. Bài giảng Introduction to Computer Science, 2015 (CTTT)
3. Tài liệu Microsoft Office Specialist 2010
4. Tài liệu IC3 Global Standard 4
5. Trợ giúp của Microsoft: support.office.com
6. Hướng dẫn sử dụng của Microsoft Việt Nam: microsoft.com/vietnam.

HỌC PHẦN: PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Pháp luật đại cương

Tên học phần tiếng Anh: General Legislation

1.2. Mã số học phần: PLD4

1.3. Số tín chỉ:

Lý thuyết	: 25 tiết
Bài tập	: 0 tiết
Thảo luận	: 10 tiết
Thực hành/thực tập	: 0 tiết
Tự học	: 70 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Luật

Khoa/Viện/Trung tâm: Khoa Kinh tế và quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức:

- Nắm được các khái niệm, phạm trù cơ bản về nhà nước và pháp luật dưới góc độ khoa học pháp lý.
- Nắm được cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Nắm được trình tự và thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

4.2. Kỹ năng:

- Có khả năng phân tích đánh giá các hiện tượng chính trị - pháp lý trong đời sống xã hội. Khả năng áp dụng các kiến thức để đánh giá và giải quyết các công việc trong thực tiễn.
- Đánh giá và phân tích những tình huống pháp lý cơ bản nhất.

4.3. Thái độ:

Có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật, ý thức một cách đầy đủ bổn phận, nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước và xã hội với tư cách là một công dân của đất nước.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

- Pháp luật đại cương là môn học thuộc khối kiến thức khoa học pháp lý cơ sở của tất cả các chuyên ngành.
- Là môn học giữ vai trò phương pháp luận để nhận thức đúng đắn các vấn đề có tính bản chất, các quy luật của nhà nước và pháp luật, là cơ sở luận giải cho các môn khoa học pháp lý chuyên ngành.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Kiến thức	
CDR1	Nắm được các khái niệm, phạm trù cơ bản về nhà nước và pháp luật dưới góc độ khoa học pháp lý.
Về kỹ năng	
CDR2	Có khả năng phân tích đánh giá các hiện tượng chính trị - pháp lý trong đời sống xã hội. Khả năng áp dụng các kiến thức để đánh giá và giải quyết các công việc trong thực tiễn.
Thái độ	
CDR3	Có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật, ý thức một cách đầy đủ bổn phận, nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước

	và xã hội với tư cách là một công dân của đất nước.
--	---

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	CĐR Học phần
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	Những vấn đề cơ bản về nhà nước	8		2		20	CĐR1,2,3
2	Những vấn đề cơ bản về pháp luật	9		4		26	CĐR1,2,3
3	Hệ thống pháp luật Việt Nam	3	0	2	0	10	CĐR1,2,3
4	Pháp luật về Tham nhũng và phòng chống tham nhũng	5	0	2	0	14	CĐR1,2,3
	Tổng	25	0	10	0	70	

8. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC

(Số tiết: 10 tiết, trong đó: lý thuyết: 08 tiết, thảo luận: 02 tiết)

1.1. Khái niệm nhà nước

1.1.1. Một số học thuyết về nguồn gốc nhà nước

1.1.2. Nguồn gốc nhà nước

1.1.3. Bản chất của nhà nước

1.1.4. Các đặc trưng cơ bản của nhà nước

1.1.5. Chức năng của nhà nước

1.1.6. Bộ máy nhà nước

1.1.7. Hình thức nhà nước

1.1.8. Các kiểu lịch sử của nhà nước

1.2. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.2.1. Bản chất, đặc trưng cơ bản của Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.2.2. Chức năng của Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.2.3. Bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT

(Số tiết: 13 tiết, trong đó: lý thuyết: 9 tiết, thảo luận: 04tiết)

- 2.1. Khái niệm pháp luật
 - 2.1.1. Nguồn gốc và bản chất, đặc trưng của pháp luật
 - 2.1.2. Các mối liên hệ của pháp luật, vai trò của pháp luật
- 2.2. Các kiểu và hình thức pháp luật
 - 2.2.1. Các kiểu pháp luật
 - 2.2.2. Hình thức pháp luật
- 2.3. Quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật
 - 2.3.1. Quy phạm pháp luật
 - 2.3.2. Văn bản quy phạm pháp luật
- 2.4. Quan hệ pháp luật. Ý thức pháp luật
 - 2.4.1. Quan hệ pháp luật
 - 2.4.2. Ý thức pháp luật
- 2.5. Thực hiện pháp luật và Áp dụng pháp luật
 - 2.5.1. Thực hiện pháp luật
 - 2.5.2. Áp dụng pháp luật:
 - 2.5.3. Giải thích pháp luật
- 2.6. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý
 - 2.6.1. Vi phạm pháp luật
 - 2.6.2. Trách nhiệm pháp lý
- 2.7. Pháp chế
 - 2.7.1. Khái niệm và đặc điểm
 - 2.7.2. Những yêu cầu cơ bản của pháp chế
 - 2.7.3. Tăng cường pháp chế ở Việt Nam hiện nay.
- 2.8. Điều chỉnh pháp luật
 - 2.8.1. Điều chỉnh pháp luật
 - 2.8.2. Cơ chế điều chỉnh pháp luật
 - 2.8.3. Hiệu quả pháp luật

CHƯƠNG 3. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

(Số tiết: 5 tiết, trong đó: lý thuyết: 3 tiết, thảo luận: 02 tiết)

- 3.1. Khái niệm hệ thống pháp luật
- 3.2. Hệ thống cấu trúc của pháp luật
- 3.3 Hệ thống hóa pháp luật
- 3.4. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam
 - 3.4.1. Luật Nhà nước
 - 3.4.2. Luật Hành chính

- 3.2.3. Luật Kinh tế
- 3.4.4. Luật dân sự
- 3.4.5. Luật Tố tụng dân sự
- 3.4.6. Luật Hình sự
- 3.4.7. Luật Tố tụng hình sự
- 3.4.8. Luật Tài chính
- 3.4.9. Luật đất đai
- 3.4.10. Luật Lao động
- 3.4.11. Luật Hôn nhân và Gia đình
- 3.4.12. Luật Quốc tế

CHƯƠNG 4: PHÁP LUẬT PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG

(Số tiết: 7 tiết, trong đó: lý thuyết: 5 tiết, thảo luận: 2 tiết)

- 4.1 Những vấn đề cơ bản về tham nhũng
 - 4.1.1 Khái niệm tham nhũng
 - 4.1.2 Nguyên nhân và điều kiện của tham nhũng
 - 4.1.3 Tác hại của tham nhũng
- 4.2 Quan điểm và pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam
 - 4.2.1 Quan điểm đảng, nhà nước. Tư tưởng Hồ Chí Minh trong phòng chống tham nhũng
 - 4.2.2 Pháp luật về phòng chống tham nhũng
- 4.3 Các giải pháp phòng, chống tham nhũng
 - 4.3.1 Các giải pháp phòng ngừa tham nhũng
 - 4.3.2 Các giải pháp phát hiện tham nhũng
 - 4.3.3 Xử lý hành vi tham nhũng và tài sản tham nhũng
 - 4.3.4 Tổ chức, trách nhiệm và phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong phòng chống tham nhũng
 - 4.3.5 Vai trò, trách nhiệm xã hội trong phòng chống tham nhũng

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	Chương 1: Những vấn đề cơ bản về Nhà nước	Thuyết trình, thảo luận, phát câu hỏi	Giáo án, bài giảng, tình huống
2	Chương 2: Những vấn đề cơ bản về pháp luật	Thuyết trình, thảo luận, phát câu hỏi	Giáo án, bài giảng, tình huống
3	Chương 3: Hệ thống pháp luật	Thuyết trình, phát câu hỏi, tình huống, thảo luận	Giáo án, bài giảng

4	Chương 4: Pháp luật phòng chống tham nhũng	Thuyết trình,	Giáo án, bài giảng
---	--	---------------	--------------------

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá*: Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		0,4	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học;	0,1	CĐR1,2,3
2	Điểm thảo luận	Thảo luận	0,1	CĐR2- CĐR3
3	Điểm thi giữa kỳ	Thi viết	0,2	CĐR1,2,3
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi vấn đáp	0,6	CĐR1,2,3

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

- Điểm chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt
		Từ 10 -9	Từ 8-7	Từ 6-5	Dưới 4
Đi học trên lớp	10%	Tham dự 100% tiết học. Nhiệt tình trao đổi, phát biểu và trả lời các câu hỏi	Từ 90%-dưới 100% tiết học. Có tham gia trao đổi, trả lời câu hỏi	Từ 70%-80% tiết học	Dưới 70% tiết học

- Điểm thảo luận

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt
		<i>Từ 10 -9</i>	<i>Từ 8-7</i>	<i>Từ 6-5</i>	<i>Dưới 4</i>
Nội dung	30	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu của chủ đề, có thêm nội dung mở rộng các kiến thức liên quan	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu của chủ đề.	Trình bày được khoảng 50%-60% yêu cầu của nội dung chủ đề.	Trình bày sai chủ đề, hoặc nội dung quá sơ sài, không đủ thông tin cần thiết.
Hình thức	20	Trình bày sạch đẹp, rõ ràng, dễ hiểu có sáng tạo.	Trình bày rõ ràng, dễ hiểu.	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm của người nghe.	Trình bày quá sơ sài, không thể hiện được nội dung chủ đề.
Trả lời câu hỏi	20	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng.	Trả lời 70% câu hỏi.	Trả lời được 50-60% câu hỏi	Trả lời dưới 50% câu hỏi.
Làm việc nhóm	30	Thể hiện tinh thần làm việc nhóm. Có phân chia nội dung chủ đề, chia câu hỏi để trả lời cho các thành viên.	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa rõ ràng.	Sự kết hợp giữa các thành viên chưa đầy đủ, chỉ có một số thành viên hoàn thiện.	Các thành viên không hợp tác làm việc. Báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung.

- Điểm thi giữa kỳ

Tiêu chí	Mức chất lượng			
	Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt
	<i>Từ 10 -9</i>	<i>Từ 8-7</i>	<i>Từ 6-5</i>	<i>Dưới 4</i>
Trả lời các câu hỏi	Làm đúng 90-100% yêu cầu. Vận dụng những kiến thức đó và một số tình huống thực tế	Làm đúng 70-80% yêu cầu	Làm đúng 50-60% yêu cầu	Làm đúng dưới 40% yêu cầu

- Điểm thi cuối kỳ

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt
		Từ 10 -9	Từ 8-7	Từ 6-5	Dưới 4
Nội dung	80%	Trả lời được đúng trên 90% số câu hỏi, giải thích cụ thể, logic nội dung câu hỏi.	Trả lời được đúng 70 - 80% số câu hỏi, giải thích cụ thể, logic nội dung câu hỏi.	Trả lời được đúng 50 - 60 % số câu hỏi.	Trả lời được đúng dưới 40% số câu hỏi.
Vận dụng	20%	Có sáng tạo vận dụng kiến thức mở rộng để trả lời câu hỏi.	Có vận dụng kiến thức mở rộng để trả lời câu hỏi.	Trả lời đúng nội dung đã được trên lớp	Không trả lời được nội dung bài thi.

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

1. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Lý luận về Nhà nước và pháp luật*, NXB Tư pháp, Hà Nội 2005.
2. Trường Đại học Lâm nghiệp, *Bài giảng Pháp luật đại cương*, Hà Nội 2015.

12.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Giáo trình Pháp luật Đại cương*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội, 2015.
2. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Khoa Luật, *Giáo trình Pháp luật đại cương*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2008.
3. PGS.TS NGuyễn Minh Đoan, *Hướng dẫn môn học Lý luận nhà nước và pháp luật*, NXB Tư pháp, Hà Nội, 2014.

HỌC PHẦN: MỸ HỌC

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Mỹ học

Tên học phần tiếng Anh: Aesthetics

1.2. Mã học phần: MH10

1.3 Số tín chỉ: 02

Lý thuyết: 20 tiết

Bài tập: 20 tiết

Thảo luận: 0 tiết

Thực hành: 0 tiết

Tự học: 80 tiết

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Mỹ Thuật

Viện: KTCQ&CXĐT

3. Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa Marx - Lenin

4. Mục tiêu của học phần

4.1 Kiến thức:

- Có kiến thức về các tư tưởng Mỹ học cổ đại
- Có kiến thức về các tư tưởng Mỹ học từ thế kỷ 19 – cuối tk 20
- Nắm vững kiến thức cơ bản để có tư duy phân tích khoa học về thẩm mỹ, nghệ thuật
- Ứng dụng các kiến thức đã học được vào chuyên ngành thiết kế nội thất

4.2 Kỹ năng:

- Đánh giá, phân tích được các mối quan hệ qua lại giữa các khái niệm, các phạm trù trong Mỹ học.
- Nhìn nhận được giá trị thẩm mỹ, tính nghệ thuật trong từng sản phẩm thiết kế, công trình kiến trúc và các tác phẩm nghệ thuật xuyên suốt quá trình hình thành và phát triển của nhân loại.
- Sau khi kết thúc học phần này sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản của môn học để có tư duy phân tích khoa học về thẩm mỹ, nghệ thuật. Để có phương pháp đánh giá, thẩm định về tính thẩm mỹ trong từng đối tượng sản phẩm, ứng dụng vào bài tập vẽ tay, các đồ án vẽ trên máy tính trong chuyên ngành Thiết kế nội thất

4.3 Thái độ:

- Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thảo luận, thuyết trình nhóm trên lớp, chuẩn bị đủ dụng cụ, vật tư phục vụ các nội dung của môn học theo yêu cầu của học phần.
- Nghiêm túc trong học tập, nhận thức rõ tính quan trọng của môn học trong chương trình đào tạo và thực tiễn.
- Có ý thức tự học hỏi nâng cao phương pháp tư duy, nắm bắt kiến thức, vận dụng hiểu biết đã học, những kiến thức mới để phát triển chuyên môn.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Mỹ học là một môn khoa học về thẩm mỹ, trước thế kỷ XVII cho đến cuối TK XX quan niệm Mỹ học là một môn khoa học về đánh giá nghệ thuật. Đến đầu TKXXI có nhiều ý kiến thống nhất Mỹ học chính là triết học. Mỹ học nhằm cung cấp cho sinh viên lượng kiến thức nhất định về tính thẩm mỹ trong từng đối tượng sản phẩm, để từ đó có thể ứng dụng vào những môn có tính thẩm mỹ của ngành Thiết kế nội thất.

Học phần Mỹ học gồm 2 tín chỉ, chia làm 5 phần. Phần thứ nhất Đối tượng nghiên cứu của Mỹ học. Phần thứ 2 Khái quát về mối quan hệ thẩm mỹ. Phần thứ 3 Các phạm trù Mỹ học cơ bản. Phần thứ 4 Chủ thể thẩm mỹ và đánh giá đối tượng thẩm mỹ. Phần thứ 5 Nghệ thuật và các loại hình nghệ thuật tiêu biểu. Đánh giá, phân tích được các mối quan hệ qua lại giữa các khái niệm, các phạm trù trong Mỹ học. Nhìn nhận được giá trị

thẩm mỹ, tính nghệ thuật trong từng sản phẩm thiết kế, công trình kiến trúc và các tác phẩm nghệ thuật xuyên suốt quá trình hình thành và phát triển của nhân loại.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR		Nội dung chuẩn đầu ra
CDR CTĐT	CDR HP	
Về kiến thức		
CDR 1	CDR 1	Có kiến thức về các tư tưởng Mỹ học từ thế kỷ 19 – cuối tk 20
	CDR 2	Nắm vững kiến thức cơ bản để có tư duy phân tích khoa học về thẩm mỹ, nghệ thuật
Về kỹ năng		
CDR 2	CDR 3	Đánh giá, phân tích được các mối quan hệ qua lại giữa các khái niệm, các phạm trù trong Mỹ học.
	CDR 4	Sau khi kết thúc học phần này sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản của môn học để có tư duy phân tích khoa học về thẩm mỹ, nghệ thuật.
	CDR5	Có phương pháp đánh giá, thẩm định về chất lượng, thị hiếu thẩm mỹ ứng dụng vào bài tập vẽ tay, các đồ án vẽ trên máy tính trong chuyên ngành Thiết kế nội thất
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CDR 17	CDR 6	Có tác phong công nghiệp, có tinh thần hợp tác làm việc nhóm, có thái độ cởi mở, thân tình với đồng nghiệp.
CDR 19	CDR7	- Có thái độ làm việc khoa học, năng động, thái độ phục vụ tốt. - Hình thành ý thức tự học hỏi nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn, có ý thức kỷ luật chấp hành nội quy quy chế trong học tập - Có đạo đức nghề nghiệp tốt, trách nhiệm với cộng đồng

7. Cấu trúc nội dung học phần

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần						
		Lên lớp					Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực			
1	Đối tượng nghiên cứu của Mỹ học.	2	2					CDR1,2,3,4,5,6,7
2	Khái quát về mối quan hệ thẩm mỹ	3	2					CDR1,2,3,4,5,6,7
3	Các phạm trù Mỹ học cơ bản	5	2					CDR1,2,3,4,5,6,7

4	Chủ thể thẩm mỹ và đánh giá đối tượng thẩm mỹ	4	2					CĐR1,2,3,4,5,6,7
5	Nghệ thuật và các loại hình nghệ thuật tiêu biểu	6	2					CĐR1,2,3,4,5,6,7
	Tổng	20	10				80	

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

Đối tượng nghiên cứu của Mỹ học

(Số tiết: 2, lý thuyết: 2, bài tập: 0, thảo luận:0, Btl/Đa:0, Th/Tt: 0)

Giới thiệu và phân tích về các đối tượng nghiên cứu của Mỹ học

1.1 Đối tượng chủ thể

1.2 Đối tượng khách thể

1.3 Các tư tưởng triết học cổ đại

1.4 Các nhà tư tưởng, triết học đầu Tk19- cuối Tk20

Tài liệu tham khảo chương

- Vũ Minh Tâm Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ, NXB Giáo dục, Hà Nội 1998
- Giáo trình Mỹ học Mác –Lênin, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001

Chương 2

Khái quát về mối quan hệ thẩm mỹ

(Số tiết: 3, lý thuyết: 3, bài tập: 0, thảo luận: 0, Btl/Đa:0, Th/Tt:0)

Khái quát về các mối quan hệ thẩm mỹ, phân tích các đặc tính cơ bản của mối quan hệ thẩm mỹ

2.1. Khái niệm quan hệ thẩm mỹ và các bộ phận hợp thành quan hệ thẩm mỹ

2.2. Các đặc tính cơ bản của mối quan hệ thẩm mỹ

2.3. Các khái niệm Mỹ học ảnh hưởng đến các mối quan hệ thẩm mỹ

Tài liệu tham khảo của chương:

- Vũ Minh Tâm Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ, NXB Giáo dục, Hà Nội 1998
- Giáo trình Mỹ học Mác –Lênin, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001

Chương 3

Các phạm trù Mỹ học cơ bản

(Số tiết: 5, lý thuyết: 5, bài tập: 0, thảo luận: 0, Btl/Đa:0, Th/Tt: 0)

Giới thiệu khái niệm và phân tích các cặp phạm trù Mỹ học cơ bản

3.1 Cái đẹp

3.2 Cái cao cả

3.3 Cái bi

3.4 Cái hài

Tài liệu tham khảo của chương:

- Vũ Minh Tâm Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ, NXB Giáo dục, Hà Nội 1998
- Giáo trình Mỹ học Mác –Lênin, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
- Nguyễn Văn Phúc Cái đạo đức và cái thẩm mỹ trong cuộc sống và trong nghệ thuật, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995

Chương 4

Chủ thể thẩm mỹ và đánh giá đối tượng thẩm mỹ

(Số tiết: 4, lý thuyết: 4, bài tập: 0 , thảo luận: 0, Btl/Đa:0, Th/Tt: 0)

Giới thiệu khái niệm về chủ thể thẩm mỹ và các hình thức tồn tại. Phân tích phương pháp đánh giá biểu hiện đối tượng thẩm mỹ dựa trên cơ sở lý luận về khái niệm của các cặp phạm trù Mỹ học cơ bản

3.1. Khái niệm chủ thể thẩm mỹ

3.2. Các hình thức tồn tại của chủ thể thẩm mỹ

3.3 Phương pháp đánh giá biểu hiện đối tượng thẩm mỹ

Tài liệu tham khảo của chương:

- Vũ Minh Tâm Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ, NXB Giáo dục, Hà Nội 1998
- Giáo trình Mỹ học Mác –Lênin, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
- Nguyễn Văn Phúc Cái đạo đức và cái thẩm mỹ trong cuộc sống và trong nghệ thuật, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995

Chương 5

Nghệ thuật và các loại hình nghệ thuật tiêu biểu

(Số tiết: 6, lý thuyết: 6, bài tập: 0 , thảo luận: 0, Btl/Đa:0, Th/Tt: 0)

Phân tích đối tượng, phương thức phản ánh của nghệ thuật. Giới thiệu nội dung và hình thức của nghệ thuật. Phân tích các loại hình nghệ thuật tiêu biểu

5.1 Khái niệm nghệ thuật

5.1.1 Đối tượng của nghệ thuật

5.1.2 Phương thức phản ánh của nghệ thuật

5.1.3 Nội dung và hình thức trong nghệ thuật

5.1.4 Nghệ thuật – hình thái biểu hiện cao nhất của quan hệ thẩm mỹ

5.2. Các loại hình nghệ thuật tiêu biểu

5.2.1 Những quan điểm khác nhau về các loại hình nghệ thuật

5.2.2 Một số loại hình nghệ thuật tiêu biểu

5.2.3 Các trường phái, phong cách nghệ thuật tiêu biểu

Tài liệu tham khảo của chương:

- Vũ Minh Tâm Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ, NXB Giáo dục, Hà Nội 1998
- Giáo trình Mỹ học Mác –Lênin, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
- Nguyễn Văn Phúc Cái đạo đức và cái thẩm mỹ trong cuộc sống và trong nghệ thuật, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995
- Almanach Những nền văn minh thế giới, NXB Văn hóa- thông tin, 1997

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
Chương 1	Đối tượng nghiên cứu của Mỹ học	Thuyết trình – Thảo luận	Máy chiếu, bảng phấn. Các tài liệu, tư liệu tham khảo
Chương 2	Khái quát về mối quan hệ thẩm mỹ	Thuyết trình – Thảo luận	Máy chiếu, bảng phấn. Các tài liệu, tư liệu tham khảo
Chương 3	Các phạm trù Mỹ học cơ bản	Thuyết trình – Thảo luận	Máy chiếu, bảng phấn. Các tài liệu, tư liệu tham khảo
Chương 4	Chủ thể thẩm mỹ và đánh giá đối tượng thẩm mỹ	Thuyết trình – Thảo luận	Máy chiếu, bảng phấn. Các tài liệu, tư liệu tham khảo
Chương 5	Nghệ thuật và các loại hình nghệ thuật tiêu biểu	Thuyết trình – Thảo luận	Máy chiếu, bảng phấn. Các tài liệu, tư liệu tham khảo

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Thông báo những quy định giờ lên lớp nghe giảng và hoàn thành bài tập được giao. Thông báo cho sinh viên chuẩn bị vật tư cần thiết để làm các bài tập
- Điểm danh lên lớp của sinh viên mỗi đầu buổi học
- Giới thiệu khái quát mục tiêu và nội dung của học phần, giới thiệu tài liệu tham khảo
- Trong quá trình giảng bài chú trọng liên hệ thực tiễn, nêu vấn đề để sinh viên trao đổi
- Tóm tắt và kiểm tra tình hình nắm bắt nội dung của giờ giảng đã thực hiện, trước khi bước vào nội dung mới của buổi học.

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.

- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. *Cách đánh giá:*

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình			
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	0,2	CĐR6,7
2	Điểm bài tập	Trả lời câu hỏi và làm bài tập		
3	Điểm bài thuyết trình	Theo nhóm hoặc cá nhân	0,2	CĐR1,2,3,4,5,6,7
4	Điểm thi giữa kỳ	Thi viết/thi vấn đáp/trắc nghiệm....		
5	Điểm thực hành	Theo nhóm hoặc cá nhân		
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi viết/thi vấn đáp/trắc nghiệm.....	0,6	CĐR1,2,3,4,5,6,7

11.3 *Rubrics đánh giá kết quả học tập*

1. Đánh giá kết quả bài tập cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Bài tập thực hiện	30	Đủ số bài tập, hình thức sạch đẹp. Đúng hạn.	Đủ số lượng bài tập. Đúng hạn.	Đủ bài tập nhưng nộp trễ. Thiếu 10% bài tập.	Dưới 80% bài tập. Bài tập do người khác thực hiện.	3
Nội dung	70	Đúng trên 90% yêu cầu.	Đúng 70 - 90% yêu cầu.	Đúng 40 - 70% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm đúng dưới 40%. Nội dung kiến thức không đạt yêu cầu.	7
Điểm tổng						10

2. Đánh giá kết quả bài thực hành, bài thi

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	

Quy trình thực hiện	30	Đầy đủ, chính xác trình tự của tất cả các bước.	Đầy đủ nhưng chưa đúng trình tự các bước.	Đúng trình tự các bước của quy trình thực hiện nhưng thiếu 1 bước.	Thiếu bước và trình tự của quy trình không chính xác.	5
Thao tác thực hiện	30	Thực hiện các thao tác thuần thục, chính xác.	Thực hiện các thao tác tốt, chính xác.	Thực hiện các thao tác chậm, độ chính xác của thao tác tạm chấp nhận được.	Thao tác chậm, không chính xác.	4
Thời gian thực hiện	10	Thời gian hoàn thành < 80% thời gian quy định.	Thời gian hoàn thành < 90% thời gian quy định.	Thời gian hoàn thành = thời gian quy định.	Thời gian hoàn thành > thời gian quy định.	1
Điểm tổng						10

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

- Vũ Minh Tâm Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ, NXB Giáo dục, Hà Nội 1998

12.2. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình Mỹ học Mác –Lênin, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

- Nguyễn Văn Phúc Cái đạo đức và cái thẩm mỹ trong cuộc sống và trong nghệ thuật, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995

- Almanach Những nền văn minh thế giới, NXB Văn hóa- thông tin, 1997

HỌC PHẦN: LUẬT XA GẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Luật xa gần

Tên học phần tiếng Anh: Perspective

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 3

Lý thuyết : 30 tiết

Bài tập : 0 tiết

Thảo luận : 0 tiết

Thực hành/ thực tập : 15 tiết

Tự học : 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần:

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự cảm nhận thị giác của con người trước vật thể không gian và phương pháp mô tả, thể hiện nó trên mặt phẳng... nhằm hỗ trợ cho việc thể hiện, diễn họa phương án thiết kế trong quá trình thiết kế sản phẩm mộc và nội thất.

4.2. Kỹ năng:

- Ứng dụng được luật xa gần trong việc vẽ (dựng) hình chiếu phối cảnh sản phẩm và không gian nội thất.

- Phác thảo được ý tưởng phương án thiết kế của mình theo đúng các nguyên lý của luật xa gần.

4.3. Về thái độ:

- Có nhận thức sâu sắc về môn học, thấy được vai trò ý nghĩa, tác dụng của việc học tập, vẽ theo luật xa gần, vẽ phối cảnh;

- Có tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp trong công việc.

5. Mô tả tóm tắt nội dung môn học/học phần

Môn học bao gồm các nội dung chính sau: Khái quát chung về luật xa gần, Các phép chiếu, Nguyên lý vẽ phối cảnh đường nét, Vẽ bóng trong hình chiếu phối cảnh.

6. Chuẩn đầu ra của môn học/học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
CDR1	Trình bày được khái quát chung về luật xa gần: lược sử hình thành; các hình thức và phạm vi ứng dụng của luật xa gần; các ứng dụng của vẽ phối cảnh theo luật xa gần trong thiết kế sản phẩm và nội thất
CDR2	Trình bày được khái niệm về các phép chiếu: phép chiếu song song, chiếu vuông góc và xiên góc; phép chiếu qua tâm
CDR3	Trình bày được khái niệm và nguyên lý hình thành các yếu tố cơ bản trong vẽ phối cảnh theo luật xa gần: điểm trông, điểm đứng, điểm tụ; đường chân trời (tầm mắt), đường chân tranh; điểm chia, điểm cách (điểm cự ly)
CDR4	Trình bày được tính chất của các đường song song trong hình chiếu phối cảnh
CDR5	Trình bày được nguyên lý hình thành bóng của vật thể trong phối cảnh theo luật xa gần: bóng dưới ánh sáng mặt trời; bóng dưới ánh sáng điểm (đèn)
CDR6	Dựng được hình chiếu phối cảnh 1 điểm tụ của vật thể và không gian theo luật xa gần từ các hình chiếu cơ bản
CDR7	Dựng được hình chiếu phối cảnh 2 điểm tụ của vật thể và không gian theo luật xa gần từ các hình chiếu cơ bản
CDR8	Dựng được hình chiếu phối cảnh 1 điểm tụ của vật thể và không gian theo luật xa gần từ các thông tin về kích thước của vật thể và không gian

CĐR9	Dựng được hình chiếu phối cảnh 2 điểm tụ của vật thể và không gian theo luật xa gần từ các thông tin về kích thước của vật thể và không gian
CĐR10	Dựng được bóng của vật thể dưới ánh sáng mặt trời trong hình chiếu phối cảnh theo luật xa gần
CĐR11	Dựng được bóng của vật thể dưới ánh sáng điểm (đèn) trong hình chiếu phối cảnh theo luật xa gần
CĐR12	Phác thảo được hình của vật thể và không gian theo luật xa gần

7. Cấu trúc nội dung môn học/học phần

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần				
		Lên lớp			Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Bài tập/Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	Chương 1. Khái quát chung về luật xa gần	4				CĐR1,
2	Chương 2. Các phép chiếu	6				CĐR2,
3	Chương 3. Nguyên lý vẽ phối cảnh đường nét	10				CĐR3, CĐR4, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR12
4	Chương 4. Vẽ bóng trong hình chiếu phối cảnh	10		15		CĐR5, CĐR10, CĐR11, CĐR12

8. Nội dung chi tiết môn học

8.1. Lý thuyết (30 tiết)

Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LUẬT XA GẦN

1.1. Lược sử hình thành của luật xa gần (phép phối cảnh)

1.2. Các hình thức và phạm vi ứng dụng của luật xa gần

1.2.1. Các hình thức của luật xa gần

1.2.2. Phạm vi ứng dụng của luật xa gần

1.3. Các ứng dụng của vẽ phối cảnh trong thiết kế sản phẩm mộc và nội thất

1.3.1. Vẽ phác thảo không gian nội thất

- 1.3.2. Vẽ phác thảo sản phẩm mộc
- 1.2.3. Vẽ bóng trong thiết kế nội thất
- 1.2.4. Dựng phối cảnh từ đồ thức
- 1.3.5. Dựng hình phối cảnh vật thể và không gian nội thất trên máy vi tính

Chương 2: CÁC PHÉP CHIẾU

2.1. Phép chiếu song song và ứng dụng

- 2.1.1. Khái niệm về phép chiếu song song
- 2.1.2. Tính chất của phép chiếu song song
- 2.1.3. Phương pháp chiếu vuông góc
- 2.1.4. Phương pháp chiếu xiên góc

2.2. Phép chiếu qua tâm

- 2.2.1. Khái niệm và tính chất về phép chiếu qua tâm lên mặt phẳng
- 2.2.2. Khái niệm và tính chất về phép chiếu qua tâm lên mặt cầu
- 2.2.3. Ứng dụng của chiếu xuyên tâm trong vẽ bóng vật thể

Chương 3: NGUYÊN LÝ VẼ PHỐI CẢNH ĐƯỜNG NÉT

3.1. Các yếu tố cơ bản của vẽ phối cảnh

3.2. Điểm trông chính

- 3.2.1. Định nghĩa
- 3.2.2. Vị trí
- 3.2.3. Ứng dụng

3.3. Điểm tụ

- 3.3.1. Điểm tụ của các đường thẳng song song mặt tranh
- 3.3.2. Điểm tụ của các đường thẳng song song trong mặt phẳng nằm ngang
- 3.3.3. Điểm tụ của các đường thẳng song song nằm trong mặt phẳng nghiêng

3.4. Kích thước và tỷ lệ trong hình chiếu phối cảnh

- 3.4.1. Điểm đo
- 3.4.2. Điểm cự ly (điểm cách)

3.5. Biểu hiện màu sắc trong luật xa gần

3.6. Dựng hình phối cảnh đường nét

- 3.6.1. Các dạng hình chiếu phối cảnh
- 3.6.2. Các phương pháp dựng hình phối cảnh

Chương 4: VẼ BÓNG TRONG HÌNH CHIẾU PHỐI CẢNH

4.1. Bóng của vật trong phép chiếu qua tâm

- 4.1.1. Khái niệm bóng vật thể
- 4.1.2. Điều kiện để có bóng ngả
- 4.1.3. Nguồn sáng
- 4.1.4. Định dạng của bóng ngả

4.1.5. Xác định nguồn sáng trên tranh

4.1.6. Chọn hướng ánh sáng

4.2. Các ví dụ về vẽ bóng ngả

4.2.1. Bóng ngả của vật thể dưới ánh nắng

4.2.1. Bóng ngả của vật thể dưới ánh đèn

8.2. Thực hành (15 tiết)

TT	Nội dung	Số giờ
1	Bài 1: Dựng hình phối cảnh 1 điểm tụ theo hình chiếu cơ bản của vật thể và không gian	1 tiết
2	Bài 2: Dựng hình chiếu phối cảnh 2 điểm tụ theo hình chiếu cơ bản của vật thể và không gian	1 tiết
3	Bài 3: Dựng hình chiếu phối cảnh 1 điểm tụ theo kích thước vật thể và không gian	3 tiết
4	Bài 4: Dựng hình chiếu phối cảnh 2 điểm tụ theo kích thước vật thể và không gian	3 tiết
5	Bài 5: Dựng bóng của vật thể dưới ánh sáng mặt trời và ánh sáng đèn trong hình chiếu phối cảnh theo luật xa gần	3 tiết
6	Bài 6: Phác họa sản phẩm và không gian nội thất theo luật xa gần	3 tiết

9. Phương pháp giảng dạy

9.1. Lý thuyết:

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	Chương 1. Khái quát chung về luật xa gần	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu
2	Chương 2. Các phép chiếu	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu
3	Chương 3. Nguyên lý vẽ phối cảnh đường nét	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu
4	Chương 4. Vẽ bóng trong hình chiếu phối cảnh	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu

9.2. Thực hành

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	Bài 1: Dựng hình phối cảnh 1 điểm tụ theo hình chiếu cơ bản của vật thể và không gian	Thuyết giảng, thực hành thị phạm, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu, bút chì kim, giấy vẽ A3, thước mét,..
2	Bài 2: Dựng hình chiếu phối cảnh 2 điểm tụ theo hình chiếu cơ bản của vật thể và không gian	Thuyết giảng, thực hành thị phạm, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu, bút chì kim, giấy vẽ A3, thước mét,..
3	Bài 3: Dựng hình chiếu phối cảnh 1 điểm tụ theo kích thước vật thể và không gian	Thuyết giảng, thực hành thị phạm, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu, bút chì kim, giấy vẽ A3, thước mét,..
4	Bài 4: Dựng hình chiếu phối cảnh 2 điểm tụ theo kích thước vật thể và không gian	Thuyết giảng, thực hành thị phạm, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu, bút chì kim, giấy vẽ A3, thước mét,..
5	Bài 5: Dựng bóng của vật thể dưới ánh sáng mặt trời và ánh sáng đèn trong hình chiếu phối cảnh theo luật xa gần	Thuyết giảng, thực hành thị phạm, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu, bút chì kim, giấy vẽ A3, thước mét,..
6	Bài 6: Phác họa sản phẩm và không gian nội thất theo luật xa gần	Thuyết giảng, thực hành thị phạm, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu, bút chì kim, giấy vẽ A3, thước mét,..

10. Hướng dẫn thực hiện

10.1. Về lý thuyết:

Các nội dung được giảng dạy theo trình tự với các hình ảnh minh họa cụ thể, chi tiết. Sử dụng máy tính, máy chiếu trong giảng dạy.

10.2. Về thực hành/Bài tập

Ngoài thực hành vẽ theo trên lớp, sinh viên phải thực hiện các bài tập về nhà. Bài tập về nhà được giao cho từng sinh viên (mỗi sinh viên một đề bài cụ thể, riêng biệt).

10.3. Yêu cầu đối với giảng viên và sinh viên

10.3.1. Đối với giảng viên

- Lên lớp đúng giờ theo thời khóa biểu.

- Giảng dạy đúng với chương trình môn học.
- Thực hiện việc kiểm tra đánh giá theo quy định.

10.3.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập.
- Tham dự 100% số giờ bài tập.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập/thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. Thang điểm đánh giá: Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình			
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học và trả lời câu hỏi thảo luận	20%	CĐR 1÷12
2	Điểm thực hành	Hoàn thành 06 bài thực hành theo yêu cầu	20%	CĐR 6÷12
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi vấn đáp	60%	CĐR 1÷12

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. Đánh giá kết quả điểm chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả kiểm tra bài tập

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm đủ số bài và đạt yêu cầu trên 90%	Làm đủ số bài và đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm đủ số bài và đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm đủ số bài và đạt yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Câu hỏi chính	90	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu trên 90%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu 70-90%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu 50-69%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu <50%	
Câu hỏi phụ	10	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu trên 90%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu 70-90%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu 50-69%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu <50%	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập và tham khảo

12.1. Tài liệu học tập chính (bắt buộc)

Bài giảng môn học Luật xa gần (GV chuẩn bị)

12.2. Tài liệu tham khảo

[1] Phạm Công Thành (2002), *Luật xa gần*. nxb Văn hoá thông tin.

[2] Trần Hữu Qué – Nguyễn Văn Tuấn (biên dịch 1997), *Bản vẽ kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế*. Nxb Giáo dục.

[3] Huỳnh Phạm Hương Trang (biên dịch 2000), *Bí quyết vẽ kỹ hoạ*. Nxb Mỹ thuật.

[4] Lê Thanh Lộc (1996), *Hình hoạ căn bản I,II,III*. Nxb Văn hoá thông tin.

[5] Triệu Khắc Lễ (2004), *Hình họa 1*. Nxb Đại học sư phạm.

[6] Triệu Khắc Lễ (2005), *Hình họa 2*. Nxb Đại học sư phạm.

HỌC PHẦN: HÌNH HỌA ĐEN TRẮNG

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Hình họa đen trắng

Tên học phần tiếng Anh: Black and white Drawing

1.2. Mã số học phần: HHĐT4

1.3. Số tín chỉ: 04

Lý thuyết : 15 tiết

Bài tập : 0 tiết

Thảo luận : 30 tiết

Thực hành/thực tập : 60 tiết

Tự học : 210 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Bộ môn Mỹ thuật

Viện: KTCQ & CXĐT

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức:

- Sinh viên nắm vững được kiến thức cơ bản về môn học
- Hiểu rõ ý nghĩa môn học trong ngành học
- Nắm vững phương pháp vẽ bằng chất liệu bút chì và bút sắt.

4.2. Kỹ năng:

- Sinh viên vẽ được các bài hình họa đen trắng theo mẫu từ các khối cơ bản, đến các khối biến dạng và các vật dụng gia đình bằng (bút chì).

- Sinh viên vẽ được các bài vẽ kí họa ngoài trời góc cảnh, phong cảnh (bằng bút chì, bút sắt).

- Các bài vẽ đạt: Bố cục, tỷ lệ, hình thể, đậm nhạt, nhịp điệu hài hòa hợp lý trên khổ giấy. Qua đó thể hiện được sáng tối, đậm nhạt tạo được không gian và thể hiện được chất liệu, đặc điểm của sự vật.

- Vận dụng hiệu quả kỹ năng môn học vào ngành học.

4.3. Thái độ:

- Thấy được vai trò, vị trí và tác dụng của môn học trong ngành học
- Có năng lực, thị hiếu và tư duy thẩm mỹ tốt để áp dụng sáng tạo vào ngành học

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Hình họa 1 là môn học cơ sở cho ngành Thiết kế Nội thất, môn học cung cấp cho Sinh viên những kiến thức cơ bản về bố cục, đường nét, đậm nhạt, sáng tối và diễn tả

được tính chất, đặc điểm của sự vật. Từ những kiến thức được học Sinh viên thể hiện được các bài tập vẽ tay bằng chất liệu bút chì, bút sắt. Thông qua những bài thực hành trên lớp và ngoài trời sinh viên có đầy đủ kiến thức, kỹ năng thể hiện tốt các ý tưởng lên mặt phẳng. Sinh viên thấy được vai trò, vị trí và tác dụng của môn học trong ngành học, áp dụng tư duy thẩm mỹ linh hoạt và sáng tạo vào ngành học.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR1	Sinh viên nắm vững được kiến thức cơ bản về môn học
CDR2	Hiểu rõ ý nghĩa môn học trong ngành học
CDR3	Nắm vững phương pháp vẽ bằng chất liệu bút chì và bút sắt.
CDR4	Hình thành và phát triển năng lực quan sát, đánh giá, phân tích, khái quát và thể hiện được ý tưởng sự vật từ không gian ba chiều lên mặt phẳng
Về kỹ năng	
CDR5	Sinh viên vẽ được các bài hình họa đen trắng theo mẫu từ các khối cơ bản đến biến dạng bằng chất liệu bút chì. Có bố cục, tỷ lệ, cấu trúc, đậm nhạt, và đặc điểm vật thể.
CDR6	Sinh viên vẽ được các bài vẽ kí họa góc cảnh, phong cảnh ngoài trời bằng bút chì, bút sắt.
CDR7	Các bài vẽ đạt bố cục, hình thể, tỷ lệ, nhịp điệu hài hòa hợp lý trên khổ giấy, có sáng tối, đậm nhạt tạo được không gian và thể hiện được chất liệu, đặc điểm vật thể. Qua đó áp dụng hiệu quả vào ngành học.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR8	Thấy được vai trò, vị trí và tác dụng của môn học trong chuyên ngành
CDR 9	Có năng lực, thị hiếu và tư duy thẩm mỹ tốt để áp dụng sáng tạo vào ngành học

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	Khái niệm chung về môn học Hình họa	15		10		50	CDR 1 CDR 2 CDR 3 CDR 4 CDR 8

							CDR 9
2	Vẽ tĩnh vật			10	30	80	CDR 5 CDR 6 CDR 7
3	Vẽ kí họa cảnh thiên nhiên			10	30	80	CDR 5 CDR 6 CDR 7
4	Tổng	15		30	60	210	

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

Khái niệm chung về Hình Họa

(Số tiết:30, lý thuyết:10, bài tập:0, thảo luận:0, tự học 20)

Giới thiệu cho Sinh viên mục tiêu môn học trong ngành học, nội dung môn học, kế hoạch lên lớp môn học theo lịch học. Khái quát chung về môn học, phương pháp vẽ tĩnh vật, phương pháp vẽ kí họa ngoài trời.

1.1. Khái niệm chung về vẽ Hình họa

1.1.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn lịch sử hình thành và phát triển của môn học

1.1.2. Vai trò của môn học trong ngành học và ứng dụng trong thực tế

1.2. Những yếu tố nghiên cứu của môn học hình họa

1.2.1. Ý nghĩa của hình khối, đường nét, đậm nhạt trong không gian và trên mặt phẳng, các nguyên lý biểu hiện không gian lên mặt phẳng

1.2.2. Phương pháp vẽ hình họa và vẽ kí họa bút chì

1.2.2. Phương pháp vẽ kí họa ngoài thiên nhiên bằng bút chì, bút sắt

Tài liệu tham khảo chương:

1. Tập bài giảng GV: Nguyễn Trọng Thương

2. Lê Thanh Lộc (1996), *Hình họa căn bản tập 1,2*, NXB Văn hóa thông tin

3- Triệu Khắc Lễ (2004) *Hình họa 1*, NXB ĐHSP.

Chương 2

Vẽ tĩnh vật

(Số tiết:40, lý thuyết: 0, thực hành 30; bài tập: 0, thảo luận:10, tự học: 80)

(Mỗi bài thực hành vẽ liền trong một buổi 4 tiết)

Hướng dẫn Sinh viên thực hành vẽ theo mẫu các bài theo tổ hợp, trong quá trình Sinh viên thực hành vẽ giảng viên trực tiếp hướng dẫn, thị phạm, nhận xét và kết thúc bài vẽ giảng viên chấm bài nhận xét đánh giá.

2.1. Vẽ các khối cơ bản bằng thạch cao

2.1.1. Tổ hợp 1: 1 bài (2 khối cơ bản :vuông, tròn) + Bài tập

2.1.2. Tổ hợp 2: 1 bài (3 khối cơ bản: vuông, tròn, nón) + Bài tập

2.1.3. Tổ hợp 3: 1 bài (3 khối cơ bản: nón, lăng trụ, khối trụ tròn) + Bài tập

2.2. Các bài vẽ khối biến dạng

2.2.1. Tổ hợp 4: 2 bài (Tổ hợp khối cơ bản kết hợp khối biến dạng đồng chất) + Bài tập

2.2.2. Tổ hợp 5: 2 bài (Tổ hợp khối cơ bản kết hợp khối biến dạng đa chất) + Bài tập

Tài liệu tham khảo chương:

1. Tập bài giảng GV: Nguyễn Trọng Thương

2. Lê Thanh Lộc (1996), *Hình họa căn bản tập 1,2*, NXB Văn hóa thông tin

3- Triệu Khắc Lễ (2004) *Hình họa 1*, NXB ĐHSP.

Chương 3

Vẽ kí họa cảnh thiên nhiên

(Số tiết:40, lý thuyết: 0, thực hành 30; bài tập: 0, thảo luận: 10, tự học 80)

(Mỗi bài thực hành vẽ liền trong một buổi 4 tiết)

Hướng dẫn Sinh viên thực hành vẽ các tổ hợp bài vẽ ngoài trời, phương pháp cắt cảnh, phương pháp dựng hình, phương pháp đẩy sâu và hoàn thiện bài vẽ. Trong quá trình Sinh viên vẽ giảng viên trực tiếp hướng dẫn, thị phạm nhận xét và kết thúc bài vẽ giảng viên chấm bài nhận xét đánh giá.

3.1. Vẽ kí họa cảnh thiên nhiên bằng chất liệu bút chì

3.1.1. Tổ hợp 1: 1 bài: (Vẽ góc cảnh) + Bài tập

3.1.2. Tổ hợp 2: 1 bài: (Vẽ góc cảnh) + Bài tập

3.1.3. Tổ hợp 3: 1 bài (Vẽ phong cảnh) + Bài tập

3.1.4. Tổ hợp 4: 1 bài: (Vẽ phong cảnh) + Bài tập

3.2. Phương pháp vẽ kí họa bằng chất liệu bút sắt

3.2.1. Tổ hợp 5: 2 bài: (Vẽ góc cảnh) + Bài tập

3.2.2. Tổ hợp 6: 2 bài: (Vẽ phong cảnh) + Bài tập

Tài liệu tham khảo chương:

1. Tập bài giảng GV: Nguyễn Trọng Thương

2. Lê Thanh Lộc (1996), *Hình họa căn bản tập 1,2*, NXB Văn hóa thông tin

3- Triệu Khắc Lễ (2004) *Hình họa 1*, NXB ĐHSP.

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Thời lượng (tiết)	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	<i>Chương 1. Những kiến thức chung về vẽ Hình họa.</i>	25	Thuyết trình, thảo luận	Powerpoint + Bảng phân
3	<i>Chương 2. Vẽ tĩnh vật.</i>	40	Hướng dẫn, thị phạm, nhận xét đánh giá	Giấy vẽ, bảng vẽ, bút chì, que đo dây dọi, mẫu vẽ
4	<i>Chương 4. Vẽ cảnh thiên nhiên.</i>	40	Hướng dẫn, thị phạm, nhận xét	Giấy vẽ, bảng vẽ, bút chì, bút sắt,

			đánh giá	khung cắt cảnh
--	--	--	----------	----------------

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học
- Điểm danh, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy
- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		0,4	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	0,1	CĐR 6 CĐR 7
2	Điểm thực hành trên lớp	- 7 bài thực hành về vẽ tĩnh vật - 8 bài thực hành vẽ phong cảnh ngoài trời	0,2	CĐR 1 CĐR 2 CĐR 3 CĐR 4 CĐR 5 CĐR 6 CĐR 7
3	Điểm thi giữa kỳ	Vẽ bài vẽ tĩnh vật kết hợp các khối cơ bản	0,1	CĐR 1 CĐR 2 CĐR 3 CĐR 4 CĐR 5
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi thực hành	0,6	CĐR 1 CĐR 2 CĐR 3 CĐR 4

					CDR 5 CDR 6 CDR 7
--	--	--	--	--	-------------------------

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

Lý thuyết

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Lên lớp đủ số giờ theo quy định	100	Đầy đủ 100% số lượng giờ học theo quy định	Đủ 85% số lượng giờ học theo quy định	Đủ 50% số lượng giờ học theo quy định	Dưới 50% số lượng giờ học theo quy định	10
Điểm tổng						10

Thực hành

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Đủ số lượng bài vẽ theo quy định	20	Đầy đủ 100% số lượng bài vẽ theo quy định	Đủ trên 85% số lượng bài vẽ theo quy định	Đủ trên 50% số lượng bài vẽ theo quy định	Dưới 50% số lượng bài vẽ theo quy định	2
Bố cục, bài vẽ hợp lý, cân đối, hài hòa trên khổ giấy	30	Bài vẽ bố cục tổng thể trên khổ giấy không quá to, không quá nhỏ, không lệch sang trái, phải, trên, dưới	Bài vẽ có bố cục tổng thể trên khổ giấy lệch 1 trong 5 yếu tố trên - Không quá to - không quá nhỏ - Không lệch sang trái - Không lệch sang phải - Không lệch trên, dưới	Bài vẽ có bố cục tổng thể trên khổ giấy lệch 2 trong 5 yếu tố trên - Không quá to - không quá nhỏ - Không lệch sang trái - Không lệch sang phải - Không lệch trên	Bài vẽ có bố cục tổng thể trên khổ giấy lệch 3 trong 5 yếu tố trên - Không quá to - không quá nhỏ - Không lệch sang trái - Không lệch sang phải - Không lệch trên	3
Tỷ lệ, cấu trúc hình thể các vật thể, trong tổng thể cân đối	30	Bài vẽ có tỷ lệ, cấu trúc hình thể các vật thể, trong tổng thể cân đối so với mẫu đạt 90%	Bài vẽ có tỷ lệ, cấu trúc hình thể các vật thể, trong tổng thể cân đối so với mẫu đạt 80%	Bài vẽ có tỷ lệ, cấu trúc hình thể các vật thể, trong tổng thể cân đối so với mẫu đạt 50%	Bài vẽ có tỷ lệ, cấu trúc hình thể các vật thể, trong tổng thể cân đối so với mẫu đạt dưới 50%	3

Đậm nhạt tạo được chiều sâu trong không gian, có đặc điểm vật thể	20	Đậm nhạt bài vẽ tạo được chiều sâu trong không gian, có đặc điểm vật thể đạt 90% so với vật mẫu	Đậm nhạt bài vẽ tạo được chiều sâu trong không gian, có đặc điểm vật thể đạt 80% so với vật mẫu	Đậm nhạt bài vẽ tạo được chiều sâu trong không gian, có đặc điểm vật thể đạt 50% so với vật mẫu	Đậm nhạt bài vẽ tạo được chiều sâu trong không gian, có đặc điểm vật thể đạt dưới 50% so với vật mẫu	3
Điểm tổng						10

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

Bài giảng Hình họa 1: Nguyễn Trọng Thương giảng viên Bộ môn Mỹ thuật.

12.2. Tài liệu tham khảo

- 1- Triệu Khắc Lễ (2004) Hình họa 1, NXB ĐHSP.
- 2- Nguyễn Văn Tỵ (1996) Bước đầu học vẽ, NXB Mỹ thuật.
- 3- Lê Thanh Lộc (1996) Hình họa căn bản tập 1,2. NXB Văn hóa thông tin.
- 4- Gia Bảo (2010) Kỹ thuật vẽ tranh bằng bút sắt, NXB Mỹ thuật.
- 5- Gia Bảo (2009) Vẽ tĩnh vật đơn thể, NXB Mỹ thuật.
- 6- Phạm Huỳnh Hương Trang (2010) Bí quyết vẽ bút chì, NXB Tổng hợp TPHCM

HỌC PHẦN: HÌNH HỌA MÀU

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Hình họa màu

Tên học phần tiếng Anh: The drawing of fine art 2

1.2. Mã học phần: HHM14

1.3 Số tín chỉ: 04

Lý thuyết: 15 tiết

Bài tập: 30 tiết

Thảo luận: 0 tiết

Thực hành: 60 tiết

Tự học: 210 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Mỹ Thuật

Viện: KTCQ&CXĐT

3. Điều kiện tiên quyết: Hình họa 1

4. Mục tiêu của học phần

4.1 Kiến thức:

Hiểu được các kiến thức về màu sắc và phương pháp dựng hình và hoàn thiện nội dung bài vẽ bằng chất liệu màu gouache, để có thể vận dụng vào các bài vẽ Hình họa màu, Thực tập nghề nghiệp 1 trong ngành thiết kế nội thất.

4.2 Kỹ năng:

- Vận dụng được các phương pháp sử dụng màu sắc và phương pháp thể hiện các đối tượng trong bài vẽ bằng chất liệu màu gouache.

- Sinh viên sẽ có kỹ năng vẽ chất liệu màu gouache thông qua các bài tập, thực hành vẽ tĩnh vật, phong cảnh qua đó ứng dụng vào các bài vẽ, TTNN1 và các đồ án diễn họa tay thiết kế nội thất.

- Sinh viên sẽ có phương pháp xử lý màu sắc, đậm nhạt, ánh sáng, mảng khối, không gian hài hòa trên bản vẽ.

- Sau khi kết thúc học phần này sinh viên sẽ đạt được kỹ năng vẽ tay thể hiện hoàn thành các bài tập vẽ tĩnh vật, phong cảnh trong giờ thực hành môn học. Áp dụng hiệu quả các kiến thức, kỹ năng trong môn học qua các bài tập vẽ tĩnh vật hay phong cảnh ngoài trời về màu sắc, ánh sáng, mảng, khối, không gian để có kiến thức phục vụ vào TTNN1, các học phần liên quan đến xử lý về màu sắc, đồ án của ngành thiết kế nội thất.

4.3 Thái độ:

- Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành trên lớp, chuẩn bị đủ dụng cụ, vật tư phục vụ các nội dung của đồ án theo yêu cầu của học phần.

- Nghiêm túc trong học tập, nhận thức rõ tính quan trọng của môn học trong chương trình đào tạo và thực tiễn.

- Có ý thức học hỏi nâng cao phương pháp tư duy, thể hiện bài vẽ và vận dụng sáng tạo những kiến thức mới để phát triển chuyên môn.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Hình họa màu gồm 4 tín chỉ, chia làm 3 phần. Phần thứ nhất kiến thức chung về môn học Hình họa màu. Phần thứ hai phương pháp vẽ tĩnh vật bằng chất liệu màu gouache. Phần thứ ba vẽ cảnh quan bằng màu gouache. Hình họa màu là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở, khối ngành trong chương trình đào tạo ngành Thiết kế nội thất. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về màu sắc, phương pháp bố cục, dựng hình, xử lý màu sắc, đậm nhạt, không gian và hoàn thiện bài vẽ bằng chất liệu màu gouache của các bài vẽ ở trong phòng học và ngoài trời. Sau khi kết thúc học phần sinh viên sẽ đạt được kỹ năng trong môn học thông qua các bài tập vẽ tĩnh vật hay phong cảnh ngoài trời về màu sắc, ánh sáng, mảng, khối, không gian để có kiến thức phục vụ vào TTNN1 và các học phần liên quan đến xử lý màu sắc của ngành thiết kế nội thất.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR		Nội dung chuẩn đầu ra
CDR CTĐT	CDR HP	
Về kiến thức		

CĐR 1	CĐR 1	Hiểu được các kiến thức cơ bản về màu sắc
	CĐR 2	Hiểu được phương pháp dựng hình và hoàn thiện nội dung bản vẽ bằng chất liệu màu gouache
Về kỹ năng		
CĐR 2	CĐR 3	Áp dụng được các phương pháp phân tích hình thái vật thể, dựng hình, xử lý màu sắc và bố cục bản vẽ
	CĐR 4	Sử dụng thành thạo các công cụ vẽ và phương pháp vẽ thể hiện bài vẽ bằng chất liệu màu gouache
	CĐR5	Biết vận dụng phương pháp tư duy tổng hợp, vận dụng sáng tạo các kiến thức được trang bị trong lĩnh vực mỹ thuật để áp dụng trong xây dựng ý tưởng và có kiến thức áp dụng vào TTNN1 các học phần liên quan đến xử lý màu sắc của ngành thiết kế nội thất
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CĐR 17	CĐR 6	Có tác phong công nghiệp, có tinh thần hợp tác làm việc nhóm, có thái độ cởi mở, thân tình với đồng nghiệp.
		<ul style="list-style-type: none"> - Có thái độ làm việc khoa học, năng động, thái độ phục vụ tốt. - Hình thành ý thức tự học hỏi nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn, có ý thức kỷ luật chấp hành nội quy quy chế trong học tập - Có đạo đức nghề nghiệp tốt, trách nhiệm với cộng đồng
CĐR 19	CĐR7	

7. Cấu trúc nội dung học phần

TT chương	Tên chương ¹⁷	Hình thức tổ chức dạy học học phần						Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lên lớp							
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực				
1	Những kiến thức chung về môn Hình họa màu	15						CĐR1,2	
2	Vẽ tĩnh vật bằng chất liệu màu gouache		10		15		50	CĐR1,2,3,4,5,6,7	
3	Vẽ cảnh quan bằng màu gouache		5		15		40	CĐR1,2,3,4,5,6,7	
	Tổng	15	15		30		210		

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

Những kiến thức chung về môn Hình họa màu

(Số tiết: 15, lý thuyết: 15, bài tập: 0, Th/Tt:0)
(Mỗi bài thực hành vẽ liền trong một buổi 4 tiết)

Ôn tập và giới thiệu một số kiến thức, kỹ năng cơ bản liên quan đến màu sắc, các yếu tố tạo hình, phương pháp phân tích cấu trúc hình thể và tương quan tỷ lệ, màu sắc và phương pháp xử lý màu sắc để sinh viên có thể vận dụng trong quá trình thực hiện các bài vẽ theo từng nội dung.

1.1 Khái niệm về màu sắc

1.2 Màu sắc trong tự nhiên và trong hội họa

1.2.1. Màu sắc trong tự nhiên.

1.2.2. Màu sắc trong hội họa.

1.3 Vai trò của Hình họa màu trong học tập, sáng tác và thiết kế

1.4 Những yếu tố tạo hình của Hình họa màu

1.4.1. Đường nét

1.4.2. Mảng khối

1.4.3. Không gian

1.4.4. Kết cấu

1.4.5. Bố cục

1.4.6. Sắc độ

1.4.7. Hòa sắc

1.5. Phương pháp phân tích cấu trúc hình thể và tương quan tỷ lệ

1.3.1. Cấu trúc hình thể

1.3.2. Tương quan tỷ lệ

Tài liệu tham khảo chương

1. Nguyễn Trọng Thường, Bài giảng Vẽ mỹ thuật 2

2. Phạm Huỳnh Hương Trang (2010), Bí quyết vẽ màu nước, Nxb Tổng hợp TPHCM

3. Đàm Luyện (2004), Giáo trình bố cục 1,2,3, NXB ĐH Sư phạm

Chương 2

Vẽ tĩnh vật bằng màu Gouache

(Số tiết: 25, lý thuyết: 0, bài tập: 10, Th/Tt: 15)

(Mỗi bài thực hành vẽ liền trong một buổi 4 tiết)

Giới thiệu một số kiến thức, kỹ năng cơ bản liên quan đến vẽ tĩnh vật bằng chất liệu màu gouache để sinh viên có thể vận dụng trong quá trình thực hiện các bài vẽ.

2.1. Kiến thức chung.

2.1.1. Màu gouache là gì? Tính chất cơ bản của màu gouache

2.1.2. Họa cụ phục vụ cho quá trình thực hành vẽ màu gouache

2.1.3. Phương pháp vẽ màu gouache

2.2. Vẽ tĩnh vật bằng màu nước.

2.2.1. Quan sát, phân tích đối tượng

2.2.2. Xác định bố cục, dựng hình, lên màu và hoàn thiện

2.2.3. Cơ sở đánh giá một bài vẽ đạt yêu cầu.

- Bố cục cân đối (không quá lớn, quá nhỏ, không lệch phải, trái, lên cao, xuống thấp)

- Tỷ lệ hình cân đối, đúng tương quan (so với vật mẫu)

- Đường nét vừa phải (không quá thô, quá mảnh, không quá loạn, quá đậm, quá nhạt...)

- Đậm nhạt, hòa sắc tốt, đúng tương quan (so với mẫu)

Tài liệu tham khảo của chương:

1. Triệu Khắc Lễ (2004) Hình họa 3, NXB ĐHSP.

2. Phạm Huỳnh Hương Trang (2010) Bí quyết vẽ màu nước, NXB Tổng hợp TPHCM

Chương 3

Vẽ cảnh quan bằng màu Gouache

(Số tiết: 20, lý thuyết: 0, bài tập: 5, Th/Tt: 15)

(Mỗi bài thực hành vẽ liền trong một buổi 4 tiết)

3.1 Kiến thức chung

3.1.1 Các dụng cụ vẽ cảnh quan

3.1.2 Phương pháp lấy bố cục, cắt cảnh

3.1.3 Phương pháp lấy điểm tụ, đường chân trời và dựng hình

3.2 Phương pháp vẽ cảnh quan

3.2.1 Quan sát, phân tích đặc điểm đối tượng cảnh quan

3.2.2 Xác định bố cục, dựng hình, lên màu và hoàn thiện

3.2.3 Cơ sở đánh giá một bài vẽ đạt yêu cầu.

- Các bài tập, thực hành cho Sv vẽ phong cảnh trong phạm vi khuôn viên trường

ĐHLN

- Bố cục, hình, nét, đậm nhạt đúng tương quan (so với cảnh mẫu hoặc cảnh thực tế)

- Hòa sắc, kỹ năng (thể hiện đạt yêu cầu của Gv hướng dẫn)

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Trọng Thương, Bài giảng Vẽ mỹ thuật 2

2. Triệu Khắc Lễ, (2004), Hình họa 3, NXB ĐHSP.

3. Phạm Huỳnh Hương Trang (2010) Bí quyết vẽ màu nước, NXB Tổng hợp TPHCM

4. Đàm Luyện (2004), Giáo trình bố cục 1,2,3- NXB Đh Sư phạm

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
------------	-----------------	------------------------------	-----------------------------------

Chương 1	Những kiến thức chung về môn Hình họa màu	Thuyết trình – Thảo luận	Máy chiếu, Bảng phấn Các dụng cụ, vật liệu vẽ
Chương 2	Vẽ tĩnh vật bằng màu gouache	Thuyết trình, thực hành	Máy chiếu- Các dụng cụ và vật liệu vẽ
Chương 3	Vẽ cảnh quan bằng màu gouache	Thuyết trình, thực hành	Máy chiếu- Các dụng cụ và vật liệu vẽ

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Thông báo những quy định giờ lên lớp nghe giảng và hoàn thành bài tập được giao. Thông báo cho sinh viên chuẩn bị vật tư cần thiết để làm các bài tập
- Điềm danh lên lớp của sinh viên mỗi đầu buổi học
- Giới thiệu khái quát mục tiêu và nội dung của học phần, giới thiệu tài liệu tham khảo
- Trong quá trình giảng bài chú trọng liên hệ thực tiễn, nêu vấn đề để sinh viên trao đổi
- Tóm tắt và kiểm tra tình hình nắm bắt nội dung của giờ giảng đã thực hiện, trước khi bước vào nội dung mới của buổi học.

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

11.1. Thang điểm đánh giá: Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình			
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	0,2	CĐR6,7
2	Điểm bài tập	Trả lời câu hỏi và làm bài tập		
3	Điểm bài thuyết trình	Theo nhóm hoặc cá nhân		
4	Điểm thi giữa kỳ	Thi viết/thi vấn đáp/trắc nghiệm....		
5	Điểm thực hành	Theo nhóm hoặc cá nhân	0,2	CĐR1,2,3,4,5,6,7
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi viết/thi vấn đáp/trắc nghiệm.....	0,6	CĐR1,2,3,4,5,6,7

Ghi chú: Điểm quá trình chiếm trọng số 0,4; điểm thi cuối kỳ 0,6. Điểm quá trình nhất

thiết phải có điểm chuyên cần và điểm thi giữa kỳ, những điểm thành phần khác có hay không tùy thuộc vào phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá của học phần.

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

1. Đánh giá kết quả bài tập cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Bài tập thực hiện	30	Đủ số bài tập, hình thức sạch đẹp. Đúng hạn.	Đủ số lượng bài tập. Đúng hạn.	Đủ bài tập nhưng nộp trễ. Thiếu 10% bài tập.	Dưới 80% bài tập. Bài tập do người khác thực hiện.	3
Nội dung	70	Đúng trên 90% yêu cầu.	Đúng 70 - 90% yêu cầu.	Đúng 40 - 70% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm đúng dưới 40%. Nội dung kiến thức không đạt yêu cầu.	7
Điểm tổng						10

2. Đánh giá kết quả bài thực hành, bài thi

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Quy trình thực hiện	30	Đầy đủ, chính xác trình tự của tất cả các bước.	Đầy đủ nhưng chưa đúng trình tự các bước.	Đúng trình tự các bước của quy trình thực hiện nhưng thiếu 1 bước.	Thiếu bước và trình tự của quy trình không chính xác.	5
Thao tác thực hiện	30	Thực hiện các thao tác thuần thục, chính xác.	Thực hiện các thao tác tốt, chính xác.	Thực hiện các thao tác chậm, độ chính xác của thao tác tạm chấp nhận được.	Thao tác chậm, không chính xác.	4
Thời gian thực hiện	10	Thời gian hoàn thành < 80% thời gian quy định.	Thời gian hoàn thành < 90% thời gian quy định.	Thời gian hoàn thành = thời gian quy định.	Thời gian hoàn thành > thời gian quy định.	1
Điểm tổng						10

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

Nguyễn Trọng Thương, Bài giảng Vẽ mỹ thuật 2

12.2. Tài liệu tham khảo

1. Triệu Khắc Lễ, (2004), Hình họa 3, NXB ĐHSP.

2. Phạm Huỳnh Hương Trang (2010) Bí quyết vẽ màu nước, NXB Tổng hợp TPHCM
3. Đàm Luyện (2004), Giáo trình bố cục 1,2,3- NXB Đh Sư phạm.

HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHUYÊN NGÀNH NỘI THẤT

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành nội thất

Tên học phần tiếng Anh: Scientific research method of Interior design major

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ:

Lý thuyết	: 25 tiết
Bài tập	: 05 tiết
Thảo luận	: 0 tiết
Thực hành/thực tập	: 0 tiết
Tự học	: 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần:

Bộ môn: Thiết kế đồ Gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp Gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức:

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học, đề tài và đề cương nghiên cứu khoa học, các nội dung và phương pháp cơ bản xây dựng báo cáo khoa học và luận văn tốt nghiệp đại học chuyên ngành Thiết kế Nội thất.

4.2. Kỹ năng:

Sinh viên có kỹ năng xây dựng và triển khai đề cương và báo cáo nghiên cứu khoa học, xây dựng và triển khai đề cương và báo cáo của luận văn tốt nghiệp.

4.3. Thái độ: Sinh viên có ý thức trong tự học tập, rèn luyện và cập nhật kiến thức; Có thái độ nghiêm túc, trung thực trong quá trình học tập và thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu khoa học nói riêng trong lĩnh vực thiết kế nội thất;

Các phương pháp xây dựng đề tài và đề cương của đề tài nghiên cứu khoa học và luận văn tốt nghiệp chuyên ngành thiết kế nội thất; Các nội dung cơ bản của báo cáo khoa học và luận văn tốt nghiệp chuyên ngành thiết kế nội thất.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR1	Hiểu được các kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học
CDR2	Hiểu được các phương pháp xây dựng đề tài và đề cương của đề tài nghiên cứu khoa học và luận văn tốt nghiệp chuyên ngành thiết kế nội thất
CDR3	Hiểu được nội dung cấu trúc về báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp đại học chuyên ngành Thiết kế nội thất
Về kỹ năng	
CDR4	Hiểu, viết được đề cương NCKH và trình bày báo khoa học
CDR5	Hiểu, viết được đề cương luận văn tốt nghiệp chuyên ngành Thiết kế Nội thất
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR6	Hiểu và áp dụng được các kiến thức trong NCKH để giải quyết các vấn đề báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp
CDR7	Hiểu được trách nhiệm của bản thân trong quá trình học tập và sáng tạo, trong làm việc nhóm

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lên lớp						
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập			
1	Chương 1: Những vấn đề chung về NCKH	8					CDR1	
2	Chương 2: Phương pháp NCKH	6					CDR1 CDR2	
3	Chương 3: Đề tài NCKH	5	3				CDR1 CDR2 CDR4 CDR7	

4	Chương 4. Báo cáo khoa học	6	2				CDR 3-7
---	-----------------------------------	---	---	--	--	--	---------

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

Những vấn đề chung về NCKH

(Số tiết: 8, lý thuyết: 8 tiết; bài tập: 0)

1.1. Các khái niệm

- 1.1.1. Nghiên cứu khoa học
- 1.1.2. Tri thức thường nghiệm và tri thức khoa học
- 1.1.3. Chức năng và đặc điểm của NCKH

1.2. Đặc điểm cơ bản của NCKH

- 1.2.1. Mô tả
- 1.2.2. Giải thích
- 1.2.3. Dự báo
- 1.2.4. Sáng tạo

1.3. Chức năng của NCKH

- 1.3.1. Tính mới
- 1.3.2. Tính thông tin
- 1.3.3. Tính khách quan
- 1.3.4. Tính tin cậy
- 1.3.5. Tính rủi ro
- 1.3.6. Tính kế thừa
- 1.3.7. Tính cá nhân
- 1.3.8. Tính phi kinh tế

1.4. Nội dung cơ bản của NCKH

- 1.4.1. Thiết lập sự kiện
- 1.4.2. Phát hiện vấn đề nghiên cứu
- 1.4.3. Giả thuyết nghiên cứu

1.5. Loại hình cơ bản của NCKH

- 1.5.1. Khái niệm
- 1.5.2. Loại hình NCKH
- 1.5.3. Chuyển giao công nghệ

Chương 2

Phương pháp NCKH

(Số tiết: 6, lý thuyết: 6 tiết; bài tập: 0)

2.1. Khái niệm

- 2.1.1. Định nghĩa
- 2.1.2. Phân loại

2.2. Các phương pháp NCKH

- 2.2.1. Phương pháp nghiên cứu lí thuyết
- 2.2.2. Phương pháp nghiên cứu thực nghiệm
- 2.2.3. Phương pháp nghiên cứu phi thực nghiệm

Chương 3

Đề tài NCKH

(Số tiết: 8, lý thuyết: 5 tiết; bài tập: 3)

3.1. Các khái niệm chung

- 3.1.1. Đề tài nghiên cứu
- 3.1.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

3.2. Các khái niệm đặc thù

- 3.2.1. Đối tượng nghiên cứu
- 3.2.2. Phạm vi nghiên cứu
- 3.2.3. Mục tiêu nghiên cứu
- 3.2.4. Nội dung nghiên cứu
- 3.2.5. Phương pháp nghiên cứu

3.3. Đặt tên đề tài

- 3.3.1. Khái niệm
- 3.3.2. Dạng tên đề tài

3.4. Xây dựng đề cương đề tài NCKH

- 3.4.1. Lí do chọn đề tài/Tính cấp thiết
- 3.4.2. Xác định đối tượng, mục tiêu, phạm vi,....
- 3.4.3. Tính toán các nguồn lực nghiên cứu
- 3.4.4. Soạn thảo văn bản kế hoạch nghiên cứu

Chương 4

Báo cáo khoa học

(Số tiết: 8, lý thuyết: 6 tiết; bài tập: 2)

4.1. Phân loại báo cáo khoa học

- 4.1.1. Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học
- 4.1.2. Luận văn khoa học

4.2. Đề cương báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học

- 4.2.1. Bố cục chung của báo cáo
- 4.2.2. Cách đánh số chương và mục của báo cáo
- 4.2.3. Viết tóm tắt báo cáo

4.3. Đề cương luận văn đại học

- 4.3.1. Phân loại luận văn khoa học
- 4.3.2. Yêu cầu chất lượng luận văn
- 4.3.3. Trình tự chuẩn bị luận văn
- 4.3.4. Viết luận văn

4.4. Ngôn ngữ khoa học

- 4.4.1. Văn phong khoa học

4.4.2. Ngôn ngữ toán học

4.4.3. Sơ đồ

4.4.4. Hình vẽ và ảnh

4.4.5. Trích dẫn khoa học

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	Chương 1: Những vấn đề chung về NCKH	Thuyết trình và hỏi đáp	Máy tính, Máy chiếu, phấn bảng
2	Chương 2: Phương pháp NCKH	Thuyết trình và hỏi đáp	Máy tính, Máy chiếu, phấn bảng
3	Chương 3: Đề tài NCKH	Thuyết trình và hỏi đáp	Máy tính, Máy chiếu, phấn bảng
4	Chương 4. Báo cáo khoa học	Thuyết trình và hỏi đáp	Máy tính, Máy chiếu, phấn bảng

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị tốt nội dung bài giảng
- Chuẩn bị đầy đủ các vật tư, vật liệu phục vụ giảng dạy
- Lên lớp đúng giờ quy định, thực hiện đúng nội quy, quy chế đối với giảng viên
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên theo đúng quy định trong quá trình giảng dạy
- Đảm bảo tính minh bạch, khách quan, công bằng trong quá trình dạy và đánh giá sinh viên

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 80% số giờ lý thuyết
- Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. *Cách đánh giá:*

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		10	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	10%	CĐR 1-7
2	Điểm bài tập	Thuyết trình và trả lời đầy đủ các bài tập theo yêu cầu	10%	CĐR 1-5
3	Điểm thi giữa kỳ	Viết 01 bài tiểu luận nhỏ	20%	CĐR 1-5
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi viết/thi vấn đáp/....	60%	CĐR 1-7

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. Đánh giá kết quả điểm chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả kiểm tra bài tập

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả kiểm thi giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.4. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc: Không

12.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Thiết, Bài giảng Viết luận khoa học, 2012.
2. Vũ Cao Đàm, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB KHKT 1998.
3. Vũ Cao Đàm, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB Thế giới 2008

HỌC PHẦN: CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: **Cơ sở văn hóa Việt Nam**

Tên học phần tiếng Anh: **Introduction to Vietnamese Culture**

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 02

Lý thuyết	: 20 tiết
Bài tập	: 0 tiết
Thảo luận	: 20 tiết
Thực hành/thực tập	: 0 tiết
Tự học	: 80 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn Mỹ thuật

Viện Kiến trúc cảnh quan & Cây xanh đô thị

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức:

- + Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hoá nói chung và văn hoá Việt Nam;
- + Giới thiệu một số thành tựu văn hoá tiêu biểu ở các giai đoạn và thời kỳ chính của văn hoá Việt Nam;
- + Giúp cho sinh viên hiểu được một số lĩnh vực văn hoá tiêu biểu của Việt Nam như: văn hoá nhận thức, văn hoá tín ngưỡng, tôn giáo, văn hoá lễ tết, lễ hội, văn hoá nghệ thuật, văn hoá ẩm thực, văn hóa trang phục, nhà ở... và nắm rõ được các đặc trưng văn hoá của từng vùng ở nước ta.

4.2. Kỹ năng

Sau khi học xong môn học, sinh viên cần đạt được các yêu cầu sau đây:

- + Áp dụng những hiểu biết về văn hóa để có cách ứng xử trong cuộc sống một cách hài hòa, hợp lý.
- + Có khả năng phân tích, tiếp nhận các trào lưu văn hóa mới du nhập vào Việt nam để tiếp biến một cách linh hoạt
- + Vận dụng dụng hiệu quả các giá trị văn hóa và văn hóa Việt nam vào ngành

học

4.3. Thái độ:

+ Từ nhận thức đúng đắn về các giá trị văn hóa đích thực có khả năng tự đánh giá những chào lưu phi văn hóa, biết tôn trọng và giữ gìn bản sắc văn hóa riêng các vùng miền trong cả nước.

+ Có niềm tin và lòng tự hào về các giá trị văn hóa đã được đúc kết trong lịch sử, để từ đó có thái độ ứng xử có văn hóa trong cuộc sống sinh hoạt và học tập.

+ Thái độ văn hóa phải được rèn luyện, tu dưỡng thường xuyên, hàng ngày, hàng giờ để hình thành một nền tảng đạo đức nhân bản.

+ Yêu cầu học viên phải nghiêm túc và chấp hành mọi quy định trong quá trình học tập và rèn luyện.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Môn học CSVHVN là môn học bắt buộc trong một số ngành học theo trương trình chung của bộ GD. Học phần với 2 tín chỉ giới thiệu những kiến thức cơ bản về văn hóa nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng. Học phần giúp Sinh viên hiểu được những giá trị cốt lõi của văn hóa Việt Nam trong dòng chảy lịch sử và sự tiếp biến linh động đã và đang diễn ra. Từ đó có nhận thức đúng đắn về các giá trị văn hóa đích thực và những chào lưu phi văn hóa, biết tôn trọng bản sắc văn hóa riêng các vùng miền trong cả nước. Có niềm tin và lòng tự hào để xây dựng một nền văn hóa tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc. Để từ đó có cách ứng xử văn hóa trong cuộc sống sinh hoạt và học tập.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
VỀ KIẾN THỨC	
CDR1	Sinh viên nắm vững được kiến thức cơ bản về môn học.
CDR2	Giới thiệu một số thành tựu văn hoá tiêu biểu ở các giai đoạn và thời kỳ chính của văn hoá Việt Nam.
CDR3	Giúp cho sinh viên hiểu được một số lĩnh vực văn hoá, như: văn hoá nhận thức, văn hoá tín ngưỡng, tôn giáo, văn hoá lễ tết, lễ hội, văn hoá nghệ thuật, văn hoá ẩm thực, văn hóa trang phục, nhà ở... và nắm được các đặc trưng văn hoá của từng vùng ở nước.
VỀ KỸ NĂNG	
CDR4	Áp dụng những hiểu biết về văn hóa để có cách ứng xử trong cuộc sống một cách hài hòa, hợp lý.
CDR5	Có khả năng phân tích, tiếp nhận các trào lưu văn hóa mới du nhập vào Việt nam để tiếp biến một cách linh hoạt.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR6	Từ nhận thức đúng đắn về các giá trị văn hóa đích thực có khả năng tự đánh giá những chào lưu phi văn hóa, biết tôn trọng và giữ gìn bản sắc văn hóa riêng các vùng miền trong cả nước.
CĐR 7	Có niềm tin và lòng tự hào về các giá trị văn hóa đã được đúc kết trong lịch sử, để từ đó có thái độ ứng xử có văn hóa trong cuộc sống sinh hoạt và học tập.

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	CHƯƠNG I VĂN HÓA VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM	5		5		20	CĐR 1 CĐR 2 CĐR 3 CĐR 4 CĐR 8 CĐR 9
2	CHƯƠNG II MỘT SỐ LĨNH VỰC VĂN HÓA	5		5		20	CĐR 5 CĐR 6 CĐR 7
3	CHƯƠNG III CÁC VÙNG VĂN HÓA VIỆT NAM	5		5		20	CĐR 5 CĐR 6 CĐR 7
4	CHƯƠNG IV KẾT LUẬN: VĂN HÓA VIỆT NAM TỪ TRUYỀN THỐNG ĐẾN HIỆN ĐẠI	5		5		20	CĐR 5 CĐR 6 CĐR 7
	Tổng	20		20		80	

8. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1.

VĂN HÓA VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM

Tổng số tiết: 10 tiết; Trong đó: lý thuyết: 5 tiết, thảo luận: 5 tiết

1.1. Văn hóa

- 1.1.1. Định nghĩa về văn hóa
- 1.1.2. Bản chất của văn hóa
- 1.1.3. Các đặc trưng và chức năng của văn hóa
- 1.1.4. Phân biệt các khái niệm, Văn hóa, văn minh, văn hiến, văn vật
- 1.1.5. Cấu trúc của văn hóa
- 1.1.6. Loại hình văn hóa

1.2. Văn hóa Việt Nam

- 1.2.1. Chủ thể văn hóa Việt Nam
- 1.2.2. Thời gian văn hóa
- 1.2.3. Không gian văn hóa
- 1.2.4. Tiến trình văn hoá Việt Nam
 - 1.2.4.1. Lóp văn hoá bản địa
 - 1.2.4.2. Lóp văn hóa giao lưu với Trung Hoa và Ấn Độ
 - 1.2.4.2. Lóp văn hóa giao lưu với phương Tây .

CHƯƠNG 2.

MỘT SỐ LĨNH VỰC VĂN HÓA

Tổng số tiết: 10 tiết; Trong đó: lý thuyết: 5 tiết, thảo luận: 5 tiết

2.1. Văn hóa vật chất

- 2.1.1. Văn hóa ẩm thực
- 2.1.2. Trang phục
- 2.1.3. Nhà ở
- 2.1.4. Phương tiện đi lại

2.2. Văn hóa tinh thần

- 2.2.1. Văn hoá nhận thức
- 2.2.2. Văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo
- 2.2.3. Văn hóa lễ tết, lễ hội
- 2.2.4. Văn hóa nghệ thuật
- 2.2.5. Văn hóa các thú chơi

2.3. Văn hóa giao tiếp và ứng xử

CHƯƠNG 3.

CÁC VÙNG VĂN HÓA VIỆT NAM

Tổng số tiết: 10 tiết; Trong đó: lý thuyết: 5 tiết, thảo luận: 5 tiết

3.1. Vùng văn hóa Tây Bắc

- 3.1.1. Điều kiện tự nhiên và xã hội
- 3.1.2. Các đặc trưng văn hóa của vùng Tây Bắc

3.2. Vùng văn hóa Việt Bắc

3.2.1. Điều kiện tự nhiên và xã hội

3.2.2. Các đặc trưng văn hóa của vùng Việt Bắc

3.3. Vùng văn hóa Bắc Bộ

3.3.1. Điều kiện tự nhiên và xã hội

3.3.2. Các đặc trưng văn hóa của vùng Bắc Bộ

3.4. Vùng văn hóa Trung Bộ

3.4.1. Điều kiện tự nhiên và xã hội

3.4.2. Các đặc trưng văn hóa của vùng Trung Bộ

3.5. Vùng văn hóa Nam bộ

3.5.1. Điều kiện tự nhiên và xã hội

3.5.2. Các đặc trưng văn hóa của vùng Nam Bộ

3.6. Vùng văn hóa Tây nguyên

3.6.1. Điều kiện tự nhiên và xã hội

3.6.2. Các đặc trưng văn hóa của vùng Tây Nguyên

CHƯƠNG 4

KẾT LUẬN: VĂN HÓA VIỆT NAM TỪ TRUYỀN THỐNG ĐẾN HIỆN ĐẠI

Tổng số tiết: 10 tiết; Trong đó: lý thuyết: 5 tiết, thảo luận: 5 tiết

4.1. Hàng số văn hoá Việt Nam

+ Bản sắc văn hoá dân tộc

+ Giá trị văn hoá truyền thống

4.2. Giá trị văn hoá tiêu biểu

Văn hoá truyền thống đứng trước công nghiệp hoá - hiện đại hóa

9. Phương pháp giảng dạy

TT	Danh mục	Phương pháp giảng dạy
	THẢO LUẬN	
1	Bài 1: Thực trạng các phong tục tập quán đã và đang tồn tại trong xã hội ngày nay, cần phát huy và bảo vệ loại bỏ những yếu tố nào? Qua đó trình bày quan điểm của mình về bản sắc văn hóa Việt Nam.	Làm việc nhóm, thảo luận, Phân tích, báo cáo, nhận xét, đánh giá.
2	Bài 2: Với sự bùng nổ các chào lưu văn hóa mới ngày nay trên các diễn đàn thông tin đại chúng, trình bày giải pháp để vừa giữ gìn bản sắc văn hóa riêng và xây dựng nên văn	Làm việc nhóm, thảo luận, Phân tích, báo cáo, nhận xét, đánh giá.

	hóa tiên tiến .	
3	Bài 3: Trình bày các giải pháp ứng dụng bản sắc văn hóa dân tộc để làm động lực phát triển kinh tế xã hội	Làm việc nhóm, thảo luận, Phân tích, báo cáo, nhận xét, đánh giá.
4	Bài 4: Trình bày bản sắc Văn hóa Việt nam và những thách thức trong giai đoạn hiện nay	Làm việc nhóm, thảo luận, Phân tích, báo cáo, nhận xét, đánh giá.

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học
- Điềm danh, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy
- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. Thang điểm đánh giá: Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		0,4	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	0,1	CĐR 6 CĐR 7
2	Điểm thực hành trên lớp	4 bài thảo luận trên lớp	0,1	CĐR 1 CĐR 4 CĐR 5 CĐR 6 CĐR 7

3	Điểm thi giữa kỳ	Trình chiếu báo cáo	0,4	CĐR 1 CĐR 4 CĐR 5 CĐR 6 CĐR 7
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi thực hành	0,6	CĐR 1 CĐR 4 CĐR 5 CĐR 6 CĐR 7

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

- + Bài giảng của giáo viên
- + Tài liệu phát tay

12.2. Tài liệu tham khảo

- + Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Giáo trình, NXB Giáo dục, Hà Nội;
- + Trần Quốc Vượng, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Giáo trình, NXB Giáo dục, Hà Nội

MÔN HỌC: LỊCH SỬ MỸ THUẬT

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên môn học

Tên tiếng Việt: Lịch sử mỹ thuật

Tên tiếng Anh: History of art

1.2. Mã học phần: LS10

1.3. Số tín chỉ: 2

Lý thuyết	:20 tiết
Bài tập	: 0 tiết
Thảo luận	: 20 tiết
Thực hành/thực tập	: 0 tiết
Tự học	: 80 tiết

2. Đơn vị phụ trách học phần:

Bộ môn: Mỹ thuật

Viện Kiến trúc cảnh quan và Cây xanh đô thị

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

Sau khi học môn học này, sinh viên có khả năng:

4.1. Kiến thức:

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử mỹ thuật Việt Nam và lịch sử mỹ thuật thế giới qua các thời kỳ khác nhau.

- Giúp sinh viên nắm bắt những giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của tác phẩm mỹ thuật (kiến trúc, điêu khắc, hội họa, đồ họa...) của từng thời kỳ thông qua các ngôn ngữ tạo hình về đường nét, hình mảng, màu sắc, khối...

4.2. Kỹ năng:

Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá giá trị thẩm mỹ của tác phẩm Mỹ thuật, qua đó có ứng dụng những kiến thức của học phần vào các môn học chuyên ngành khác.

4.3. Thái độ:

- Thấy được vai trò, vị trí và tác dụng của môn học trong chuyên ngành Thiết kế nội thất.

- Có ý thức về tự học, yêu thích tìm tòi sáng tạo ứng dụng vào ngành học.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

- Học phần Lịch sử mỹ thuật gồm 2 tín chỉ, chia làm hai phần. Phần thứ nhất khái quát chung về lịch sử mỹ thuật Thế giới qua các thời kỳ: mỹ thuật thời nguyên thủy; mỹ thuật cổ đại; mỹ thuật thời Phục hưng; mỹ thuật Châu Á. Phần thứ hai khái quát chung về lịch sử mỹ thuật Việt Nam qua các thời kỳ: mỹ thuật thời nguyên thủy; mỹ thuật thời Đông Sơn; mỹ thuật thời Lý – Trần thế kỷ XI-XIV; mỹ thuật thời Nguyễn thế kỷ XIX; mỹ thuật Việt Nam thế kỷ XX.

- Học phần này giúp sinh viên có khả năng cảm thụ, phân tích giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật trong các tác phẩm mỹ thuật của Thế giới và của Việt Nam thông qua các ngôn ngữ tạo hình. Từ đó ứng dụng những kiến thức mỹ thuật cơ bản của học phần vào chuyên ngành.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CĐR		Nội dung chuẩn đầu ra
CĐR ngành	CĐR học phần	
Về kiến thức		
CĐR2	CĐR1	Nhớ được các thời kỳ trong lịch sử mỹ thuật của Thế giới và Việt nam
CĐR2	CĐR2	Hiểu được nguồn gốc ra đời của mỹ thuật
CĐR2	CĐR3	Phân tích được đặc điểm mỹ thuật, các thành tựu mỹ thuật qua các thời kỳ
Về kỹ năng		
CĐR15	CĐR4	Biết phân tích, đánh giá tác phẩm mỹ thuật
CĐR12	CĐR5	Ứng dụng ngôn ngữ tạo hình của tác phẩm mỹ thuật vào thiết kế chuyên ngành.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CĐR17	CĐR6	Có ý thức về tự học, yêu thích tìm tòi sáng tạo ứng dụng vào ngành học. Có năng lực, thị hiếu thẩm mỹ tốt để chủ động áp dụng sáng tạo vào ngành học

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập		
Phần 1 Khái quát về lịch sử mỹ thuật thế giới		8		10		40	
1	Mỹ thuật thời nguyên thủy	1					CĐR1-3 CĐR6
2	Mỹ thuật cổ đại	3					CĐR1-3 CĐR4-6
3	Mỹ thuật thời phục hưng	2					
4	Mỹ thuật Châu Á	2					CĐR1-3 CĐR4-6
Phần 2 Lịch sử mỹ thuật Việt Nam		12		10		40	
1	Mỹ thuật thời nguyên thủy	1					CĐR1-3 CĐR6
2	Mỹ thuật thời Đông Sơn	2					CĐR 1 CĐR 3-6
3	Mỹ thuật thời Lý – Trần thế kỷ XI-XIV	3					CĐR 1 CĐR 3-6
4	Mỹ thuật thời Nguyễn thế kỷ XIX	2					CĐR 1 CĐR 3-6
5	Mỹ thuật Việt Nam thế kỷ XX	4					CĐR 1 CĐR 3-6

8. Nội dung chi tiết học phần

Phần 1: Khái quát về lịch sử mỹ thuật thế giới

Chương 1

Mỹ thuật thời nguyên thủy

(Lý thuyết: 1, Thảo luận: 0)

Giới thiệu cho sinh viên những kiến thức khái quát về mỹ thuật thời nguyên thủy thế giới: nguồn gốc ra đời, những giai đoạn phát triển và đặc điểm mỹ thuật. Từ đó giúp sinh viên thấy được thành tựu mỹ thuật thời nguyên thủy, vận dụng các yếu tố (ngôn ngữ) mỹ thuật trong tạo hình, thiết kế.

1.1. Nguồn gốc của mỹ thuật thời kỳ nguyên thủy

1.1.1. Nghệ thuật phát sinh trên cơ sở lao động

1.1.2. Nguồn gốc ma thuật

1.1.3. Nguồn gốc tường thuật

1.1.4. Nguồn gốc thẩm mỹ

1.2. Những giai đoạn phát triển của nghệ thuật thời NT

1.3. Nghệ thuật thời kỳ nguyên thủy

1.3.1. Nghệ thuật điêu khắc

1.3.2. Hội họa thời kỳ nguyên thủy

Chương 2

Mỹ thuật cổ đại

(Lý thuyết: 3, Thảo luận: 4)

Giới thiệu cho sinh viên những kiến thức khái quát về mỹ thuật thời cổ đại thế giới: mỹ thuật Ai Cập cổ đại, mỹ thuật Hy Lạp cổ đại và mỹ thuật La Mã cổ đại. Từ đó giúp sinh viên thấy được thành tựu mỹ thuật thời kỳ cổ đại, vận dụng các yếu tố (ngôn ngữ) mỹ thuật trong tạo hình, thiết kế.

2.1. Mỹ thuật Ai Cập cổ đại

2.1.1. Đặc điểm mỹ thuật Ai cập

2.1.2. Các giai đoạn mỹ thuật

2.1.3. Thành tựu mỹ thuật qua các giai đoạn

2.2. Mỹ thuật Hy Lạp cổ đại

2.2.1. Đặc điểm mỹ thuật Hy Lạp cổ đại

2.2.2. Các giai đoạn mỹ thuật

2.2.3. Thành tựu mỹ thuật qua các giai đoạn

2.3. Mỹ thuật La Mã cổ đại

2.3.1. Đặc điểm mỹ thuật La Mã cổ đại

2.3.2. Các giai đoạn mỹ thuật

2.3.2. Thành tựu của mỹ thuật La Mã cổ đại

Chương 3

Mỹ thuật Phục hưng

(Lý thuyết: 2, Thảo luận: 2)

Giới thiệu cho sinh viên những kiến thức khái quát về mỹ thuật thời kỳ Phục hưng: các giai đoạn mỹ thuật Phục hưng, các đặc điểm mỹ thuật qua các giai đoạn. Từ đó giúp sinh viên thấy được thành tựu mỹ thuật thời kỳ Phục hưng, vận dụng các yếu tố (ngôn ngữ) mỹ thuật trong tạo hình, thiết kế.

3.1. Đặc điểm mỹ thuật thời phục hưng

3.2. Các giai đoạn mỹ thuật thời phục hưng

3.3. Thành tựu mỹ thuật qua các giai đoạn

Chương 4

Mỹ thuật châu Á

(Lý thuyết: 2, Thảo luận: 4)

Giới thiệu cho sinh viên những kiến thức khái quát về mỹ thuật châu Á: mỹ thuật Ấn Độ, mỹ thuật Trung Quốc và mỹ thuật Nhật Bản. Từ đó giúp sinh viên thấy được thành tựu mỹ thuật châu Á, vận dụng các yếu tố (ngôn ngữ) mỹ thuật trong tạo hình, thiết kế.

4.1. Mỹ thuật Ấn Độ

4.1.1. Đặc điểm mỹ thuật Ấn Độ

4.1.2. Các giai đoạn mỹ thuật

4.1.3. Thành tựu mỹ thuật qua các giai đoạn

4.2. Mỹ thuật Trung Quốc

4.2.1. Đặc điểm mỹ thuật Trung Quốc

4.2.2. Các giai đoạn mỹ thuật

4.2.3. Thành tựu mỹ thuật qua các giai đoạn

4.3. Mỹ thuật Nhật Bản

4.3.1. Đặc điểm mỹ thuật Nhật Bản

4.3.2. Các giai đoạn mỹ thuật

4.3.3. Thành tựu mỹ thuật qua các giai đoạn

Phần 2: Khái quát về lịch sử mỹ thuật Việt Nam

Chương 1

Mỹ thuật thời nguyên thủy

(Lý thuyết: 1, Thảo luận: 0)

Giới thiệu cho sinh viên những kiến thức khái quát về mỹ thuật thời nguyên thủy Việt Nam: các thời kỳ và đặc điểm thành tựu mỹ thuật nguyên thủy. Từ đó giúp sinh viên thấy được thành tựu mỹ thuật thời nguyên thủy, vận dụng các yếu tố (ngôn ngữ) mỹ thuật trong tạo hình, thiết kế.

1.1.Đặc điểm mỹ thuật thời nguyên thủy

1.2. Các thời kỳ của mỹ thuật nguyên thủy

1.3. Những thành tựu mỹ thuật thời nguyên thủy

Tài liệu tham khảo của chương:

-Trần Tiểu Lâm - Phạm Thị Chinh (2008), *Giáo trình Mĩ thuật học*, NXB ĐHSP

-Phạm Thị Chinh (2010), *Lịch sử mỹ thuật Việt Nam*, Giáo trình, NXB Sư Phạm, Hà Nội;

Chương 2

Mỹ thuật thời Đông Sơn

(Lý thuyết: 2, Thảo luận: 2)

Giới thiệu cho sinh viên những kiến thức khái quát về mỹ thuật thời Đông Sơn: đặc điểm, thành tựu mỹ thuật. Từ đó giúp sinh viên thấy được thành tựu mỹ thuật thời Đông Sơn, vận dụng các yếu tố (ngôn ngữ) mỹ thuật trong tạo hình, thiết kế

2.1. Khái quát chung

2.2. Đặc điểm mỹ thuật thời Đông Sơn

2.3. Những thành tựu mỹ thuật

Chương 3

Mỹ thuật thời Lý - Trần thế kỉ XI – XIV.

(Lý thuyết: 3, Thảo luận: 2)

Giới thiệu cho sinh viên những kiến thức khái quát về mỹ thuật Lý - thời Trần: đặc điểm, thành tựu mỹ thuật. Từ đó giúp sinh viên thấy được thành tựu mỹ thuật thời Lý - Trần, vận dụng các yếu tố (ngôn ngữ) mỹ thuật trong tạo hình, thiết kế

3.1. Mỹ thuật thời Lý (1019 - 1225)

3.1.1. Khái quát chung

3.1.2. Đặc điểm mỹ thuật thời Lý

3.1.3. Những thành tựu mỹ thuật

3.2. Mỹ thuật thời Trần (1226 - 1400)

3.2.1. Khái quát chung

3.2.2. Đặc điểm mỹ thuật thời Trần

3.2.3. Những thành tựu mỹ thuật

Chương 4

Mỹ thuật thời Nguyễn thế kỷ XIX

(Lý thuyết: 2, Thảo luận: 2)

Giới thiệu cho sinh viên những kiến thức khái quát về mỹ thuật Nguyễn thế kỷ XIX: đặc điểm, thành tựu mỹ thuật. Từ đó giúp sinh viên thấy được thành tựu mỹ thuật thời Nguyễn, vận dụng các yếu tố (ngôn ngữ) mỹ thuật trong tạo hình, thiết kế

4.1. Khái quát chung

4.2. Đặc điểm mỹ thuật thời Nguyễn

4.3. Những thành tựu mỹ thuật

Chương 5

Mỹ thuật Việt Nam thế kỷ XX

(Lý thuyết: 4, Thảo luận: 4)

Giới thiệu cho sinh viên những kiến thức khái quát về mỹ thuật Việt Nam thế kỷ XX: đặc điểm, thành tựu mỹ thuật nửa đầu thế kỷ XX và nửa sau thế kỷ XX. Từ đó giúp sinh viên thấy được thành tựu mỹ thuật Việt Nam thế kỷ XX, vận dụng các yếu tố (ngôn ngữ) mỹ thuật trong tạo hình, thiết kế

5.1. Khái quát chung

5.2. Thành tựu mỹ thuật nửa đầu thế kỷ XX (1925 -1945)

5.2.1. Xu hướng lãng mạn

5.2.2. Xu hướng hiện thực

5.3. Mỹ thuật Việt Nam nửa sau thế kỷ XX

5.3.1. Mỹ thuật Việt Nam giai đoạn 1945–1985

5.3.2. Mỹ thuật Việt Nam thời kỳ đổi mới (1986-2000)

5.3.3. Giới thiệu một số tác giả tiêu biểu của NTVN hiện đại

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
Phần 1: Lịch sử mỹ thuật thế giới			
1	Chương 1: Mĩ thuật thời nguyên thủy 1.1. Nguồn gốc của mỹ thuật thời kỳ nguyên thủy	Thuyết trình Vấn đáp	Powerpoint + Bảng phần +
	1.2. Những giai đoạn phát triển của nghệ thuật thời NT	Thuyết trình	Powerpoint + Bảng phần
	1.3. Nghệ thuật thời kỳ nguyên thủy	Thuyết trình Vấn đáp	Powerpoint + Bảng phần + Tranh ảnh minh hoạ
2	Chương 2: Mỹ thuật cổ đại 2.1. Mỹ thuật Ai Cập cổ đại	Thuyết trình Vấn đáp	Powerpoint + Bảng phần + Tranh ảnh minh hoạ
	2.2. Mỹ thuật Hy Lạp cổ đại	Thuyết trình Vấn đáp	Powerpoint + Bảng phần + Tranh ảnh minh hoạ
	2.3. Mỹ thuật Lã Mã cổ đại	Thuyết trình Vấn đáp	Powerpoint + Bảng phần + Tranh ảnh minh hoạ
3	Chương 3: Mỹ thuật Phục hưng	Thuyết trình Vấn đáp	Powerpoint + Bảng phần
	3.2. Các giai đoạn mỹ thuật thời phục hưng	Thuyết trình Vấn đáp	Powerpoint + Bảng phần
	3.3. Thành tựu mỹ thuật qua các giai đoạn	Thuyết trình Vấn đáp	Powerpoint + Bảng phần + Tranh ảnh minh hoạ
4	Chương 4: Mỹ thuật châu Á 4.1. Mỹ thuật Ấn Độ	Thuyết trình Vấn đáp	Powerpoint + Bảng phần + Tranh ảnh minh hoạ
	4.2. Mỹ thuật Trung Quốc	Thuyết trình Vấn đáp	Powerpoint + Bảng phần + Tranh ảnh minh hoạ
	4.3. Mỹ thuật Nhật Bản	Thuyết trình Vấn đáp	Powerpoint + Bảng phần + Tranh ảnh minh hoạ
Phần 2: Lịch sử mỹ thuật Việt Nam			
5	Chương 1: Mỹ thuật thời nguyên thủy	Thuyết trình Vấn đáp	Powerpoint + Bảng phần

	1.1. Đặc điểm mỹ thuật thời nguyên thủy		
	1.2. Các thời kỳ của mỹ thuật nguyên thủy	Thuyết trình	Powerpoint + Bảng phần
	1.3. Những thành tựu mỹ thuật thời nguyên thủy	Thuyết trình	Powerpoint + Bảng phần + Tranh ảnh minh hoạ
6	Chương 2: Mỹ thuật thời Đông Sơn 2.1. Khái quát chung	Thuyết trình	Powerpoint + Bảng phần
	2.2. Đặc điểm mỹ thuật thời Đông Sơn	Thuyết trình Vấn đáp	Powerpoint + Bảng phần
	2.3. Những thành tựu mỹ thuật	Thuyết trình Vấn đáp	Powerpoint + Bảng phần + Tranh ảnh minh hoạ
7	Chương 3: Mỹ thuật thời Lý - Trần thế kỉ XI – XIV. 3.1. Mỹ thuật thời Lý (1019 - 1225)	Thuyết trình Vấn đáp	Powerpoint + Bảng phần + Tranh ảnh minh hoạ
	3.2. Mỹ thuật thời Trần (1226 - 1400)	Thuyết trình Vấn đáp	Powerpoint + Bảng phần + Tranh ảnh minh hoạ
8	Chương 4: Mỹ thuật thời Nguyễn thế kỷ XIX 4.1. Khái quát chung	Thuyết trình	Powerpoint + Bảng phần
	4.2. Đặc điểm mỹ thuật thời Nguyễn	Thuyết trình Vấn đáp	Powerpoint + Bảng phần + Tranh ảnh minh hoạ
	4.3. Những thành tựu mỹ thuật	Thuyết trình	Powerpoint + Bảng phần + Tranh ảnh minh hoạ
9	Chương 5: Mỹ thuật Việt Nam thế kỷ XX 5.1. Khái quát chung	Thuyết trình	Powerpoint + Bảng phần
	5.2. Thành tựu mỹ thuật nửa đầu thế kỷ XX (1925 -1945)	Thuyết trình	Powerpoint + Bảng phần + Tranh ảnh minh hoạ
	5.3. Mỹ thuật Việt Nam nửa sau thế kỷ XX	Thuyết trình Vấn đáp	Powerpoint + Bảng phần + Tranh ảnh minh hoạ

Phân thuyết trình

TT	Danh mục	Số bài	Số giờ
	BÀI THUYẾT TRÌNH	2	20
	Bài 1: Tìm hiểu về nghệ thuật kiến trúc của một số nước trên thế giới qua một số thời kỳ tiêu biểu?		10
	- Sinh viên tự tìm hiểu tài liệu, báo chí, một số trang website		
	- Sinh viên tổng hợp viết báo cáo và thuyết trình theo nhóm		
	Bài 2: Tìm hiểu về nghệ thuật kiến trúc của nước ta qua các thời kỳ?		10
	- Sinh viên tự tìm hiểu tài liệu, báo chí, một số trang website		
	- Sinh viên tổng hợp viết báo cáo và thuyết trình theo nhóm		
Kiểm tra đánh giá			
	Kiểm tra 0 bài	Bài tập/Thuyết trình 02 bài	Thi vấn đáp hết HP 01 bài

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Lên lớp đúng và trình tự bài giảng theo đề cương chi tiết

- Có tài liệu trực quan, hướng dẫn sinh viên xem tài liệu tham khảo
- Nhiệt tình giải đáp các thắc mắc về kiến thức môn học cho Sinh viên

-Trên cơ sở những phân lý thuyết đã học, giảng viên ra câu hỏi thảo luận cho từng phần giúp sinh viên hiểu rõ hơn mục tiêu môn học, biết cách ứng dụng kiến thức vào chuyên ngành thực tế: phân tích, cảm nhận cái đẹp trong các tác phẩm mỹ thuật; ứng dụng đường nét, hình mảng, màu sắc trong các thể loại mỹ thuật vào chuyên ngành.

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập thuyết trình cá nhân/ nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình			
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	0,1	1,2,3
2	Điểm bài thuyết trình	Theo nhóm hoặc cá nhân	0,1	4,5,6
3	Điểm thi giữa kỳ	Thi tự luận	0,2	4,5,6
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi vấn đáp	0,6	4,5,6

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả bài thuyết trình chủ đề theo nhóm

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	30	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	3

Hình thức, báo cáo	20	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/câu hỏi quan tâm	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm của người nghe	Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiện được nội dung	2
Trả lời câu hỏi	20	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng	Trả lời được 70% câu hỏi	Trả lời được 25%-50% câu hỏi	Không trả lời được câu nào	3
Làm việc nhóm	30	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Không có sự kết hợp giữa các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung	2
Điểm tổng						10

Đánh giá kết quả bài thi giữa kỳ (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	80	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40-60% câu theo đề tài	Làm bài đúng theo yêu cầu <40% câu theo đề bài	5
Vận dụng	10	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo	Có khả năng vận dụng kiến thức	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Không thực hiện được bài tập	3
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Câu trả, trình bày không logic	2
Điểm tổng						10

12. Tài liệu học tập và tham khảo

12.1. Tài liệu học tập chính

- Bài giảng của giảng viên

12.2. Tài liệu tham khảo

-Phạm Thị Chính (2010), *Lịch sử mỹ thuật thế giới*, Giáo trình, NXB Sư phạm, Hà Nội;

-Phạm Thị Chính (2010), *Lịch sử mỹ thuật Việt Nam*, Giáo trình, NXB Sư Phạm, Hà Nội;

-Đặng Thái Hoàng, Nguyễn Văn Đình (2009), *Lịch sử nghệ thuật*, Giáo trình, NXB Xây dựng, Hà Nội.

HỌC PHẦN TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: *Tâm lý học đại cương* .

Tên học phần tiếng Anh: *General psychology*

1.2. Mã số học phần: TLH

1.3. Số tín chỉ:

Lý thuyết : 25.tiết

Bài tập : 0 tiết

Thảo luận : 10 tiết

Thực hành/thực tập : 0 tiết

Tự học : 70 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần: Trung tâm Công tác xã hội và phát triển cộng đồng, Khoa KT& QTKD.

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức tổng quát về tâm lý học đại cương dưới quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

4.2. Kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức được học để rèn luyện bản thân; hình thành, phát triển nhân cách, giải thích các hiện tượng tâm lý người theo quan điểm khoa học nhằm khai thác và sử dụng có hiệu quả yếu tố con người trong thực tiễn cuộc sống.

4.3. Thái độ: Sinh viên có hứng thú với môn học, có lòng yêu nghề, tích cực rèn luyện, học tập

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Môn tâm lý học đại cương là môn khoa học cơ bản về các yếu tố tâm lý con người trong đời sống hàng ngày. Nội dung chương trình môn học bao gồm: Những vấn đề khái quát về tâm lý học với tư cách là một khoa học; cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; sự hình thành, phát triển tâm lý, ý thức; hoạt động nhận thức; tình cảm và ý

chí; nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CĐR1	Nắm vững kiến thức về giáo dục đại cương theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo cho khối ngành xã hội và nhân văn. Nắm vững và vận dụng được các nguyên lý cơ bản của khoa học tự nhiên và xã hội nhân văn ở trình độ Đại học.
CĐR2	Nắm vững và vận dụng được những kiến thức cơ sở của khối ngành và của ngành làm nền tảng để nghiên cứu các nghiệp vụ chuyên sâu của ngành và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.
Về kỹ năng	
CĐR3	Có khả năng giải thích một vấn đề xã hội cơ bản ở cấp độ vi mô: cá nhân, nhóm, cộng đồng và một chính sách xã hội cụ thể.
CĐR4	Vận dụng tốt kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp trong thực hành Công tác xã hội để tiếp cận các đối tượng xã hội yếu thế khác nhau.
CĐR5	Có kỹ năng giao tiếp và thuyết trình tốt.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR6	Có năng lực tự chủ về chuyên môn Công tác xã hội đã được đào tạo
CĐR7	Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	Chương 1: Tâm lý học là một khoa học	4	0	0	0	10	CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR5, CĐR6, CĐR7

2	Chương 2: Cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người	3	0	2	0	20	CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR7
3	Chương 3: Sự hình thành, phát triển tâm lý, ý thức	3	0	2	0	10	CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR5, CĐR7
4	Chương 4: Hoạt động nhận thức	4	0	2	0	10	CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR5, CĐR7
5	Chương 5: Tình cảm và ý chí	4	0	2	0	10	CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR5, CĐR7
6	Chương 6: Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách	5	0	2	0	10	CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR5, CĐR7
	Kiểm tra giữa kỳ, tổng kết, giải đáp, ...	2	0	0	0	0	CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR5, CĐR6, CĐR7
Tổng		25	0	10	0	70	

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương I:

Tâm lý học là một khoa học

(Số giờ: 4 tiết, trong đó lý thuyết 4 tiết)

I. Khái quát về khoa học tâm lý

1. Tâm lý là gì?
2. Vài nét về lịch sử hình thành, phát triển tâm lý học

3. Các quan điểm cơ bản trong tâm lý học
4. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học

II. Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lý

1. Bản chất của tâm lý người
2. Chức năng của tâm lý
3. Phân loại các hiện tượng tâm lý

III. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý

1. Các nguyên tắc
2. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý

Chương II.

Cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người

(Số giờ: 5 tiết, trong đó lý thuyết 3 tiết, 02 tiết thảo luận)

I. Cơ sở tự nhiên của tâm lý người

1. Não và tâm lý
2. Phản xạ có điều kiện và tâm lý
3. Hai hệ thống tín hiệu và tâm lý
4. Quy luật hoạt động thần kinh cấp cao và tâm lý

II. Cơ sở xã hội của tâm lý người

1. Quan hệ xã hội, nền văn hoá xã hội
2. Hoạt động
 - 2.1. Khái niệm hoạt động
 - 2.2. Cấu trúc của hoạt động
 - 2.3. Các loại hoạt động
3. Giao tiếp
 - 3.1. Khái niệm giao tiếp
 - 3.2. Các loại giao tiếp
4. Tâm lý là sản phẩm của hoạt động và giao tiếp
 - 4.1. Quan hệ giữa giao tiếp và hoạt động
 - 4.2. Tâm lý là sản phẩm của hoạt động và giao tiếp

Chương III:

Sự hình thành, phát triển tâm lý, ý thức

(Số giờ: 5 tiết, trong đó lý thuyết 3 tiết, 02 tiết thảo luận)

I. Sự hình thành, phát triển tâm lý

1. Sự hình thành, phát triển tâm lý về phương diện loài
2. Sự hình thành, phát triển tâm lý về phương diện cá thể

II. Sự hình thành, phát triển ý thức

1. Khái niệm chung về ý thức
2. Các cấp độ của ý thức
3. Sự hình thành và phát triển ý thức
4. Chú ý - điều kiện của hoạt động có ý thức

Chương IV:

Hoạt động nhận thức

(Số giờ: 6 tiết, trong đó lý thuyết 4 tiết, 02 tiết thảo luận)

I. Nhận thức cảm tính

1. Cảm giác
2. Tri giác

II. Nhận thức lý tính

1. Tư duy
2. Tưởng tượng
3. Mối quan hệ giữa tư duy và tưởng tượng

III. Ngôn ngữ

1. Ngôn ngữ và các chức năng của ngôn ngữ
2. Phân loại ngôn ngữ
3. Hoạt động ngôn ngữ
4. Vai trò của ngôn ngữ với hoạt động nhận thức

IV. Trí nhớ

1. Khái niệm trí nhớ
2. Các quá trình cơ bản của trí nhớ
3. Phân loại trí nhớ
4. Rèn luyện trí nhớ

Chương V:

Tình cảm và ý chí

(Số giờ: 6 tiết, trong đó lý thuyết 4 tiết, 02 tiết thảo luận)

I. Tình cảm

1. Khái niệm chung về tình cảm
2. Những đặc điểm đặc trưng của tình cảm
3. Vai trò của tình cảm
4. Các mức độ của đời sống tình cảm
5. Các loại tình cảm
6. Các quy luật của đời sống tình cảm

II. Ý chí

1. Ý chí
2. Hành động ý chí
3. Hành động tự động hoá

Chương VI:

Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách

(Số giờ: 7 tiết, trong đó lý thuyết 5 tiết, 02 tiết thảo luận)

I. Khái niệm chung về nhân cách

1. Định nghĩa
2. Đặc điểm nhân cách
3. Cấu trúc tâm lý của nhân cách

II. Các thuộc tính tâm lý của nhân cách

1. Xu hướng
2. Tính cách
3. Khí chất
4. Năng lực

III. Sự hình thành và phát triển nhân cách

1. Các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách
2. Sự hoàn thiện nhân cách

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	Chương 1: Tâm lý học là một khoa học	Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm	Bảng phấn, máy chiếu

2	Chương 2: Cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người	Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm	Bảng phấn, máy chiếu
3	Chương 3: Sự hình thành, phát triển tâm lý, ý thức	Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm	Bảng phấn, máy chiếu
4	Chương 4: Hoạt động nhận thức	Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm	Bảng phấn, máy chiếu
5	Chương 5: Tình cảm và ý chí	Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm	Bảng phấn, máy chiếu
6	Chương 6: Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách	Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm	Bảng phấn, máy chiếu

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

Nắm vững kiến thức cơ bản của môn học được phân công giảng dạy và có kiến thức tổng quát về một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm; Nắm vững mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình môn học được phân công thuộc chuyên ngành đào tạo; Biên soạn giáo án, tập hợp các tài liệu tham khảo liên quan để hướng dẫn cho sinh viên một cách chính xác nhất.

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40 %	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	20 %	CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR5, CĐR6, CĐR7
3	Điểm thi giữa kỳ	Thi viết	20 %	CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR5, CĐR6, CĐR7
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi viết	60 %	CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR5, CĐR6, CĐR7

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả bài thi viết (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	80	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40-60% câu theo đề tài	Làm bài đúng theo yêu cầu <40% câu theo đề bài	
Vận dụng	10	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo	Có khả năng vận dụng kiến thức	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Không thực hiện được bài tập	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

- Nguyễn Quang Ủn (Chủ biên) – TS. Nguyễn Văn Lữ – TS. Đinh Văn Vang, Tâm lý học đại cương, NXB thế giới, 2007

- Tâm lý học (tập 1), Phạm Minh Hạc (Chủ biên), NXBGD, 1988

12.2. Tài liệu tham khảo

- Phạm Minh Hạc (Chủ biên), Tâm lý học, NXBGD, 1998

- Bài tập thực hành tâm lý học. Trần Trọng Thủy (chủ biên). NXB ĐHQG Hà Nội, 2002.

- Bộ câu hỏi ôn tập và đánh giá kết quả học tập môn Tâm lý học đại cương. Phan Trọng Ngọ (chủ biên). NXB ĐH Sư phạm Hà Nội, 2005.

HỌC PHẦN: VẼ KỸ THUẬT TRONG THIẾT KẾ NỘI THẤT

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Vẽ kỹ thuật trong thiết kế nội thất

Tên học phần tiếng Anh:

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 02

Lý thuyết	: 15 tiết
Bài tập	: 0 tiết
Thảo luận	: 0 tiết
Thực hành/thực tập	: 15 tiết
Tự học	: 120 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ và Nội thất

Khoa/Viện/Trung tâm: Viện Công nghiệp Gỗ và Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về vẽ kỹ thuật cơ bản cùng với các Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) về thành lập bản vẽ kỹ thuật nhằm tạo cho sinh viên có khả năng đọc hiểu các bản vẽ kỹ thuật thông dụng và các bản vẽ trong thiết kế nội thất.

4.2. Kỹ năng: Sinh viên có thể biểu diễn được hình chiếu của vật thể, các dạng hình chiếu của đồ nội thất, ngoài ra, có thể vẽ được các bản vẽ kỹ thuật theo đúng TCVN và đọc hiểu được các bản vẽ trong thiết kế nội thất.

4.3. Thái độ: Yêu thích môn học và ngành thiết kế nội thất. Nhìn thấy giá trị của tính cẩn trọng, sự chuẩn xác, trung thực trong hoạt động KH&KT.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Môn học vẽ kỹ thuật trong thiết kế nội thất cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp biểu diễn vật thể và các tiêu chuẩn Việt Nam về bản vẽ kỹ thuật.

Thứ nhất, môn học cung cấp các tiêu chuẩn cơ bản để thiết lập bản vẽ kỹ thuật.

Thứ hai, sinh viên được tìm hiểu các bản vẽ mặt bằng bố trí nội thất, mặt cắt các không gian nội thất, từ đó có thể đọc hiểu được các bản vẽ mặt bằng và mặt cắt trong thiết kế nội thất.

Ngoài ra, sinh viên còn được tìm hiểu và vẽ các bản vẽ thể hiện chi tiết đồ nội thất, những sản phẩm nội thất được tách từ mặt bằng bố trí nội thất tổng thể công trình, sau đó tiến hành bóc tách chi tiết các đồ nội thất cơ bản, bằng cách thể hiện các hình chiếu của các đồ nội thất đó.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra
<i>Về kiến thức</i>	
CĐR1	Hiểu được các kiến thức cơ bản trong trình bày bản vẽ kỹ thuật theo TCVN
CĐR2	Hiểu được các nội dung của bản vẽ thiết kế nội thất và các bản vẽ kỹ thuật cơ bản.
<i>Về kỹ năng</i>	
CĐR3	Xây dựng được các bản vẽ dạng hình phẳng cơ bản
CĐR4	Xây dựng được các bản vẽ hình chiếu đồ nội thất thực hiện theo TCVN
CĐR5	Xây dựng được các bản vẽ mặt bằng, mặt cắt nội thất đơn giản
CĐR6	Đọc được các bản vẽ trong thiết kế nội thất và các bản vẽ kỹ thuật đơn giản
<i>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>	
CĐR7	Có thể tự xây dựng được các bản vẽ kỹ thuật đơn giản trong thiết kế đồ nội thất và nội thất
CĐR8	Có thể đọc hiểu được các bản vẽ kỹ thuật liên quan đến bóc tách đồ nội thất và các bản vẽ về thiết kế nội thất.

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	Chương 1: Các tiêu chuẩn cơ bản để thiết lập bản vẽ kỹ thuật	3			3		CĐR1; CĐR2
2	Chương 2: Vẽ hình học	3			3		CĐR3
3	Chương 3: Biểu diễn vật thể	2			2		CĐR3
4	Chương 4: Bản vẽ kỹ thuật trong thiết kế nội thất	4			4		CĐR4; CĐR5
5	Chương 5: Bản vẽ chi tiết sản phẩm nội thất	3			3		CĐR5; CĐR6

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

Các tiêu chuẩn cơ bản để thiết lập bản vẽ kỹ thuật

(Số tiết: 6, lý thuyết: 3; thực hành: 3)

- 1.1. Tiêu chuẩn về khổ giấy
- 1.2. Tỷ lệ
- 1.3. Các nét vẽ
- 1.4. Chữ và số
- 1.5. Ghi kích thước

Chương 2

Vẽ hình học

(Số tiết: 6, lý thuyết: 3; thực hành: 3)

- 2.1. Một số bài toán dựng hình

- 2.2. Vẽ nối tiếp hai đường
- 2.3. Một số đường cong hình học
- 2.4. Ứng dụng vẽ một số sản phẩm nội thất

Chương 3

Biểu diễn vật thể

(Số tiết: 4, lý thuyết: 2; thực hành: 2)

- 3.1. Phương pháp hai hình chiếu thẳng góc
- 3.2. Hình chiếu thứ 3
- 3.3. Phương pháp hình chiếu trục đo
- 3.4. Hình cắt và mặt cắt

Chương 4

Bản vẽ kỹ thuật trong thiết kế nội thất

(Số tiết: 8, lý thuyết: 4; thực hành: 4)

- 4.1. Các mặt bằng trong thiết kế nội thất
- 4.2. Mặt cắt không gian nội thất
- 4.3. Trình tự đọc và vẽ bản vẽ kỹ thuật thiết kế nội thất

Chương 5

Bản vẽ chi tiết sản phẩm nội thất

(Số tiết: 6, lý thuyết: 3; thực hành: 3)

- 5.1. Bản vẽ chi tiết sản phẩm nội thất
- 5.2. Trình tự đọc và vẽ bản vẽ chi tiết sản phẩm

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	Chương 1: Các tiêu chuẩn cơ bản để thiết lập bản vẽ kỹ thuật	Thuyết trình, hỏi đáp, não công và thực hành thị phạm	Bảng viết, phấn, máy chiếu, máy tính cá nhân, bút chì và giấy A4, A3
2	Chương 2: Vẽ hình học		
3	Chương 3: Biểu diễn vật thể		
4	Chương 4: Bản vẽ kỹ thuật trong thiết kế nội thất		
5	Chương 5: Bản vẽ chi tiết sản phẩm nội thất		

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. *Cách đánh giá:*

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	20%	CĐR1 - 6
2	Điểm thi giữa kỳ	Bài thực hành trên lớp	20%	CĐR3 - 5
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi vấn đáp	60%	CĐR3 - 6

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. *Đánh giá kết quả điểm chuyên cần*

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. *Đánh giá kết quả kiểm tra, bài tập*

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

1. Bài giảng *Vẽ kỹ thuật trong thiết kế nội thất* (Giảng viên cung cấp).

12.2. Tài liệu tham khảo

1. Bùi Văn Hào, *Bài giảng hình học họa hình, Tập 1 và 2*, Trường Đại học lâm nghiệp.
2. Trần Hữu Quý, Nguyễn Văn Tuấn (Biên dịch), *Bản vẽ kỹ thuật theo tiêu chuẩn Quốc tế*, NXB Giáo dục, 2001.

MÔN HỌC: CƠ SỞ TẠO HÌNH

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên tiếng Việt: Cơ sở tạo hình

Tên tiếng Anh: Composition

1.2. Mã học phần:

1.3. Số tín chỉ: 4

Lý thuyết: 10 tiết

Bài tập: 50 tiết

Thảo luận: 0 tiết

Thực hành/Thực tập: 0 tiết

Tự học: 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần:

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ và Nội thất

Viện Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức:

- Nhớ được các vấn đề cơ bản của nguyên lý thị giác trên mặt phẳng và không gian.

- Nhớ được khái niệm tạo hình, các yếu tố tạo hình, bố cục tạo hình trên mặt phẳng và không gian; phương pháp vẽ cách điệu.

- Nhớ được khái niệm chên độ xám, khái niệm màu sắc, các trạng thái của màu sắc, các dạng hòa sắc và phương pháp hoà hợp màu sắc.

4.2. Kỹ năng:

Áp dụng được các kiến thức cơ bản vào xây dựng bố cục cân đối, tạo dáng phù hợp, phối màu hài hòa, qua đó áp dụng những kiến thức của môn cơ sở tạo hình vào các môn học chuyên ngành.

4.3. Thái độ:

- Nghiêm túc trong học tập, nhận thức rõ tính quan trọng của môn học trong

chuyên ngành và thực tiễn.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về: Nguyên lý thị giác, cảm quan thị giác, các định luật thị giác. Ngoài ra môn học còn cung cấp cho sinh viên các khái niệm tạo hình, các yếu tố tạo hình, bố cục tạo hình và vẽ cách điệu. Đặc biệt sinh viên còn được cung cấp các kiến thức về chên độ xám, khái niệm màu sắc, các dạng hoà sắc và phương pháp hoà hợp màu sắc.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR1	Nhớ được các vấn đề cơ bản của nguyên lý thị giác, khái niệm màu sắc, các yếu tố tạo hình, bố cục tạo hình trên mặt phẳng và không gian
CDR2	Hiểu được nguyên lý thị giác, phương pháp vẽ cách điệu, các trạng thái của màu sắc, các dạng hòa sắc
Về kỹ năng	
CDR3	Áp dụng được các kiến thức đã học để xây dựng bố cục tạo hình hoàn chỉnh trên mặt phẳng và không gian, biết vẽ cách điệu
CDR4	Biết sử lý sắc độ đậm nhạt, phối hợp màu sắc
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR5	Áp dụng được các lý thuyết về nguyên lý thị giác, bố cục tạo hình, màu sắc, cách điệu vào thiết kế chuyên ngành
CDR6	Hiểu trách nhiệm của bản thân trong quá trình học tập và sáng tạo, trong làm việc nhóm

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập		

1	Các định luật thị giác	1	3				CĐR1
2	Khái quát chung về tạo hình trên mặt phẳng	2	11				CĐR1 CĐR2 CĐR3 CĐR6
3	Chênh độ xám – Sắc độ – Màu sắc	2	11				CĐR2 CĐR4 CĐR5 CĐR6
4	Khái quát chung về tạo hình trong không gian	1	5				CĐR 1
5	Nguyên lý mỹ thuật của tạo hình trong không gian	2	10				CĐR2 CĐR3 CĐR6
6	Ứng dụng vào thiết kế chuyên ngành	2	10				CĐR2 CĐR4 CĐR5 CĐR6

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Các định luật thị giác

(Số tiết: 04, lý thuyết: 01; bài tập: 03)

- 1.1. Định luật khoảng cách (Định luật của sự gần)
- 1.2. Định luật của sự đồng đều
- 1.3. Định luật trước – sau (hẹp – rộng)
- 1.4. Định luật của sự nhấn
- 1.5. Định luật tương phản
- 1.6. Định luật của đường liên tục
- 1.7. Định luật của sự khép kín
- 1.8. Định luật liên tưởng (Định luật của kinh nghiệm)
- 1.9. Định luật cân đối
- 1.10. Định luật của sự chuyển đổi (Định luật âm dương)

Chương 2

Khái quát chung về tạo hình trên mặt phẳng

(Số tiết: 13, lý thuyết: 02; bài tập: 11)

2.1. Các yếu tố tạo hình

2.1.1 Điểm

2.1.2 Đường

2.1.3 Hình (mảng)

2.2. Bộ cục tạo hình

2.2.1. Quan hệ hình – nền – đường viền

2.2.2. Các loại bộ cục

2.2.2.1 Bộ cục hàng lối

2.2.2.2 Bộ cục đăng đối

2.2.2.3 Bộ cục tự do

2.3. Cách điệu

2.3.1. Khái niệm cách điệu

2.3.2. Phương pháp vẽ cách điệu

Chương 3: Chên độ xám – Sắc độ – Màu sắc

(Số tiết: 13, lý thuyết: 2; bài tập: 11)

3.1 Khái niệm chên độ xám

3.2. Khái niệm màu sắc

3.2.1. Màu quang học

3.2.2. Màu cơ học

3.3. Vòng tròn màu và mối quan hệ giữa các màu trong vòng tròn màu

3.3.1. Màu tương phản (màu bổ túc)

3.3.2. Màu tương đồng

3.3.4. Màu nóng – Màu lạnh

3.4. Các trạng thái tâm lí về màu

3.4.1. Liên tưởng về nhiệt độ

3.4.2. Liên tưởng về kích thước, khoảng cách

3.4.3. Liên tưởng về tình cảm

3.4.4. Liên tưởng về âm thanh

3.4.5. Liên tưởng về mùi vị

3.5. Các tương quan về màu

3.5.1. Các dạng hòa sắc

3.5.2. Các hiệu quả của hòa sắc

3.6. Phương pháp hòa hợp màu sắc

3.6.1. Phương pháp hòa hợp màu đơn sắc

3.6.2. Phương pháp hòa hợp nhiều màu

Chương 4: Khái quát chung về tạo hình trong không gian

(Số tiết: 06, lý thuyết: 01; bài tập: 05)

4.1. Các dạng khối

4.1.1. Khối tự nhiên

4.1.2. Khối hình học

4.1.3. Khối trừ tượng

4.1.4. Khối trên mặt phẳng

4.1.5. Khối trong không gian

4.2. Các yếu tố cấu thành

4.2.1. Điểm

4.2.2. Đường

4.2.3. Mảng (mặt, diện)

4.2.4. Khối

4.3. Các hình thái của khối

4.3.1. Khối đặc – rỗng

4.3.2. Khối thực – ảo

4.3.3. Khối kết hợp

Chương 5: Nguyên lý mỹ thuật của tạo hình trong không gian

(Số tiết: 12, lý thuyết: 02; bài tập: 10)

5.1. Chính – phụ

5.2. Thống nhất

5.3. Cân bằng

5.4. Tương phản

5.5. Nhịp điệu

5.6. Biến đổi

Chương 6: Ứng dụng vào thiết kế chuyên ngành

(Số tiết: 12, lý thuyết: 02; bài tập: 10)

6.1. Ý tưởng

6.2. Phác thảo

6.3. Mô hình

9. Phương pháp giảng dạy

9.1. Lý thuyết

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	Chương 1: Các định luật thị giác		
	1.1. Định luật khoảng cách (Định luật của sự gần)	Thuyết trình Vấn đáp Thị phạm	Powerpoint + Bảng phấn
	1.2. Định luật của sự đồng đều	Thuyết trình Vấn đáp Thị phạm	Powerpoint + Bảng phấn
	1.3. Định luật trước – sau (hẹp – rộng)	Thuyết trình Vấn đáp Thị phạm	Powerpoint + Bảng phấn
	1.4. Định luật của sự nhấn	Thuyết trình Vấn đáp Thị phạm	Powerpoint + Bảng phấn
	1.5. Định luật tương phản	Thuyết trình Vấn đáp Thị phạm	Powerpoint + Bảng phấn
	1.6. Định luật của đường liên tục	Thuyết trình Vấn đáp Thị phạm	Powerpoint + Bảng phấn
	1.7. Định luật của sự khép kín	Thuyết trình Vấn đáp Thị phạm	Powerpoint + Bảng phấn
	1.8. Định luật liên tưởng (Định luật của	Thuyết trình	Powerpoint +

	kinh nghiệm	Vấn đáp Thị phạm	Bảng phần
	1.9.Định luật cân đối	Thuyết trình Vấn đáp Thị phạm	Powerpoint + Bảng phần
	1.10. Định luật của sự chuyển đổi (Định luật âm dương)	Thuyết trình Vấn đáp Thị phạm	Powerpoint + Bảng phần
2	Chương 2: Khái quát chung về tạo hình 2.1.Các yếu tố tạo hình 2.1.1 Điểm 2.1.2 Đường 2.1.3 Hình (mảng)	Thuyết trình Vấn đáp Thị phạm	Powerpoint + Bảng phần
	2.2.Bố cục tạo hình 2.2.1. Quan hệ hình – nền – đường viền 2.2.2. Các loại bố cục 2.2.2.1 Bố cục hàng lối 2.2.2.2. Bố cục đăng đối 2.2.2.3.Bố cục tự do	Thuyết trình Vấn đáp Thị phạm	Powerpoint + Bảng phần - Bài vẽ minh hoạ
	2.3. Cách điệu 2.3.1. Khái niệm cách điệu 2.3.2. Phương pháp vẽ cách điệu	Thuyết trình Vấn đáp Thị phạm	Powerpoint + Bảng phần + Bài vẽ minh hoạ
3	Chương 3: Chênh độ xám – Sắc độ – Màu sắc 3.1.Khái niệm chênh độ xám	Thuyết trình Vấn đáp	Powerpoint + Bảng phần
	3.2. Khái niệm màu sắc 3.2.1. Màu quang học	Thuyết trình	Powerpoint +

	3.2.2. Màu cơ học	Vấn đáp	Bảng phần
	3.3. Vòng tròn màu và mối quan hệ giữa các màu trong vòng tròn màu 3.3.1. Màu tương phản (màu bổ túc) 3.3.2. Màu tương đồng 3.3.4. Màu nóng – Màu lạnh	Thuyết trình Vấn đáp	Powerpoint + Bảng phần + Bài vẽ minh hoạ
	3.4. Các trạng thái tâm lí về màu 3.4.1. Liên tưởng về nhiệt độ 3.4.2. Liên tưởng về kích thước, khoảng cách 3.4.3. Liên tưởng về tình cảm 3.4.4. Liên tưởng về âm thanh 3.4.5. Liên tưởng về mùi vị	Thuyết trình Vấn đáp	Powerpoint + Bảng phần + Bài vẽ minh hoạ
	3.5. Các tương quan về màu 3.5.1. Các dạng hòa sắc 3.5.2. Các hiệu quả của hòa sắc	Thuyết trình Vấn đáp Thị phạm	Powerpoint + Bảng phần
	3.6. Phương pháp hòa hợp màu sắc 3.6.1. Phương pháp hòa hợp màu đơn sắc. 3.6.2. Phương pháp hòa hợp nhiều màu	Thuyết trình Vấn đáp Thị phạm	Powerpoint + Bảng phần + Bài vẽ minh hoạ
4	Chương 4: Khái quát chung về tạo hình trong không gian 4.1. Các dạng khối 4.1.1. Khối tự nhiên 4.1.2. Khối hình học 4.1.3. Khối trừ tượng 4.1.4. Khối trên mặt phẳng 4.1.5. Khối trong không gian	Thuyết trình Vấn đáp	Powerpoint + Bảng phần
	4.2. Các yếu tố cấu thành 4.2.1. Điểm		

	<p>4.2.2. Đường</p> <p>4.2.3. Mảng (mặt, diện)</p> <p>4.2.4. Khối</p> <p>4.3. Các hình thái của khối</p> <p>4.3.1. Khối đặc – rỗng</p> <p>4.3.2. Khối thực – ảo</p> <p>4.3.3. Khối kết hợp</p>	<p>Thuyết trình</p> <p>Vấn đáp</p>	<p>Powerpoint +</p> <p>Bảng phần</p>
5	<p>Chương 5: Nguyên lý mỹ thuật của tạo hình trong không gian</p> <p>5.1. Chính – phụ</p> <p>5.2. Thống nhất</p> <p>5.3. Cân bằng</p> <p>5.4. Tương phản</p> <p>5.5. Nhịp điệu</p> <p>5.6. Biến đổi</p>	<p>Thuyết trình</p> <p>Vấn đáp</p>	<p>Powerpoint +</p> <p>Bảng phần</p>
6	<p>Chương 6: Ứng dụng vào thiết kế chuyên ngành</p> <p>6.1. Ý tưởng</p> <p>6.2. Phác thảo</p> <p>6.3. Mô hình</p>	<p>Thuyết trình</p> <p>Vấn đáp</p>	<p>Powerpoint +</p> <p>Bảng phần</p>

9.2. Bài tập

TT	Danh mục	Phương pháp giảng dạy	Số giờ
	BÀI TẬP		
	Chương 1		
	<p>Bài 1:</p> <p>- Bố cục 3 hình vô hướng (mảng) có kích thước giống nhau (35x55). Đen – trắng, bố cục tự do.</p>	<p>Nhận xét, phân tích,</p> <p>Chấm bài</p>	3

<p>- Bộ cục 3 hình vô hướng (mảng) có kích thước khác nhau (35x55). Đen – trắng, bộ cục tự do.</p>		
<p>Bài 2: Bộ cục hình hướng đối lập (kết hợp mảng và nét) (35x55), Đen – trắng, bộ cục tự do. - Bộ cục hình đa hướng (kết hợp mảng và nét) (35x55), Đen – trắng, bộ cục tự do. - Bộ cục hình chuyển động (kết hợp mảng và nét) (35x55), Đen – trắng, bộ cục tự do.</p>	<p>Nhận xét, phân tích, Chấm bài</p>	<p>3</p>
<p>Bài 3: - Bộ cục hình vô hướng (kết hợp mảng và nét) (35x55), chên độ xám, bộ cục hàng lối - Bộ cục hình chuyển động (kết hợp mảng và nét) (35x55), chên độ xám, bộ cục đăng đối.</p>	<p>Nhận xét, phân tích, Chấm bài</p>	<p>8</p>
<p>Bài 4: - Bộ cục theo nhóm hình vô hướng và hình đa hướng (mảng và nét) (35x55), chên độ xám, bộ cục tự do. - Bộ cục theo nhóm hình hướng đối lập và hình chuyển động (mảng và nét) (35x55), chên độ xám, bộ cục tự do.</p>	<p>Nhận xét, phân tích, Chấm bài</p>	<p>8</p>
<p>Bài 5: -Ghi chép- Đơn giản – Cách điệu hoa lá (2 bài cách điệu loại hoa lá khác nhau), đen - trắng (35x 55).</p>	<p>Nhận xét, phân tích, Chấm bài</p>	<p>6</p>
<p>Chương 2</p>		
<p>Bài 6: Chép vòng tròn màu; trên khổ giấy KT</p>	<p>Nhận xét, phân tích, Chấm bài</p>	<p>5</p>

35x55cm - Chép 100 ô vuông màu (dựa theo 1 tác phẩm Hội hoạ)		
Bài 7: - Bố cục hình tổng hợp (mảng và nét) (35x55), hòa sắc lạnh, bố cục tự do. - Bố cục hình tổng hợp (mảng và nét) (35x55), hòa sắc nóng, bố cục tự do	Nhận xét, phân tích, Chấm bài	5
Chương 3		
Bài 8: - 1 bài trang trí hình chữ nhật 30x45; trên khổ giấy KT 35x55cm, hòa sắc nóng, bố cục hàng lối. - 1 bài trang trí hình tròn ĐK 30cm; trên khổ giấy KT 40x40cm, hòa sắc tương phản, bố cục đăng đối.	Nhận xét, phân tích, Chấm bài	4
Bài 9: - Trang trí thảm trong nội thất (KT 40x50cm) - Bố cục tự do - Hòa sắc tự chọn	Nhận xét, phân tích, Chấm bài	4
Chương 4		
Bài 10: Tạo bố cục từ các khối tự nhiên	Nhận xét, phân tích, Chấm bài	5
Bài 11: Tạo bố cục từ các khối tự nhiên	Nhận xét, phân tích, Chấm bài	5
Chương 5		
Bài 12: Tạo bố cục từ mảng và khối hình vô hướng	Nhận xét, phân tích, Chấm bài	5
Bài 13:	Nhận xét, phân tích,	5

10.1. Đối với giảng viên

Tạo bố cục từ mảng và khối hình hướng đối lập	Chấm bài	
Bài 14: Tạo bố cục từ mảng và khối hình chuyển động	Nhận xét, phân tích, Chấm bài	5
Bài 15: Tạo bố cục từ mảng và khối hình đa hướng	Nhận xét, phân tích, Chấm bài	5
Chương 6		
Bài 16: Thiết kế mô hình sản phẩm trang trí nội thất theo chủ đề	Nhận xét, phân tích, Chấm bài	5
Bài 17: Thiết kế mô hình sản phẩm trang trí nội thất theo chủ đề	Nhận xét, phân tích, Chấm bài	5
Bài 18: Thiết kế mô hình sản phẩm trang trí nội thất theo chủ đề	Nhận xét, phân tích, Chấm bài	5
Bài 19: Thiết kế mô hình sản phẩm trang trí nội thất theo chủ đề	Nhận xét, phân tích, Chấm bài	5
Tổng số giờ đã qui đổi		100
Kiểm tra đánh giá		
Kiểm tra 0 bài	Bài tập/Thảo luận 10 bài	Thi/Tiểu luận hết HP 01 bài

- Giảng viên sử dụng đồng bộ và linh hoạt các PP giảng dạy lấy SV làm trung tâm thông qua tận dụng tối đa các phương tiện media được trang bị tại các phòng học. Cụ thể, sử dụng linh hoạt các phương pháp: nêu vấn đề, thuyết trình, nói có minh họa, thảo luận toàn thể trên lớp... Giảng viên giao nhiệm vụ cho SV tìm đọc định hướng các nội dung trong các tiết học tiếp theo để SV sử dụng thời gian tự học tìm tài liệu, thông tin cần trao đổi tại các tiết học sau.

- Trên cơ sở những phân lý thuyết đã học, GV ra bài tập cho từng phân giúp sinh viên hiểu rõ hơn mục tiêu môn học, biết cách ứng dụng kiến thức vào chuyên ngành thực tế: sắp xếp bố cục hợp lý, vẽ cách điệu, hòa hợp màu sắc, các qui luật tạo hình trên mặt phẳng.

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. *Cách đánh giá:*

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		10	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	3	6
2	Điểm bài tập	Trung bình cộng điểm của các bài tập	2	3,4,5,6
3	Điểm thi giữa kỳ	Thi vẽ	4	3,4,5,6
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi vẽ đồ án	10	

Ghi chú: Điểm quá trình chiếm trọng số 0,4; điểm thi cuối kỳ 0,6. Điểm quá trình nhất thiết phải có điểm chuyên cần và điểm thi giữa kỳ, những điểm thành phần khác có hay không tùy thuộc vào phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá của học phần.

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. *Đánh giá kết quả điểm chuyên cần*

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả bài tập vẽ, làm mô hình

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Bố cục	30	Bố cục cân đối, hài hoà, có trọng tâm, có sang tạo, có ý tưởng riêng.	Bố cục cân đối, hài hoà, có trọng tâm.	Bố cục ở mức tạm chấp nhận.	Bố cục rối mắt, đơn điệu, không có trọng tâm	3
Hình (mảng)	30	Hình (mảng) hài hoà, có sự đồng nhất, có nhịp điệu, tỷ lệ đẹp.	Hình (mảng) hài hoà, có nhịp điệu.	Hình (mảng) ở mức tạm chấp nhận	Hình, mảng đều, thiếu sự đồng nhất.	3
Màu sắc	30	Màu sắc hài hoà, có sắc thái riêng, có điểm nhấn.	Màu sắc hài hoà	Màu sắc ở mức tạm chấp nhận.	Màu sắc lộn xộn, gây phản cảm thị giác	3
Kỹ thuật	10	Thể hiện bài nghiêm túc, cẩn thận, sạch sẽ.	Thể hiện bài nghiêm túc, sạch sẽ.	Thể hiện bài ở mức tạm chấp nhận.	Thể hiện cầu thả	1
Điểm tổng						10

11.3.3. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Bố cục	30	Bố cục cân đối, hài hoà, có trọng tâm, có sang tạo, có ý tưởng riêng.	Bố cục cân đối, hài hoà, có trọng tâm.	Bố cục ở mức tạm chấp nhận.	Bố cục rối mắt, đơn điệu, không có trọng tâm	3

Hình (mảng)	30	Hình (mảng) hài hoà, có sự đồng nhất, có nhịp điệu, tỷ lệ đẹp.	Hình (mảng) hài hoà, có nhịp điệu.	Hình (mảng) ở mức tạm chấp nhận	Hình, mảng đều, thiếu sự đồng nhất.	3
Màu sắc	30	Màu sắc hài hoà, có sắc thái riêng, có điểm nhấn.	Màu sắc hài hoà	Màu sắc ở mức tạm chấp nhận.	Màu sắc lộn xộn, gây phản cảm thị giác	3
Kỹ thuật	10	Thể hiện bài nghiêm túc, cẩn thận, sạch sẽ.	Thể hiện bài nghiêm túc, sạch sẽ.	Thể hiện bài ở mức tạm chấp nhận.	Thể hiện cầu thả	1
Điểm tổng						10

12. Tài liệu học tập và tham khảo

12.1. Tài liệu học tập chính

- Bài giảng của giáo viên

- Giáo trình bố cục – Đàm Luyện – NXB ĐHSP
- Hình thể và không gian – Jenue Barotray – NXB VHTT
- Cơ sở tạo hình – Lê Huy Văn/Trần Từ Thành – NXB VHTT
- Màu sắc và phương pháp sử dụng – NXB Lao động – Xã hội

12.2. Tài liệu tham khảo

- Trang trí hình vuông – Uyên Huy – NXB Lao động – Xã hội
- Phương pháp trang trí hình tròn – Uyên Huy – NXB Lao động – Xã hội
- Tạp chí MTCN – Trường ĐH MTCN
- Các tài liệu đăng tải trên Internet và thư viện QG

HỌC PHẦN: VẬT LIỆU TRONG NỘI THẤT

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Vật liệu nội thất

Tên học phần tiếng Anh: Interior Material

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 3

Lý thuyết	: 30 tiết
Bài tập	: 5 tiết
Thảo luận	: 0 tiết
Thực hành/thực tập	: 10 tiết
Tự học	: 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Cung cấp các kiến thức cơ bản về vật liệu và ứng dụng của nó trong thiết kế nội thất.

4.2. Kỹ năng:

- Có kỹ năng nhận biết và phân biệt vật liệu nội thất;
- Có kỹ năng lựa chọn và sử dụng vật liệu phù hợp trong thiết kế nội thất.

4.3. Thái độ: Giúp người học có thể nhận thức rõ ràng tính khoa học vật liệu trong thiết kế nội thất.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản: Tổng quan về vật liệu nội thất; chủng loại, đặc tính cơ bản, công năng trang trí, nguyên lý chế tạo, nguyên tắc sử dụng và lựa chọn nguyên vật liệu trong trang trí nội thất

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR1	Nhớ được chủng loại, đặc tính và công năng của từng vật liệu nội thất
CDR2	Nhớ được nguyên lý chế tạo các loại vật liệu nội thất
CDR3	Nhớ được nguyên tắc lựa chọn các loại vật liệu nội thất
Về kỹ năng	
CDR4	Hiểu đặc tính của vật liệu để phân biệt các loại vật liệu
CDR5	Áp dụng nguyên tắc sử dụng và lựa chọn vật liệu trong từng

	không gian nội thất
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR 6	Phân tích và đánh giá được hiệu quả sử dụng của vật liệu trong nội thất
CĐR 7	Hiểu được giá trị và trách nhiệm của mình trong làm việc nhóm

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
1	Tổng quan vật liệu nội thất	5					CĐR 1 CĐR 3
2	Vật liệu gỗ và vật liệu có nguồn gốc từ gỗ	5	1		2		CĐR 1-CĐR 7
3	Vật liệu tre và sản phẩm tre	5	1		2		CĐR 1-CĐR 7
4	Vật liệu nhựa và sản phẩm nhựa	3	1		2		CĐR 1-CĐR 7
5	Vật liệu đá	4	1		2		CĐR 1 -CĐR 7
6	Vật liệu kính	4					CĐR 1-CĐR 7
7	Vật liệu thạch cao	4	1		2		CĐR 1-CĐR 7

8. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VẬT LIỆU NỘI THẤT

(Số tiết: 05, lý thuyết: 5; thực hành: 0; bài tập: 0)

1.1. Đặc trưng cơ bản và công năng trang trí của vật liệu trang trí nội thất

1.1.1. Đặc trưng cơ bản

1.1.2. Công năng

1.2. Phân loại vật liệu nội thất

1.2.1. Phân loại theo lịch sử phát triển của vật liệu

1.2.2. Phân loại theo kết cấu vật chất của vật liệu

1.2.3. Phân loại theo hình thái của vật liệu

1.2.4. Phân loại theo vị trí sử dụng của vật liệu trong công trình kiến trúc

1.2.5. Phân loại theo tính năng đốt cháy của vật liệu

1.3. Yêu cầu cơ bản của trang trí nội thất

1.3.1. *Chất cảm*

1.3.2. *Đường nét*

1.3.3. *Màu sắc*

1.4. Lựa chọn vật liệu trang trí

1.4.1. *Loại hình kiến trúc và vị trí trang trí*

1.4.2. *Khu vực và khí hậu*

1.4.3. *Hiện trường và không gian*

1.4.4. *Tiêu chuẩn và công năng*

1.4.5. *Tính dân tộc*

1.4.6. *Tính kinh tế*

1.5. Nguyên tắc sử dụng vật liệu nội thất

1.5.1. *Đủ*

1.5.2. *Đúng*

1.5.3. *Đáng*

1.5.4. *Đẹp*

1.5.5. *Độc*

CHƯƠNG 2: VẬT LIỆU GỖ VÀ VẬT LIỆU CÓ NGUỒN GỐC TỪ GỖ

(Số tiết: 08, lý thuyết: 05; thực hành: 01; bài tập: 02)

2.1. Gỗ xẻ

2.1.1. *Phân loại gỗ xẻ*

2.1.2. *Tiêu chuẩn chất lượng và kiểm tra chất lượng gỗ xẻ*

2.1.3. *Ứng dụng của gỗ xẻ*

2.2. Ván mỏng

2.2.1. *Phân loại ván mỏng*

2.2.2. *Yêu cầu kỹ thuật của ván mỏng*

2.2.3. *Ứng dụng của ván mỏng*

2.3. Ván nhân tạo

2.3.1. *Ván dán và ứng dụng*

2.3.2. *Ván mộc và ứng dụng*

2.3.3. *Ván dăm và ứng dụng*

2.3.4. *Ván MDF và ứng dụng*

2.3.5. *Ván ghép thanh và ứng dụng*

2.3.6. *Ván trang sức và ứng dụng*

CHƯƠNG 3: VẬT LIỆU TRE VÀ SẢN PHẨM TRE

(Số tiết: 08, lý thuyết: 05; thực hành: 02; bài tập: 01)

3.1. Vật liệu tre

3.1.1. *Kiến thức cơ bản về vật liệu tre*

3.1.2. *Tính chất cơ bản của vật liệu tre*

3.1.3. *Ứng dụng của vật liệu tre*

3.2. Sản phẩm tre

3.2.1. Ván sàn tre (ván ghép keo tre) và ứng dụng

3.2.2. Ván nhân tạo tre và ứng dụng

CHƯƠNG 4: VẬT LIỆU NHỰA VÀ SẢN PHẨM NHỰA

(Số tiết: 06, lý thuyết: 03; thực hành: 02; bài tập: 01)

4.1. Kiến thức cơ bản về vật liệu nhựa

4.1.1. Đặc tính của vật liệu nhựa

4.1.2. Phân loại vật liệu nhựa

4.1.3. Chủng loại vật liệu nhựa thường dùng và ứng dụng

4.2. Sản phẩm nhựa

4.2.1. Vật liệu nhựa dạng tấm và màng mỏng và ứng dụng

4.2.2. Sàn nhựa và ứng dụng

4.2.3. Cửa sổ nhựa và ứng dụng

4.2.4. Sản phẩm ống nhựa và ứng dụng

4.2.5. Chế phẩm bột nhựa và ứng dụng

CHƯƠNG 5: VẬT LIỆU ĐÁ

(Số tiết: 07, lý thuyết: 04; thực hành: 02; bài tập: 01)

5.1. Vật liệu đá tự nhiên

5.1.1. Nguồn gốc và đặc điểm của vật liệu đá tự nhiên

5.1.2. Gia công đá trang trí

5.1.3. Ứng dụng của đá tự nhiên

5.2. Vật liệu đá nhân tạo

5.2.1. Đá nhân tạo dạng xi măng và ứng dụng

5.2.2. Đá nhân tạo dạng nhựa và ứng dụng

5.2.3. Đá nhân tạo phức hợp và ứng dụng

5.2.4. Đá nhân tạo dạng nung kết và ứng dụng

CHƯƠNG 6: VẬT LIỆU KÍNH

(Số tiết: 04, lý thuyết: 04; thực hành: 0; bài tập: 0)

6.1. Vật liệu kính

6.1.1. Tổ thành của vật liệu kính

6.1.2. Tính chất cơ bản của vật liệu kính

6.1.3. Phân loại kính

6.1.4. Nguyên liệu của vật liệu kính

6.1.5. Công nghệ chế tạo kính

6.2. Sản phẩm kính

6.2.1. Kính khung rỗng và ứng dụng

6.2.2. Gạch kính và ứng dụng

6.2.4. Sợi thủy tinh và ứng dụng

CHƯƠNG 7: VẬT LIỆU THẠCH CAO

(Số tiết: 07, lý thuyết: 04; thực hành: 02; bài tập: 01)

7.1. Vật liệu thạch cao

7.1.1. *Khái quát về vật liệu thạch cao*

7.1.2. *Chủng loại của thạch cao trong trang trí nội thất*

7.2. Sản phẩm trang trí thạch cao

7.2.1. *Tấm thạch cao trang trí và ứng dụng*

7.2.2. *Tấm thạch cao mặt giấy phổ thông và ứng dụng*

7.2.3. *Tấm thạch cao khoan lỗ hút âm và ứng dụng*

7.3.1. *Tấm thạch cao điền đầy vật liệu sợi và ứng dụng*

7.3.3. *Tấm trang trí thạch cao bông khoáng và ứng dụng*

7.3.4. *Tấm thạch cao trang trí in hoa và ứng dụng*

7.3.5. *Tấm thạch cao mặt giấy chịu nước và ứng dụng*

7.3.6. *Tấm thạch cao mặt giấy chịu lửa và ứng dụng*

7.3.7. *Tấm thạch cao chịu lửa đặc biệt và ứng dụng*

9. Phương pháp giảng dạy

TT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Thiết bị, công cụ trợ giúp
1	CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VẬT LIỆU NỘI THẤT		
1.1	Đặc trưng cơ bản và công năng trang trí của vật liệu trang trí nội thất		
1.1.1	<i>Đặc trưng cơ bản</i>		
1.1.2	<i>Công năng trang trí</i>		
1.2	Phân loại vật liệu nội thất		
1.2.1	<i>Phân loại theo lịch sử phát triển của vật liệu</i>		
1.2.2	<i>Phân loại theo kết cấu vật chất của vật liệu</i>	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính,
1.2.3	<i>Phân loại theo hình thái của vật liệu</i>		
1.2.4	<i>Phân loại theo vị trí trang trí của vật liệu trong công trình kiến trúc</i>		
1.2.5	<i>Phân loại theo tính năng đốt cháy của vật liệu</i>		
1.3	Yêu cầu cơ bản của trang trí nội thất		
1.3.1	<i>Chất cảm</i>		
1.3.2	<i>Đường nét</i>		
1.3.3	<i>Màu sắc</i>		
1.4	Lựa chọn vật liệu trang trí		
1.4.1	<i>Loại hình kiến trúc và vị trí trang trí</i>	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính,
1.4.2	<i>Khu vực và khí hậu</i>		
1.4.3	<i>Hiện trường và không gian</i>		
1.4.4	<i>Tiêu chuẩn và công năng</i>		

1.4.5	Tính dân tộc		
1.4.6	Tính kinh tế		
1.5	Nguyên tắc sử dụng vật liệu nội thất		
1.5.1	Đủ		
1.5.2	Đúng		
1.5.3	Đáng		
1.5.4	Đẹp		
1.5.5	Độc		
2	CHƯƠNG 2: VẬT LIỆU CHẤT GỖ		
2.1	Gỗ xẻ		
2.1.1	Phân loại gỗ xẻ		
2.1.2	Tiêu chuẩn chất lượng và kiểm tra chất lượng gỗ xẻ	Thuyết trình + hỏi đáp + thực hành	Máy chiếu, máy tính
2.1.3	Ứng dụng của gỗ xẻ		
2.2	Ván mỏng		
2.2.1	Phân loại ván mỏng		
2.2.2	Yêu cầu kỹ thuật của ván mỏng	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính
2.2.3	Ứng dụng của ván mỏng		
2.3	Ván nhân tạo		
2.3.1	Ván dán và ứng dụng		
2.3.2	Ván mộc và ứng dụng		
2.3.3	Ván dăm và ứng dụng	Thuyết trình + hỏi đáp + thực hành	Máy chiếu, máy tính, bộ nguyên liệu mẫu
2.3.4	Ván sợi và ứng dụng		
2.3.5	Ván ghép thanh và ứng dụng		
2.3.6	Ván trang sức và ứng dụng		
3	CHƯƠNG III: VẬT LIỆU TRE VÀ SẢN PHẨM TRE		
3.1	Vật liệu tre		
3.1.1	Kiến thức cơ bản về vật liệu tre		
3.1.2	Tính chất cơ bản của vật liệu tre	Thuyết trình + hỏi đáp + thực hành + Nào công	Máy chiếu, máy tính, bộ nguyên liệu mẫu
3.1.3	Ứng dụng của vật liệu tre		
3.2	Sản phẩm tre		
3.2.1	Ván sàn tre (ván ghép keo tre) và ứng dụng	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính,
3.2.2	Ván nhân tạo tre và ứng dụng		
4	CHƯƠNG 4: VẬT LIỆU NHỰA VÀ SẢN PHẨM NHỰA		
4.1	Kiến thức cơ bản về vật liệu nhựa		
4.1.1	Đặc tính của vật liệu nhựa	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bộ nguyên liệu mẫu
4.1.2	Phân loại vật liệu nhựa		

4.1.3	<i>Chủng loại vật liệu nhựa thường dùng và ứng dụng</i>		
4.2	Sản phẩm nhựa		
4.2.1	<i>Vật liệu nhựa dạng tấm và màng mỏng và ứng dụng</i>		
4.2.2	<i>Sàn nhựa và ứng dụng</i>		
4.2.3	<i>Cửa sổ nhựa và ứng dụng</i>	Thực hành + Não công + hỏi đáp + thực hành	Máy chiếu, máy tính
4.2.4	<i>Sản phẩm ống nhựa và ứng dụng</i>		
4.2.5	<i>Chế phẩm bột nhựa và ứng dụng</i>		
5	CHƯƠNG 5: VẬT LIỆU ĐÁ		
5.1	Vật liệu đá tự nhiên		
5.1.1	<i>Nguồn gốc và đặc điểm của vật liệu đá tự nhiên</i>	Thuyết trình + hỏi đáp + thực hành + Não công	Máy chiếu, máy tính, bộ nguyên liệu mẫu
5.1.2	<i>Gia công đá trang trí</i>		
5.1.3	<i>Ứng dụng của đá tự nhiên</i>		
5.2	Vật liệu đá nhân tạo		
5.2.1	<i>Đá nhân tạo dạng xi măng và ứng dụng</i>	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính,
5.2.2	<i>Đá nhân tạo dạng nhựa và ứng dụng</i>		
5.2.3	<i>Đá nhân tạo phức hợp và ứng dụng</i>	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính,
5.2.4	<i>Đá nhân tạo dạng nung kết và ứng dụng</i>		
6	CHƯƠNG 6: VẬT LIỆU KÍNH		
6.1	Vật liệu kính		
6.1.1	<i>Tổ thành của vật liệu kính</i>	Thuyết trình + hỏi đáp + thực hành + Não công	Máy chiếu, máy tính
6.1.2	<i>Tính chất cơ bản của vật liệu kính</i>		
6.1.3	<i>Phân loại kính</i>		
6.1.4	<i>Nguyên liệu của vật liệu kính</i>		
6.1.5	<i>Công nghệ chế tạo kính</i>		
6.2	Sản phẩm kính		
6.2.1	<i>Kính khung rỗng và ứng dụng</i>	Thuyết trình + hỏi đáp + thực hành + Não công	Máy chiếu, máy tính
6.2.2	<i>Gạch kính và ứng dụng</i>		
6.2.3	<i>Sợi thủy tinh và ứng dụng</i>		
7	CHƯƠNG 7: VẬT LIỆU THẠCH CAO		
7.1	Vật liệu thạch cao		
7.1.1	<i>Khái quát về vật liệu thạch cao</i>	Thuyết trình + hỏi đáp + Não công	Máy chiếu, máy tính
7.1.2	<i>Chủng loại của thạch cao trong trang trí nội thất</i>		
7.2	Sản phẩm thạch cao		
7.2.1	<i>Tấm thạch cao trang trí và ứng dụng</i>	Thuyết trình + hỏi đáp + thực hành + Não công	Máy chiếu, máy tính, phần mềm đồ họa
7.2.2	<i>Tấm thạch cao mặt giấy phổ thông và ứng dụng</i>		

7.2.3	<i>Tấm thạch cao khoan lỗ hút âm và ứng dụng</i>		
7.2.4	<i>Tấm thạch cao điền đầy vật liệu sợi và ứng dụng</i>		
7.2.5	<i>Tấm trang trí thạch cao bông khoáng và ứng dụng</i>	Thuyết trình + hỏi đáp + thực hành + Não công	Máy chiếu, máy tính, phần mềm đồ họa
7.2.6	<i>Tấm thạch cao trang trí in hoa và ứng dụng</i>		
7.2.7	<i>Tấm thạch cao mặt giấy chịu nước và ứng dụng</i>		
7.2.8	<i>Tấm thạch cao mặt giấy chịu lửa và ứng dụng</i>		
7.2.9	<i>Tấm thạch cao chịu lửa đặc biệt và ứng dụng</i>		
8	BÀI TẬP (5 TIẾT)		
8.1	<i>Bài 1: Tìm hiểu đặc tính vật liệu gỗ và ứng dụng vào ốp tường, lát sàn gỗ</i>		
8.2	<i>Bài 2: Tìm hiểu đặc tính vật liệu tre và ứng dụng vào ốp tường, lát sàn tre</i>		
8.3	<i>Bài 3: Tìm hiểu đặc tính vật liệu nhựa và ứng dụng vào lát sàn, ốp trần nhựa</i>		
8.4	<i>Bài 4: Tìm hiểu đặc tính vật liệu đá và ứng dụng vào lát sàn, ốp trần và tường đá</i>		
8.5	<i>Bài 5: Tìm hiểu đặc tính vật liệu thạch cao và ứng dụng vào ốp trần thạch cao</i>		
9	THỰC HÀNH (10 TIẾT)		
9.1	<i>Phân biệt các vật liệu gỗ tự nhiên và gỗ công nghiệp</i>		
9.2	<i>Phân biệt các vật liệu ván tre sử dụng trang trí nội thất</i>		
9.3	<i>Nhận biết các vật liệu sàn nhựa và tấm phủ mặt gỗ công nghiệp</i>		
9.4	<i>Nhận biết vật liệu đá tự nhiên và đá nhân tạo</i>		
9.5	<i>Nhận biết vật liệu thạch cao trang trí</i>		

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học
- Điểm danh, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy

- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. *Cách đánh giá:*

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	8%	CĐR 1-7
2	Điểm bài tập	Hoàn thành 5 bài tập theo yêu cầu	10%	CĐR 1-5
3	Điểm thi giữa kỳ	Thuyết trình ứng dụng và cách phân biệt vật liệu nội thất	12%	CĐR 4-5
4	Điểm thực hành	Hoàn thành 5 bài thực hành theo yêu cầu	10%	CĐR 1-5
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi vấn đáp	60%	CĐR 1-7

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. *Đánh giá kết quả điểm chuyên cần*

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia	

học		biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	biểu đóng góp ý kiến cho giờ học		đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả thực hành

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia các bài thực hành	20	Tham gia trên 90% bài thực hành	Tham gia từ 80-90% bài thực hành	Tham gia từ 70-79% số bài thực hành	Tham gia dưới 70% số bài thực hành	
Ý thức trong giờ học, ghi chép, thực hiện nội dung thực hành	30	Chú ý nghe giảng, thực hiện tốt trên 90% nội dung thực hành	Chú ý nghe giảng, tham gia thực hiện được 70-90% nội dung thực hành	Có tham gia thực hiện được 60-70% nội dung thực hành	Có tham gia thực hiện được dưới 60% nội dung thực hành	
Kiểm tra thực hành	50	Hiểu và làm đúng trên 90% nội dung thực hành	Hiểu và làm đúng 70-90% nội dung thực hành	Hiểu và làm đúng 50-60% nội dung thực hành	Hiểu và làm đúng dưới 50% nội dung thực hành	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả kiểm tra bài tập

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm đủ số bài và đạt yêu cầu trên 90%	Làm đủ số bài và đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm đủ số bài và đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm đủ số bài và đạt yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Câu trả, trình bày không logic	

		bày có logic				
Điểm tổng						

11.3.4. Đánh giá kết quả kiểm thi giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.5. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Câu hỏi chính	90	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu trên 90%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu 70-90%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu 50-69%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu <50%	
Câu hỏi phụ	10	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu trên 90%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu 70-90%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu 50-69%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu <50%	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

1. Trần Văn Chú, Nguyễn Thị Hương Giang (2011), Vật liệu nội thất, NXB Nông

nghiệp.

12.2. Tài liệu tham khảo

1. Lê Xuân Tình (1998), Khoa học gỗ, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Hương Giang, Lý Tuấn Trường (2017), *Bài giảng “Thiết kế sản phẩm nội thất”*, Đại học Lâm nghiệp.

HỌC PHẦN: NGUYÊN LÝ THIẾT KẾ NỘI THẤT

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Nguyên lý thiết kế nội thất

Tên học phần tiếng Anh: Principles for Interior design

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 3

Lý thuyết	: 30 tiết
Bài tập	: 15 tiết
Thảo luận	: 0 tiết
Thực hành/thực tập	: 0 tiết
Tự học	: 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thiết kế nội thất, phương pháp thiết kế, trình tự thiết kế, nội dung các bước thiết kế, các nguyên lý thiết kế, hồ sơ thiết kế...từ đó vận dụng một cách khoa học, hiệu quả để đạt được những phương án thiết kế tốt nhất.

4.2. Kỹ năng:

- Bố trí được không gian nội thất phù hợp theo yêu cầu;
- Nhận biết được các phong cách thiết kế và các nguyên lý mỹ thuật ứng dụng trong thiết kế;
- Phác thảo được ý đồ thiết kế, vận dụng được các nguyên lý thiết kế để làm được một đồ án thiết kế nội thất cơ bản.

4.3. Thái độ:

- Có nhận thức sâu sắc về nghề thiết kế nội thất, biết trân trọng sự sáng tạo đồng thời nhận thức rõ ý nghĩa của việc tuân thủ các nguyên tắc, nguyên lý trong thiết kế;
- Có tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp trong công việc.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Nội dung chính của môn học bao gồm các kiến thức cơ bản về thiết kế nội thất, các nguyên lý thiết kế, các yếu tố và hệ thống khung cảnh nội thất, phương pháp trình bày đồ án thiết kế nội thất.

6. Chuẩn đầu ra của môn học/học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
CDR1	Trình bày được khái niệm và nội hàm của thiết kế nội thất
CDR2	Trình bày và phân tích được tính chất của thiết kế nội thất
CDR3	Trình bày được các cách phân loại thiết kế nội thất
CDR4	Trình bày được bản chất của quá trình thiết kế nội thất
CDR5	Trình bày và phân tích được nội dung của thiết kế nội thất
CDR6	Trình bày được trình tự và nội dung của từng bước thiết kế nội thất
CDR7	Trình bày và phân tích được các quan điểm định hướng trong thiết kế nội thất hiện đại
CDR8	Trình bày và phân tích được các nguyên tắc cơ bản trong quá trình thiết kế nội thất
CDR9	Trình bày và phân tích được các nguyên lý mỹ thuật cơ bản ứng dụng trong thiết kế nội thất: nguyên lý sắp xếp, bố cục không gian; nguyên lý thiết kế màu sắc, ánh sáng; nguyên lý của chất liệu; và các nguyên lý mỹ thuật khác.
CDR10	Trình bày và phân tích được yếu tố con người trong thiết kế nội thất: các yếu tố về cấu trúc và kích thước cơ thể người; các yếu tố về giác quan và đặc điểm tâm lý của con người.
CDR11	Trình bày và phân tích được các yếu tố thiết kế nội thất: yếu tố sàn-trần-tường; yếu tố cửa và cửa sổ; yếu tố cầu thang; đồ nội thất và vật trang trí khác
CDR12	Trình bày được các hệ thống thiết bị nội thất: hệ thống điện kỹ thuật và thiết bị điện; hệ thống cấp thoát nước; hệ thống chiếu sáng; hệ thống thông gió và điều hòa không khí; các hệ thống môi trường đặc biệt khác.
CDR13	Trình bày được yêu cầu hệ thống bản vẽ trong hồ sơ thiết kế
CDR14	Trình bày được các nội dung cơ bản cần thuyết minh trong hồ sơ thiết kế
CDR15	Xây dựng được bộ hồ sơ thu thập thông tin làm cơ sở thiết kế cho một công trình cụ thể
CDR16	Phác thảo và thuyết minh được ý đồ thiết kế
CDR17	Phân tích đánh giá được một phương án thiết kế cụ thể
CDR18	Nhận biết và vận dụng được các nguyên lý đã học để thiết kế một đồ án thiết kế nội thất cơ bản.

7. Cấu trúc nội dung môn học/học phần

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần				
		Lên lớp			Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Bài tập/ Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	Chương 1. Khái luận về thiết kế nội thất	3				CĐR1, CĐR2, CĐR3
2	Chương 2. Quá trình thiết kế nội thất	7	5			CĐR4, CĐR5, CĐR6, CĐR15
3	Chương 3. Quan điểm và nguyên lý cơ bản trong thiết kế nội thất	10				CĐR7, CĐR8, CĐR9
4	Chương 4. Các yếu tố thiết kế nội thất và hệ thống thiết bị nội thất	7				CĐR10,CĐR 11,CĐR12,
5	Chương 5. Hồ sơ thiết kế nội thất	3	10			CĐR13, CĐR14, , CĐR16, CĐR17 CĐR18

8. Nội dung chi tiết môn học

8.1. Lý thuyết (30 tiết)

Chương 1

Khái luận về thiết kế nội thất

(Số tiết: 03, lý thuyết: 03, bài tập: 0)

1.1. Khái niệm và nội hàm của thiết kế nội thất (1 tiết)

1.1.1. Sự hình thành không gian nội thất

1.1.2. Khái niệm về thiết kế nội thất

1.1.3. Sự đan xen giữa thiết kế kiến trúc, trang trí nội thất và thiết kế nội thất

1.2. Tính chất của thiết kế nội thất (1 tiết)

1.2.1. Tính nghệ thuật

- 1.2.2. Tính văn hóa
- 1.2.3. Tính lịch sử, thời đại
- 1.2.4. Tính khoa học, công nghệ

1.3. Phân loại thiết kế nội thất (1 tiết)

Chương 2

Quá trình thiết kế nội thất

(Số tiết: 12, lý thuyết: 07, bài tập: 05)

2.1. Bản chất của quá trình thiết kế (1 tiết)

- 2.1.1. Phân tích
- 2.1.2. Tổng hợp
- 2.1.3. Đánh giá

2.2. Nội dung thiết kế nội thất (3 tiết)

- 2.2.1. Tổ chức không gian – bố cục mặt bằng
- 2.2.2. Xử lý bề mặt giới hạn không gian - trang trí sàn, trần, tường
- 2.2.3. Thiết kế môi trường vật lý - âm thanh, màu sắc, ánh sáng, thông gió, điều nhiệt
- 2.2.4. Tổ chức các hệ thống thiết bị nội thất
- 2.2.5. Thiết kế, lựa chọn đồ gia dụng và vật trang trí
- 2.2.6. Thiết kế xanh hóa nội thất

2.3. Trình tự thiết kế (3 tiết)

- 2.3.1. Thu thập thông tin làm cơ sở cho quá trình thiết kế
- 2.3.2. Xây dựng và lựa chọn phương án thiết kế
- 2.3.3. Trình bày bản vẽ và thuyết minh đánh giá thiết kế
- 2.3.4. Lập kế hoạch thi công và nghiệm thu

Chương 3

Quan điểm và nguyên lý cơ bản trong thiết kế nội thất

(Số tiết: 10, lý thuyết 10; bài tập: 0)

3.1. Một số quan điểm định hướng trong thiết kế nội thất hiện đại (1 tiết)

- 3.1.1. Lấy con người làm trung tâm
- 3.1.2. Dung hòa con người và môi trường

3.2. Các nguyên tắc cơ bản trong quá trình thiết kế (4 tiết)

- 3.2.1. Công năng
- 3.2.2. Thẩm mỹ
- 3.2.3. Công nghệ
- 3.2.4. Kinh tế

3.3. Các nguyên lý mỹ thuật cơ bản trong thiết kế (5 tiết)

- 3.3.1. Bố cục không gian
- 3.3.2. Màu sắc - ánh sáng
- 3.3.3. Chất liệu
- 3.3.4. Các nguyên lý mỹ thuật khác.

Chương 4

Các yếu tố thiết kế nội thất và hệ thống thiết bị nội thất

(Số tiết: 07, lý thuyết: 07, bài tập: 0)

4.1. Yếu tố con người trong thiết kế (1 tiết)

- 4.1.1. Cấu trúc và kích thước cơ thể người
- 4.1.2. Giác quan và đặc điểm tâm lý

4.2. Các yếu tố thiết kế nội thất (3 tiết)

- 4.2.1. Sàn - Trần - Tường
- 4.2.2. Cửa và cửa sổ
- 4.2.3. Cầu thang
- 4.2.4. Đồ gia dụng và vật trang trí

4.3. Hệ thống thiết bị nội thất (3 tiết)

- 4.3.1. Hệ thống điện kỹ thuật và thiết bị điện
- 4.3.2. Hệ thống cấp thoát nước
- 4.3.3. Hệ thống chiếu sáng
- 4.3.4. Hệ thống thông gió và điều hoà không khí
- 4.3.5. Các hệ thống môi trường đặc biệt khác

Chương 5

Hồ sơ thiết kế nội thất

(Số tiết: 13, lý thuyết: 03, bài tập: 10)

5.1. Hệ thống bản vẽ thiết kế (2 tiết)

5.2. Thuyết minh thiết kế (1 tiết)

8.2. Bài tập (15 tiết)

TT	Nội dung	Số giờ
1	Bài 1: Lập biểu thu thập và phân tích thông tin làm cơ sở thiết kế	5 tiết
2	Bài 2: Phác thảo ý đồ thiết kế	5 tiết
3	Bài 3: Phân tích đánh giá phương án thiết kế	5 tiết

9. Phương pháp giảng dạy

9.1. Lý thuyết

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục
-----	----------	-----------------------	---------------

			vụ giảng dạy
1	Chương 1. Khái luận về thiết kế nội thất	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu
2	Chương 2. Quá trình thiết kế nội thất	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu
3	Chương 3. Quan điểm và nguyên lý cơ bản trong thiết kế nội thất	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu
4	Chương 4. Các yếu tố thiết kế nội thất và hệ thống thiết bị nội thất	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu
5	Chương 5. Hồ sơ thiết kế nội thất	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu

9.2. Bài tập

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	Bài 1: Lập biểu thu thập và phân tích thông tin làm cơ sở thiết kế	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu
2	Bài 2: Phác thảo ý đồ thiết kế	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu
3	Bài 3: Phân tích đánh giá phương án thiết kế	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu

10. Hướng dẫn thực hiện

10.1. Về lý thuyết:

Các nội dung được giảng dạy theo trình tự với các hình ảnh minh họa cụ thể, chi tiết. Sử dụng máy tính, máy chiếu trong giảng dạy.

10.2. Về thực hành/Bài tập

Bài tập được giao cho từng sinh viên (mỗi sinh viên một đề bài cụ thể, riêng biệt).

10.3. Yêu cầu đối với giảng viên và sinh viên

10.3.1. Đối với giảng viên

- Lên lớp đúng giờ theo thời khóa biểu.
- Giảng dạy đúng với chương trình môn học.
- Thực hiện việc kiểm tra đánh giá theo quy định.

10.3.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập.

- Tham dự 100% số giờ bài tập.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập/thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. *Cách đánh giá:*

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học và trả lời câu hỏi thảo luận	20%	CĐR 1÷18
2	Điểm bài tập	Hoàn thành 03 bài tập theo yêu cầu	20%	CĐR 15÷18
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi vấn đáp	60%	CĐR 1÷18

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. *Đánh giá kết quả điểm chuyên cần*

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. *Đánh giá kết quả kiểm tra bài tập*

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	

Nội dung	90	Làm đủ số bài và đạt yêu cầu trên 90%	Làm đủ số bài và đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm đủ số bài và đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm đủ số bài và đạt yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Câu hỏi chính	90	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu trên 90%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu 70-90%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu 50-69%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu <50%	
Câu hỏi phụ	10	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu trên 90%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu 70-90%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu 50-69%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu <50%	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

1. Bài giảng Nguyên lý thiết kế nội thất, Trường Đại học Lâm nghiệp

12.2. Tài liệu tham khảo

1. Tạ Trường Xuân (2010). Nguyên lý thiết kế kiến trúc (Tái bản). Hà Nội: NXB Xây dựng, 2010.
2. Thiên Thanh (1998). Nghệ thuật trang trí nội thất: Những mẫu thiết kế đẹp và tiện dụng. Đồng Nai: NXB Đồng Nai, 1998.
3. Thiên Thanh (1998). Nghệ thuật trang trí nội thất - Thiết kế nội thất phòng có diện tích hẹp từ 9 m² đến 20 m². Đồng Nai: Tổng hợp Đồng Nai, 1998
4. Trịnh Thu Dương – Trần Sáng (2003), *Hướng dẫn thiết kế nội thất*. NXB Mỹ thuật.

HỌC PHẦN: ERGONOMICS TRONG THIẾT KẾ NỘI THẤT

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên tiếng Việt: *Ergonomics trong thiết kế nội thất*

Tên tiếng Anh: *Ergonomics for interior design*

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 02

Lý thuyết : 20 tiết

Thảo luận : 10 tiết

Thực hành/thực tập : 0 tiết

Tự học : tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Bộ môn Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức:

Cung cấp cho sinh viên kiến thức:

- Đặc tính cơ bản của người: đặc tính về sinh lý học, tâm lý học, nhân trắc học, đặc tính về sự vận động của người.
- Mối quan hệ tương hỗ giữa người và môi trường: thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, kích thích và sự vận động cơ thể người với môi trường.
- Biết vận dụng kiến thức Ergonomics trong thiết kế sản phẩm mộc và nội thất.

4.2 Kỹ năng:

- Kỹ năng vận dụng kiến thức Ergonomics trong thiết kế sản phẩm: tạo hình, kích thước, màu sắc, vật liệu phù hợp với con người.

- Kỹ năng vận dụng kiến thức Ergonomics trong thiết kế không gian nội thất: kích thước, màu sắc, vật liệu, ánh sáng, âm thanh, sắp đặt vật dụng trong không gian phù hợp với con người.

4.3. Thái độ:

- Nghiêm túc, có trách nhiệm trong trong học tập.
- Tăng yêu thích môn học và ngành thiết kế nội thất.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Nội dung chính bao gồm: Đặc tính cơ bản của người, Mối quan hệ tương hỗ giữa người và môi trường, Ergonomics trong thiết kế một số không gian nội thất và đồ mộc.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
	Về kiến thức

CĐR1	Hiểu được đặc tính sinh lý học của con người
CĐR2	Vận dụng đặc tính sinh lý học trong TK sản phẩm và không gian nội thất
CĐR3	Hiểu được đặc tính tâm lý học của con người trong sinh hoạt hàng ngày
CĐR4	Vận dụng đặc tính tâm lý học trong TK sản phẩm và không gian nội thất
CĐR5	Hiểu được đặc tính cơ sinh học và sự vận động của con người
CĐR6	Vận dụng đặc tính cơ sinh học và vận động của con người trong TK sản phẩm và không gian nội thất
CĐR7	Hiểu được đặc tính nhân trắc học của con người
CĐR8	Vận dụng được đặc tính nhân trắc học của con người trong TK sản phẩm và không gian nội thất
CĐR9	Hiểu được mối quan hệ con người trong môi trường sống
CĐR10	Vận dụng mối quan hệ con người trong môi trường sống trong TK sản phẩm và không gian nội thất
Về kỹ năng	
CĐR11	Kỹ năng vận dụng kiến thức sinh lý học, cơ sinh học, nhân trắc học, tâm lý học của con người đến thiết kế sản phẩm và không gian nội thất.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR12	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm
CĐR13	Nghiêm túc, có trách nhiệm trong học tập.
CĐR14	Tăng yêu thích môn học và ngành thiết kế nội thất

(Nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lên lớp						
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Bài tập lớn			
1	Chương 1: Giới thiệu chung về Ergonomics	2						
2	Chương 2: Kiến thức cơ bản về Ergonomics- Đặc tính	9					CĐR 1-CĐR 8 CĐR 11-CĐR 14	

	ơ bản của người						
3	Chương 3: Mối quan hệ tương hỗ giữa người và môi trường	6					CĐR 9-CĐR 10 CĐR 11-CĐR 14
4	Chương 4: Ergonomics trong thiết kế một số không gian nội thất và đồ mộc	3		10			CĐR 1- CĐR 14

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

Giới thiệu chung về Ergonomics

(Số tiết: 02, lý thuyết: 02, bài tập: 0)

- 1.1 Khái niệm về ergonomics, lịch sử phát triển
- 1.2 Mục đích nghiên cứu của ergonomics
- 1.3 Những nội dung nghiên cứu ergonomics trong thiết kế đồ mộc và nội thất

Chương 2

Kiến thức cơ bản về Ergonomics-Đặc tính cơ bản của người

(Số tiết: 09, lý thuyết: 09, bài tập: 0)

- 2.1. Đặc tính về sinh lý học của người (3LT)
 - 2.1.1. Hệ thống truyền tin tức
 - 2.1.1.2. Hệ thần kinh
 - 2.1.1.3. Hệ thống thị giác
 - 2.1.1.4. Hệ thống thính giác
 - 2.1.1.5. Vị giác và khứu giác
 - 2.1.1.6. Cảm giác da
 - 2.1.2. Hệ hô hấp, hệ tuần hoàn
 - 2.1.2.1 Hệ hô hấp
 - 2.1.2.2 Hệ tuần hoàn
- 2.2. Đặc tính về tâm lý học (2LT)
 - 2.2.1 Cảm giác
 - 2.2.2 Tri giác
 - 2.2.3 Tư duy và tưởng tượng
- 2.3. Đặc tính về nhân trắc học (2LT)
 - 2.3.1. Số đo nhân trắc

2.3.2. Giới thiệu số đo nhân trắc cơ bản

2.3.3. Ý nghĩa của một số kích thước nhân trắc cơ bản trong thiết kế

2.4. Đặc tính về sự vận động của người (2LT)

2.4.1. Cấu tạo hệ vận động

2.4.2. Hệ vận động với lực học của cơ thể

2.4.3. Hệ vận động với góc quay của cơ thể

Chương 3

Mối quan hệ tương hỗ giữa người và môi trường

(Số tiết: 06, lý thuyết: 06, bài tập: 0)

3.1. Môi trường và không gian nội thất tác động đến tri giác tâm lý của người (1LT)

3.2. Màu sắc tác động đến tâm lý người

3.3. Hình khối tác động đến tâm lý người (1LT)

3.4. Chất liệu tác động tới tâm lý của người (1LT)

3.5. Một số tập tính hành vi của người trong môi trường sống (1LT)

3.6. Hành vi và cự ly giao tiếp giữa Người - Người trong môi trường (1LT)

3.7. Nhân trắc học với thiết kế không gian nội thất và đồ mộc (1 LT)

Chương 4

Ergonomics trong thiết kế một số không gian nội thất và đồ mộc

(Số tiết: 13, lý thuyết: 03, thảo luận: 10)

4.1 Ergonomics trong thiết kế sản phẩm mộc (1LT)

4.2 Ergonomics trong thiết kế nội thất nhà ở (1LT)

4.3 Ergonomics trong thiết kế môi trường thương nghiệp (1LT)

4.4 Ergonomics trong thiết kế cửa hàng ăn uống

THẢO LUẬN (10 tiết)

TT	Danh mục	Số bài	Số giờ
	THẢO LUẬN		
	Bài 1: Ergonomics trong thiết kế sản phẩm nội thất	1	5
	Bài 2: Ergonomics trong thiết kế không gian nội thất	1	5

9. Phương pháp giảng dạy

Về lý thuyết:

- Thực hiện trên giảng đường. Giáo viên thuyết trình, có bài giảng, trang thiết bị giảng dạy hỗ trợ: Máy chiếu, máy tính, bảng.

- Giáo viên hỏi đáp với sinh viên

- Phân nhóm thảo luận nội dung trong bài học.

Về thảo luận

Chia lớp sinh viên ra thành từng nhóm nhỏ, mỗi nhóm 5-7 sinh viên. Giao nội dung thảo luận cho sinh viên.

Bài 1: Vận dụng kiến thức Ergonomics trong thiết kế sản phẩm nội thất. Mỗi nhóm sinh viên chọn 1-2 sản phẩm nội thất, vận dụng kiến thức Ergonomics đã học về sinh lý học, tâm lý học, nhân trắc học, cơ sinh học để thiết kế sản phẩm đó trong yếu tố công năng, tạo hình, thẩm mỹ. Sinh viên làm thảo luận và trình bày kết quả thảo luận. Giáo viên và nhóm sinh viên khác nghe, góp ý, bổ sung kiến thức. Giáo viên tổng kết lại vấn đề cần nhớ.

Bài 2: Vận dụng kiến thức Ergonomics trong thiết kế không gian nội thất. Mỗi nhóm sinh viên chọn 1 không gian nội thất, vận dụng kiến thức Ergonomics đã học về sinh lý học, tâm lý học, nhân trắc học, cơ sinh học, mối quan hệ con người với môi trường để thiết kế không gian đó đáp ứng sự thuận lợi với người sử dụng, công năng và yếu tố thẩm mỹ. Sinh viên làm thảo luận và trình bày kết quả thảo luận. Giáo viên và nhóm sinh viên khác nghe, góp ý, bổ sung kiến thức. Giáo viên tổng kết lại vấn đề cần nhớ.

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học
- Điểm danh, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy
- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. Thang điểm đánh giá: Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	16%	CĐR1-CĐR 14
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ trên lớp	8%	
3	Điểm bài tập/thảo luận	Điểm tính của các bài tập sinh viên tự làm	16%	

II	Điểm thi cuối kỳ	Thi viết/thi vấn đáp/...	60%	CĐR1-CĐR 14
-----------	-------------------------	--------------------------	------------	-------------

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. Đánh giá kết quả điểm chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả kiểm tra, thảo luận

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng	
----------	-------	----------------	--

đánh giá	(%)	Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	Điểm
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1 Tài liệu bắt buộc

1. Bài giảng Ergonomics trong thiết kế nội thất

12.2 Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Bạch Ngọc, Ergonomics trong thiết kế sản xuất, nhà xuất bản khoa học, 2000
2. Lý Văn Lâm , Ergonomics trong thiết kế nội thất kiến trúc và đồ mộc, Nhà xuất bản Lâm nghiệp Trung Quốc,
3. 刘盛璜, 人体工程学与室内设计, 中国建筑工业出版社, 2010.

HỌC PHẦN: MÀU SẮC TRONG THIẾT KẾ NỘI THẤT

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Màu sắc trong thiết kế nội thất

Tên học phần tiếng Anh: Color in Interior Design

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 2

Lý thuyết	: 5 tiết
Bài tập	: 25 tiết
Thảo luận	: 0 tiết
Thực hành/Thực tập	: 0 tiết
Bài tập lớn/đồ án	: 0 tiết
Tự học	: 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về màu sắc; một số nguyên tắc pha, phối màu cơ bản và nguyên tắc sử dụng màu trong thiết kế sản phẩm nội thất, không gian nội thất.

4.2. Kỹ năng: Giúp sinh viên có thể pha màu trên máy tính, phối màu trên mặt phẳng, trong không gian và tuyển chọn được gam màu phù hợp cho từng sản phẩm nội thất, không gian nội thất.

4.3. Thái độ: Hoàn thiện nhận thức thẩm mỹ, tác dụng, ứng dụng của màu sắc trong thiết kế sản phẩm nội thất, không gian nội thất cho người học, kích thích tư duy sáng tạo cho sinh viên.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Môn học trình bày những khái niệm cơ bản về màu sắc; sự cảm nhận về màu; một số nguyên tắc pha, phối màu cơ bản; nguyên tắc sử dụng màu và tuyển chọn màu trong thiết kế sản phẩm nội thất và không gian nội thất.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CĐR1	Hiểu được khái niệm cơ bản về màu sắc
CĐR2	Hiểu được các nguyên tắc pha, phối màu, nguyên tắc sử dụng màu cơ bản
Về kỹ năng	
CĐR3	Hiểu và áp dụng được cách pha, phối màu trên máy tính
CĐR4	Áp dụng và sáng tạo được cách pha, phối màu trên máy tính vào các thiết kế trên mặt phẳng, trong không gian của lĩnh vực thiết kế sản phẩm nội thất và không gian nội thất
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR5	Hiểu và áp dụng được các giá trị, tác dụng của màu sắc trong công việc thiết kế sản phẩm nội thất và không gian nội thất
CĐR6	Hiểu được trách nhiệm của bản thân trong quá trình học tập và sáng tạo, trong làm việc nhóm

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	Những khái niệm cơ bản về màu sắc	1					CĐR 1
2	Cảm nhận màu sắc	1					CĐR 2 CĐR 5
3	Pha và phối màu	1	5				CĐR 2 CĐR 3
4	Màu sắc trong thiết kế sản phẩm nội thất và không gian nội thất	2	20				CĐR 2 CĐR 4 CĐR 5 CĐR 6

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

Những khái niệm cơ bản về màu sắc

(Số tiết: 01, lý thuyết: 01, bài tập: 0)

1.1. Nguồn gốc của màu sắc

1.2. Đặc trưng cơ bản của màu sắc

1.3. Hệ thống quản lý màu sắc

1.4. Phân loại màu sắc

Chương 2

Cảm nhận màu sắc

(Số tiết: 01, lý thuyết: 01, bài tập: 0)

2.1. Bản chất của sự cảm nhận về màu sắc

2.2. Sự so sánh màu sắc khi cảm nhận

2.3. Tâm lý cảm nhận màu sắc

Chương 3

Pha và phối màu

(Số tiết: 06, lý thuyết: 01, bài tập: 05)

3.1. Bản chất của nguyên lý pha màu

3.2. Các ứng dụng của pha màu

3.3. Pha màu trên máy tính

3.4. Phối màu

Chương 4

Màu sắc trong thiết kế sản phẩm nội thất và không gian nội thất

(Số tiết: 22, lý thuyết: 02, bài tập: 20)

4.1. Màu sắc của gỗ

4.2. Nguyên lý thiết kế màu sắc trong sản phẩm nội thất

4.3. Nguyên lý thiết kế màu sắc trong nội thất

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	Chương 1: Những khái niệm cơ bản về màu sắc		
	1.1. Nguồn gốc của màu sắc	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
	1.2. Đặc trưng cơ bản của màu sắc	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
	1.3. Hệ thống quản lý màu sắc	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
	1.4. Phân loại màu sắc	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
2	Chương 2: Cảm nhận màu sắc		
	2.1. Bản chất của sự cảm nhận về màu sắc	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
	2.2. Sự so sánh màu sắc khi cảm nhận	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
	2.3. Tâm lý cảm nhận màu sắc	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
3	Chương 3: Pha và phối màu		
	3.1. Bản chất của nguyên lý pha màu	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
	3.2. Các ứng dụng của pha màu	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng

	3.3. Pha màu trên máy tính	Thuyết trình, hỏi đáp, não công, thực hành	Máy chiếu, máy tính, phần mềm đồ họa
	3.4. Phối màu	Thuyết trình, hỏi đáp, não công, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng, phần mềm đồ họa
4	Chương 4: Màu sắc trong thiết kế sản phẩm nội thất và không gian nội thất		
	4.1. Màu sắc của gỗ	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
	4.2. Nguyên lý thiết kế màu sắc trong sản phẩm nội thất	Thuyết trình, hỏi đáp, não công, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng, phần mềm đồ họa
	4.3. Nguyên lý thiết kế màu sắc trong nội thất	Thuyết trình, hỏi đáp, não công, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng, phần mềm đồ họa

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học
- Điểm danh, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy
- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. Thang điểm đánh giá: Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	12%	CĐR 6

2	Điểm bài tập	- 02 bài tập về phối màu cơ bản - 03 bài về phối màu trong thiết kế sản phẩm nội thất - 03 bài về phối màu trong thiết kế nội thất	12%	CĐR 2 CĐR 3 CĐR 4 CĐR 5 CĐR 6
3	Điểm thi giữa kỳ	Thực hiện phối màu cho 01 sản phẩm nội thất	16%	CĐR 5 CĐR 6
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi viết/thi vấn đáp/....	60%	CĐR 1- 6

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. Đánh giá kết quả điểm chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả bài tập vẽ, làm mô hình, thi giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Bố cục	30	Bố cục cân đối, hài hoà, có trọng tâm, có sáng tạo, có ý tưởng riêng	Bố cục cân đối, hài hoà, có trọng tâm.	Bố cục ở mức tạm chấp nhận.	Bố cục rời mắt, đơn điệu, không có trọng tâm	

Hình (mảng)	30	Hình (mảng) hài hoà, có sự đồng nhất, có nhịp điệu, tỷ lệ đẹp	Hình (mảng) hài hoà, có nhịp điệu.	Hình (mảng) ở mức tạm chấp nhận	Hình, mảng đều, thiếu sự đồng nhất.	
Màu sắc	30	Màu sắc hài hoà, có sắc thái riêng, có điểm nhấn.	Màu sắc hài hoà	Màu sắc ở mức tạm chấp nhận.	Màu sắc lộn xộn, gây phản cảm thị giác	
Kỹ thuật	10	Thể hiện bài nghiêm túc, cẩn thận, sạch sẽ.	Thể hiện bài nghiêm túc, sạch sẽ.	Thể hiện bài ở mức tạm chấp nhận.	Thể hiện câu thả	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	30	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	
Hình thức, báo cáo	20	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/câu hỏi quan tâm	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm của người nghe	Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiện được nội dung	
Trả lời câu hỏi	20	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng	Trả lời được 70% câu hỏi	Trả lời được 25%-50% câu hỏi	Không trả lời được câu nào	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

1. Trần Văn Chứ, Lý Tuấn Trường. Màu sắc trong thiết kế nội thất. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội 2015

12.2. Tài liệu tham khảo

1. Tạ Trường Xuân. Nguyên lý thiết kế kiến trúc. Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội 2010

HỌC PHẦN: PHONG THỦY TRONG THIẾT KẾ NỘI THẤT

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Phong thủy trong thiết kế nội thất

Tên học phần tiếng Anh: Fengshui for Interior Design

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 2

Lý thuyết : 20 tiết

Bài tập : 10 tiết

Thảo luận : 0 tiết

Thực hành/thực tập : 0 tiết

Tự học : 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của môn học/học phần:

4.1. Về kiến thức

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phong thủy và ứng dụng của phong thủy trong thiết kế nội thất, giúp sinh viên có thể vận dụng vào thiết kế một cách khoa học, thỏa mãn nhu cầu đòi hỏi ngày càng cao của con người về môi trường sống.

4.2. Về kỹ năng

- Tính toán được các cung mệnh, trạch theo phong thủy bát trạch để ứng dụng trong thiết kế.

- Tính toán và lập được tinh bàn huyền không để ứng dụng trong thiết kế theo phong thủy huyền không.

- Sử dụng được la bàn phong thủy trong thiết kế.

4.3. Về thái độ

- Có nhận thức sâu sắc về môn học phong thủy, nhìn nhận phong thủy ở góc độ khoa học để ứng dụng vào thiết kế phù hợp nhất với điều kiện thực tế;

- Có tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp trong công việc.

5. Mô tả tóm tắt nội dung môn học/học phần

Môn học bao gồm các nội dung chính sau: Nguồn gốc và các khái niệm cơ bản trong Phong thủy; Ứng dụng phong thủy trong thiết kế màu sắc nội thất; Ứng dụng phong thủy trong thiết kế, tổ chức không gian nội thất; Thiết kế nội thất một số không gian công năng theo phong thủy; Các loại đồ trang trí phong thủy.

6. Chuẩn đầu ra của môn học/học phần

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra
CĐR1	Trình bày được khái quát chung về phong thủy, nguồn gốc phong thủy
CĐR2	Trình bày được một số khái niệm cơ bản trong phong thủy: phép giải phong thủy; âm dương; ngũ hành; bát quái; can, chi và sự tương hợp, tương khắc
CĐR3	Trình bày được những ứng dụng của phong thủy trong cuộc sống
CĐR4	Trình bày và phân tích được ứng dụng của phong thủy trong thiết kế màu sắc nội thất
CĐR5	Trình bày và phân tích được ứng dụng của phong thủy Bát trạch trong thiết kế tổ chức không gian nội thất
CĐR6	Trình bày và phân tích được ứng dụng của phong thủy Huyền không trong thiết kế tổ chức không gian nội thất
CĐR7	Trình bày và phân tích được những điều cần tránh (cấm kỵ) trong sắp xếp không gian theo phong thủy
CĐR8	Trình bày và phân tích được các giải pháp thiết kế phòng công năng theo phong thủy
CĐR9	Trình bày và phân tích được khái niệm về đồ trang trí phong thủy và ứng dụng của nó trong thiết kế nội thất
CĐR10	Tính toán được cung mệnh, trạch theo phong thủy Bát trạch
CĐR11	Tính toán thiết lập được tinh bàn huyền không theo phong thủy huyền không
CĐR12	Phân tích, tổ chức sắp đặt, thiết kế và tư vấn cải tạo được không gian theo các thông tin phong thủy

7. Cấu trúc nội dung môn học/học phần

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần				
		Lên lớp			Sv tự nghiên cứu, tự	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý	Bài tập/	Thực		

		thuyết	Thảo luận	hành, thực tập	học	
1	Chương 1. Một số khái niệm cơ bản về phong thủy	5				CĐR1, CĐR2, CĐR3
2	Chương 2. Ứng dụng phong thủy trong thiết kế nội thất	10	10			CĐR4, CĐR5, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR10, CĐR11, CĐR12
3	Chương 3. Đồ trang trí phong thủy	5				CĐR9, CĐR12

8. Nội dung chi tiết môn học

8.1. Lý thuyết (20 tiết)

Chương 1

Một số khái niệm cơ bản về phong thủy

1.1 Nguồn gốc Phong thủy

1.2 Một số khái niệm cơ bản trong phong thủy

1.2.1 Phép giải phong thủy

1.2.1.1 Hình pháp

1.2.1.2 Lý pháp

1.2.2 Âm dương

1.2.3 Ngũ hành

1.2.4 Bát quái

1.2.5 Can, chi và sự tương hợp, tương khắc

1.3 Ứng dụng phong thủy trong cuộc sống

Chương 2

Ứng dụng phong thủy trong thiết kế nội thất

3.1. Ứng dụng phong thủy trong thiết kế màu sắc nội thất

3.2. Ứng dụng phong thủy trong tổ chức không gian nội thất

3.2.1 Nguyên tắc bố trí không gian công năng theo phong thủy Bát trạch và Huyền không

3.2.2 Những điều cần tránh trong sắp xếp không gian theo phong thủy

3.3 Thiết kế nội thất một số loại phòng công năng theo phong thủy

3.3.1 Nội thất phòng khách

3.3.2 Nội thất phòng ngủ

3.3.3 Nội thất phòng ăn, bếp

3.3.4 Nội thất phòng thờ

3.3.4 Nội thất phòng làm việc

Chương 3

Đồ trang trí phong thủy

3.1 Khái niệm đồ trang trí phong thủy

3.2 Ứng dụng đồ trang trí phong thủy trong trang trí nội thất

8.2. Bài tập (10 tiết)

TT	Nội dung	Số giờ
1	Bài 1: Tính toán cung mệnh, trạch và thiết kế nội thất theo phong thủy Bát trạch	5 tiết
2	Bài 2: Tính toán, lập tinh bản huyền không và thiết kế nội thất theo phong thủy Huyền không	5 tiết

9. Phương pháp giảng dạy

9.1. Lý thuyết:

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	Chương 1. Một số khái niệm cơ bản về phong thủy	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu
2	Chương 2. Ứng dụng phong thủy trong thiết kế nội thất	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu, la bàn phong thủy
3	Chương 3. Đồ trang trí phong thủy	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu

9.2. Bài tập

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	Bài 1: Tính toán cung mệnh, trạch và thiết kế nội thất theo phong thủy Bát trạch	Thuyết giảng, thực hành thị phạm, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu, la bàn phong thủy,..
2	Bài 2: Tính toán, lập tinh bản huyền không và thiết kế nội thất theo phong thủy Huyền không	Thuyết giảng, thực hành thị phạm, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu, la bàn phong thủy,..

10. Hướng dẫn thực hiện

10.1. Về lý thuyết:

Các nội dung được giảng dạy theo trình tự với các hình ảnh minh họa cụ thể, chi tiết. Sử dụng máy tính, máy chiếu trong giảng dạy.

10.2. Về thực hành/Bài tập

Bài tập được giao cho từng sinh viên (mỗi sinh viên một đề bài cụ thể, riêng biệt).

10.3. Yêu cầu đối với giảng viên và sinh viên

10.3.1. Đối với giảng viên

- Lên lớp đúng giờ theo thời khóa biểu.
- Giảng dạy đúng với chương trình môn học.
- Thực hiện việc kiểm tra đánh giá theo quy định.

10.3.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập.
- Tham dự 100% số giờ bài tập.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập/thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. *Cách đánh giá:*

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra

				(HP)
I	Điểm quá trình			
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học và trả lời câu hỏi thảo luận	20%	CĐR 1÷12
2	Điểm bài tập	Hoàn thành 02 bài thực hành theo yêu cầu	20%	CĐR 10÷12
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi vấn đáp	60%	CĐR 1÷12

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. Đánh giá kết quả điểm chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả kiểm tra bài tập

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Thuyết trình tốt, làm đủ số bài và đạt yêu cầu trên 90%	Thuyết trình tốt, làm đủ số bài và đạt yêu cầu từ 70-90%	Thuyết trình và làm đủ số bài đạt yêu cầu từ 50-69%	Thuyết trình và làm đủ số bài đạt yêu cầu <50%	

Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Câu hỏi chính	90	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu trên 90%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu 70-90%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu 50-69%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu <50%	
Câu hỏi phụ	10	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu trên 90%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu 70-90%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu 50-69%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu <50%	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập và tham khảo

12.1. Tài liệu học tập chính (bắt buộc)

Bài giảng môn học Phong thủy trong thiết kế nội thất (GV chuẩn bị)

12.2. Tài liệu tham khảo

[1] Vương Thị Nhị Mười (2005), *Phong thủy địa lý Tả Ao (tập 1-4)*. nxb Mũi Cà Mau.

[2] Ngô Nguyên Phi (2006), *Phong thủy Việt Nam dưới góc độ khoa học*. Nxb Văn hóa thông tin.

[3] Ngô Tất Tố (biên dịch và chú giải) (2019), *Kinh dịch (trọn bộ)*. Nxb Văn học.

[4] Thiệu Vĩ Hoa (Thích Minh Nghiêm soạn dịch) (2009), *Phong thủy toàn thư*. Nxb Thời đại.

HỌC PHẦN: THIẾT KẾ MÔI TRƯỜNG VẬT LÝ KIẾN TRÚC

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

- Tên tiếng Việt: Thiết kế môi trường vật lý kiến trúc
- Tên tiếng Anh: Design of Architecture Physical Environment

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 2

Lý thuyết	: 20 tiết
Bài tập	: 10 tiết
Thảo luận	: 0 tiết
Thực hành/thực tập	: 0 tiết
Tự học	: 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức:

Cung cấp cho sinh viên kiến thức:

- Khí hậu nội ngoại thất, bản chất vật lý của các hiện tượng, các tác động của khí hậu tới công trình và tới tâm sinh lý của con người.

- Những vấn đề cơ bản nhiệt học: các phương thức truyền nhiệt, ảnh hưởng của nhiệt độ đến con người cũng; giải pháp thiết kế cách nhiệt, thông gió.
- Những vấn đề cơ về ánh sáng, tác động của ánh sáng đến con người; thiết kế chiếu sáng tự nhiên, chiếu sáng nhân tạo cho các công trình kiến trúc.
- Những vấn đề cơ bản âm thanh, thiết kế chọn lựa vật liệu cách âm, hút âm; thiết kế âm thanh phòng rộng.

4.2. Kỹ năng:

- Sinh viên phải có kỹ năng thiết kế cách nhiệt cho kiến trúc, nội thất
- Kỹ năng thiết kế chiếu sáng cho không gian nội thất.
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm
- Rèn luyện kỹ năng tư duy độc lập, giải quyết vấn đề

4.3. Thái độ:

- Nghiêm túc, có trách nhiệm trong trong học tập.
- Tăng yêu thích môn học và ngành thiết kế nội thất.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Nội dung gồm kiến thức vật lý cơ bản, cơ sở liên quan đến kiến trúc nội ngoại thất như khí hậu, nhiệt học, âm học, quang học; vai trò tác động của chúng đến công trình kiến trúc cũng như người sử dụng; Từ đó đưa ra giải pháp thiết kế các yếu tố trên

một cách hợp lý, có hiệu quả cao phù hợp với khí hậu và người sử dụng.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR1	Hiểu được bản chất vấn đề khí hậu nội ngoại thất.
CDR2	Hiểu được bản chất các phương thức truyền nhiệt
CDR3	Hiểu được bản chất âm thanh
CDR4	Hiểu được bản chất ánh sáng, nguồn chiếu sáng
CDR5	Áp dụng kiến thức để thiết kế cách nhiệt cho không gian nội thất
CDR6	Áp dụng kiến thức để thiết kế ánh sáng tự nhiên, nhân tạo cho không gian nội thất
Về kỹ năng	
CDR7	Kỹ năng chọn lựa vật liệu cách nhiệt, cách âm cho kiến trúc
CDR8	Kỹ năng chọn lựa bóng đèn ánh sáng
CDR9	Kỹ năng thiết kế chiếu sáng tự nhiên, nhân tạo
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR 10	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm
CDR11	Nghiêm túc, có trách nhiệm trong trong học tập.
CDR12	Tăng yêu thích môn học và ngành thiết kế nội thất

(Nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					Chuẩn đầu ra (HP)
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	Chương 1: Khí hậu kiến trúc	3					CDR1-CDR 9
2	Chương 2: Môi trường nhiệt học và vấn đề thiết kế	6	2				CDR1-CDR 9

3	Chương 3: Môi trường quang học và thiết kế	8	6				CĐR1-CĐR 9
4	Chương 4: Môi trường âm học và thiết kế	3	2				CĐR1-CĐR 9
	Bài tập		10				CĐR1-CĐR 12

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

Khí hậu kiến trúc

(Số tiết: 03, lý thuyết: 03; bài tập: 0)

1.1 Khí hậu ngoại thất

1.1.1 Các yếu tố tự nhiên cơ bản hình thành khí hậu

1.1.2 Đặc điểm khí hậu Việt nam

1.1.3 Các thông số vật lý của KH và biểu đồ trạng thái không khí

1.2. Vi khí hậu (khí hậu trong nhà)

1.2.1 Khái niệm:

1.2.2 Những yếu tố ảnh hưởng đến vi khí hậu

1.2.3 Tác động của vi khí hậu đến cảm giác nhiệt của con người

Chương 2

Môi trường nhiệt học và vấn đề thiết kế

(Số tiết: 8, lý thuyết: 06; bài tập/thảo luận: 02)

2.1. Một số khái niệm cơ bản về truyền nhiệt

2.1.1 Một số khái niệm

2.1.2 Các phương thức truyền nhiệt

2.2. Cách nhiệt kết cấu mùa lạnh

2.2.1. Bài toán truyền nhiệt ổn định một chiều hay bài toán cách nhiệt cho kết cấu trong mùa lạnh

2.2.2. Yêu cầu cách nhiệt chống lạnh

2.3. Cách nhiệt kết cấu mùa nóng

2.2.3. Bài toán truyền nhiệt dao động điều hòa trong mùa hè hay bài toán cách nhiệt cho kết cấu trong mùa nóng

2.2.4 Yêu cầu cách nhiệt chống nóng

2.4. Một số giải pháp khác cách nhiệt cho mái và tường

Chương 3

Môi trường quang học và thiết kế

(Số tiết: 14, lý thuyết: 08; bài tập/thảo luận: 06)

3.1. Các khái niệm cơ bản

- 3.1.1. Bức xạ, ánh sáng, màu sắc
- 3.1.2. Các đơn vị cơ bản ánh sáng
- 3.1.3. Tiện nghi nhìn

3.2. Chiếu sáng tự nhiên

- 3.2.1. Nguồn ánh sáng tự nhiên
- 3.2.2. Yêu cầu thiết kế chiếu sáng tự nhiên
- 3.2.3. Tính toán chiếu sáng tự nhiên
 - 3.2.3.1 Thiết kế chiếu sáng qua cửa sổ
 - 3.2.3.2 Thiết kế chiếu sáng qua cửa mái
 - 3.2.3.3. Thiết kế chiếu sáng tự nhiên theo yêu cầu công trình

3.3 Chiếu sáng nhân tạo

- 3.3.1. Nguồn chiếu sáng nhân tạo
 - 3.1.1. Bóng đèn
 - Thông số cơ bản của bóng đèn
 - Các loại bóng đèn;
 - 3.1.2. Các bộ phận khác của đèn chiếu sáng
- 3.3.2. Kỹ thuật chiếu sáng nội thất
 - 3.2.1. Thiết kế sơ bộ chiếu sáng nội thất
 - 3.3.2.2. Kiểm tra sự lóa mắt tiện nghi

Chương 4

Môi trường âm học và thiết kế

(Số tiết: 05, lý thuyết: 03; bài tập/thảo luận: 02)

4.1. Kiến thức chung về âm thanh

- 4.1.1 Khái niệm âm thanh
- 4.1. 2 Các đơn vị cơ bản đo âm thanh
 - Theo hệ thập phân
 - Theo thang Logarit
- 4.1.3 Các đặc trưng sinh lý của âm thanh

4.2. Vật liệu kết cấu hút âm

- 4.2.1 Phân loại vật liệu và kết cấu hút âm
- 4.2.2 Thiết kế cách âm nội thất

4.3. Âm học phòng khán giả

- 4.3.1 Thiết kế phòng khán giả theo nguyên lý âm hình học
- 4.3.2 Giải pháp thiết kế cụ thể

Bài tập 1: Tính toán thiết kế cách nhiệt cho kết cấu bao che trong mùa lạnh

Bài tập 2: Tính toán thiết kế chiếu sáng nhân tạo cho một không gian cụ thể

9. Phương pháp giảng dạy

Về lý thuyết:

- Thực hiện trên giảng đường. Giáo viên thuyết trình, có bài giảng, trang thiết bị giảng dạy hỗ trợ: Máy chiếu, máy tính, bảng.
- Giáo viên hỏi đáp với sinh viên
- Phân nhóm thảo luận nội dung trong bài học.

Về Bài tập

- Giáo viên hướng dẫn sinh viên làm bài: Mục đích yêu cầu, cách thức làm bài tập.
- Sinh viên chủ động làm bài.
- Giáo viên giúp đỡ hỗ trợ sinh viên làm và hoàn thiện bài tập.

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học
- Điềm danh, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy
- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. Thang điểm đánh giá: Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	4	CĐR1-12
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ trên lớp	3	
3	Điểm bài tập	Điểm tính của các bài tập sinh	3	

		viên tự làm		
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi viết/thi vấn đáp/...	60%	CĐR1-12

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. Đánh giá kết quả điểm chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả kiểm tra, bài tập

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	

Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1 Tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Thị Vĩnh Khánh. *Bài giảng: Thiết kế môi trường vật lý kiến trúc*

12.2 Tài liệu tham khảo

1. Các giải pháp kiến trúc khí hậu Việt Nam, PGS, TS Phạm Đức Nguyên, NXB KHoạ học kỹ thuật, 2006
2. Chiếu sáng công trình kiến trúc, PGS, TS Phạm Đức Nguyên, NXB KHoạ học kỹ thuật, 2007
3. Nhiệt và khí hậu kiến trúc, TSKH. Phạm Ngọc Đăng, Th.s Phạm thị Hải Hà, Nhà xuất bản xây dựng – 2002
4. Cơ sở âm học kiến trúc, Việt Hà, Nguyễn Ngọc Giả, Nhà xuất bản xây dựng 2005.
5. Môi trường vật lý kiến trúc và thiết kế (Tài liệu tiếng Trung), nhà xuất bản công nghiệp kiến trúc Trung Quốc, 2007...
6. Vật lý kiến trúc- Nguyễn Đình Huấn, Đại học Bách khoa Đà Nẵng, tài liệu online của tailieu.vn
7. Nguyễn Đức Thiềm. Kiến trúc cơ sở. Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội 2006
8. Phan Tấn Hải, Võ Đình Diệp, Cao Xuân Lương. Nguyên lý cấu tạo kiến trúc. Nhà xuất bản trẻ, 1997

HỌC PHẦN: CƠ SỞ MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Cơ sở Mỹ thuật công nghiệp

Tên học phần tiếng Anh: Basis of Industrial Fine art

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 2

Lý thuyết : 10 tiết

Bài tập : 20 tiết

Thảo luận	: 0 tiết
Thực hành/thực tập	: 0 tiết
Bài tập lớn/đồ án	: 0 tiết
Tự học	: 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Bộ môn Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức lịch sử về ngành mỹ thuật công nghiệp nói chung; các giai đoạn phát triển chính của ngành mỹ thuật công nghiệp; các trường phái thiết kế mỹ thuật công nghiệp nổi bật.

4.2. Kỹ năng: Nhận biết, phân tích, áp dụng được các trường phái thiết kế mỹ thuật công nghiệp trong các đồ án chuyên ngành

4.3. Thái độ: Kích thích tư duy sáng tạo về thiết kế cho sinh viên.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Môn học trình bày những kiến thức lịch sử về ngành mỹ thuật công nghiệp nói chung; các giai đoạn phát triển chính của ngành mỹ thuật công nghiệp; các trường phái thiết kế mỹ thuật công nghiệp nổi bật; các nhà thiết kế mỹ thuật công nghiệp nổi tiếng trên thế giới.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CĐR1	Nhớ được kiến thức lịch sử nói chung về ngành mỹ thuật công nghiệp
CĐR2	Hiểu được các trường phái thiết kế mỹ thuật công nghiệp nổi bật
Về kỹ năng	
CĐR3	Phân tích được các trường phái thiết kế mỹ thuật công nghiệp nổi bật trong thiết kế sản phẩm nội thất và không gian nội thất một cách phù hợp
CĐR4	Áp dụng được kiến thức học được về các trường phái thiết kế mỹ

	thuật công nghiệp nổi bật trong thiết kế sản phẩm nội thất và không gian nội thất một cách phù hợp
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR5	Hiểu được cách áp dụng các trường phái thiết kế mỹ thuật công nghiệp nổi bật trong công việc thiết kế sản phẩm nội thất và không gian nội thất
CĐR6	Hiểu trách nhiệm của bản thân trong quá trình học tập và sáng tạo, trong làm việc nhóm

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	Tổng quan mỹ thuật công nghiệp	3					CĐR 1
2	Quá trình hình thành và phát triển	3					CĐR 1
3	Các trường phái thiết kế mỹ thuật công nghiệp	4	20				CĐR 2 CĐR 3 CĐR 4 CĐR 5 CĐR 6

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

Tổng quan mỹ thuật công nghiệp

(Số tiết: 3, lý thuyết: 3, bài tập: 0)

1.1. Khái niệm mỹ thuật công nghiệp

1.2. Khái niệm nhà thiết kế

1.3. Các ngành thiết kế trong lĩnh vực mỹ thuật công nghiệp

1.4. Ứng dụng của mỹ thuật công nghiệp

Chương 2

Quá trình hình thành và phát triển

(Số tiết: 03, lý thuyết: 03, thảo luận: 0)

2.1. Các cuộc cách mạng công nghiệp

2.2. Lịch sử hình thành mỹ thuật công nghiệp

2.3. Các giai đoạn phát triển

Chương 3

Các trường phái thiết kế mỹ thuật công nghiệp

(Số tiết: 24, lý thuyết: 4, bài tập: 20)

3.1. Các trường phái thiết kế mỹ thuật công nghiệp nổi bật

3.2. Các nhà thiết kế mỹ thuật công nghiệp nổi tiếng

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	CHƯƠNG I: TỔNG QUAN MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP		
1.1	Khái niệm mỹ thuật công nghiệp	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.2	Khái niệm nhà thiết kế	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.3	Các ngành thiết kế trong lĩnh vực mỹ thuật công nghiệp	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.4	Ứng dụng của mỹ thuật công nghiệp	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
2	CHƯƠNG II: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN		
2.1	Các cuộc cách mạng công nghiệp	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.2	Lịch sử hình thành mỹ thuật công nghiệp	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.3	Các giai đoạn phát triển	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
3	CHƯƠNG 3: CÁC TRƯỜNG PHÁI THIẾT KẾ MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP		

3.1	Các trường phái thiết kế mỹ thuật công nghiệp nổi bật	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.2	Các nhà thiết kế mỹ thuật công nghiệp nổi tiếng	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học
- Điểm danh, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy
- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. Thang điểm đánh giá: Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	12%	CĐR 1-6
2	Điểm bài tập	- 02 bài tập về ứng dụng 01 trường phái thiết kế mỹ thuật công nghiệp cụ thể trong thiết kế ý tưởng không gian nội thất	8%	CĐR 4 CĐR 5 CĐR 6
3	Điểm thi giữa kỳ	Thực hiện thiết kế ý tưởng cho 01 sản phẩm nội thất dựa trên 01 trường phái thiết kế mỹ thuật công nghiệp cụ thể	16%	CĐR 4 CĐR 5 CĐR 6
4	Điểm thảo luận	- 01 bài tập thuyết trình quá trình hình thành và phát triển	4%	CĐR 2 CĐR 3

		của mỹ thuật công nghiệp - 01 bài tập phân tích một trường phái thiết kế mỹ thuật công nghiệp		
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi viết/thi vấn đáp/....	60%	CĐR 1-6

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. Đánh giá kết quả điểm chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả bài tập

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	30	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	3
Hình thức, báo cáo	20	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/câu hỏi quan tâm	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm của người nghe	Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiện được nội dung	2
Trả lời câu hỏi	20	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng	Trả lời được 70% câu hỏi	Trả lời được 25%-50% câu hỏi	Không trả lời được câu nào	3

Làm việc nhóm	30	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Không có sự kết hợp giữa các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung	2
Điểm tổng						10

11.3.3. Đánh giá kết quả thi giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc 10-9	Tốt 8-7	Đạt yêu cầu 6-5	Chưa đạt 4-0	
Nội dung	30	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	
Hình thức, báo cáo	20	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/câu hỏi quan tâm	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm của người nghe	Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiện được nội dung	
Trả lời câu hỏi	20	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng	Trả lời được 70% câu hỏi	Trả lời được 25%-50% câu hỏi	Không trả lời được câu nào	
Điểm tổng						

11.3.4. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc 10-9	Tốt 8-7	Đạt yêu cầu 6-5	Chưa đạt 4-0	
Nội dung	30	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	

Hình thức, báo cáo	20	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/câu hỏi quan tâm	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm của người nghe	Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiện được nội dung	
Trả lời câu hỏi	20	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng	Trả lời được 70% câu hỏi	Trả lời được 25%-50% câu hỏi	Không trả lời được câu nào	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

1. Bài giảng viết tay của giảng viên

HỌC PHẦN: TẠO DÁNG SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Tạo dáng sản phẩm công nghiệp

Tên học phần tiếng Anh: Basic Industrial fine art

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 2

Lý thuyết	: 10 tiết
Bài tập	: 20 tiết
Thảo luận	: 0 tiết
Thực hành/thực tập	: 0 tiết
Bài tập lớn/đồ án	: 0 tiết
Tự học	: 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Bộ môn Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở tạo hình, màu sắc và các nguyên lý mỹ thuật ứng dụng trong tạo dáng công nghiệp; các kiến thức về phương pháp, quy trình thiết kế sản phẩm công nghiệp.

4.2. Kỹ năng: Áp dụng được các kiến thức cơ sở vào việc thực hiện các đồ án chuyên

ngành thiết kế sản phẩm công nghiệp

4.3. Thái độ: Kích thích tư duy sáng tạo về thiết kế cho sinh viên.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Môn học trình bày những kiến thức tổng quan về tạo dáng sản phẩm công nghiệp; các kiến thức cơ bản về cơ sở tạo hình, màu sắc và các nguyên lý mỹ thuật ứng dụng trong tạo dáng công nghiệp; các kỹ thuật thiết kế tạo hình; các kiến thức về phương pháp, quy trình thiết kế sản phẩm công nghiệp

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR1	Nhớ được kiến thức tổng quan về tạo dáng sản phẩm công nghiệp
CDR2	Hiểu được cách sử dụng màu sắc, và nguyên lý tạo hình trong thiết kế sản phẩm công nghiệp, các bước thực hiện trong kỹ thuật thiết kế tạo hình và quy trình thiết kế sản phẩm công nghiệp
Về kỹ năng	
CDR3	Phân tích được cách sử dụng màu sắc, áp dụng được nguyên lý tạo hình trong thiết kế sản phẩm công nghiệp phù hợp với đối tượng sử dụng
CDR4	Áp dụng được kiến thức về kỹ thuật thiết kế tạo hình và quy trình thiết kế trong tạo dáng sản phẩm công nghiệp
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR5	Hiểu được cách áp dụng các kiến thức đã học vào công việc tạo dáng sản phẩm công nghiệp
CDR6	Hiểu trách nhiệm của bản thân trong quá trình học tập và sáng tạo, trong làm việc nhóm

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	Tổng quan chung về tạo dáng sản phẩm công	2					CDR 1

	ngiệp						
2	Màu sắc và nguyên lý tạo hình trong thiết kế sản phẩm công nghiệp	2					CĐR 2 CĐR 3
3	Kỹ thuật thiết kế tạo hình	2	7				CĐR 2 CĐR 4
4	Quy trình thiết kế sản phẩm công nghiệp	4	13				CĐR 3 CĐR 4 CĐR 5 CĐR 6

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

Tổng quan chung về tạo dáng sản phẩm công nghiệp

(Số tiết: 04, lý thuyết: 02; thảo luận: 02)

1.1. Khái niệm tạo dáng sản phẩm công nghiệp

1.2. Sự phát triển của ngành tạo dáng sản phẩm công nghiệp

Chương 2

Màu sắc và nguyên lý tạo hình trong thiết kế sản phẩm công nghiệp

(Số tiết: 05, lý thuyết: 02; thảo luận: 03)

2.1. Cơ sở tâm lý học của màu sắc

2.2. Màu sắc trong sản phẩm công nghiệp

2.3. Các nguyên lý tạo hình trong thiết kế sản phẩm công nghiệp

Chương 3

Kỹ thuật thiết kế tạo hình

(Số tiết: 09, lý thuyết: 02; bài tập: 07)

3.1. Bản vẽ hình chiếu

3.2. Bản vẽ phối cảnh

3.3. Chế tác mô hình

Chương 4

Quy trình thiết kế sản phẩm công nghiệp

(Số tiết: 17, lý thuyết: 04; bài tập: 13)

3.1. Tư duy sáng tạo trong thiết kế sản phẩm công nghiệp

3.2. Nghiên cứu công năng sản phẩm

3.3. Nghiên cứu nhu cầu người sử dụng

3.4. Các bước thiết kế tạo hình sản phẩm công nghiệp

3.5. Đánh giá chất lượng tạo hình sản phẩm công nghiệp

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	CHƯƠNG I: TỔNG QUAN CHUNG VỀ TẠO DÁNG SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP		
1.1	Khái niệm tạo dáng sản phẩm công nghiệp	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.2	Sự phát triển của ngành tạo dáng sản phẩm công nghiệp	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
2	CHƯƠNG II: MÀU SẮC VÀ NGUYÊN LÝ TẠO HÌNH TRONG THIẾT KẾ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP		
2.1	Cơ sở tâm lý học của màu sắc	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.2	Màu sắc trong sản phẩm công nghiệp	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.3	Các nguyên lý tạo hình trong thiết kế sản phẩm công nghiệp	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
3	CHƯƠNG 3: KỸ THUẬT THIẾT KẾ TẠO HÌNH		
3.1	Bản vẽ hình chiếu	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.2	Bản vẽ phối cảnh	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.2	Chế tác mô hình	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
4	CHƯƠNG 4: QUY TRÌNH THIẾT KẾ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP		
4.1	Tư duy sáng tạo trong thiết kế sản phẩm công nghiệp	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng

4.2	Nghiên cứu công năng sản phẩm	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
4.3	Nghiên cứu nhu cầu người sử dụng	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
4.4	Các bước thiết kế tạo hình sản phẩm công nghiệp	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
4.5	Đánh giá chất lượng tạo hình sản phẩm công nghiệp	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học
- Điểm danh, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy
- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		10	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	4	CĐR 6
2	Điểm bài tập	- 02 bài tập thiết kế mô hình một sản phẩm công nghiệp		
3	Điểm thi giữa kỳ	- 01 bài tập thiết kế mô hình một sản phẩm công nghiệp	6	CĐR 3 CĐR 4 CĐR 5 CĐR 6

4	Điểm thảo luận	- 02 bài tập phân tích sản phẩm công nghiệp		CĐR 2 CĐR 3 CĐR 5
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi viết/thi vấn đáp/....	10	

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. Đánh giá kết quả điểm chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả bài tập vẽ, làm mô hình

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Bố cục	30	Bố cục cân đối, hài hoà, có trọng tâm, có sang tạo, có ý tưởng riêng.	Bố cục cân đối, hài hoà, có trọng tâm.	Bố cục ở mức tạm chấp nhận.	Bố cục rối mắt, đơn điệu, không có trọng tâm	
Hình (mảng)	30	Hình (mảng) hài hoà, có sự đồng nhất, có nhịp điệu, tỷ lệ đẹp.	Hình (mảng) hài hoà, có nhịp điệu.	Hình (mảng) ở mức tạm chấp nhận	Hình, mảng đều, thiếu sự đồng nhất.	
Màu sắc	30	Màu sắc hài hoà, có sắc thái riêng, có điểm nhấn.	Màu sắc hài hoà	Màu sắc ở mức tạm chấp nhận.	Màu sắc lộn xộn, gây phản cảm thị giác	

Kỹ thuật	10	Thể hiện bài nghiêm túc, cẩn thận, sạch sẽ.	Thể hiện bài nghiêm túc, sạch sẽ.	Thể hiện bài ở mức tạm chấp nhận.	Thể hiện câu trả	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	30	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	
Hình thức, báo cáo	20	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/câu hỏi quan tâm	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm của người nghe	Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiện được nội dung	
Trả lời câu hỏi	20	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng	Trả lời được 70% câu hỏi	Trả lời được 25%-50% câu hỏi	Không trả lời được câu nào	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

- Bài giảng viết tay của giảng viên

HỌC PHẦN: CÔNG NGHỆ GIA CÔNG SẢN PHẨM NỘI THẤT

1. Thông tin chung về môn học

1.1. Tên học phần

Tên tiếng Việt: Công nghệ gia công sản phẩm nội thất

Tên tiếng Anh: Furniture products technology

1.2. Mã số học phần:

2. Số tín chỉ: 04

+ Lý thuyết:	30 tiết
+ Bài tập:	15 tiết
+ Thực hành, thực tập:	15 tiết
+ Tự học:	180 tiết

2. Địa chỉ đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức

Thông qua môn học này, giúp cho sinh viên có điều kiện tiếp cận và hiểu rõ hơn về công nghệ gia công các sản phẩm từ gỗ tự nhiên, gỗ nhân tạo và từ một số vật liệu khác.

- Kiến thức cơ bản về vật liệu, đặc điểm sản phẩm đồ mộc thông dụng
- Kiến thức về các dạng liên kết cũng như các nguyên lý cơ bản trong gia công chi tiết
- Kiến thức về công nghệ sản xuất các dạng sản phẩm đồ gỗ nội thất thông dụng

4.2. Kỹ năng

- Độc lập hoàn thành bản thiết kế công nghệ, bóc tách gia công đồ gỗ
- Lựa chọn chính xác vật liệu dùng, lựa chọn phương thức liên kết hợp lý
- Lập quy trình công nghệ sản xuất đồ gỗ trên các máy chế biến gỗ thông dụng
- Xây dựng yêu cầu chất lượng hợp lý

4.3. Thái độ

- Nâng cao tinh thần độc lập sáng tạo, hình thành ý tưởng sáng tạo trong sản xuất đồ gia dụng.
- Có tính kiên nhẫn, năng động và sáng tạo;
- Có phương pháp làm việc khoa học;
- Có khả năng tìm hiểu và cập nhật các công nghệ và vật liệu mới trong sản xuất đồ gỗ

5. Mô tả vắn tắt nội dung môn học

Môn công nghệ sản xuất sản phẩm nội thất nghiên cứu về kiến thức, nguyên lý cơ bản trong lựa chọn sản phẩm đồ gỗ, kết cấu thông dụng và quy trình sản xuất các dạng sản phẩm đồ gỗ nội thất; hiểu rõ các loại vật liệu thông dụng được sử dụng trong

nội thất; cách thức gia công từng loại vật liệu từ đó giúp sinh viên có thể định hình được phương pháp sản xuất sản phẩm ngay sau khi có ý tưởng thiết kế.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
VỀ KIẾN THỨC	
CDR1	Kiến thức cơ bản về vật liệu, đặc điểm sản phẩm đồ mộc thông dụng
CDR2	Kiến thức về các dạng liên kết cũng như các nguyên lý cơ bản trong gia công chi tiết
CDR3	Kiến thức về công nghệ sản xuất các dạng sản phẩm đồ gỗ nội thất thông dụng
VỀ KỸ NĂNG	
CDR4	Độc lập hoàn thành bản thiết kế công nghệ, bóc tách gia công đồ gỗ
CDR5	Lựa chọn chính xác vật liệu dùng, lựa chọn phương thức liên kết hợp lý
CDR6	Lập quy trình công nghệ sản xuất đồ gỗ trên các máy chế biến gỗ thông dụng
CDR7	Xây dựng yêu cầu chất lượng hợp lý
NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM	
CDR8	Người học có năng lực tư duy, sáng tạo và có phương pháp làm việc khoa học, tinh thần làm việc nghiêm túc
CDR9	Người học có khả năng tìm hiểu và cập nhật các công nghệ và vật liệu mới trong sản xuất đồ gỗ

7. Cấu trúc nội dung học phần

Chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (CDR)
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	Đặc điểm và phân loại sản phẩm đồ gỗ	10	5			30	CDR1,5,7,8
2	Nguyên liệu và liên kết trong sản phẩm đồ gỗ	10	5		7	44	CDR1,5,7,8

3	Công nghệ và kết cấu các sản phẩm đồ gỗ	10	5		8	46	CDR1,2,3,4,6,9
Tổng		30	15	0	15	180	

8. Nội dung chi tiết môn học

A-LÝ THUYẾT

CHƯƠNG I: ĐẶC ĐIỂM VÀ PHÂN LOẠI SẢN PHẨM ĐỒ GỖ

(Số tiết: 15; lý thuyết: 10; bài tập: 5; thực hành: 0)

1.1. Đặc điểm của sản phẩm đồ gỗ

1.1.1. Đặc điểm sử dụng của sản phẩm đồ gỗ

1.1.2. Đặc điểm chế tạo của sản phẩm đồ gỗ

1.1.3. Yếu tố cơ bản của kết cấu sản phẩm

1.2. Phân loại các sản phẩm đồ gỗ

1.2.1. Phân loại dựa vào vật liệu sử dụng

1.2.2. Phân loại dựa vào kết cấu

1.3. Khái niệm về đồ mộc “xanh”

1.3.1. Khái niệm về sản phẩm “xanh”

1.3.2. Khái niệm về kỹ thuật “xanh” trong sản xuất đồ gỗ

CHƯƠNG II: NGUYÊN LIỆU VÀ LIÊN KẾT TRONG SẢN PHẨM ĐỒ GỖ

(Số tiết: 22; lý thuyết: 10; bài tập: 05; thực hành: 07)

2.1. Nguyên liệu trong sản xuất đồ gỗ

2.1.1. Vật liệu tự nhiên

2.1.2. Ván nhân tạo

2.1.3. Vật liệu tre trúc, song mây

2.1.4. Vật liệu kim loại

2.1.5. Vật liệu thủy tinh

2.1.6. Vật liệu polymer

2.1.7. Vật liệu mềm

2.1.8. Vật liệu đá

2.2. Liên kết cơ bản trong sản phẩm đồ gỗ

2.2.1. Liên kết bằng mộng

2.2.2. Liên kết bằng đinh

2.2.3. Liên kết bằng keo

2.2.4. Liên kết bằng chi tiết rời

CHƯƠNG III: CÔNG NGHỆ VÀ KẾT CẤU CÁC SẢN PHẨM ĐỒ GỖ

(Số tiết: 23; lý thuyết: 10; bài tập: 05; thực hành: 08)

3.1. Công nghệ và kết cấu của sản phẩm từ gỗ tự nhiên

3.1.1. Phương thức liên kết của sản phẩm từ gỗ tự nhiên

3.1.2. Các chi tiết và kết cấu cơ bản của sản phẩm từ gỗ tự nhiên

3.1.3. Công nghệ sản xuất đồ gỗ dạng khung

3.1.4. Công nghệ sản xuất đồ gỗ dạng tấm

3.2. Công nghệ và kết cấu của sản phẩm dạng mềm

3.2.1. Công nghệ và kết cấu sản phẩm dạng ghế mềm

3.2.2. Công nghệ và kết cấu sản phẩm dạng giường mềm

3.3. Công nghệ và kết cấu của sản phẩm dạng kim loại

3.3.1. Kết cấu sản phẩm đồ gia dụng dạng kim loại

3.3.2. Công nghệ chế tạo đồ gia dụng dạng kim loại

3.4. Công nghệ và kết cấu của sản phẩm bằng tre nứa, song mây

3.4.1. Các loại hình sản phẩm đồ gia dụng làm từ tre nứa, song mây

3.4.2. Kết cấu của sản phẩm đồ gia dụng làm từ tre nứa, song mây

3.4.3. Công nghệ gia công sản phẩm đồ gia dụng làm từ tre nứa, song mây

B-THỰC HÀNH

STT	Bài	Số giờ
1	Bài 1. Gia công phôi thô trên thiết bị công nghệ	7
2	Bài 2. Gia công phôi tinh trên thiết bị công nghệ	8
TỔNG		15

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	Đặc điểm và phân loại sản phẩm đồ gỗ	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Bảng phấn, máy chiếu
2	Nguyên liệu và liên kết trong sản phẩm đồ gỗ	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Bảng phấn, máy chiếu, mẫu vật liệu
3	Công nghệ và kết cấu các	Thuyết trình, video minh	Bảng phấn,

	sản phẩm đồ gỗ	họa	máy chiếu
4	Thực hành 1	Hướng dẫn thao tác trên máy	Tài liệu, máy tính, mẫu sản phẩm
5	Thực hành 2	Hướng dẫn thao tác trên máy	Máy gia công, nguyên liệu

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Có ĐCCT và kế hoạch giảng dạy khi lên lớp
- Có bài giảng và tài liệu tham khảo khi lên lớp
- Cung cấp nguồn học liệu cho sinh viên
- Tổ chức quản lý, hướng dẫn, kiểm tra và đánh giá sinh viên đúng quy định

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành
- Thực hiện đầy đủ các bài tập thực hành và được đánh giá kết quả thực hiện sau mỗi buổi kết hợp với báo cáo thực hành.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình			
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	10%	CĐR8
2	Điểm kiểm tra bài tập	Thi viết/thi vấn đáp	10%	CĐR4,5,6,7
3	Điểm thực hành	Kết quả hoàn thành các bài thực hành và báo cáo cuối đợt thực hành.	20%	CĐR2,6
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi vấn đáp/thi viết	60%	CĐR1,2,3

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. Đánh giá kết quả điểm chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	

		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả thực hành

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia các bài thực hành	20	Tham gia trên 90% bài thực hành	Tham gia từ 80-90% bài thực hành	Tham gia từ 70-79% số bài thực hành	Tham gia dưới 70% số bài thực hành	
Ý thức trong giờ học, ghi chép, thực hiện nội dung thực hành	30	Chú ý nghe giảng, thực hiện tốt trên 90% nội dung thực hành	Chú ý nghe giảng, tham gia thực hiện được 70-90% nội dung thực hành	Có tham gia thực hiện được 60-70% nội dung thực hành	Có tham gia thực hiện được dưới 60% nội dung thực hành	
Kiểm tra thực hành	50	Hiểu và làm đúng trên 90% nội dung thực hành	Hiểu và làm đúng 70-90% nội dung thực hành	Hiểu và làm đúng 50-60% nội dung thực hành	Hiểu và làm đúng dưới 50% nội dung thực hành	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả kiểm tra bài tập

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm đủ số bài và đạt yêu cầu trên 90%	Làm đủ số bài và đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm đủ số bài và đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm đủ số bài và đạt yêu cầu <50%	

Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Câu trả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.4. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Câu trả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu tham khảo

12.1. Tài liệu học tập chính

[1] Giáo trình: Công nghệ mộc 2006, tác giả TS. Võ Thành Minh và TS. Chu Sĩ Hải.

12.2. Tài liệu tham khảo

[2] Hoàng Tiến Đương (2010), công nghệ chế biến gỗ, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội

[3] Lê Xuân Tình (1998), Khoa học gỗ, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

[4] Phạm Văn Chương, (2013), Công nghệ sản xuất ván nhân tạo, Tập 2 (Ván dăm và ván sợi), Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

[5] Trần Văn Chứ (2004), Công nghệ trang sức vật liệu gỗ, Giáo trình, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

HỌC PHẦN: THIẾT KẾ SẢN PHẨM NỘI THẤT

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

- Tên tiếng Việt: **Thiết kế sản phẩm nội thất**

- Tên tiếng Anh: **Interior products design**

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 4

Lý thuyết	: 30 tiết
Bài tập	: 15 tiết
Bài tập lớn:	: 15 tiết
Thảo luận	: 0 tiết
Thực hành/thực tập	: 0 tiết
Tự học	: 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết:

Môn học này được dạy sau khi sinh viên học xong các môn học: Tin học chuyên ngành; Ergonomics trong thiết kế nội thất.

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức:

Cung cấp cho sinh viên khái niệm cơ bản về thiết kế sản phẩm nội thất; Nguyên vật liệu sản xuất sản phẩm nội thất; Kiến thức về thiết kế sản phẩm nội thất và kỹ năng hoàn thành hồ sơ thiết kế sản phẩm nội thất.

Cụ thể:

- + Khái niệm về thiết kế sản phẩm nội thất,
- + Kiến thức cơ bản về vật liệu sản xuất sản phẩm nội thất
- + Các bước tiến hành thiết kế sản phẩm nội thất
- + Các nguyên lý thiết kế hình thái sản phẩm nội thất
- + Kiến thức về thiết kế công năng, kích thước, kết cấu của sản phẩm nội thất.
- + Đánh giá được sản phẩm nội thất.

4.2 Kỹ năng:

- + Có kỹ năng thiết kế những sản phẩm nội thất hợp lý theo yêu cầu công năng, khoa học, kinh tế và thẩm mỹ
- + Kỹ năng tính toán, chọn nguyên vật liệu
- + Có kỹ năng hoàn thiện hồ sơ thiết kế một sản phẩm: Hệ thống các bản vẽ phối cảnh, vẽ hình chiếu, bóc tách liên kết, bóc tách chi tiết sản phẩm
- + Kỹ năng phân tích đánh giá sản phẩm
- + Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm
- + Rèn luyện kỹ năng tư duy độc lập, giải quyết vấn đề

4.3. Thái độ:

- Nghiêm túc, có trách nhiệm trong trong học tập.
- Tăng yêu thích môn học và ngành thiết kế nội thất.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Nội dung chính bao gồm: Các khái niệm cơ bản, Yêu cầu chung của sản phẩm

nội thất; Trình tự các bước thiết kế sản phẩm nội thất; Vật liệu trong thiết kế sản phẩm nội thất; Nguyên tắc thiết kế hình thái sản phẩm; Thiết kế kích thước; Thiết kế liên kết của sản phẩm nội thất.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR1	Hiểu được khái niệm sản phẩm nội thất, đặc tính cơ bản của sản phẩm nội thất.
CDR2	Hiểu được yêu cầu chung của sản phẩm nội thất
CDR3	Vận dụng được yêu cầu của sản phẩm cho thiết kế sản phẩm nội thất cụ thể
CDR4	Hiểu được trình tự các bước thiết kế sản phẩm nội thất
CDR5	Vận dụng được các bước thiết kế cho thiết kế sản phẩm cụ thể
CDR6	Hiểu được đặc tính cơ bản của vật liệu sản xuất đồ nội thất
CDR7	Vận dụng được vật liệu trong thiết kế sản phẩm nội thất
CDR8	Hiểu được nguyên tắc thiết kế hình thái sản phẩm nội thất
CDR9	Vận dụng thiết kế hình thái sản phẩm cụ thể
CDR10	Phân tích đánh giá được tạo hình sản phẩm nội thất
CDR11	Thiết kế sáng tạo được tạo hình sản phẩm nội thất
CDR12	Hiểu được nguyên tắc thiết kế công năng kích thước sản phẩm
CDR13	Vận dụng lấy kích thước cho những sản phẩm nội thất
CDR14	Phân tích đánh giá được kích thước của các sản phẩm nội thất
CDR15	Hiểu được nguyên tắc thiết kế liên kết cho sản phẩm
CDR16	Vận dụng thiết kế liên kết cho những sản phẩm nội thất bằng các vật liệu khác nhau
CDR17	Phân tích đánh giá được liên kết của các sản phẩm nội thất
Về kỹ năng	
CDR18	Kỹ năng chọn lựa vật liệu cho thiết kế sản phẩm nội thất
CDR19	Kỹ năng thiết kế hình thái sản phẩm
CDR20	Kỹ năng thiết kế công năng, kích thước sản phẩm
CDR 21	Kỹ năng thiết kế liên kết cho sản phẩm
CDR22	Kỹ năng hoàn thiện hồ sơ thiết kế sản phẩm: vẽ phối cảnh, hình chiếu, vẽ bóc tách sản phẩm
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR23	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm
CDR24	Nghiêm túc, có trách nhiệm trong trong học tập.
CDR25	Tăng yêu thích môn học và ngành thiết kế nội thất

(Nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lên lớp						
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Bài tập lớn			
1	Chương 1: Những vấn đề chung về thiết kế sản phẩm nội thất	3					CĐR 1-CĐR 3 CĐR 23-CĐR25	
2	Chương 2: Trình tự các bước thiết kế sản phẩm nội thất	4					CĐR 4-CĐR 5 CĐR 23-CĐR25	
3	Chương 3: Vật liệu sử dụng trong sản phẩm nội thất	5					CĐR 6-CĐR 7 CĐR 18 CĐR 23-CĐR25	
4	Chương 4: Thiết kế hình thái, công năng kích thước sản phẩm nội thất	10	7				CĐR 8-CĐR 14 CĐR19- CĐR20 CĐR 23-CĐR25	
5	Chương 5: Thiết kế kết cấu sản phẩm nội thất	8	8				CĐR 15-CĐR 17 CĐR21-CĐR22 CĐR 23-CĐR25	
6	Bài tập lớn				15		CĐR 1-CĐR25	
	Tổng số	30	15	0	15			

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

Những vấn đề chung về thiết kế sản phẩm nội thất

(Số tiết: 03, lý thuyết: 03, bài tập: 0)

- 1.1 Khái niệm về sản phẩm nội thất và thiết kế sản phẩm nội thất
- 1.2 Những đặc tính cơ bản của sản phẩm nội thất
- 1.3 Phân loại sản phẩm nội thất
- 1.4 Các yếu tố và yêu cầu thiết kế sản phẩm nội thất

Chương 2

Trình tự các bước thiết kế sản phẩm nội thất

(Số tiết: 04, lý thuyết: 04, bài tập: 0)

- 3.1 Trình tự các bước thiết kế sản phẩm nội thất
- 3.2 Đánh giá thiết kế

3.3.1 Thiết lập chỉ tiêu đánh giá

3.3.2 Phương pháp đánh giá

Chương 3

Vật liệu sử dụng trong sản phẩm nội thất

(Số tiết: 05, lý thuyết: 05, bài tập: 0)

2.1 Vật liệu và đặc tính vật liệu sử dụng trong sản phẩm nội thất

2.2 Lựa chọn vật liệu sử dụng cho sản phẩm nội thất

Chương 4

Thiết kế hình thái, công năng kích thước sản phẩm nội thất

(Số tiết: 17, lý thuyết: 10, bài tập: 07)

4.1 Thiết kế hình thái sản phẩm

4.1.1 Yếu tố thiết kế cấu thành hình thái sản phẩm nội thất

4.1.2 Nguyên tắc mỹ học thiết kế sản phẩm nội thất

4.2 Thiết kế công năng kích thước sản phẩm nội thất

Chương 5

Thiết kế kết cấu sản phẩm nội thất

(Số tiết: 16, lý thuyết: 08, bài tập: 08)

5.1 Cấu trúc chung của một sản phẩm nội thất

5.2 Kết cấu cơ bản của sản phẩm nội thất vật liệu nguồn gốc gỗ

5.2.1 Liên kết mộng

5.2.2 Liên kết kim loại và các phụ kiện

5.3. Thiết kế theo hệ thống 32mm

5.4. Kết cấu sản phẩm nội thất dạng mềm

5.5. Kết cấu sản phẩm nội thất vật liệu tre nứa, song mây

5.6. Kết cấu sản phẩm nội thất vật liệu kim loại

5.7. Kết cấu sản phẩm nội thất vật liệu nhựa

Bài tập 1: Thiết kế hình thái (phác thảo), kích thước của 02 sản phẩm nội thất bất kỳ theo ý tưởng

Bài tập 2: Vẽ tách cấu trúc, liên kết sản phẩm của 05 sản phẩm.

Bài tập lớn (15 tiết): Thiết kế 02 sản phẩm nội thất có tính sáng tạo và hoàn thiện hồ sơ thiết kế của 02 sản phẩm đó. Đánh giá thiết kế sản phẩm trên.

9. Phương pháp giảng dạy

Về lý thuyết:

- Thực hiện trên giảng đường. Giáo viên thuyết trình, có bài giảng, trang thiết bị giảng dạy hỗ trợ: Máy chiếu, máy tính, bảng.

- Giáo viên hỏi đáp với sinh viên

- Phân nhóm thảo luận nội dung trong bài học.

Về Bài tập

- Giáo viên hướng dẫn sinh viên làm bài: Mục đích yêu cầu, cách thức làm bài

tập.

- Sinh viên chủ động làm bài.
- Giáo viên giúp đỡ hỗ trợ sinh viên làm và hoàn thiện bài tập.

Bài 1: Mỗi sinh viên phải thiết kế tạo dáng (phác thảo) 02 sản phẩm nội thất bất kỳ theo ý tưởng. Yêu cầu sinh viên phải trình bày rõ được ý tưởng thiết kế và thể hiện ý tưởng trên bản vẽ phối cảnh hoặc bản vẽ phác thảo. Cuối bài giáo viên kiểm tra bài tập của sinh viên, chỉnh sửa và chỉ lỗi sai cho sinh viên để sinh viên khắc phục.

Bài 2: Mỗi sinh viên phải vẽ tách được cấu trúc, kết cấu, kích thước, chọn lựa vật liệu, gia công chi tiết của 05 sản phẩm nội thất. Yêu cầu sinh viên phải chọn được vật liệu, hiểu được gia công sản phẩm, thiết kế được liên kết, kích thước sản phẩm. Thiết kế này trình bày trên bản vẽ và thuyết minh. Sau bài tập, giáo viên kiểm tra và sửa bài cho từng sinh viên, chỉ ra lỗi sai thiết kế, lỗi sai bản vẽ cho sinh viên khắc phục.

Bài tập lớn: Sinh viên phải thiết kế 02 sản phẩm nội thất có tính sáng tạo và hoàn thiện hồ sơ thiết kế của 02 sản phẩm đó, đánh giá thiết kế sản phẩm trên.

Hồ sơ bao gồm: Bản vẽ phối cảnh, thuyết minh ý tưởng; Bản vẽ 3 hình chiếu, bản vẽ bóc tách kết cấu, bản vẽ bóc tách chi tiết sản phẩm. Sinh viên phải đánh giá được sản phẩm thiết kế. Kết thúc bài tập, mỗi sinh viên bảo vệ sản phẩm thiết kế của mình. Giáo viên và các sinh viên khác góp ý về thiết kế và trình bày của mỗi sinh viên.

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học
- Điểm danh, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy
- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. Thang điểm đánh giá: Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	16%	CDR1-25
2	Điểm kiểm tra giữa	Bài kiểm tra giữa kỳ trên lớp	8%	

	kỳ			
3	Điểm bài tập	Điểm tính của các bài tập sinh viên tự làm	16%	
II	Điểm thi cuối kỳ	Vấn đáp	60%	CDR1-25

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. Đánh giá kết quả điểm chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả kiểm tra, bài tập, bài tập lớn

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	

		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1 Tài liệu bắt buộc

1. Bài giảng *Thiết kế sản phẩm nội thất* - Nguyễn Thị Vĩnh Khánh (Giảng viên cung cấp).

12.2 Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Thúc Đệ, Võ Thành Minh, Trần Văn Chứ, Lý Tuấn Trường, *Thiết kế đồ gia dụng*, Tài liệu dịch, Đại học Lâm nghiệp, Hà Nội, 2006

2. Trần Văn Chứ, Lý Tuấn Trường, Cao Quốc An, *Thiết kế nội thất và đồ gia dụng*, Tài liệu dịch, Đại học Lâm nghiệp, Hà Nội, 2006

3. Đường Khai Quân, *Thiết kế đồ gia dụng*, Nhà xuất bản công nghiệp nhẹ Trung Quốc, 2010 (Tài liệu tiếng Trung)

4. Nguyễn Thị Hương Giang, Lý Tuấn trường, Bài giảng *Thiết kế sản phẩm nội thất*, Đại học Lâm nghiệp, 2017

5. Tuyển tập mẫu thiết kế đồ mộc thời Minh Thanh, Nhà xuất bản Công nghiệp kiến trúc Trung Quốc (Tài liệu tiếng Trung).

HỌC PHẦN: THIẾT KẾ NỘI THẤT NHÀ Ở

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Thiết kế nội thất nhà ở

Tên học phần tiếng Anh: Interior Design of House

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 03

Lý thuyết : 30 tiết

Bài tập : 0 tiết

Đồ án : 15 tiết

Thảo luận : 0 tiết

Thực hành/thực tập : 0 tiết

Tự học : 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Cung cấp các kiến thức cơ bản về nhà ở, phân loại nhà ở, trình tự thiết kế và hệ thống bản vẽ kỹ thuật, cách thức tổ chức không gian nội thất nhà ở, đặc điểm kết cấu và bố cục của các loại hình nhà ở khác nhau, đặc điểm của các phong cách thiết kế nội thất nhà ở.

4.2. Kỹ năng: Giúp người học áp dụng lý thuyết để sáng tạo được những phương án thiết kế, trang trí phù hợp nhất, phân khu công năng hợp lý và lập hồ sơ thi công cho nhà ở, đáp ứng hiệu quả các yêu cầu về công năng của loại hình không gian nội thất này.

4.3. Thái độ: Giúp người học có thể nhận thức rõ ràng tính khoa học trong việc thiết kế nhà ở và tính tương trợ trong quá trình làm việc nhóm.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Nội dung của môn học bao gồm: Các kiến thức tổng quan về nội thất nhà ở, lịch sử phát triển nhà ở, phân loại nhà ở; trình tự thiết kế và hệ thống các bản vẽ kỹ thuật; tổ chức và xử lý không gian nội thất nhà ở thông qua đặc điểm của từng loại hình nhà ở; đặc điểm của một số phong cách thiết kế nội thất nhà ở.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR1	Nhớ lịch sử phát triển và phân loại nhà ở
CDR2	Nhớ được trình tự thiết kế và hồ sơ bản vẽ kỹ thuật
CDR3	Nhớ được các bố cục và đặc điểm của các không gian nội thất nhà ở
CDR4	Nhớ được đặc điểm của các phong cách thiết kế nội thất nhà ở
Về kỹ năng	

CĐR5	Áp dụng được các đặc điểm của từng không gian vào tổ chức và bố trí không gian nhà ở
CĐR6	Áp dụng được trình tự thiết kế vào thiết kế và xây dựng hồ sơ bản vẽ kỹ thuật cho công trình nhà ở
CĐR7	Áp dụng được các kiểu bố cục và đặc điểm của phong cách thiết kế để thiết kế các dạng nhà ở khác nhau
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR9	Phân tích và đánh giá được hiệu quả của tính khoa học trong việc thiết kế nhà ở và tính tương trợ trong quá trình làm việc nhóm.

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Đồ án	Bài tập	Thực hành, thực tập		
1	Tổng quát chung về nhà ở	4					CĐR 1 CĐR 9
2	Trình tự thiết kế và hồ sơ kỹ thuật	10	8				CĐR 2 CĐR 7 CĐR 9
3	Tổ chức không gian nội thất nhà ở	6	3				CĐR 3 CĐR 7 CĐR 9
4	Thiết kế các không gian nội thất nhà ở	5	4				CĐR 3 CĐR 7 CĐR 9
5	Một số phong cách thiết kế nội thất nhà ở	5					CĐR 4 CĐR 7 CĐR 9

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

Khái niệm cơ bản về nhà ở

(Số tiết: 04, lý thuyết: 04; bài tập: 0)

1.1. Khái niệm

1.2. Lược sự phát triển nhà ở

- 1.2.1. Kiến trúc nhà ở thời xã hội nguyên thủy
- 1.2.2. Kiến trúc nhà ở thời kỳ chiếm hữu nô lệ
- 1.2.3. Kiến trúc nhà ở giai đoạn xã hội phong kiến
- 1.2.4. Nhà ở thời tư bản chủ nghĩa
- 1.2.5. Nhà ở giai đoạn xã hội tư bản phát triển cao

1.3. Phân loại nhà ở

- 1.3.1. Phân loại theo chức năng và phương thức tổ hợp
- 1.3.2. Phân loại theo diện tích sử dụng
- 1.3.3. Phân loại theo số tầng cao
- 1.3.4. Phân loại theo kết cấu và giá trị sử dụng

Chương 2

Trình tự thiết kế và hồ sơ kỹ thuật

(Số tiết: 18, lý thuyết: 10; đồ án: 08)

2.1. Trình tự thiết kế

- 2.1.1. Điều kiện cơ bản
- 2.1.2. Điều kiện động
- 2.1.3. Tổ chức phân khu công năng kiến trúc
- 2.1.3. Ý tưởng thiết kế
- 2.1.3. Thiết kế thi công

2.2. Hồ sơ kỹ thuật

- 2.2.1. Danh mục bản vẽ
- 2.2.2. Các bản vẽ mặt bằng
- 2.2.3. Các bản vẽ mặt cắt
- 2.2.4. Bản vẽ điện, nước, thông gió
- 2.2.5. Các bản vẽ chi tiết kết cấu
- 2.2.6. Bảng thống kê thiết bị

Chương 3

Tổ chức không gian nội thất nhà ở

(Số tiết: 09, lý thuyết: 06; đồ án: 03)

3.1. Tổ chức không gian nội thất nhà ở nông thôn

- 3.1.1. Bố cục tổng mặt bằng
- 3.1.2. Các bộ phận nhà ở nông thôn
- 3.1.3. Thiết kế nội thất nhà ở nông thôn

3.2. Tổ chức không gian nội thất nhà ở chung cư

- 3.2.1. Các kiểu bố cục cơ bản
- 3.2.2. Nội thất nhà ở chung cư

3.3. Tổ chức không gian nội thất nhà ở nhiều tầng

- 3.3.1. Các kiểu bố cục cơ bản
- 3.3.2. Nội thất nhà ở nhiều tầng

Chương 4

Thiết kế các không gian nội thất nhà ở

(Số tiết: 09, lý thuyết: 05; đồ án: 04)

4.1. Thiết kế nội thất phòng khách

- 4.1.1. Khái niệm phòng khách
- 4.1.2. Bố cục phòng khách
- 4.1.3. Đồ nội thất trong phòng khách
- 4.1.4. Các yếu tố khác

4.2. Thiết kế nội thất phòng ngủ

- 4.2.1. Khái niệm phòng ngủ
- 4.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến thiết kế nội thất phòng ngủ
- 4.2.3. Thiết kế nội thất phòng ngủ chính
- 4.2.4. Thiết kế nội thất phòng ngủ cho người cao tuổi
- 4.2.5. Thiết kế nội thất phòng ngủ cho trẻ em

4.3. Thiết kế nội thất phòng ăn và phòng bếp

- 4.3.1. Khái niệm phòng ăn và phòng bếp
- 4.3.2. Bố cục cơ bản của phòng ăn và phòng bếp
- 4.3.3. Đồ nội thất trang trí cho phòng ăn và phòng bếp

4.4. Thiết kế nội thất phòng vệ sinh

- 4.4.1. Khái niệm nhà vệ sinh
- 4.4.2. Vị trí và bố cục nhà vệ sinh
- 4.4.3. Đồ nội thất trong nhà vệ sinh

4.5. Thiết kế hệ thống lưu trữ trong nhà

4.6. Thiết kế không gian chuyển tiếp

4.7. Thiết kế ban công và lô gia

Chương 5

Một số phong cách thiết kế nội thất nhà ở

(Số tiết: 05, lý thuyết: 05; đồ án: 0)

5.1. Phong cách nội thất cổ điển

5.2. Phong cách nội thất Tân cổ điển

5.3. Phong cách nội thất cận đại (Vintage)

5.4. Phong cách nội thất hiện đại

5.5. Phong cách nội thất đương đại

5.6. Phong cách nội thất đồng quê

5.7. Phong cách nội thất Retro (làm mới lại)

5.8. Phong cách nội thất Art Deco

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	Chương 1: Tổng quát chung về nhà ở dân dụng		
1.1	<i>Khái niệm nhà ở</i>	Thuyết trình, hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng phấn
1.2	<i>Lược sự phát triển nhà ở</i>		
1.2.1	<i>Kiến trúc nhà ở thời xã hội nguyên thủy</i>		
1.2.2	<i>Kiến trúc nhà ở thời kỳ chiếm hữu nô lệ</i>		
1.2.3	<i>Kiến trúc nhà ở giai đoạn xã hội phong kiến</i>		
1.2.4	<i>Nhà ở thời tư bản chủ nghĩa</i>		
1.2.5	<i>Nhà ở giai đoạn xã hội tư bản phát triển cao</i>		
1.3	Phân loại nhà ở	Thuyết trình, hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng phấn
1.3.1	<i>Phân loại theo chức năng và phương thức tổ hợp</i>		
1.3.2	<i>Phân loại theo diện tích</i>		
1.3.3	<i>Phân loại theo số tầng cao</i>		
1.3.4	<i>Phân loại theo kết cấu và giá trị sử dụng</i>		
2	Chương 2: Trình tự thiết kế và hồ sơ kỹ thuật		
2.1	<i>Trình tự thiết kế</i>	Thuyết trình, hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng phấn
2.2	<i>Hồ sơ kỹ thuật</i>	Thuyết trình, hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng phấn
3	Chương 3: Tổ chức không gian nội thất nhà ở		
3.1	<i>Tổ chức không gian nội thất nhà ở nông thôn</i>	Thuyết trình, hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng phấn
3.2	<i>Tổ chức không gian nội thất nhà ở chung cư</i>	Thuyết trình, hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng phấn
3.3	<i>Tổ chức không gian nội thất nhà ở nhiều tầng</i>		
4	Chương 4: Thiết kế các không gian nội thất nhà ở		

4.1	Thiết kế nội thất phòng khách		
4.1.1	Khái niệm phòng khách	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính
4.1.2	Bố cục phòng khách		
4.1.3	Đồ nội thất trong phòng khách		
4.1.4	Các yếu tố khác		
4.2	Thiết kế nội thất phòng ngủ		
4.2.1	Khái niệm phòng ngủ	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính
4.2.2	Các yếu tố ảnh hưởng đến thiết kế nội thất phòng ngủ		
4.2.3	Thiết kế nội thất phòng ngủ chính		
4.2.4	Thiết kế nội thất phòng ngủ cho người cao tuổi		
4.2.5	Thiết kế nội thất phòng ngủ cho trẻ em		
4.3	Thiết kế nội thất phòng ăn và phòng bếp		
4.3.1	Khái niệm phòng ăn và phòng bếp	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính
4.3.2	Bố cục cơ bản của phòng ăn và phòng bếp		
4.3.3	Đồ nội thất trang trí cho phòng ăn và phòng bếp		
4.4	Thiết kế nội thất phòng vệ sinh		
4.4.1	Khái niệm nhà vệ sinh	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính
4.4.2	Vị trí và bố cục nhà vệ sinh		
4.4.3	Đồ nội thất trong nhà vệ sinh		
4.5	Thiết kế hệ thống lưu trữ trong nhà		
4.6	Thiết kế không gian chuyển tiếp		
4.7	Thiết kế ban công và lô gia		
4.8	Các phong cách thường gặp trong TKNT nhà ở dân dụng		
5	Chương 5: Một số phong cách thiết kế nội thất nhà ở		
5.1	Phong cách nội thất cổ điển	Thuyết trình, hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng phấn
5.2	Phong cách nội thất Tân cổ điển		
5.3	Phong cách nội thất cận đại (Vintage)		
5.4	Phong cách nội thất hiện đại		

5.5	<i>Phong cách nội thất đương đại</i>		
5.6	<i>Phong cách nội thất đồng quê</i>		
5.7	<i>Phong cách nội thất Retro (làm mới lại)</i>		
5.8	<i>Phong cách nội thất Art Deco</i>		
6	Đồ án: Thiết kế nội thất một không gian nhà ở cụ thể		
6.1	<i>Lựa chọn mặt bằng thiết kế</i>	Thuyết trình, hỏi đáp, thực hành trên máy tính	Máy chiếu, máy tính
6.2	<i>Bố cục các không gian chức năng và đồ nội thất</i>		
6.3	<i>Xây dựng hồ sơ thi công</i>		
6.4	<i>Phối cảnh không gian nhà ở dân dụng thiết kế</i>		
6.5	<i>Hoàn thiện để bảo vệ bài tập lớn</i>		

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học
- Điềm danh, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy
- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập.
- Tham dự tối thiểu 100% số giờ đồ án.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	8%	CĐR 1-8
2	Điểm đồ án	Thiết kế không gian nội thất	24%	CĐR 1 -

		nhà ở trên mặt bằng cho sẵn		CĐR 7
3	Điểm thi giữa kỳ	Thuyết trình các phong cách thiết kế nội thất	8%	CĐR 1 - CĐR 7
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi vấn đáp	60%	CĐR 1 - CĐR 8

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. Đánh giá kết quả điểm chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Thuyết trình xuất sắc. Trình bày đúng trình tự, có logic.	Thuyết trình tốt. Trình bày đúng yêu cầu	Thuyết trình đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả đồ án

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Đồ án	30	Đủ số bài đồ án được giao, hình thức sạch đẹp. Đúng hạn	Đủ số lượng bài đồ án. Đúng hạn	Đủ bài đồ án nhưng nộp trễ hoặc thiếu 10% bài tập	Dưới 80% bài đồ án. Bài tập do người khác thực hiện	
Nội dung	70	Đúng trên 90% yêu cầu	Đúng 70 - 90% yêu cầu	Đúng 40 - 70% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm đúng dưới 40%. Nội dung kiến thức không đạt yêu cầu.	
Điểm tổng						

11.3.4. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung đồ án	90	Trả lời đúng câu hỏi và Đồ án đạt yêu cầu trên 90%	Trả lời đúng câu hỏi và Đồ án đạt yêu cầu 70-90%	Trả lời đúng câu hỏi và Đồ án đạt yêu cầu 50-69%	Trả lời câu hỏi và Đồ án đạt yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

1. Bài giảng “Thiết kế nội thất nhà ở” (Giảng viên cung cấp).

12.2. Tài liệu tham khảo

1. Tạ Trường Xuân (2010). Nguyên lý thiết kế kiến trúc. NXB Xây dựng
2. Đặng Thái Hoàng (2010). Kiến trúc nhà ở (tái bản). NXB Xây dựng.

HỌC PHẦN: THIẾT KẾ NỘI THẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

- + Tên tiếng Việt: **Thiết kế nội thất công trình công cộng**
- + Tên tiếng Anh: **Interior Design for Public Engineering**

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 4

Lý thuyết	: 30 tiết
Bài tập, Đồ án	: 15 tiết
Thảo luận	: 15 tiết
Thực hành/thực tập	: 0 tiết
Tự học	: 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Bộ môn Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1 Kiến thức: sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về thiết kế không gian nội thất công trình công cộng; biết tổ chức và xử lý không gian nội thất theo đặc điểm công năng từng loại hình công trình.

4.2 Kỹ năng: sinh viên biết được các phương pháp nghiên cứu và thiết kế để đề xuất được phương án thiết kế không gian nội thất đáp ứng các yêu cầu thiết kế và phù hợp đặc điểm hiện trạng mô hình công trình.

4.3 Thái độ: sinh viên có được thái độ làm việc tích cực, nghiêm túc; có được tư duy thiết kế nội thất khoa học và logic đáp ứng nhu cầu xã hội.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần *(khoảng 150 từ)*

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản trong không gian nội thất công trình công cộng về cách thức thiết kế, tổ chức và xử lý không gian theo đặc điểm công năng từng loại công trình, giúp người học sáng tạo được những phương án thiết kế phù hợp, đáp ứng có hiệu quả các yêu cầu thiết kế từng loại hình không gian.

Môn học bao gồm các nội dung sau: Tổng quan về thiết kế nội thất công trình

công cộng; tổ chức không gian nội thất công trình công cộng; các yếu tố cơ bản trong thiết kế nội thất công trình công cộng và thiết kế nội thất một số loại hình công trình công cộng.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR1	Nhớ được đặc điểm, phân loại và xu hướng của thiết kế nội thất công trình công cộng
CDR2	Hiểu được các loại hình không gian công trình công cộng
Về kỹ năng	
CDR3	Hiểu được yêu cầu kỹ thuật trong không gian công trình công cộng và yếu tố nhân trắc học
CDR4	Áp dụng được các yêu cầu kỹ thuật, nhân trắc học để thiết kế nội thất công trình công cộng
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR5	Hiểu được giá trị của tính cẩn trọng, sự chuẩn xác trong hoạt động thiết kế kiến trúc nội thất
CDR 6	Hiểu trách nhiệm của bản thân trong quá trình học tập và sáng tạo trong làm việc nhóm

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	Tổng quan về thiết kế nội thất công trình công cộng	2					CDR 1
2	Phân Loại công trình công cộng	4		2			CDR 1 CDR 6
3	Các yếu tố tạo thành không gian nội thất công trình công cộng	7		6			CDR 3 CDR 5

4	Nhân trắc học trong thiết kế nội thất công trình công cộng	4					CDR 3 CDR4 5
5	Thiết kế nội thất một số loại hình công trình công cộng	10	10				CDR 2 CDR 3 CDR 4 CDR 5

8. Nội dung chi tiết môn học:

Chương 1

TỔNG QUAN VỀ THIẾT KẾ NỘI THẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

(Số giờ: 02 tiết; trong đó: LT 02 tiết)

- 1.1. Khái quát về thiết kế nội thất công trình công cộng
- 1.2. Đặc điểm của công trình công cộng
- 1.3. Xu hướng thiết kế nội thất công trình công cộng

Chương 2

PHÂN LOẠI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

(Số giờ: 06 tiết; trong đó: LT 04 tiết, TL:02 tiết)

2.1 Phân loại công trình công cộng theo chức năng sử dụng

- 2.2 Phân loại công trình công cộng theo hệ thống kết cấu
- 2.3 Phân loại công trình công cộng theo tuổi thọ công trình
- 2.4 Phân loại công trình công cộng theo quy mô công trình
- 2.5 Quy mô của công trình kiến trúc công cộng

Chương 3

TỔ CHỨC KHÔNG GIAN NỘI THẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

(Số giờ: 13 tiết; trong đó: LT 07 tiết, BT 06 tiết)

- 3.1 Nguyên tắc cơ bản thiết kế không gian công trình công cộng
- 3.2. Tổ chức không gian công năng
- 3.3. Thiết kế bố trí đồ gia dụng
- 3.4. Thiết kế chiếu sáng
- 3.5. Thiết kế màu sắc

Chương 4

NHÂN TRẮC HỌC TRONG THIẾT KẾ NỘI THẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

(Số giờ: 06 tiết; trong đó: LT 06 tiết)

- 4.1. Môi trường vật liệu
- 4.2. Môi trường âm thanh
- 4.3. Tâm lý con người trong không gian nội thất
- 4.4. Hành vi con người trong không gian nội thất

Chương 5

THIẾT KẾ NỘI THẤT MỘT SỐ LOẠI HÌNH CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

(Số giờ: 20 tiết; trong đó: LT 10 tiết, BT 10 tiết)

- 5.1. Không gian công trình thư viện
- 5.2. Không gian công trình hội trường
- 5.3. Không gian công trình nhà hàng ăn uống
- 5.4. Không gian công trình nhà trẻ
- 5.5 Một số không gian công trình khác

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ THIẾT KẾ NỘI THẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG		
1.1	Khái quát về thiết kế nội thất công trình công cộng	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.2	Đặc điểm của công trình công cộng	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.3	Xu hướng thiết kế nội thất công trình công cộng trong tương lai	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
2	CHƯƠNG II: PHÂN LOẠI CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG		

2.1	Phân loại công trình công cộng theo chức năng sử dụng	Thuyết trình + hỏi đáp, thảo luận	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.2	Phân loại công trình công cộng theo hệ thống kết cấu	Thuyết trình + hỏi đáp, thảo luận	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.3	Phân loại công trình công cộng theo tuổi thọ công trình	Thuyết trình + hỏi đáp, thảo luận	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.4	Phân loại công trình công cộng theo quy mô công trình	Thuyết trình + hỏi đáp, thảo luận	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.5	Quy mô của công trình kiến trúc công cộng	Thuyết trình + hỏi đáp, thảo luận	Máy chiếu, máy tính, bảng
3	CHƯƠNG 3: TỔ CHỨC KHÔNG GIAN NỘI THẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG		
3.1	Nguyên tắc cơ bản thiết kế nội thất công trình công cộng	Thuyết trình + hỏi đáp, não công, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.2	Tổ chức không gian công năng	Thuyết trình + hỏi đáp, não công, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.3	Thiết kế bố trí đồ gia dụng	Thuyết trình + hỏi đáp, não công, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.4	Thiết kế chiếu sáng	Thuyết trình + hỏi đáp, não công, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.5	Thiết kế màu sắc	Thuyết trình + hỏi đáp, não công, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng
4	CHƯƠNG 4: NHÂN TRẮC HỌC TRONG THIẾT KẾ NỘI THẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG		
4.1	Môi trường vật liệu	Thuyết trình, hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
4.2	Môi trường âm thanh	Thuyết trình, hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng

4.3	Tâm lý con người trong không gian nội thất	Thuyết trình, hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
4.4	Hành vi con người trong không gian nội thất	Thuyết trình, hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
5	CHƯƠNG 5: THIẾT KẾ NỘI THẤT MỘT SỐ LOẠI HÌNH CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG		
5.1	Không gian công trình thư viện	Thuyết trình + hỏi đáp, não công, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng, phần mềm đồ họa
5.2	Không gian công trình hội trường	Thuyết trình, hỏi đáp, não công, thực hành	Máy chiếu, máy tính, phần mềm đồ họa
5.3	Không gian công trình nhà hàng ăn uống	Thuyết trình, hỏi đáp, não công, thực hành	Máy chiếu, máy tính, phần mềm đồ họa
5.4	Không gian công trình nhà trẻ	Thuyết trình, hỏi đáp, não công, thực hành	Máy chiếu, máy tính, phần mềm đồ họa
5.5	Một số không gian công trình khác	Thuyết trình, hỏi đáp, não công, thực hành	Máy chiếu, máy tính, phần mềm đồ họa

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học
- Điểm danh, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy
- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. *Cách đánh giá:*

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		10	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	4	CĐR 6
2	Điểm bài tập	- 01 bài tập về bố trí khu vực chức năng công trình công cộng; - 01 bài về bản vẽ thiết kế không gian nội thất công trình công cộng	2	CĐR 2; CĐR 2 CĐR 3 CĐR 4 CĐR 5
3	Điểm thi giữa kỳ	Thuyết trình 1 loại hình công trình công cộng	4	CĐR 5 CĐR 6
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi viết/thi vấn đáp/....	10

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. *Đánh giá kết quả điểm chuyên cần*

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	

Điểm tổng	
------------------	--

11.3.2. Đánh giá kết quả bài tập

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Thuyết trình xuất sắc. Trình bày đúng trình tự, có logic.	Thuyết trình tốt. Trình bày đúng yêu cầu	Thuyết trình đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.4. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	

Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Câu trả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1 Tài liệu bắt buộc

1. Bài giảng “*Thiết kế nội thất công trình công cộng*” (Giảng viên cung cấp)

12.2. Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt:

[1] Vũ Duy Cừ. *Thiết kế không gian kiến trúc các loại nhà công cộng* – Nhà xuất bản xây dựng, Hà Nội 2003

[2] Tạ Trường Xuân. *Nguyên lý thiết kế nhà công cộng* – Nhà xuất bản xây dựng, Hà Nội 2002

[3] Nguyễn Đức Thiêm. *Kiến trúc cơ sở* – Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội 2006

[4] Lê Huy Văn, Trần Văn Bình. *Lịch sử Design* – Nhà xuất bản xây dựng, Hà Nội 2003

Tiếng nước ngoài:

[1] Đồng Quân. *Thiết kế nội thất công trình công cộng* – Nhà xuất bản Lâm nghiệp Trung Quốc, 2011

(董君. 公共空间室内设计 – 中国林业出版社, 2011年)

[2] Hậu Lâm, Hậu Nhất Nhiên. *Thiết kế nội thất công trình công cộng* – Nhà xuất bản thủy điện thủy lợi Trung Quốc, 2013

(侯林, 侯一然. 屋内公共空间设计 – 中国水利电出版社, 2013年)

[3] Ngô Trí Tuệ. *Thiết kế nội thất và đồ gia dụng* (tài liệu dịch) – Nhà xuất bản Lâm nghiệp Trung Quốc – 2005.

HỌC PHẦN: ĐỒ ÁN THIẾT KẾ SẢN PHẨM NỘI THẤT

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Đồ án thiết kế sản phẩm nội thất

Tên học phần tiếng Anh: Development of design furniture

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 2

Lý thuyết : 05 tiết

Đồ án/bài tập lớn : 25 tiết

Thảo luận : 0 tiết

Thực hành/Thực tập : 0 tiết

Tự học : 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Cung cấp các kiến thức cơ bản về tạo dáng, công năng, kết cấu trong thiết kế sản phẩm nội thất.

4.2. Kỹ năng: Vận dụng kiến thức về tạo dáng, công năng, kết cấu để thiết kế, lập dự toán, từ đó làm được sản phẩm nội thất cụ thể dạng thu nhỏ bằng các vật liệu sử dụng trong thực tiễn sản xuất.

4.3. Thái độ: Giúp người học có thể nhận thức rõ ràng tính khoa học và logic trong thiết kế công năng, tạo dáng và kết cấu của sản phẩm nội thất, đồng thời có tính thần đoàn kết và làm việc nhóm.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Môn học Đồ án thiết kế sản phẩm nội thất cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về thiết kế tạo dáng, công năng và kết cấu sản phẩm nội thất; Hệ thống các bản vẽ thiết kế sản phẩm, trình tự thiết kế và dự toán thi công sản phẩm nội thất.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CĐR1	Nhớ được hệ thống các bản vẽ sản phẩm nội thất và trình tự thiết kế sản phẩm nội thất
CĐR2	Hiểu được cấu tạo và công năng của sản phẩm nội thất
CĐR3	Hiểu được kết cấu của sản phẩm nội thất
Về kỹ năng	
CĐR4	Áp dụng được các yếu tố tạo dáng và đặc trưng công năng trong thiết kế tạo dáng và công năng sản phẩm nội thất
CĐR5	Áp dụng được các loại hình kết cấu trong thiết kế kết cấu sản phẩm nội thất
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	

CĐR6	Phân tích và đánh giá được tính khoa học và logic trong thiết kế công năng, tạo dáng và kết cấu của sản phẩm nội thất
CĐR 7	Hiệu trách nhiệm của bản thân trong quá trình làm việc nhóm

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Đồ án/bài tập lớn	Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	Hệ thống các bản vẽ thiết kế sản phẩm nội thất	1	5				CĐR 1 CĐR 6 CĐR 7
2	Trình tự thiết kế và dự toán thi công sản phẩm nội thất	1	5				CĐR 1 CĐR 6 CĐR 7
3	Thiết kế tạo dáng và công năng sản phẩm nội thất	1	5				CĐR 2 CĐR 4 CĐR 6 CĐR 7
4	Thiết kế kết cấu sản phẩm nội thất	2	10				CĐR 3 CĐR 5 CĐR 6 CĐR 7

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Hệ thống các bản vẽ thiết kế sản phẩm nội thất

(Số tiết: 06, lý thuyết: 01; đồ án: 05)

1.1. Bản vẽ thiết kế

1.1.1. Bản vẽ phác thảo

1.1.2. Bản vẽ 3 hình chiếu

1.1.3. Bản vẽ phối cảnh màu

1.1.4. Bản vẽ dựng hình sản phẩm trong nội thất

1.2. Bản vẽ thi công

1.2.1. Bản vẽ chi tiết

1.2.2. Bản vẽ bộ phận

1.2.3. Bản vẽ lắp ráp kết cấu

1.2.4. Bản vẽ tháo dỡ

1.3. Thuyết minh thiết kế

1.3.1. Thuyết minh tổng thể

1.3.2. Đặc tính kỹ thuật

1.3.3. Lắp ráp, điều chỉnh

1.3.4. Hướng dẫn sử dụng

1.3.7. Phân tích khó khăn, giải pháp

1.3.8. Vận chuyển, lưu kho, bảo dưỡng

1.3.9. Thông tin sản phẩm

Chương 2: Trình tự thiết kế và dự toán thi công sản phẩm nội thất

(Số tiết: 06, lý thuyết: 01; đồ án: 05)

2.1. Trình tự thiết kế

2.1.1. Hoạch định thiết kế

2.1.2. Thiết kế ý tưởng

2.1.2.1. Xây dựng ý tưởng thiết kế

2.1.2.2. Biểu đạt ý tưởng thiết kế

2.1.3. Thiết kế sơ bộ

2.1.3.1. Biểu đạt thiết kế sơ bộ

2.1.3.2. Đánh giá phương án thiết kế

2.1.4. Thiết kế thi công

2.1.4.1. Bản vẽ thi công sản xuất

2.1.4.2. Hồ sơ kỹ thuật thiết kế

2.2. Dự toán thi công sản phẩm

2.2.1. Dự toán nguyên liệu và phụ kiện liên kết

2.2.2. Dự toán khấu hao máy móc thiết bị

2.2.3. Dự toán giá thành phẩm

Chương 3: Thiết kế tạo dáng và công năng sản phẩm nội thất

(Số tiết: 06, lý thuyết: 01; đồ án: 05)

3.1. Thiết kế tạo dáng sản phẩm nội thất

3.1.1. Yếu tố cơ bản của thiết kế tạo dáng sản phẩm

3.1.2. Màu sắc và chất liệu của sản phẩm

3.1.3. Nguyên lý mỹ thuật trong thiết kế tạo dáng sản phẩm

3.2. Thiết kế công năng sản phẩm nội thất

3.2.1. Quan hệ giữa sản phẩm nội thất và con người

3.2.2. Phân tích tham số kích thước công năng của sản phẩm

Chương 4: Thiết kế kết cấu sản phẩm nội thất

(Số tiết: 12, lý thuyết: 02; đồ án: 10)

4.1. Kết cấu dạng khung

4.2. Kết cấu dạng gấp

4.3. Kết cấu dạng tháo rời

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	CHƯƠNG I: HỆ THỐNG CÁC BẢN VẼ THIẾT KẾ SẢN PHẨM NỘI THẤT		
1.1	Bản vẽ thiết kế		
1.1.1	<i>Bản vẽ phác thảo</i>	Thuyết trình + hỏi đáp + thực hành	Máy chiếu, máy tính, phần mềm đồ họa
1.1.2	<i>Bản vẽ 3 hình chiếu</i>		
1.1.3	<i>Bản vẽ phối cảnh màu</i>		
1.1.4	<i>Bản vẽ dựng hình sản phẩm trong nội thất</i>		
1.2	Bản vẽ thi công		
1.2.1	<i>Bản vẽ chi tiết</i>	Thuyết trình + hỏi đáp + thực hành	Máy chiếu, máy tính, bút vẽ, giấy A4
1.2.2	<i>Bản vẽ bộ phận</i>		
1.2.3	<i>Bản vẽ lắp ráp kết cấu</i>		
1.2.4	<i>Bản vẽ tháo dỡ</i>		
1.3	Thuyết minh thiết kế		
1.3.1	<i>Thuyết minh tổng thể</i>	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính
1.3.2	<i>Đặc tính kỹ thuật</i>	Thuyết trình + hỏi đáp + thực hành	Máy chiếu, máy tính, giấy A4
1.3.3	<i>Lắp ráp, điều chỉnh</i>		
1.3.4	<i>Hướng dẫn sử dụng</i>		
1.3.5	<i>Phân tích khó khăn, giải pháp</i>		
1.3.6	<i>Vận chuyển, lưu kho, bảo dưỡng</i>		
1.3.7	<i>Thông tin sản phẩm</i>		
2	CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ THIẾT KẾ VÀ DỰ TOÁN THI CÔNG SẢN PHẨM		
2.1	Trình tự thiết kế		
2.1.1	<i>Hoạch định thiết kế</i>	Thuyết trình + hỏi đáp + thực hành	Máy chiếu, máy tính, phần mềm đồ họa
2.1.2	<i>Thiết kế ý tưởng</i>		
2.1.3	<i>Thiết kế sơ bộ</i>		
2.1.4	<i>Thiết kế thi công</i>		
2.2	Dự toán thi công sản phẩm		
2.2.1	<i>Dự toán nguyên liệu và phụ kiện</i>	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy

	<i>liên kết</i>	+ thực hành	tính, phần mềm đồ họa, Excel
2.2.2	<i>Dự toán khấu hao máy móc thiết bị</i>		
2.2.3	<i>Dự toán giá thành sản phẩm</i>		
3	CHƯƠNG III: THIẾT KẾ TẠO DÁNG VÀ CÔNG NĂNG SẢN PHẨM NỘI THẤT		
3.1	Thiết kế tạo dáng sản phẩm nội thất		
3.1.1	<i>Yếu tố cơ bản của thiết kế tạo dáng sản phẩm</i>	Thuyết trình + hỏi đáp + thực hành	Máy chiếu, máy tính, bút vẽ, giấy A4
3.1.2	<i>Màu sắc và chất liệu của sản phẩm</i>		
3.1.3	<i>Nguyên lý mỹ thuật trong thiết kế tạo dáng sản phẩm</i>		
3.2	Thiết kế công năng sản phẩm nội thất		
3.2.1	<i>Quan hệ giữa sản phẩm nội thất và con người</i>	Thuyết trình + hỏi đáp + thực hành	Máy chiếu, máy tính, phần mềm đồ họa
3.2.2	<i>Phân tích tham số kích thước công năng của sản phẩm</i>		
4	CHƯƠNG IV: THIẾT KẾ KẾT CẤU SẢN PHẨM NỘI THẤT		
4.1	Kết cấu dạng khung	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính
4.2	Kết cấu dạng gấp		
4.3	Kết cấu tháo rời	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính
5	ĐỒ ÁN		
5.1	Thiết kế 01 sản phẩm dạng tựa và dự toán thi công	Thực hành	Máy chiếu, máy tính, phần mềm đồ họa
5.2	Thiết kế 01 sản phẩm dạng dựa và dự toán thi công		
5.3	Thiết kế 01 sản phẩm dạng nằm và dự toán thi công		

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học
- Điểm danh, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy
- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành.

- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. Thang điểm đánh giá: Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	8%	CĐR 1 - CĐR 7
2	Điểm đồ án	- 01 bài tập thiết kế sản phẩm dạng tựa - 01 bài tập thiết kế sản phẩm dạng dựa tựa - 01 bài tập thiết kế sản phẩm dạng nằm	32%	CĐR 2 - CĐR 5
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi đồ án	60%	CĐR 1 - CĐR 7

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. Đánh giá kết quả điểm chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng	

		góp ý kiến cho giờ học	đóng góp ý kiến cho giờ học		góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Thuyết trình xuất sắc. Trình bày đúng trình tự, có logic.	Thuyết trình tốt. Trình bày đúng yêu cầu	Thuyết trình đạt yêu cầu	Cầu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả đồ án

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Đồ án	30	Đủ số bài đồ án được giao, hình thức sạch đẹp. Đúng hạn	Đủ số lượng bài đồ án. Đúng hạn	Đủ bài đồ án nhưng nộp trễ hoặc thiếu 10% bài tập	Dưới 80% bài đồ án. Bài tập do người khác thực hiện	
Nội dung	70	Đúng trên 90% yêu cầu	Đúng 70 - 90% yêu cầu	Đúng 40 - 70% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm đúng dưới 40%. Nội dung kiến thức không đạt yêu cầu.	
Điểm tổng						

11.3.4. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung đồ án	90	Đồ án đạt yêu cầu trên 90%	Đồ án đạt yêu cầu 70-90%	Trả lời đúng theo yêu cầu 50-69%	Trả lời đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Thị Hương Giang, Lý Tuấn Trường (2017). Bài giảng “*Thiết kế sản phẩm nội thất*”, Trường Đại học Lâm nghiệp, 2017.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Trần Văn Chứ, Cao Quốc An, Lý Tuấn Trường. Tài liệu dịch "Thiết kế đồ gia dụng", trường Đại học Lâm nghiệp, 2005.
- 吴智慧(2004), 木质家具制造工艺, 北京: 中国林业出版社.

HỌC PHẦN: ĐỒ ÁN THIẾT KẾ SẢN PHẨM NỘI THẤT

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Đồ án thiết kế nội thất nhà ở

Tên học phần tiếng Anh: Development of houses interior design

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 2

Lý thuyết : 05 tiết

Đồ án/bài tập lớn : 25 tiết

Thảo luận : 0 tiết

Thực hành/thực tập : 0 tiết

Tự học : 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Cung cấp các kiến thức cơ bản về đặc điểm và công năng của các không gian chính trong nhà ở; Trình tự xây dựng hệ thống bản vẽ và dự toán vật tư trang trí không nội thất nhà ở.

4.2. Kỹ năng: Vận dụng kiến thức về nhà ở xây dựng được hệ thống bản vẽ nội thất nhà ở và lập được dự toán vật tư trang trí cho công trình nội thất nhà ở.

4.3. Thái độ: Giúp người học nhận thức rõ ràng tính khoa học và logic trong thiết kế và tổ chức không gian nội thất nhà ở; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Môn học Đồ án thiết kế nội thất nhà ở cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về thiết kế nội thất nhà ở; Trình tự xây dựng hệ thống các bản vẽ thiết kế nội thất nhà ở và lập dự toán vật tư.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CĐR1	Nhớ các không gian công năng cơ bản trong nhà ở
CĐR2	Nhớ được trình tự thiết kế hồ sơ bản vẽ thi công công trình nhà ở
CĐR3	Hiểu được cách lập dự toán thi công công trình nội thất nhà ở
Về kỹ năng	
CĐR4	Áp dụng các yêu cầu và đặc điểm của không gian công năng trong tổ chức không gian nội thất nhà
CĐR5	Áp dụng được trình tự thiết kế để xây dựng hồ sơ thiết kế
CĐR6	Áp dụng được trình tự thiết kế để lập dự toán thi công
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR7	Phân tích và đánh giá được tính khoa học và logic trong thiết kế và tổ chức không gian nội thất nhà ở
CĐR 8	Hiểu trách nhiệm của bản thân trong quá trình làm việc độc lập và làm việc nhóm

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Đồ án	Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	Không gian nội thất nhà ở	6	12				CDR 1 CDR 4 CDR 7 CDR 8
2	Trình tự xây dựng hệ thống bản vẽ thiết kế nội thất nhà ở	4	13				CDR 2 CDR 3 CDR 5 CDR 6 CDR 7 CDR 8

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Không gian nội thất nhà ở

(Số tiết: 16, lý thuyết: 06; đồ án: 12)

- 1.1. Phòng sinh hoạt chung
- 1.2. Phòng ngủ
- 1.3. Phòng bếp
- 1.4. Phòng ăn
- 1.5. Thư phòng
- 1.6. Phòng vệ sinh
- 1.7. Các không gian khác

Chương 2: Trình tự xây dựng hệ thống bản vẽ thiết kế nội thất nhà ở

(Số tiết: 17, lý thuyết: 04; đồ án: 13)

- 2.1. Thu thập thông tin cho quá trình thiết kế
- 2.2. Xây dựng các giải pháp thiết kế và lựa chọn giải pháp thích hợp cho công trình thiết kế
- 2.3. Thể hiện ý tưởng đã lựa chọn trên bảng vẽ kỹ thuật
- 2.4. Lập dự toán cho công trình nội thất

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy

1	Những không gian chính trong nhà ở dân dụng		
1.1	<i>Phòng Sinh hoạt chung</i>	Thuyết trình	Máy chiếu, máy tính, bảng phấn
1.2	<i>Phòng ngủ</i>		
1.3	<i>Phòng bếp</i>		
1.4	<i>Phòng ăn</i>		
1.5	<i>Thư phòng</i>		
1.6	<i>Phòng vệ sinh</i>		
1.7	<i>Các không gian khác</i>		
2	Những bước cơ bản tiến hành làm đồ án thiết kế		
2.1	<i>Thu thập thông tin cho quá trình thiết kế</i>	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính cá nhân
2.2	<i>Xây dựng các giải pháp thiết kế và lựa chọn giải pháp thích hợp cho công trình thiết kế</i>		
2.3	<i>Thể hiện ý tưởng đã lựa chọn trên bảng vẽ kỹ thuật</i>	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính cá nhân
2.4	<i>Lập dự toán cho công trình nội thất</i>		
3	Đồ án		
3.1	Thu thập thông tin		
3.1.1	<i>Lựa chọn đối tượng thiết kế</i>	Hỏi đáp+Thực hành	Máy chiếu, máy tính cá nhân
3.1.2	<i>Lựa chọn loại công trình thiết kế</i>		
3.1.3	<i>Khảo sát, xem xét, đo vẽ mặt bằng</i>		
3.1.4	<i>Mục đích sử dụng của nhà ở</i>		
3.2	Xây dựng các giải pháp thiết kế và lựa chọn giải pháp thích hợp cho công trình thiết kế		
3.2.1	<i>Phác thảo ý đồ thiết kế cho mỗi không gian trong công trình</i>	Hỏi đáp+Thực hành	Máy chiếu, máy tính cá nhân
3.2.2	<i>Bản vẽ mặt bằng bố trí nội thất các không gian</i>		
3.2.3	<i>Bản vẽ mặt cắt chính</i>		
3.2.4	<i>Đánh giá và lựa chọn ý tưởng thiết kế phù hợp cho mỗi không gian</i>		
3.3	Thể hiện ý tưởng đã lựa chọn trên bảng vẽ kỹ thuật		
3.3.1	<i>Bản vẽ bố trí nội thất</i>	Hỏi đáp+Thực hành	Máy chiếu,

3.3.2	<i>Bản vẽ trần, mặt cắt trần, chi tiết trần</i>		máy tính cá nhân
3.3.3	<i>Bản vẽ chi tiết các diện tường</i>		
3.3.4	<i>Bản vẽ bố trí lát sàn</i>		
3.3.5	<i>Bản vẽ chi tiết đồ nội thất</i>		
3.3.6	<i>Bản vẽ chi tiết cửa, lan can cầu thang</i>		
3.3.7	<i>Bản vẽ bố trí điện chiếu sáng, điện thoại, dây mạng</i>		
3.3.8	<i>Bản vẽ phối cảnh nội thất</i>		
3.4	<i>Lập dự toán cho công trình nội thất</i>		
3.4.1	<i>Thống kê loại nguyên vật liệu sử dụng trong thiết kế</i>	Hỏi đáp+Thực hành	Máy chiếu, máy tính
3.4.2	<i>Tính toán được sơ bộ giá thành của vật liệu đưa ra trong thiết kế</i>	Hỏi đáp+Thực hành	Máy chiếu, máy tính
3.5	<i>Hoàn thiện thuyết minh và thể hiện đồ án thiết kế</i>	Sinh viên hoàn thiện bài ở nhà	

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học
- Điềm danh, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy
- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. Thang điểm đánh giá: Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	

1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	8%	CĐR 1 CĐR 8
2	Đồ án	Thiết kế và lập dự toán thi công công trình nội thất nhà ở trên mặt bằng có sẵn	24%	CĐR 1 - CĐR 6
3	Điểm thi giữa kỳ	Thuyết trình về tổ chức không gian và phong cách thiết kế nội thất	8%	CĐR 1-6
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi đồ án	60%	CĐR 1 - CĐR 8

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. Đánh giá kết quả điểm chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Thuyết trình xuất sắc.	Thuyết trình tốt. Trình bày	Thuyết trình đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không	

		Trình bày đúng trình tự, có logic.	đúng yêu cầu		logic	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả đồ án

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Đồ án	30	Đủ số bài đồ án được giao, hình thức sạch đẹp. Đúng hạn	Đủ số lượng bài đồ án. Đúng hạn	Đủ bài đồ án nhưng nộp trễ hoặc thiếu 10% bài tập	Dưới 80% bài đồ án. Bài tập do người khác thực hiện	
Nội dung	70	Đúng trên 90% yêu cầu	Đúng 70 - 90% yêu cầu	Đúng 40 - 70% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm đúng dưới 40%. Nội dung kiến thức không đạt yêu cầu.	
Điểm tổng						

11.3.4. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung đồ án	90	Đồ án đạt yêu cầu trên 90%	Đồ án đạt yêu cầu 70-90%	Trả lời đúng theo yêu cầu 50-69%	Trả lời đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

1. Bài giảng môn học “Thiết kế nội thất nhà ở” (Giảng viên cung cấp).

12.2. Tài liệu tham khảo

1. Gia Long, Uy Minh, Hiếu Lạc (2015), Trang trí nội thất nhà ở, NXB Xây dựng.
2. Thiên Thanh (1998). Kỹ thuật kết cấu xây dựng - Trang trí nội thất hiện đại. Đồng Nai: Tổng hợp Đồng Nai, 1998.
3. Tạ Trường Xuân (2014). Nguyên lý thiết kế kiến trúc (Tái bản). Hà Nội: NXB Xây dựng.

HỌC PHẦN: ĐỒ ÁN THIẾT KẾ NỘI THẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

- + Tên tiếng Việt: **Đồ án thiết kế nội thất công trình công cộng**
- + Tên tiếng Anh: **Development of Public Interior Design**

1.2. Mã số học phần:

1.3 Số tín chỉ: 02

- + Lý thuyết: 05 tiết
- + Bài tập, thảo luận: 0
- + Đồ án: 25 tiết
- + Tự học: 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1 Về kiến thức: sinh viên nắm được phương pháp và các bước tiến hành để thực hiện một đồ án thiết kế không gian nội thất công trình công cộng.

4.2 Về kỹ năng: sinh viên có kỹ năng thiết kế và trình bày ý tưởng thể hiện đồ án, từng bước hoàn thiện năng lực thiết kế thông qua công trình hay dự án cụ thể.

4.3 Về thái độ: sinh viên có được thái độ làm việc tích cực, nghiêm túc; có được tư duy thiết kế nội thất khoa học và logic đáp ứng nhu cầu xã hội.

5. Tóm tắt nội dung môn học (khoảng 150 từ)

Hướng dẫn sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết đã học, tuân theo các trình tự

trong quá trình thiết kế hoàn chỉnh một mô hình không gian nội thất công trình công cộng đáp ứng các yêu cầu thiết kế và phù hợp với hiện trạng kiến trúc công trình.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR1	Nhớ được cấu trúc của đề án thiết kế nội thất công trình công cộng
CDR2	Hiểu được nội dung của đề án thiết kế nội thất công trình công cộng
CDR3	Phân tích được hồ sơ bản vẽ thiết kế nội thất công trình công cộng
Về kỹ năng	
CDR4	Hiểu được bản vẽ nội thất công trình công cộng
CDR5	Áp dụng để thiết kế ra hồ sơ bản vẽ thiết kế nội thất công trình công cộng
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR6	Hiểu được giá trị của tính cần trọng, sự chuẩn xác trong hoạt động thiết kế nội thất
CDR 7	Hiểu trách nhiệm của bản thân trong quá trình học tập và sáng tạo trong làm việc nhóm

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	BT/ TL	Đề án	Thực hành, thực tập		
1	Cấu trúc của đề án	2		5			CDR 1
2	Nội dung của đề án	3		20			CDR 2-7

8. Nội dung chi tiết môn học:

Chương 1: Cấu trúc của đề án

(Số tiết: 07, lý thuyết: 02, đề án: 05)

- 1.1. Trình tự thiết lập cấu trúc của đề án
- 1.2. Hồ sơ bản vẽ công trình công cộng

Chương 2 Nội dung của đồ án

(Số tiết: 23, lý thuyết: 03; đồ án: 20)

- 2.1. Thuyết minh về luận cứ, nhiệm vụ và ý tưởng thiết kế
- 2.2. Xây dựng và lựa chọn phương án tổ chức không gian nội thất
- 2.3. Thiết kế trang trí các mặt sàn, trần, tường của công trình
- 2.4. Thiết kế kết cấu một số hạng mục chính của công trình
- 2.5. Tính toán, lựa chọn và thiết kế sơ bộ một số sản phẩm nội thất
- 2.6. Dự toán công trình
- 2.7. Phân tích hồ sơ bản vẽ thiết kế nội thất công trình công cộng

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	CHƯƠNG I: CẤU TRÚC CỦA ĐỒ ÁN		
1.1	Trình tự thiết lập cấu trúc của đồ án	Thuyết trình + hỏi đáp, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.2	Hồ sơ bản vẽ công trình công cộng	Thuyết trình + hỏi đáp, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng
2	CHƯƠNG II: NỘI DUNG CỦA ĐỒ ÁN		
2.1	Thuyết minh về luận cứ, nhiệm vụ và ý tưởng thiết kế	Thuyết trình, hỏi đáp, não công, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng, phần mềm đồ họa
2.2	Xây dựng và lựa chọn phương án tổ chức không gian nội thất	Thuyết trình, hỏi đáp, não công, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng, phần mềm đồ họa
2.3	Thiết kế trang trí các mặt sàn, trần, tường của công trình	Thuyết trình + hỏi đáp, não công, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng, phần mềm đồ họa
2.4	Thiết kế kết cấu một số hạng mục chính của công trình	Thuyết trình + hỏi đáp, não công, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng, phần mềm đồ họa
2.5	Tính toán, lựa chọn và thiết kế	Thuyết trình + hỏi đáp,	Máy chiếu, máy tính, bảng, phần

	sơ bộ một số sản phẩm nội thất	não công, thực hành	mềm đồ hoạ
2.6	Dự toán công trình	Thuyết trình + hỏi đáp, não công, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng, phần mềm đồ hoạ
2.7	Phân tích hồ sơ bản vẽ thiết kế nội thất công trình công cộng	Thuyết trình + hỏi đáp, não công, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng, phần mềm đồ hoạ

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học
- Điểm danh, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy
- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. Thang điểm đánh giá: Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		10	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	4	CĐR 7
2	Điểm bài tập	- 01 bài tập về cấu trúc của đồ án - 01 bài về phân tích hồ sơ bản vẽ thiết kế nội thất công trình công cộng	2	CĐR 1 - 7
3	Điểm thi giữa kỳ	Thuyết trình đọc bản vẽ thiết	4	CĐR 4-7

		kế nội thất công trình công cộng		
II	Điểm thi cuối kỳ	Đồ án	10	CĐR 1 - 7

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. Đánh giá kết quả điểm chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả kiểm tra bài tập

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm đủ số bài và đạt yêu cầu trên 90%	Làm đủ số bài và đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm đủ số bài và đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm đủ số bài và đạt yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả kiểm thi giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	

Nội dung	90	Thuyết trình tốt. Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Thuyết trình tốt. Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Thuyết trình và làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Thuyết trình và làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.4. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung đồ án	90	Đồ án đạt yêu cầu trên 90%	Đồ án đạt yêu cầu 70-90%	Trả lời đúng theo yêu cầu 50-69%	Trả lời đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Vũ Duy Cừ. *Thiết kế không gian kiến trúc các loại nhà công cộng* – Nhà xuất bản xây dựng, Hà Nội – 2003

12.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Tạ Trường Xuân (2010). Nguyên lý thiết kế bảo tàng (Tái bản). Hà Nội: NXB Xây dựng.

[2]. Phan Tấn Hải, Võ Đình Hiệp, Cao Xuân Lương (2014). Nguyên lý thiết kế cấu tạo các công trình kiến trúc. Hà Nội: NXB Xây dựng.

[3] Hầu Lâm, Hầu Nhất Nhiên. *Thiết kế nội thất công trình công cộng* – Nhà xuất bản thủy điện thủy lợi Trung Quốc, 2013

(侯林, 侯一然. 屋内公共空间设计 – 中国水利电出版社, 2013年)

HỌC PHẦN: THIẾT KẾ THI CÔNG CÔNG TRÌNH NỘI THẤT

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Thiết kế thi công công trình nội thất

Tên học phần tiếng Anh: Construction Design of Interior Projects

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 3

Lý thuyết : 20 tiết

Thảo luận: : 10 tiết

Đồ án : 15 tiết

Thực hành/thực tập : 0 tiết

Tự học : 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Cung cấp kiến thức cơ bản về kết cấu và các giải pháp thi công các hạng mục của công trình nội thất (sàn, trần và tường, vách), giúp người học hiểu được kết cấu chi tiết các yếu tố cấu thành bề mặt trang trí nội thất, thiết kế được kết cấu các hạng mục công trình nội thất, đảm bảo tính khả thi và phù hợp với điều kiện thực tiễn.

4.2. Kỹ năng: Sinh viên có khả năng xây dựng được các giải pháp kết cấu và giải thi công công trình nội thất bao gồm các chi tiết cấu tạo các yếu tố cấu thành bề mặt trang trí nội thất.

4.3. Thái độ: Giúp người học có thái độ làm việc trách nhiệm, cẩn thận và nhận thức rõ ràng tính khoa học trong việc thiết kế thi công công trình nội thất.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần *(khoảng 150 từ)*

Môn học thiết kế thi công công trình nội thất cung cấp những kiến thức cơ bản về Tổng quan về thiết kế thi công; Nguyên lý cấu tạo và giải pháp thi công các hạng mục của công trình nội thất; Giải pháp lắp đặt các hệ thống kỹ thuật: hệ thống điện, nước, âm thanh, ánh sáng,...

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
VỀ KIẾN THỨC	
CĐR1	Nhớ được kiến thức cơ bản về kết cấu và các giải pháp thi công các hạng mục của công trình nội thất (sàn, trần và tường, vách).
CĐR2	Hiểu được kết cấu chi tiết các yếu tố cấu thành bề mặt trang trí nội thất từ đó thiết kế được kết cấu các hạng mục công trình nội thất, đảm bảo tính khả thi và phù hợp với điều kiện thực tiễn.
VỀ KỸ NĂNG	
CĐR3	Áp dụng và xây dựng được các giải pháp kết cấu và giải thi công công trình nội thất bao gồm các chi tiết cấu tạo các yếu tố cấu thành bề mặt trang trí nội thất.
CĐR4	Phân tích, đánh giá và sáng tạo thực thi các công việc thiết kế thi công công trình nội thất đảm bảo hiệu quả và tính khả thi cao.
NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM	
CĐR5	Áp dụng độc lập, tự chủ trong các hoạt động thiết kế thi công công trình nội thất, có thái độ làm việc trách nhiệm, cẩn thận.
CĐR 6	Hiểu trách nhiệm của bản thân trong quá trình học tập và sáng tạo trong làm việc nhóm.

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Đồ án	Thảo luận	Thực hành/ thực tập		
1	Tổng quan về thiết kế thi công công trình nội thất	2					CĐR 1
2	Kết cấu trần nội thất	5	3	5			CĐR 1-6
3	Kết cấu tường và vách ngăn	5	2	5			CĐR 1-6
4	Kết cấu sàn nội thất	5	3	5			CĐR 1-6
5	Thi công các hạng mục khung cảnh nội thất	3	2				CĐR 2-5

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

Tổng quan về thiết kế thi công công trình nội thất

(Số tiết: 02, lý thuyết: 02, thảo luận: 0)

- 1.1. Khái niệm và nội hàm của thiết kế thi công
- 1.2. Nội dung thiết kế
- 1.3. Nguyên vật liệu thường dùng trong công trình nội thất
- 1.4. Công cụ và thiết bị chủ yếu trong thi công công trình nội thất

Chương 2

Kết cấu trần nội thất

(Số tiết: 13, lý thuyết: 05, thảo luận: 05; đồ án: 03)

- 2.1. Kết cấu trần dạng khung xương
- 2.2. Kết cấu trần thạch cao
- 2.3. Kết cấu trần ốp treo
- 2.4. Kết cấu trần đơn thể

Chương 3

Kết cấu tường và vách ngăn

(Số tiết: 12, lý thuyết: 05, thảo luận: 05; đồ án: 02)

- 3.1. Phân loại tường vách
- 3.2. Thi công sơn quét tường
- 3.3. Kết cấu vách ngăn
- 3.4. Kết cấu tường ốp đá
- 3.5. Kết cấu tường ốp gỗ
- 3.6. Kết cấu tường ốp vật liệu tiêu âm
- 3.7. Kết cấu tường ốp trang trí bằng các loại vật liệu khác

Chương 4

Kết cấu sàn nội thất

(Số tiết: 13, lý thuyết: 05, thảo luận: 05; đồ án: 03)

- 4.1. Sàn lát gạch, đá
- 4.2. Sàn ốp gỗ
- 4.3. Sàn thảm
- 4.4. Sàn nâng

Chương 5

Thi công các hạng mục khung cảnh nội thất
(Số tiết: 05, lý thuyết: 03, thảo luận: 0; đồ án: 02)

5.1. Cửa đi và cửa sổ

5.2. Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước và các thiết bị vệ sinh

5.3. Lắp đặt hệ thống điện và đèn chiếu sáng

5.4. Thi công một số hạng mục thiết bị đặc thù khác

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	Tổng quan về thiết kế thi công công trình nội thất		
1.1	Khái niệm và nội hàm của thiết kế thi công	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Hỏi đáp - Não công - Quy nạp -> Nội hàm - Phân tích -> Ngoại diên 	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.2	Nội dung thiết kế	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.3	Nguyên vật liệu thường dùng trong công trình nội thất	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.4	Công cụ và thiết bị chủ yếu trong thi công công trình nội thất	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
2	Kết cấu trần nội thất	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp - Não công - Quy nạp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.1	Kết cấu trần dạng khung xương	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp - Não công - Quy nạp 	Máy chiếu, máy tính, bảng

2.2	Kết cấu trần thạch cao	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp - Nào công - Quy nạp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.3	Kết cấu trần ốp treo	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp - Nào công - Quy nạp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.4	Kết cấu trần đơn thể	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp - Nào công - Quy nạp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
3	Kết cấu tường và vách ngăn		
3.1	Phân loại tường vách	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp - Nào công - Quy nạp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.2	Thi công sơn quét tường	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp - Nào công - Quy nạp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.3	Kết cấu vách ngăn	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp - Nào công - Quy nạp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.4	Kết cấu tường ốp đá	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Minh họa 	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.5	Kết cấu tường ốp gỗ	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp - Nào công - Quy nạp 	Máy chiếu, máy tính, bảng

3.6	Kết cấu tường ốp vật liệu tiêu âm	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp - Nào công - Quy nạp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.7	Kết cấu tường ốp trang trí bằng các loại vật liệu khác	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp - Nào công - Quy nạp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
4	Kết cấu sàn nội thất		
4.1	Sàn lát gạch, đá	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp - Nào công - Quy nạp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
4.2	Sàn ốp gỗ	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp - Nào công - Quy nạp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
4.3	Sàn thảm	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp - Nào công - Quy nạp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
4.4	Sàn nâng	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp - Nào công - Quy nạp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
5	Thi công các hạng mục khung cảnh nội thất		
5.1	5.1. Cửa đi và cửa sổ	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp - Nào công - Quy nạp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
5.2	5.2. Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước và	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình 	Máy chiếu, máy tính, bảng

	các thiết bị vệ sinh	- Ván đáp - Nỗ công - Quy nạp	
5.3	5.3. Lắp đặt hệ thống điện và đèn chiếu sáng	- Thuyết trình - Ván đáp - Nỗ công - Quy nạp	Máy chiếu, máy tính, bảng
5.4	5.4. Thi công một số hạng mục thiết bị đặc thù khác	- Thuyết trình - Ván đáp - Nỗ công - Quy nạp	Máy chiếu, máy tính, bảng

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học;
- Điểm danh, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy;
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy;
- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch.

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Đồ án được giao cho từng sinh viên (mỗi sinh viên một đề bài cụ thể).

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. *Cách đánh giá:*

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	10%	CĐR 1-6

2	Điểm thảo luận/ thuyết trình	- Kết cấu và giải pháp thi công trần nội thất. - Kết cấu và giải pháp thi công tường và vách ngăn. - Kết cấu và giải pháp thi công sàn nội thất.	20%	CĐR 1 CĐR 2 CĐR 3
3	Điểm thi giữa kỳ	Sinh viên trình bày hiểu viết của mình về kết cấu và giải pháp thi công trần, tường, vách và sàn nội thất.	10%	CĐR 1 - 5
II	Điểm thi cuối kỳ	Vấn đáp	60%	CĐR 1 - 6

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. Đánh giá kết quả điểm chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên	Làm bài đúng theo yêu cầu từ	Làm bài đúng theo yêu cầu từ	Làm bài đúng theo yêu cầu	

		90%	70-90%	50-69%	<50%	
Hình thức	10	Thuyết trình xuất sắc. Trình bày đúng trình tự, có logic.	Thuyết trình tốt. Trình bày đúng yêu cầu	Thuyết trình đạt yêu cầu	Câu trả lời trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá thảo luận/thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Bài thuyết trình	30	Đủ số bài được giao, hình thức sạch đẹp. Đúng hạn	Đủ số lượng bài. Đúng hạn	Đủ bài nhưng nộp trễ hoặc thiếu 10% bài tập	Dưới 80% bài. Bài tập do người khác thực hiện	
Nội dung	70	Đúng trên 90% yêu cầu	Đúng 70 - 90% yêu cầu	Đúng 40 - 70% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm đúng dưới 40%. Nội dung kiến thức không đạt yêu cầu.	
Điểm tổng						

11.3.4. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung đề án	90	Trả lời đúng câu hỏi đạt yêu cầu trên 90%	Trả lời đúng câu hỏi đạt yêu cầu 70-90%	Trả lời đúng câu hỏi đạt yêu cầu 50-69%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu <50%	

Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Câu trả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1 Tài liệu bắt buộc

1. Bài giảng “*Thiết kế thi công công trình nội thất*” (Giảng viên cung cấp).

12.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Tạ Trường Xuân (2010). Nguyên lý thiết kế kiến trúc, NXB Xây dựng.

[2]. Nguyễn Đức Thiềm (2011). Kiến trúc cơ sở (tái bản), NXB Xây dựng.

HỌC PHẦN: TỔ CHỨC THI CÔNG CÔNG TRÌNH NỘI THẤT

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Tổ chức thi công công trình nội thất

Tên học phần tiếng Anh: Construction management of Interior projects

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 3

Lý thuyết : 30 tiết

Đồ án : 15 tiết

Thảo luận : 0 tiết

Thực hành/thực tập : 0 tiết

Tự học : 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Cung cấp kiến thức cơ bản về tổ chức thi công các hạng mục trang trí nội thất, về quản lý các lĩnh vực nhân công, tiến độ, đầu tư, trang thiết bị, vật liệu trong thi công công trình nội thất.

4.2. Kỹ năng: Giúp người học có được năng lực tổ chức thi công và quản lý giám sát thi công, đảm bảo thực thi các công việc thi công công trình hiệu quả nhất.

4.3. Thái độ: Giúp người học có thái độ làm việc trách nhiệm, cẩn thận.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Tổng quan về tổ chức thi công công trình nội thất; Phương pháp xây dựng và quản lý tiến độ thi công; Phương án bảo vệ môi trường và đảm bảo an toàn trong thi công; Tổ chức và quản lý quá trình thi công; Tổ chức nghiệm thu và bảo hành công trình,...

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CĐR1	Nhớ được kiến thức về tổ chức thi công các hạng mục trang trí nội thất.
CĐR2	Hiểu và tổ chức được quản lý các lĩnh vực nhân công, tiến độ, đầu tư, trang thiết bị, vật liệu trong thi công công trình nội thất.
Về kỹ năng	
CĐR3	Áp dụng được năng lực tổ chức thi công và quản lý giám sát thi công các hạng mục của công trình nội thất.
CĐR4	Phân tích, đánh giá và sáng tạo thực thi các công việc thi công công trình nội thất đảm bảo hiệu quả nhất.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR5	Áp dụng độc lập, tự chủ trong các hoạt động thi công công trình nội thất, có thái độ làm việc trách nhiệm, cẩn thận.
CĐR 6	Hiểu trách nhiệm của bản thân trong quá trình học tập và sáng tạo trong làm việc nhóm.

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Đồ án	Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	Khái quát về tổ chức thi công công trình nội thất	2					CĐR 1
2	Xây dựng và quản lý tiến độ thi công	5					CĐR 1 CĐR 2 CĐR6
3	Bảo vệ môi trường và	5					CĐR 2

	đảm bảo an toàn thi công						CDR 3 CDR4
4	Tổ chức quá trình thi công	6	5				CDR 2 CDR 3 CDR 4 CDR 5 CDR 6
5	Tổ chức và quản lý các nguồn lực	6	5				CDR 3 CDR 4 CDR 5 CDR 6
6	Tổ chức giám sát thi công và nghiệm thu	6	5				CDR 2 CDR 3 CDR 4 CDR 5 CDR 6

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

Khái quát về tổ chức thi công công trình nội thất

(Số tiết: 2; lý thuyết: 2; bài tập: 0; Đồ án: 0)

1.1. Khái niệm

1.2. Nội dung tổ chức thi công

1.3. Nguyên tắc tổ chức thi công công trình nội thất

1.4. Các phương thức và mô hình tổ chức thi công công trình nội thất

Chương 2

Xây dựng và quản lý tiến độ thi công

(Số tiết: 05, lý thuyết: 05; bài tập: 0; đồ án: 0)

2.1. Căn cứ xây dựng kế hoạch, tiến độ thi công

2.2. Nguyên tắc lập kế hoạch tiến độ thi công

2.3. Trình tự và nội dung lập kế hoạch tiến độ thi công

2.4. Quản lý tiến độ thi công

2.5. Phân tích và điều chỉnh tiến độ thi công

Chương 3

Bảo vệ môi trường và đảm bảo an toàn thi công

(Số tiết: 05, lý thuyết: 05; bài tập: 0; đồ án: 0)

3.1. Phương án bảo vệ môi trường thi công

- 3.2. Phương án bảo đảm an toàn lao động
- 3.3. Phân tích mối nguy hại tiềm ẩn trong thi công
- 3.4. Kiểm tra và xử lý sự cố an toàn lao động

Chương 4

Tổ chức quá trình thi công

(Số tiết: 11, lý thuyết: 06; bài tập: 0; đồ án: 05)

- 4.1. Tổ chức thi công cải tạo tường vách
- 4.2. Tổ chức thi công cải tạo hệ thống điện nước
- 4.3. Tổ chức thi công các hạng mục nề
- 4.4. Tổ chức thi công các hạng mục mộc
- 4.5. Tổ chức thi công các hạng mục sơn, hoàn thiện bề mặt
- 4.6. Tổ chức thi công lắp đặt trang thiết bị nội thất

Chương 5

Tổ chức và quản lý các nguồn lực

(Số tiết: 11, lý thuyết: 06; bài tập: 0; đồ án: 05)

- 5.1. Tổ chức và quản lý hiện trường thi công
- 5.2. Tổ chức và quản lý nhân lực thi công
- 5.3. Tổ chức và quản lý trang thiết bị thi công
- 5.4. Quản lý và cung ứng nguyên vật liệu thi công
- 5.5. Quản lý tài chính

Chương 6

Tổ chức giám sát thi công và nghiệm thu

(Số tiết: 11, lý thuyết: 06; bài tập: 0; đồ án: 05)

- 6.1. Chỉ tiêu đánh giá thi công và các yếu tố ảnh hưởng
- 6.2. Tổ chức giám sát thi công
- 6.3. Tổ chức nghiệm thu công trình
- 6.4. Phương án bảo hành công trình

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	Khái quát về tổ chức thi công công		

	trình nội thất		
1.1	Khái niệm	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp - Nào công - Quy nạp -> Nội hàm - Phân tích -> Ngoại diên 	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.2	Nội dung tổ chức thi công	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.3	Nguyên tắc tổ chức thi công công trình nội thất	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.4	Các phương thức và mô hình tổ chức thi công công trình nội thất	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
2	Xây dựng và quản lý tiến độ thi công	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp - Nào công - Quy nạp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.1	Căn cứ xây dựng kế hoạch, tiến độ thi công	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp - Nào công - Quy nạp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.2	Nguyên tắc lập kế hoạch tiến độ thi công	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp - Nào công - Quy nạp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.3	Trình tự và nội dung lập kế hoạch tiến độ thi công	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp - Nào công - Quy nạp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
	<i>BT1: Phương pháp lập kế hoạch tiến độ thi công trên phần mềm Microsoft Project</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Minh họa 	Máy chiếu, máy tính, bảng

2.4	Quản lý tiến độ thi công	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp - Não công - Quy nạp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.5	Phân tích và điều chỉnh tiến độ thi công	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp - Não công - Quy nạp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
	<i>BT2: Phương pháp theo dõi, phân tích và điều chỉnh tiến độ thi công trên MS Project</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Minh họa 	Máy chiếu, máy tính, Phần mềm MS Project, bảng
3	Bảo vệ môi trường và đảm bảo an toàn thi công		
3.1	Phương án bảo vệ môi trường thi công	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Minh họa 	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.2	Phương án bảo đảm an toàn lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp - Não công - Quy nạp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.3	Phân tích mối nguy hại tiềm ẩn trong thi công	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp - Não công - Quy nạp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.4	Kiểm tra và xử lý sự cố an toàn lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Vấn đáp 	Máy chiếu, máy tính, bảng
4	Tổ chức quá trình thi công		
4.1	Tổ chức thi công cải tạo tường vách	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận - Thuyết trình - Minh họa 	Máy chiếu, máy tính, bảng
4.2	Tổ chức thi công cải tạo hệ thống điện nước	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận - Thuyết trình - Minh họa 	Máy chiếu, máy tính, bảng

4.3	Tổ chức thi công các hạng mục nề	- Thảo luận - Thuyết trình - Minh họa	Máy chiếu, máy tính, bảng
4.4	Tổ chức thi công các hạng mục mộc	- Thảo luận - Thuyết trình - Minh họa	Máy chiếu, máy tính, bảng
4.5	Tổ chức thi công các hạng mục sơn, hoàn thiện bề mặt	- Thảo luận - Thuyết trình - Minh họa	Máy chiếu, máy tính, bảng
4.6	Tổ chức thi công lắp đặt trang thiết bị nội thất	- Thảo luận - Thuyết trình - Minh họa	Máy chiếu, máy tính, bảng
5	Tổ chức và quản lý các nguồn lực		
5.1	Tổ chức và quản lý hiện trường thi công	- Thuyết trình - Vấn đáp - Não công - Quy nạp	Máy chiếu, máy tính, bảng
5.2	Tổ chức và quản lý nhân lực thi công	- Thuyết trình - Vấn đáp - Não công - Quy nạp	Máy chiếu, máy tính, bảng
5.3	Tổ chức và quản lý trang thiết bị thi công	- Thuyết trình - Vấn đáp - Não công - Quy nạp	Máy chiếu, máy tính, bảng
5.4	Quản lý và cung ứng nguyên vật liệu thi công	- Thuyết trình - Vấn đáp - Não công - Quy nạp	Máy chiếu, máy tính, bảng
5.5	Quản lý tài chính	- Thuyết trình - Vấn đáp - Minh họa	Máy chiếu, máy tính, bảng

	<i>BT3: Phương pháp tổ chức và quản lý các nguồn lực trên MS Project</i>	- Thuyết trình - Minh họa	Máy chiếu, máy tính, Phần mềm MS Project, bảng
6	Chương 6: Tổ chức giám sát thi công và nghiệm thu		
6.1	Chỉ tiêu đánh giá thi công và các yếu tố ảnh hưởng	- Thuyết trình - Minh họa	Máy chiếu, máy tính, bảng
6.2	Tổ chức giám sát thi công	- Thuyết trình - Minh họa	Máy chiếu, máy tính, bảng
6.3	Tổ chức nghiệm thu công trình	- Thuyết trình - Minh họa	Máy chiếu, máy tính, bảng
6.4	Phương án bảo hành công trình	- Thuyết trình - Minh họa	Máy chiếu, máy tính, bảng
	<i>BT4: Phương pháp kết xuất thông tin về dự án trong MS Project</i>	- Thuyết trình - Minh họa	Máy chiếu, máy tính, phần mềm MS Project, bảng
	<i>BT5: Xây dựng dự án thi công nội thất theo đầu bài cụ thể trên MS Project</i>	- Thuyết trình - Minh họa	Máy chiếu, máy tính, phần mềm MS Project, bảng

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học;
- Điềm danh, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy;
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy;
- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch.

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập/Đồ án và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

- Đồ án được giao cho từng sinh viên (mỗi sinh viên một đề bài cụ thể).

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. *Cách đánh giá:*

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	10%	CĐR 1- 6
2	Điểm thảo luận/ thuyết trình	- Bảo vệ môi trường và đảm bảo an toàn thi công. - Tổ chức thi công cải tạo tường vách, điện nước, các hạng mục nề, mộc, sơn hoàn thiện bề mặt và lắp đặt trang thiết bị nội thất.	20%	CĐR 1 - 3
3	Điểm thi giữa kỳ	Sinh viên trình bày, phân tích và đánh những hiểu biết về lĩnh vực của Tổ chức thi công công trình nội thất.	10%	CĐR 1 - 4
II	Điểm thi cuối kỳ	Vấn đáp	60%	CĐR 1 - 6

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. *Đánh giá kết quả điểm chuyên cần*

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	

Điểm tổng	
------------------	--

11.3.2. Đánh giá kết quả kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Thuyết trình xuất sắc. Trình bày đúng trình tự, có logic.	Thuyết trình tốt. Trình bày đúng yêu cầu	Thuyết trình đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá thảo luận/thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Bài thuyết trình	30	Đủ số bài được giao, hình thức sạch đẹp. Đúng hạn	Đủ số lượng bài. Đúng hạn	Đủ bài nhưng nộp trễ hoặc thiếu 10% bài tập	Dưới 80% bài. Bài tập do người khác thực hiện	
Nội dung	70	Đúng trên 90% yêu cầu	Đúng 70 - 90% yêu cầu	Đúng 40 - 70% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm đúng dưới 40%. Nội dung kiến thức không đạt yêu cầu.	
Điểm tổng						

11.3.4. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung đề án	90	Trả lời đúng câu hỏi đạt yêu cầu trên 90%	Trả lời đúng câu hỏi đạt yêu cầu 70-90%	Trả lời đúng câu hỏi đạt yêu cầu 50-69%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1 Tài liệu bắt buộc

1. Bài giảng “*Thiết kế thi công công trình nội thất*” (Giảng viên cung cấp).

12.2. Tài liệu tham khảo

- [1]. Tạ Trường Xuân (2010). Nguyên lý thiết kế kiến trúc, NXB Xây dựng.
- [2]. Nguyễn Huy Thanh (2003), *Tổ chức xây dựng công trình*, Hà Nội: NXB Xây dựng;
- [3]. Nguyễn Đình Thám, Ths. Nguyễn Ngọc Thanh (2004), *Tổ chức xây dựng 1_Lập kế hoạch, tổ chức và chỉ đạo thi công*, Hà Nội: NXB Khoa học và kỹ thuật;
- [4]. Trịnh Quốc Thắng (2004), *Tổ chức xây dựng 2_Thiết kế tổng mặt bằng và tổ chức công trường xây dựng*, Hà Nội: NXB Khoa học và kỹ thuật;
- [5]. Vũ Duy Cừ. *Tổ chức không gian kiến trúc các loại nhà công cộng* –Nhà xuất bản xây dựng, Hà Nội – 2003.

HỌC PHẦN: QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TRONG NỘI THẤT

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Quản lý chất lượng trong nội thất

Tên học phần tiếng Anh: Quality Management of Interior Product

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 02

Lý thuyết	: 20 tiết
Bài tập	: 10 tiết
Thảo luận	: 0 tiết
Thực hành/Thực tập	: 0 tiết

Tự học : 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ và Nội thất

Viện: Công nghiệp Gỗ và Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết: Môn học này được dạy sau khi học xong các môn chuyên môn: Chế biến gỗ, Công nghệ sản xuất đồ gỗ, máy và thiết bị chế biến gỗ

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về chất lượng, kiểm tra, kiểm soát và hệ thống quản lý chất lượng nói chung và trong sản xuất đồ gỗ nói riêng. Giúp cho sinh viên có khả năng về thực hiện và tổ chức kiểm tra chất lượng sản phẩm gỗ; xây dựng được một phần hệ thống kiểm soát chất lượng sản xuất đồ gỗ.

4.2. Kỹ năng: Có được các kiến thức cơ bản về chất lượng và quản lý chất lượng sản phẩm nói chung và đồ gỗ nói riêng. Có kỹ năng cơ bản về kiểm tra và kiểm soát chất lượng đồ gỗ. Tổ chức được công tác kiểm tra và kiểm soát chất lượng trong một nhà máy sản xuất đồ gỗ. Xây dựng được hướng dẫn tạo một sản phẩm đồ gỗ. Có khả năng đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng đồ gỗ.

4.3. Thái độ: Yêu thích môn học và ngành thiết kế nội thất. Có được kỹ năng cơ bản trong công tác kiểm tra, kiểm soát chất lượng sản phẩm đồ gỗ và nội thất.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Môn học trình bày các nội dung chủ yếu sau đây:

- Các kiến thức cơ bản về chất lượng, quản lý chất lượng sản phẩm, kiểm tra chất lượng, kiểm soát chất lượng và quản lý chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng;
- Phương pháp và tổ chức kiểm tra chất lượng đồ gỗ;
- Phương pháp và tổ chức kiểm soát chất lượng đồ gỗ;
- Xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng trong sản xuất đồ gỗ.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
	<i>Về kiến thức</i>
CDR1	Hiểu được các khái niệm cơ bản về sản phẩm và kiểm tra, kiểm soát chất lượng sản phẩm

CĐR2	Hiểu được các nội dung phần kiểm tra chất lượng sản phẩm nội thất.
CĐR3	Hiểu được các nội dung phần kiểm soát chất lượng sản phẩm nội thất.
CĐR4	Hiểu được nội dung phần hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000
<i>Về kỹ năng</i>	
CĐR5	Có được các kiến thức cơ bản về chất lượng và quản lý chất lượng sản phẩm nói chung và đồ gỗ nói riêng
CĐR6	Có kỹ năng cơ bản về kiểm tra và kiểm soát chất lượng đồ gỗ
CĐR7	Tổ chức được công tác kiểm tra và kiểm soát chất lượng trong một nhà máy sản xuất đồ gỗ
CĐR8	Xây dựng được hướng dẫn tạo một sản phẩm đồ gỗ
CĐR9	Có khả năng đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng đồ gỗ
<i>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>	
CĐR10	Có thể tự tổ chức kiểm tra, kiểm soát hệ thống chất lượng của nhà máy sản xuất đồ gỗ và nội thất
CĐR11	Có thể đề xuất được giải pháp nâng cao chất lượng đồ gỗ và nội thất

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					Chuẩn đầu ra (HP)
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	Chương 1. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN	4	0				CĐR1 CĐR10 CĐR11
2	Chương 2. KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM NỘI THẤT	6	4				CĐR2 CĐR5 CĐR6 CĐR10 CĐR11
3	Chương 3. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM NỘI THẤT	6	4				CĐR3 CĐR5 CĐR6 CĐR10

							CĐR11
4	Chương 4. HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ISO 9000	4	2				CĐR4 - CĐR11

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN

(Số tiết: 4, lý thuyết: 4, bài tập: 0)

1.1. Chất lượng sản phẩm

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Các đặc điểm của chất lượng

1.1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm

1.2. Kiểm tra chất lượng sản phẩm

1.2.1. Khái niệm

1.2.2. Đặc điểm của kiểm tra chất lượng

1.3. Kiểm soát chất lượng sản phẩm

1.3.1. Kiểm soát chất lượng

1.3.2. Kiểm soát chất lượng toàn diện

1.3.3. Kiểm soát chất lượng bằng thống kê toán học

1.4. Quản lý chất lượng

1.4.1. Quản lý chất lượng

1.4.2. Quản lý chất lượng toàn diện

Chương 2. KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM NỘI THẤT

(Số tiết: 10, lý thuyết: 6, bài tập: 4)

2.1. Kiểm tra chất lượng nguyên liệu gỗ

2.1.1. Kiểm tra chất lượng gỗ tròn

Xác định kích thước và khuyết tật gỗ tròn

Phân hạng gỗ tròn

2.1.2. Kiểm tra chất lượng gỗ xẻ

Xác định kích thước và khuyết tật gỗ xẻ

Phân hạng gỗ xẻ

2.1.3. Kiểm tra chất lượng ván nhân tạo

Kiểm tra chất lượng ván MDF

Kiểm tra chất lượng ván ghép thanh

Kiểm tra chất lượng ván dán

2.1.4. Kiểm tra chất lượng một số loại nguyên liệu khác

2.2. Kiểm tra chất lượng sản phẩm nội thất

2.2.1. Kiểm tra kích thước sản phẩm

2.2.2. Kiểm tra chất lượng bề mặt

2.2.3. Kiểm tra kết cấu và tính chất cơ học

Chương 3. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM NỘI THẤT

(Số tiết: 10, lý thuyết: 6, bài tập: 4)

2.1. Phân loại sản phẩm nội thất

2.1.1. Đồ gỗ nội thất và ngoại thất

2.1.2. Đồ gỗ gia dụng

2.1.3. Các loại sản phẩm nội thất khác

2.2. Quá trình công nghệ sản xuất đồ gỗ nội ngoại thất

2.2.1. Quá trình công nghệ sản xuất đồ gỗ nội thất

2.2.2. Quá trình công nghệ sản xuất đồ gỗ ngoài trời

2.3. Máy móc thiết bị sản xuất đồ gỗ nội ngoại thất

2.3.1. Danh mục máy

2.3.2. Tính năng và công dụng

2.4. Xây dựng hướng dẫn sản xuất đồ gỗ nội và ngoại thất

2.4.1. Tìm hiểu sản phẩm và nguyên liệu

2.4.2. Xác định quá trình công nghệ

2.4.3. Xây dựng hướng dẫn phần mềm công nghệ

2.4.5. Xây dựng hướng dẫn phần cứng công nghệ

2.4.6. Thiết lập bộ hồ sơ hướng dẫn sản xuất

Chương 4. HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ISO 9000

(Số tiết: 6, lý thuyết: 4, bài tập: 2)

4.1. Giới thiệu chung về hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000

4.2. Giới thiệu chi tiết về hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000

4.2. Phương pháp xây dựng hệ thống quản lý chất lượng

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	CHƯƠNG 1: CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN	Thuyết trình, hỏi đáp, não công và thực hành thí phạm	Bảng viết, phấn, máy chiếu, máy tính cá nhân, bút chì và giấy A4, A3
2	CHƯƠNG 2: KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM NỘI THẤT		
3	CHƯƠNG 3: KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM NỘI THẤT		
4	CHƯƠNG 4: HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ISO 9000		

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.

- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành.

- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.

- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. Thang điểm đánh giá: Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	20%	CĐR 1 - 11
2	Điểm thi giữa kỳ	Bài thực hành trên lớp	20%	CĐR 5 - 9
II	Điểm thi cuối kỳ	Vấn đáp	60%	CĐR 1 - 9

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. Đánh giá kết quả điểm chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả kiểm tra, bài tập

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	

Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Văn Thiết (2014), *Bài giảng môn học “Quản lý chất lượng đồ gỗ”*, Trường Đại học Lâm nghiệp

12.2. Tài liệu tham khảo

1. Tìm hiểu chất lượng có phải như bạn nghĩ không? /Joe Johnson. TP. Hồ Chí Minh: NXB Trẻ, 2003: 105tr

2. Đạt chất lượng bằng các phương pháp và công cụ nào? /Joe Johnson. TP. Hồ Chí Minh: NXB Trẻ, 2003 : 144tr

3. Công nghệ mộc: Giáo trình ĐHLN/ Chu Sĩ Hải, Võ Thành Minh. Hà Nội: Nông nghiệp, 2006: 268 tr.

HỌC PHẦN: SẢN PHẨM MỘC TRUYỀN THỐNG

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: **Sản phẩm mộc truyền thống**

Tên học phần tiếng Anh: *Traditional furniture*

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 2

Lý thuyết : 20 tiết

Bài tập : 10 tiết

Thảo luận : 0 tiết

Thực hành/thực tập : 0 tiết

Tự học : 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức:

(1) Cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu:

- Mối quan hệ đồ mộc và yếu tố văn hóa lịch sử các vùng miền, các thời kỳ.
- Sự phát triển và phong cách tạo hình những sản phẩm mộc nổi tiếng trên thế giới: Châu Âu, Trung Quốc qua các giai đoạn.
- Đặc điểm tạo hình, vật liệu, liên kết, trang sức trên đồ mộc truyền thống Việt Nam; sự ảnh hưởng của yếu tố Văn hóa, lịch sử đến đồ mộc truyền thống Việt Nam.
- Xu thế phát triển đồ mộc hiện nay trên thế giới và Việt Nam.

(2) Giúp sinh viên củng cố và mở rộng kiến thức chuyên sâu về thiết kế sản phẩm, từ đó vận dụng sáng tạo trong thiết kế sản phẩm mộc và trang trí nội thất.

4.2. Kỹ năng

- Nhận biết các phong cách đồ mộc Châu Âu cổ điển, đồ mộc Trung Quốc.
- Kỹ năng nhận biết đồ mộc cũ và đồ mộc mới.
- Kỹ năng thiết kế sản phẩm nội thất bao gồm ý tưởng, lập hồ sơ thiết kế, đánh giá thiết kế.
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm.

4.3. Thái độ:

- Nghiêm túc, có trách nhiệm trong học tập.
- Tăng yêu thích môn học và ngành thiết kế nội thất.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Môn học đề cập đến các kiến thức chuyên sâu về sản phẩm mộc nổi tiếng trên thế giới, và mộc truyền thống Việt Nam: đặc điểm tạo hình, đặc điểm cơ bản về liên kết, trang sức, vật liệu và mối quan hệ của chúng với các yếu tố văn hóa lịch sử xã hội khác.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
	Về kiến thức

CĐR1	Hiểu mối quan hệ đồ mộc với yếu tố văn hóa lịch sử xã hội
CĐR2	Hiểu về đặc điểm phong cách đồ mộc các giai đoạn khác nhau của đồ mộc Châu Âu, đồ mộc Trung Quốc và đồ mộc Việt Nam.
CĐR3	Vận dụng kiến thức trên thiết kế sản phẩm nội thất
CĐR 4	Phân tích đánh giá được sản phẩm nội thất nói chung
Về kỹ năng	
CĐR5	Áp dụng nhận biết các phong cách đồ mộc Châu Âu cổ điển, đồ mộc Trung Quốc.
CĐR6	Áp dụng nhận biết đồ mộc cũ và đồ mộc mới.
CĐR7	Sáng tạo thiết kế sản phẩm nội thất bao gồm ý tưởng, lập hồ sơ thiết kế, đánh giá thiết kế.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR 8	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm
CĐR9	Nghiêm túc, có trách nhiệm trong học tập.
CĐR10	Tăng yêu thích môn học và ngành thiết kế nội thất

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					Chuẩn đầu ra (HP)
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	Mở đầu - Một số khái niệm chung	3					CĐR1
2	Sự phát triển và đặc điểm sản phẩm mộc trên thế giới	10	5				CĐR2-CĐR 10
3	Sản phẩm mộc truyền thống Việt Nam	7	5				CĐR2-CĐR 10

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

Mở đầu- Một số khái niệm chung

(Số tiết: 03, lý thuyết: 03; bài tập: 0)

- 1.1 Một số khái niệm chung
- 1.2 Mối quan hệ giữa văn hóa và đồ mộc

Chương 2

Sự phát triển và đặc điểm sản phẩm mộc trên thế giới

(Số tiết: 15, lý thuyết: 10; bài tập: 05)

- 2.1 Sơ lược sự phát triển và đặc điểm đồ mộc Châu Âu cổ điển
- 2.2 Sơ lược sự phát triển và đặc điểm đồ mộc Trung Quốc

Chương 3

Sản phẩm mộc truyền thống Việt Nam

(Số tiết: 12, lý thuyết: 07; bài tập: 05)

- 3.1 Các yếu tố ảnh hưởng đến đồ mộc truyền thống Việt nam
 - 3.1.1 Ảnh hưởng của lịch sử
 - 3.1.2 Ảnh hưởng văn hóa, tín ngưỡng
- 3.2 Phân loại và đặc điểm tạo hình sản phẩm mộc truyền thống Việt nam
 - 3.2.1 Phân loại đồ mộc truyền thống Việt Nam
 - 3.2.2 Đặc điểm tạo hình sản phẩm mộc truyền thống Việt Nam
- 3.3 Đặc điểm trang sức trong sản phẩm mộc truyền thống Việt Nam
 - 3.3.1 Phương pháp trang sức trên đồ mộc truyền thống
 - 3.3.2 Hoa văn trang sức và ý nghĩa
- 3.4 Đặc điểm về kết cấu trong sản phẩm mộc truyền thống Việt Nam
- 3.5 Đặc điểm về vật liệu trong sản phẩm mộc truyền thống Việt Nam

Bài tập 1: Thiết kế 01 sản phẩm mang đặc điểm đồ mộc cổ điển châu Âu

Bài tập 2: Thiết kế 01 sản phẩm mang đặc điểm đồ mộc truyền thống Việt nam, châu Á.

9. Phương pháp giảng dạy

Về lý thuyết:

- Thực hiện trên giảng đường. Giáo viên thuyết trình, có bài giảng, trang thiết bị giảng dạy hỗ trợ: Máy chiếu, máy tính, bảng.
- Giáo viên hỏi đáp với sinh viên
- Phân nhóm thảo luận nội dung trong bài học.

Về Bài tập

- Giáo viên hướng dẫn sinh viên làm bài: Mục đích yêu cầu, cách thức làm bài tập.
- Sinh viên chủ động làm bài.
- Giáo viên giúp đỡ hỗ trợ sinh viên làm và hoàn thiện bài tập.

Bài 1: Mỗi sinh viên tự thiết kế 1 sản phẩm mang đặc điểm Châu Âu cổ điển. Yêu cầu sinh viên phải trình bày rõ được ý tưởng thiết kế, có hồ sơ thiết kế về sản phẩm

đó: bản vẽ phối cảnh, bản vẽ cấu trúc, 3 hình chiếu, bản vẽ liên kết, bóc tách, bản vẽ chi tiết bộ phận. Cuối bài giáo viên kiểm tra bài tập của sinh viên, chỉnh sửa và chỉ lỗi sai cho sinh viên để sinh viên khắc phục.

Bài 2: Mỗi sinh viên tự thiết kế 1 sản phẩm mang đặc điểm đồ mộc truyền thống Việt nam, châu Á. Yêu cầu sinh viên phải trình bày rõ được ý tưởng thiết kế, có hồ sơ thiết kế về sản phẩm đó: bản vẽ phối cảnh, bản vẽ cấu trúc, 3 hình chiếu, bản vẽ liên kết, bóc tách, bản vẽ chi tiết bộ phận. Cuối bài giáo viên kiểm tra bài tập của sinh viên, chỉ ra lỗi sai thiết kế, lỗi sai bản vẽ cho sinh viên khắc phục.

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học
- ĐIỂM DANH, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy
- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. Thang điểm đánh giá: Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	16%	CĐR1 - 10
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ trên lớp	8%	
3	Điểm bài tập	Điểm tính của các bài tập sinh viên tự làm	16%	
II	Điểm thi cuối kỳ	Vấn đáp	60%	CĐR1 - 10

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. Đánh giá kết quả điểm chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả kiểm tra, bài tập

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	

Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cầu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Thị Vĩnh Khánh và các công sự, Giáo trình: Sản phẩm mộc truyền thống

12.2. Tài liệu tham khảo

[1] Võ Thành Minh, luận văn tiến sĩ, nghiên cứu một số giải pháp công nghệ nâng cao chất lượng đồ mộc truyền thống Việt nam

[2] Nguyễn Thị Vĩnh Khánh, luận văn tiến sĩ, Đồ mộc gỗ truyền thống Việt nam và việc sử dụng vật liệu.

[3] Trần Ngọc Thêm, Cơ sở văn hóa Việt nam, nhà xuất bản giáo dục, 1999

[4] Phạm Thị Chinh, lịch sử mỹ thuật Việt nam, nhà xuất bản đại học sư phạm, 2008

[5] 刘秋霖. 西方古典家具[M]. 百花文艺出版社, 2009

[6] 姜维群. 民国家具的鉴赏与收藏[M]. 天津: 百花文艺出版社, 2004

[7] 路玉章. 中国古家具鉴赏与收藏[M]. 北京: 中国建筑出版社, 2006

HỌC PHẦN: THIẾT KẾ NỘI THẤT NHÀ Ở BIỆT THỰ

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Thiết kế nội thất nhà ở biệt thự

Tên học phần tiếng Anh: Villas Interior Design

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 2

Lý thuyết : 15 tiết

Đồ án : 15 tiết

Thảo luận : 0 tiết

Thực hành/thực tập : 0 tiết

Tự học : 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Cung cấp các kiến thức cơ bản về nhà ở biệt thự, cách thức tổ chức không gian, phương pháp thiết kế mặt bằng nhà ở biệt thự, đặc trưng phong cách thiết kế nhà ở biệt thự.

4.2. Kỹ năng: Giúp người học biết cách vận dụng lý thuyết để sáng tạo được những phương án thiết kế, trang trí phù hợp nhất, phân khu công năng hợp lý và lập hồ sơ thi công cho nhà ở biệt thự cụ thể, đáp ứng hiệu quả các yêu cầu về công năng của loại hình không gian nội thất này.

4.3. Thái độ: Giúp người học có thể nhận thức rõ ràng tính khoa học trong việc thiết kế nhà ở biệt thự và tính tương trợ trong quá trình làm việc nhóm.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Học phần này cung cấp các kiến thức tổng quan về nội thất nhà ở biệt thự; phân loại nhà ở biệt thự; phương pháp và trình tự thiết kế mặt bằng nhà ở biệt thự; tổ chức và xử lý không gian nội thất nhà ở biệt thự; đặc trưng phong cách nhà ở biệt thự.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CĐR1	Nhớ được đặc điểm và phân loại của nhà ở biệt thự
CĐR2	Hiểu được nguyên tắc thiết kế và những điểm khó trong thiết kế nhà ở biệt thự
CĐR3	Nhớ được trình tự thiết kế nhà ở biệt thự
Về kỹ năng	
CĐR4	Áp dụng được các phương pháp thiết kế mặt bằng vào tổ chức không gian nhà ở biệt thự
CĐR5	Áp dụng được trình tự thiết kế để xây dựng hồ sơ bản vẽ kỹ thuật nhà ở biệt thự
CĐR6	Phân tích được sự khác nhau giữa các phong cách thiết kế nhà ở biệt thự
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	

CĐR7	Phân tích và đánh giá được hiệu quả của tính khoa học trong việc thiết kế nhà ở biệt thự và tính tương trợ trong quá trình làm việc nhóm.
------	---

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Đồ án	Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	Tổng quan nhà ở biệt thự	2					CĐR 1 CĐR 2
2	Phân loại nhà ở biệt thự	2					CĐR 1
3	Tổ chức không gian và thiết kế mặt bằng nội thất nhà ở biệt thự	10	15				CĐR 3 CĐR 4 CĐR 5 CĐR 7
4	Phong cách thiết kế nhà ở biệt thự điển hình	1					CĐR 6 CĐR 7

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Tổng quan nhà ở biệt thự

(Số tiết: 02, lý thuyết: 02; bài tập: 0; đồ án: 0)

1.1. Định nghĩa và đặc điểm nhà ở Biệt thự

1.1.1. Định nghĩa nhà ở Biệt thự

1.1.2. Đặc điểm nhà ở Biệt thự

1.2. Nguyên tắc và những điểm khó trong thiết kế nhà ở Biệt thự

1.3. Những bước cơ bản thiết kế nhà ở Biệt thự

1.3.1. Phân tích những điều kiện cơ bản

1.3.1.1. Phân tích điều kiện tự nhiên cơ bản

1.3.1.2. Phân tích điều kiện nhân văn cơ bản

1.3.2. Phân tích những điều kiện động

1.3.2.1. Điều kiện động của môi trường xung quanh kiến trúc

1.3.2.2. Điều kiện động bên trong kiến trúc

1.3.3. Phân khu công năng trong nội thất nhà ở biệt thự

1.3.4. Xây dựng ý tưởng và phác thảo

1.3.5. Xây dựng hệ thống bản vẽ thi công và phối cảnh

Chương 2: Phân loại nhà ở biệt thự

(Số tiết: 02, lý thuyết: 02; bài tập: 0; đồ án: 0)

2.1. Phân theo loại hình kiến trúc

- 2.1.1. Biệt thự độc lập (Detached house)
- 2.1.2. Biệt thự nối tiếp (Townhouse)
- 2.1.3. Biệt thự đôi (Twofamilyhouse; Semi-detached house)
- 2.1.4. Biệt thự tầng (Townhouse)
- 2.1.5. Biệt thự trên cao (Penthouse)

2.2. Phân theo kết cấu kiến trúc

- 2.2.1. Biệt thự kết cấu gỗ
- 2.2.2. Biệt thự kết cấu bê tông cốt thép
- 2.2.3. Biệt thự kết cấu sắt
- 2.2.4. Biệt thự kết cấu gạch

2.3. Phân theo phong cách kiến trúc

- 2.3.1. Biệt thự phong cách kiểu châu Âu
- 2.3.2. Biệt thự phong cách kiểu Mỹ
- 2.3.3. Biệt thự phong cách kiểu Tây Ban Nha
- 2.3.4. Biệt thự phong cách Phương Đông

2.4. Phân theo công năng sử dụng

- 2.4.1. Biệt thự dạng thành thị
- 2.4.2. Biệt thự dạng cho thuê
- 2.4.3. Biệt thự dạng kinh doanh
- 2.4.4. Biệt thự dạng thương mại

2.5. Phân theo đặc trưng cảnh quan

- 2.5.1. Biệt thự núi
- 2.5.2. Biệt thự nước
- 2.5.3. Biệt thự sân Golf

Chương 3: Tổ chức không gian và thiết kế mặt bằng nội thất nhà ở biệt thự

(Số tiết: 25, lý thuyết: 10; bài tập: 0; đồ án: 15)

3.1. Nguyên tắc thiết kế mặt bằng nhà ở Biệt thự

- 3.1.1. Tổ chức hợp lý không gian công năng
- 3.1.2. Tổ chức giao thông hiệu quả

3.2. Không gian và tự tự không gian nội thất nhà ở biệt thự

- 3.2.1. Khái niệm không gian và ảnh hưởng của không gian nội thất
- 3.2.2. Khái niệm tự tự không gian và thiết kế tự tự không gian

3.3. Các không gian cơ bản của nhà ở biệt thự

- 3.3.1. Không gian sinh hoạt
 - 3.3.1.1 Phòng sinh hoạt chung
 - 3.3.1.2 Phòng ăn
 - 3.3.1.3 Phòng khách
 - 3.3.1.4 Phòng gia đình
 - 3.3.1.5 Phòng đọc sách
- 3.3.2. Không gian giao thông
 - 3.3.2.1 Sảnh
 - 3.3.2.2 Cầu thang

- 3.3.2.3. *Hành lang*
- 3.3.3. *Không gian phòng ngủ*
- 3.3.4. *Không gian phụ trợ*
 - 3.3.4.1 *Phòng bếp*
 - 3.3.4.2 *Phòng vệ sinh*
 - 3.3.4.3 *Phòng đựng đồ*
 - 3.3.4.4 *Ban công*
- 3.3.5. *Sân vườn*

3.4. Các hình thức bố cục mặt bằng

- 3.4.1. *Phương pháp thiết kế mặt bằng*
- 3.4.2. *Số tầng Biệt thự và thiết kế mặt bằng*
- 3.4.3. *Thủ pháp thiết kế mặt bằng*
- 3.4.4. *Bố cục đồ nội thất*
- 3.4.5. *Phương thức mở cửa*

Chương 4: Phong cách thiết kế nhà ở biệt thự điển hình

(Số tiết: 01, Lý thuyết: 01; bài tập: 0; đồ án: 0)

4.1. Phong cách cổ điển

4.2. Phong cách chủ nghĩa hiện đại

- 4.2.1. *Chủ nghĩa hiện đại*
- 4.2.2. *Hậu kỳ phong cách hiện đại*

4.3. Phong cách tự nhiên

4.4. Phong cách công nghệ cao

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	CHƯƠNG I: TỔNG QUAN NHÀ Ở BIỆT THỰ		
1.1	Định nghĩa và đặc điểm nhà ở Biệt thự	Thuyết trình + hỏi đáp	
1.1.1	<i>Định nghĩa nhà ở Biệt thự</i>	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính
1.1.2	<i>Đặc điểm nhà ở Biệt thự</i>	Thuyết trình + hỏi đáp	
1.2	Nguyên tắc và những điểm khó trong thiết kế nhà ở Biệt thự	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính
1.3	Những bước cơ bản thiết kế nhà ở Biệt thự	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính
1.3.1	<i>Phân tích những điều kiện cơ bản</i>	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính
1.3.2	<i>Phân tích những điều kiện động</i>		
1.3.3	<i>Phân khu công năng trong nội thất nhà ở biệt thự</i>		

1.3.4	<i>Xây dựng ý tưởng và phác thảo</i>		
1.3.5	<i>Xây dựng hệ thống bản vẽ thi công và phối cảnh</i>		
2	CHƯƠNG II: PHÂN LOẠI NHÀ Ở BIỆT THỰ		
2.1	Phân theo loại hình kiến trúc		
2.1.1	<i>Biệt thự độc lập (Detached house)</i>	Thuyết trình + hỏi đáp + Nào công	Máy chiếu, máy tính, giấy A4, bút dạ
2.1.2	<i>Biệt thự nối tiếp (Townhouse)</i>		
2.1.3	<i>Biệt thự đôi (Twofamilyhouse; Semi-detached house)</i>		
2.1.4	<i>Biệt thự tầng (Townhouse)</i>		
2.1.5	<i>Biệt thự trên cao (Penthouse)</i>		
2.2	Phân theo kết cấu kiến trúc		
2.2.1	<i>Biệt thự kết cấu gỗ</i>	Thuyết trình + hỏi đáp + Nào công	Máy chiếu, máy tính, giấy A4, bút dạ
2.2.2	<i>Biệt thự kết cấu bê tông cốt thép</i>		
2.2.3	<i>Biệt thự kết cấu sắt</i>		
2.2.4	<i>Biệt thự kết cấu gạch</i>		
2.3	Phân theo phong cách kiến trúc		
2.3.1	<i>Biệt thự phong cách kiểu châu Âu</i>	Thuyết trình + hỏi đáp + Nào công	Máy chiếu, máy tính, giấy A4, bút dạ
2.3.2	<i>Biệt thự phong cách kiểu Mỹ</i>		
2.3.3	<i>Biệt thự phong cách kiểu Tây Ban Nha</i>		
2.3.4	<i>Biệt thự phong cách Phương Đông</i>		
2.4	Phân theo công năng sử dụng		
2.4.1	<i>Biệt thự dạng thành thị</i>	Thuyết trình + hỏi đáp + Nào công	Máy chiếu, máy tính, giấy A4, bút dạ
2.4.2	<i>Biệt thự dạng cho thuê</i>		
2.4.3	<i>Biệt thự dạng kinh doanh</i>		
2.4.4	<i>Biệt thự dạng thương mại</i>		
2.5	Phân theo đặc trưng cảnh quan	Thuyết trình + hỏi đáp + Nào công	Máy chiếu, máy tính, giấy A4, bút dạ
2.5.1	<i>Biệt thự núi</i>	Thuyết trình + hỏi đáp + Nào công	Máy chiếu, máy tính, giấy A4, bút dạ
2.5.2	<i>Biệt thự nước</i>		
2.5.3	<i>Biệt thự sân Golf</i>		
3	CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ MẶT BẰNG NỘI THẤT NHÀ Ở BIỆT THỰ		
3.1	Nguyên tắc thiết kế mặt bằng nhà ở Biệt thự		
3.1.1	<i>Tổ chức hợp lý không gian công năng</i>	Thuyết trình + Nào công + thực hành	Máy chiếu, máy tính
3.1.2	<i>Tổ chức giao thông hiệu quả</i>		
3.2	Phân tích các yếu tố không gian cơ bản		

3.2.1	<i>Không gian sinh hoạt</i>	Thuyết trình + Não công + thực hành	Máy chiếu, máy tính
3.2.2	<i>Không gian giao thông</i>		
3.2.3	<i>Không gian phòng ngủ</i>		
3.2.4	<i>Không gian phụ trợ</i>		
3.2.5	<i>Sân vườn</i>		
3.3	Các hình thức bố cục mặt bằng		
3.3.1	<i>Phương pháp thiết kế mặt bằng</i>	Thuyết trình + Não công + thực hành	Máy chiếu, máy tính
3.3.2	<i>Số tầng Biệt thự và thiết kế mặt bằng</i>		
3.3.3	<i>Thủ pháp thiết kế mặt bằng</i>		
3.4	Một số tiêu tiết trong bố trí mặt bằng		
3.4.1	<i>Bố cục đồ nội thất</i>	Thuyết trình + Não công + thực hành	Máy chiếu, máy tính
3.4.2	<i>Phương thức mở cửa</i>		
4	CHƯƠNG 4: TỔ CHỨC KHÔNG GIAN NHÀ Ở BIỆT THỰ		
4.1	Không gian nội thất		
4.1.1	<i>Khái niệm không gian</i>	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính
4.1.2	<i>Ảnh hưởng của không gian</i>	Thuyết trình + hỏi đáp + Não công	
4.2	Thứ tự không gian nội thất		
4.2.1	<i>Khái niệm thứ tự không gian</i>	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính
4.2.2	<i>Thiết kế thứ tự không gian</i>	Thuyết trình + hỏi đáp + Não công	Máy chiếu, máy tính
5	CHƯƠNG 5: PHONG CÁCH THIẾT KẾ NHÀ Ở BIỆT THỰ ĐIỂN HÌNH		
5.1	Phong cách cổ điển	Thuyết trình + hỏi đáp+Não công	Máy chiếu, máy tính
5.2	Phong cách chủ nghĩa hiện đại		
5.3	Phong cách tự nhiên		
5.4	Phong cách công nghệ cao		
6	ĐỒ ÁN (15 TIẾT)		
	Thiết kế nhà ở biệt thự cụ thể trên mặt bằng cho sẵn	Thị phạm + thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn , máy chiếu, máy tính

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học
- Điềm danh, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy
- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết.
- Tham dự tối thiểu 100% số giờ đồ án
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	8%	CĐR 1-6
2	Điểm đồ án	Thiết kế nhà ở biệt thự cụ thể trên mặt bằng cho sẵn	24%	CĐR 1 - 7
3	Điểm thi giữa kỳ	Thuyết trình bố trí nội thất và phong cách thiết kế nhà ở biệt thự cụ thể trên mặt bằng cho sẵn	8%	CĐR 3 - 6
II	Điểm thi cuối kỳ	Vấn đáp	60%	CĐR 1 - 7

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. Đánh giá kết quả điểm chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	

Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Thuyết trình xuất sắc. Trình bày đúng trình tự, có logic.	Thuyết trình tốt. Trình bày đúng yêu cầu	Thuyết trình đạt yêu cầu	Câu trả lời, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả đồ án

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Đồ án	30	Đủ số bài đồ án được giao, hình thức sạch đẹp. Đúng hạn	Đủ số lượng bài đồ án. Đúng hạn	Đủ bài đồ án nhưng nộp trễ hoặc thiếu 10% bài tập	Dưới 80% bài đồ án. Bài tập do người khác thực hiện	
Nội dung	70	Đúng trên 90% yêu cầu	Đúng 70 - 90% yêu cầu	Đúng 40 - 70% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm đúng dưới 40%. Nội dung kiến thức không	

					đạt yêu cầu.	
Điểm tổng						

11.3.4. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung đồ án	90	Trả lời đúng câu hỏi và Đồ án đạt yêu cầu trên 90%	Trả lời đúng câu hỏi và Đồ án đạt yêu cầu 70-90%	Trả lời đúng câu hỏi và Đồ án đạt yêu cầu 50-69%	Trả lời câu hỏi và Đồ án đạt yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

1. Bài giảng “Thiết kế nội thất nhà ở biệt thự” (Giảng viên cung cấp).

12.2. Tài liệu tham khảo

- Tạ Trường Xuân (2010). Nguyên lý thiết kế kiến trúc. NXB Xây dựng.
- Đặng Thái Hoàng (2010). Kiến trúc nhà ở (tái bản). NXB Xây dựng.

HỌC PHẦN: THIẾT KẾ NỘI THẤT CÔNG TRÌNH THƯƠNG NGHIỆP

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Thiết kế nội thất công trình thương nghiệp

Tên học phần tiếng Anh: Interior Design for Commercial Engineering

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 2

Lý thuyết	: 15 tiết
Đồ án	: 15 tiết
Bài tập	: 0 tiết
Thực hành/thực tập	: 0 tiết

Tự học : 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Cung cấp các kiến thức cơ bản về thiết kế không gian nội thất công trình thương nghiệp; Tổ chức và xử lý không gian nội thất công trình thương nghiệp theo đặc điểm công năng.

4.2. Kỹ năng: Áp dụng các kiến thức cơ bản để thiết kế và trình bày ý tưởng thể hiện đồ án, xây dựng hồ sơ thi công công trình thương nghiệp.

4.3. Thái độ: Giúp người học có thái độ làm việc tích cực, nghiêm túc; có được tư duy thiết kế nội thất khoa học và logic đáp ứng nhu cầu xã hội.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về phân loại, đặc điểm của công trình thương nghiệp, nguyên tắc thiết kế, cách thức tổ chức và xử lý không gian theo đặc điểm công năng đáp ứng nhu cầu về an toàn và sử dụng.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR1	Nhớ được các loại hình, đặc điểm và phân loại công trình thương nghiệp
CDR2	Nhớ được nguyên tắc thiết kế, cách thức tổ chức không gian công trình thương nghiệp
Về kỹ năng	
CDR3	Áp dụng các yêu cầu và đặc điểm của không gian công năng trong tổ chức không gian nội thất công trình công nghiệp
CDR4	Áp dụng được nguyên tắc thiết kế để xây dựng hồ sơ thiết kế
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR5	Phân tích và đánh giá được tính khoa học và logic trong thiết kế

	và tổ chức không gian nội thất thương nghiệp
CDR 6	Hiểu trách nhiệm của bản thân trong quá trình làm việc độc lập và làm việc nhóm

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Đồ án	Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	Tổng quan về thiết kế nội thất công trình thương nghiệp	2					CDR 1
2	Đặc điểm cơ bản của công trình thương nghiệp	11	12				CDR 1 CDR 3
3	Nguyên tắc cơ bản trong thiết kế nội thất công trình thương nghiệp	2	3				CDR 2 CDR 4

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

Tổng quan về thiết kế nội thất công trình thương nghiệp

(Số tiết: 02, lý thuyết: 02, bài tập 0)

- 1.1. Khái quát về công trình thương nghiệp
- 1.2. Các yếu tố cơ bản của công trình thương nghiệp
- 1.3. Yêu cầu công trình thương nghiệp
- 1.4. Phân loại công trình thương nghiệp

Chương 2

Đặc điểm cơ bản của công trình thương nghiệp

(Số tiết: 23, lý thuyết: 11, đồ án: 12)

- 2.1. Hành vi hoạt động mua bán của con người
- 2.2. Công năng sử dụng
- 2.3. Bộ cục không gian

2.4. Tạo hình không gian

Chương 3

Nguyên tắc cơ bản trong thiết kế nội thất công trình thương nghiệp

(Số tiết: 05, lý thuyết: 02, đồ án: 03)

3.1. Đáp ứng nhu cầu trưng bày và mua bán hàng hóa

3.2. Hình tượng không gian tạo ra lực hấp dẫn khách hàng

3.3. Kiến tạo môi trường mua bán hàng hóa

3.4. Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và an toàn trong quá trình sử dụng

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	Tổng quan về thiết kế nội thất công trình thương nghiệp		
1.1	<i>Khái quát về công trình thương nghiệp</i>	Thuyết trình	Máy chiếu, máy tính, bảng phấn
1.2	<i>Các yếu tố cơ bản của công trình thương nghiệp</i>		
1.3	<i>Yêu cầu công trình thương nghiệp</i>		
1.4	<i>Phân loại công trình thương nghiệp</i>		
2	Đặc điểm cơ bản của công trình thương nghiệp		
2.1	<i>Hành vi hoạt động mua bán của con người</i>	Thuyết trình + thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng phấn
2.2	<i>Công năng sử dụng</i>		
2.3	<i>Bố cục không gian</i>	Thuyết trình + thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng phấn
2.4	<i>Tạo hình không gian</i>		
3	Nguyên tắc cơ bản trong thiết kế nội thất công trình thương nghiệp		
3.2	<i>Hình tượng không gian tạo ra lực hấp dẫn khách hàng</i>	Thuyết trình + thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng phấn
3.3	<i>Kiến tạo môi trường mua bán hàng hóa</i>	Thuyết trình + thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng phấn
3.4	<i>Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và an toàn trong quá trình sử dụng</i>	Thuyết trình + thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng phấn

4	Đồ án		
4.1	<i>Phần mở đầu</i>	Thuyết trình + thực hành	Máy chiếu, máy tính
4.1.1	<i>Các căn cứ thiết kế</i>		
4.1.2	<i>Lý do và sự cần thiết của công trình</i>		
4.1.3	<i>Mục tiêu của đồ án</i>		
4.1.4	<i>Nhiệm vụ của đồ án</i>		
4.1.5	<i>Quy mô công trình</i>		
4.1.6	<i>Yêu cầu thiết kế</i>		
4.1.7	<i>Ý tưởng thiết kế</i>		
4.2	<i>Hiện trạng công trình</i>		
4.2.1	<i>Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên môi trường</i>		
4.2.2	<i>Thu thập thông tin</i>		
4.2.3	<i>Phân tích đặc điểm hiện trạng</i>		
4.2.4	<i>Đánh giá hiện trạng</i>		
4.3	<i>Thiết kế</i>		
4.3.1	<i>Xây dựng và lựa chọn phương án thiết kế</i>		
4.3.2	<i>Xây dựng hệ thống bản vẽ kỹ thuật</i>		
4.3.3	<i>Thuyết minh thiết kế</i>		
4.4	<i>Lập dự toán công trình</i>		

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học
- Điềm danh, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy
- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. *Cách đánh giá:*

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	2	CĐR 1 - 6
2	Đồ án	Xây dựng hồ sơ thiết kế công trình thương nghiệp trên mặt bằng thực tế có sẵn	6	CĐR 2 - 5
3	Điểm thi giữa kỳ	Thuyết trình về tổ chức không gian nội thất thương nghiệp	2	CĐR 2 CĐR 3
II	Điểm thi cuối kỳ	Vấn đáp	10	CĐR 1 - 6

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. *Đánh giá kết quả điểm chuyên cần*

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. *Đánh giá kết quả kiểm tra giữa kỳ*

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	

Hình thức	10	Thuyết trình xuất sắc. Trình bày đúng trình tự, có logic.	Thuyết trình tốt. Trình bày đúng yêu cầu	Thuyết trình đạt yêu cầu	Cầu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả đồ án

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Đồ án	30	Đủ số bài đồ án được giao, hình thức sạch đẹp. Đúng hạn	Đủ số lượng bài đồ án. Đúng hạn	Đủ bài đồ án nhưng nộp trễ hoặc thiếu 10% bài tập	Dưới 80% bài đồ án. Bài tập do người khác thực hiện	
Nội dung	70	Đúng trên 90% yêu cầu	Đúng 70 - 90% yêu cầu	Đúng 40 - 70% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm đúng dưới 40%. Nội dung kiến thức không đạt yêu cầu	
Điểm tổng						

11.3.4. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung đồ án	90	Trả lời đúng câu hỏi và đồ án đạt yêu cầu trên 90%	Trả lời đúng câu hỏi và đồ án đạt yêu cầu 70-90%	Trả lời câu hỏi và đồ án đạt yêu cầu 50-69%	Trả lời câu hỏi và đồ án đạt yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cầu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

1. Bài giảng môn học “Thiết kế nội thất công trình thương nghiệp” (Giảng viên cung cấp).

12.2. Tài liệu tham khảo

[1] Vũ Duy Cừ. *Thiết kế không gian kiến trúc các loại nhà công cộng* – Nhà xuất bản xây dựng, Hà Nội 2003

[2] Tạ Trường Xuân. *Nguyên lý thiết kế nhà công cộng* – Nhà xuất bản xây dựng, Hà Nội 2002

HỌC PHẦN: THIẾT KẾ NỘI THẤT CÔNG TRÌNH CÔNG SỞ

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Thiết kế nội thất công trình công sở

Tên học phần tiếng Anh: Office Interior Design

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 2

Lý thuyết : 15 tiết

Đồ án : 15 tiết

Bài tập : 0 tiết

Thực hành/thực tập : 0 tiết

Tự học : 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Cung cấp các kiến thức cơ bản về thiết kế không gian nội thất công trình công sở; cách thức tổ chức và xử lý không gian nội thất công trình công sở theo đặc điểm công năng.

4.2. Kỹ năng: Áp dụng các kiến thức cơ bản để thiết kế và trình bày ý tưởng thể hiện đồ án, xây dựng hồ sơ thi công công trình công sở.

4.3. Thái độ: Giúp người học có thái độ làm việc tích cực, nghiêm túc, tính tương trợ trong quá trình làm việc nhóm.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về các loại hình, yêu cầu của công trình công sở; cách thức thiết kế, tổ chức và xử lý không gian nội thất công trình công sở.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR1	Nhớ được các loại hình và yêu cầu thiết kế công trình công sở
CDR2	Nhớ được đặc điểm, nguyên tắc thiết kế, cách thức tổ chức không gian công trình công sở
Về kỹ năng	
CDR3	Áp dụng các yêu cầu và đặc điểm của không gian công năng trong tổ chức không gian nội thất công trình công sở
CDR4	Áp dụng được nguyên tắc thiết kế để xây dựng hồ sơ thiết kế
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR5	Phân tích và đánh giá được tính khoa học và logic trong thiết kế và tổ chức không gian nội thất công sở
CDR 6	Hiểu trách nhiệm của bản thân trong quá trình làm việc độc lập và làm việc nhóm

(Nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Đồ án	Bài tập	Thực hành, thực tập		
1	Tổng quan về thiết kế nội thất công trình công sở	6					CDR 1
2	Đặc điểm và nguyên tắc cơ bản trong thiết kế nội thất công trình	7	2				CDR 2 CDR 3 CDR 4

	công sở						
3	Thiết kế không gian nội thất công trình công sở	2	13				CĐR 3 CĐR 4

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

Tổng quan về thiết kế nội thất công trình công sở

(Số tiết: 06, lý thuyết: 06, bài tập: 0)

1.1. Khái quát về công trình công sở

1.2. Các loại hình không gian nội thất trong công trình công sở

1.2.1. Loại hình công sở dạng cảnh quan

1.2.2. Loại hình công sở dạng thông minh

1.3. Yêu cầu công trình công sở

1.4. Xu thế phát triển của loại hình công trình công sở

Chương 2

Đặc điểm và nguyên tắc cơ bản trong thiết kế nội thất công trình công sở

(Số tiết: 09, lý thuyết: 07; đồ án: 02; bài tập: 0)

2.1. Đặc điểm cơ bản của nội thất công trình công sở

2.1.1. Công năng sử dụng

2.1.2. Bố cục không gian

2.1.3. Tổ chức không gian

2.1.4. Môi trường tâm lý và vật lý

2.2. Nguyên tắc thiết kế nội thất công trình công sở

Chương 3

Thiết kế không gian nội thất công trình công sở

(Số tiết: 15, lý thuyết: 02; đồ án: 13; bài tập: 0)

3.1. Phòng làm việc

3.1.1 Yêu cầu thiết kế

3.1.2. Bố trí không gian

3.1.3. Xử lý mặt phân cách

3.1.4. Môi trường tâm lý và vật lý nội thất

3.2. Phòng họp

3.2.1 Yêu cầu thiết kế

3.2.2. Bố trí không gian

3.2.3. Xử lý mặt phân cách

3.2.4. Môi trường tâm lý và vật lý nội thất

3.3. Một số không gian khác

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	Chương 1. Tổng quan về thiết kế nội thất công trình công sở		
1.1	<i>Khái quát về công trình công sở</i>	Thuyết trình	Máy chiếu, máy tính, bảng phấn
1.2	<i>Các loại hình không gian nội thất trong công trình công sở</i>		
1.2.1	<i>Loại hình công sở dạng cảnh quan</i>		
1.2.2	<i>Loại hình công sở dạng thông minh</i>		
1.3	<i>Yêu cầu công trình công sở</i>		
1.4	<i>Xu thế phát triển của loại hình công trình công sở</i>		
2	Chương 2. Đặc điểm và nguyên tắc cơ bản trong thiết kế nội thất công trình công sở		
2.1	<i>Đặc điểm cơ bản của nội thất công trình công sở</i>	Thuyết trình + thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng phấn
2.1.1	<i>Công năng sử dụng</i>		
2.1.2	<i>Bố cục không gian</i>		
2.1.3	<i>Tổ chức không gian</i>		
2.1.4	<i>Môi trường tâm lý và vật lý</i>		
2.2	<i>Nguyên tắc thiết kế nội thất công trình công sở</i>		
3	Chương 3. Thiết kế không gian nội thất công trình công sở		

3.1	<i>Phòng làm việc</i>	Thuyết trình + thực hành	Máy chiếu, máy tính
3.1.1	<i>Yêu cầu thiết kế</i>		
3.1.2	<i>Bố trí không gian</i>		
3.1.3	<i>Xử lý mặt phân cách</i>		
3.1.4	<i>Môi trường tâm lý và vật lý nội thất</i>		
3.2	<i>Phòng họp</i>		
3.2.1	<i>Yêu cầu thiết kế</i>	Thuyết trình + thực hành	Máy chiếu, máy tính
3.2.2	<i>Bố trí không gian</i>		
3.2.3	<i>Xử lý mặt phân cách</i>		
3.2.4	<i>Môi trường tâm lý và vật lý nội thất</i>		
3.3.	<i>Một số không gian khác</i>		
4	Đồ án		
4.1	<i>Phân mở đầu</i>	Thuyết trình + thực hành	Máy chiếu, máy tính
4.1.1	<i>Các căn cứ thiết kế</i>		
4.1.2	<i>Lý do và sự cần thiết của công trình</i>		
4.1.3	<i>Mục tiêu của đồ án</i>		
4.1.4	<i>Nhiệm vụ của đồ án</i>		
4.1.5	<i>Quy mô công trình</i>		
4.1.6	<i>Yêu cầu thiết kế</i>		
4.1.7	<i>Ý tưởng thiết kế</i>		
4.2	<i>Hiện trạng công trình</i>		
4.2.1	<i>Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên môi trường</i>		
4.2.2	<i>Thu thập thông tin</i>		
4.2.3	<i>Phân tích đặc điểm hiện trạng</i>		
4.2.4	<i>Đánh giá hiện trạng</i>		
4.3	<i>Thiết kế</i>		
4.3.1	<i>Xây dựng và lựa chọn phương án thiết kế</i>		
4.3.2	<i>Xây dựng hệ thống bản vẽ kỹ thuật</i>		
4.3.3	<i>Thuyết minh thiết kế</i>		
4.4	<i>Lập dự toán công trình</i>		

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học
- Điểm danh, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy
- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	8%	CĐR 1 - 6
2	Đồ án	Xây dựng hồ sơ thiết kế công trình công sở trên mặt bằng thực tế có sẵn	24%	CĐR 4
3	Điểm thi giữa kỳ	Thuyết trình về tổ chức không gian nội thất công sở	8%	CĐR 2 CĐR 3
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi vấn đáp	60%	CĐR 1 - 6

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. Đánh giá kết quả điểm chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	

Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Thuyết trình xuất sắc. Trình bày đúng trình tự, có logic.	Thuyết trình tốt. Trình bày đúng yêu cầu	Thuyết trình đạt yêu cầu	Câu trả lời, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả đồ án

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Đồ án	30	Đủ số bài đồ án được giao, hình thức sạch đẹp. Đúng hạn	Đủ số lượng bài đồ án. Đúng hạn	Đủ bài đồ án nhưng nộp trễ hoặc thiếu 10% bài tập	Dưới 80% bài đồ án. Bài tập do người khác thực hiện	

Nội dung	70	Đúng trên 90% yêu cầu	Đúng 70 - 90% yêu cầu	Đúng 40 - 70% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm đúng dưới 40%. Nội dung kiến thức không đạt yêu cầu.	
Điểm tổng						

11.3.4. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung đề án	90	Trả lời đúng câu hỏi và đề án đạt yêu cầu trên 90%	Trả lời đúng câu hỏi và đề án đạt yêu cầu 70-90%	Trả lời câu hỏi và đề án đạt yêu cầu 50-69%	Trả lời câu hỏi và đề án đạt yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

1. Bài giảng “*Thiết kế nội thất công trình công sở*” (Giảng viên cung cấp).

12.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Vũ Duy Cừ (2003). *Thiết kế không gian kiến trúc các loại nhà công cộng*, NXB Xây dựng.

[2]. Tạ Trường Xuân (2002). *Nguyên lý thiết kế nhà công cộng*. NXB Xây dựng

HỌC PHẦN: THIẾT KẾ NỘI THẤT CÔNG TRÌNH KHÁCH SẠN

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Thiết kế nội thất công trình khách sạn

Tên học phần tiếng Anh: Hotel Interior Design

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 2

Lý thuyết : 15 tiết

Đồ án : 15 tiết

Bài tập : 0 tiết

Thực hành/thực tập : 0 tiết

Tự học : 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Cung cấp các kiến thức cơ bản về thiết kế không gian nội thất khách sạn; các tiêu chuẩn và nguyên tắc thiết kế khách sạn; cách thức tổ chức và xử lý không gian nội thất khách sạn.

4.2. Kỹ năng: Áp dụng các kiến thức cơ bản để thiết kế ý tưởng, xây dựng hồ sơ thi công công trình nội thất khách sạn.

4.3. Thái độ: Giúp người học có thái độ làm việc tích cực, nghiêm túc, tính tương trợ trong quá trình làm việc nhóm.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần *(khoảng 150 từ)*

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về đặc điểm, phân loại và phong cách thiết kế nội thất khách sạn; Các tiêu chuẩn và nguyên tắc thiết kế nội thất các không gian trong khách sạn; Các yếu tố kỹ thuật và cách thức tổ chức phân chia không gian công năng trong thiết kế nội thất khách sạn.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
--------	-----------------------

Về kiến thức	
CĐR1	Nhớ được các loại hình, đặc điểm, phân loại và phong cách thiết kế công trình nội thất khách sạn
CĐR2	Nhớ được các tiêu chuẩn, nguyên tắc thiết kế, cách thức tổ chức không gian nội thất khách sạn
CĐR3	Hiểu được các yếu tố kỹ thuật ảnh hưởng đến thiết kế nội thất khách sạn
Về kỹ năng	
CĐR4	Áp dụng các yêu cầu và đặc điểm của không gian công năng trong tổ chức không gian nội thất khách sạn
CĐR5	Phân tích được ảnh hưởng của các yếu tố kỹ thuật để tổ chức không gian nội thất khách sạn hợp lý
CĐR6	Áp dụng được các tiêu chuẩn và nguyên tắc thiết kế khách sạn để xây dựng hồ sơ thiết kế
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR7	Phân tích và đánh giá được tính khoa học và logic trong thiết kế và tổ chức không gian nội thất khách sạn
CĐR 8	Hiểu trách nhiệm của bản thân trong quá trình làm việc độc lập và làm việc nhóm

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Đồ án	Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	Tổng quan thiết kế nội thất khách sạn	3					CĐR 1
2	Các tiêu chuẩn thiết kế khách sạn	3					CĐR 2 CĐR 6
3	Các yếu tố kỹ thuật trong thiết kế nội thất khách sạn	4	5				CĐR 3 CĐR 5
4	Thiết kế các không	5	10				CĐR 4 CĐR 5

	gian nội thất khách sạn						CĐR 6
--	-------------------------	--	--	--	--	--	-------

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Tổng quan thiết kế nội thất khách sạn

(Số tiết: 03, lý thuyết: 03, bài tập: 0)

- 1.1. Phong cách thiết kế nội thất khách sạn qua các giai đoạn
- 1.2. Khái quát về thiết kế nội thất khách sạn
- 1.3. Đặc điểm của khách sạn
- 1.4. Phân loại khách sạn
- 1.5. Xu hướng thiết kế khách sạn trong tương lai

Chương 2. Các tiêu chuẩn thiết kế khách sạn

(Số tiết: 03, lý thuyết: 03, bài tập: 0)

- 2.1. Tổng quan về các tiêu chuẩn trong thiết kế nội thất
- 2.2. Đặc điểm và nguyên tắc thiết kế nội thất dựa trên các tiêu chuẩn khách sạn
- 2.3. Các tiêu chuẩn cụ thể mới nhất về thiết kế khách sạn
- 2.4. Các yếu tố khác cần quan tâm trong thiết kế khách sạn

Chương 3. Các yếu tố kỹ thuật trong thiết kế nội thất khách sạn

(Số tiết: 09, lý thuyết: 04, đồ án: 05)

- 3.1. Sử dụng vật liệu
- 3.2. Các yếu tố kỹ thuật về ánh sáng
- 3.3. Thông gió và các vấn đề liên quan
- 3.4. Công năng lưu trú và sinh hoạt trong khách sạn
- 3.5. Hệ thống an toàn điện, cháy nổ, thoát hiểm
- 3.6. Ký hiệu và chỉ dẫn trong khách sạn
- 3.7. Cây xanh và ứng dụng

Chương 4. Thiết kế các không gian nội thất khách sạn

(Số tiết: 15, lý thuyết: 05, đồ án: 10)

- 4.1. Sảnh
- 4.2. Khu vực tiếp tân
- 4.3. Cầu thang, thang máy
- 4.4. Massage
- 4.5. Phòng nghỉ khách sạn

- 4.6. Phòng vip
- 4.7. Bể bơi
- 4.8. Bãi đỗ xe
- 4.9. Khu nấu ăn
- 4.10. Vệ sinh chung
- 4.11. Khu vực cho nhân viên, kho bãi

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	Chương 1. Tổng quan thiết kế nội thất khách sạn		
1.1.	<i>Phong cách thiết kế nội thất khách sạn qua các giai đoạn</i>	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng phấn
1.2.	<i>Khái quát về thiết kế nội thất khách sạn</i>		
1.3.	<i>Đặc điểm của khách sạn</i>		
1.4.	<i>Phân loại khách sạn</i>		
1.5.	<i>Xu hướng thiết kế khách sạn trong tương lai</i>		
2	Chương 2. Các tiêu chuẩn thiết kế khách sạn		
2.1.	<i>Tổng quan về các tiêu chuẩn trong thiết kế nội thất</i>	Thuyết trình + hỏi đáp + thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng phấn
2.2.	<i>Đặc điểm và nguyên tắc thiết kế nội thất dựa trên các tiêu chuẩn khách sạn</i>		
2.3.	<i>Các tiêu chuẩn cụ thể mới nhất về thiết kế khách sạn</i>		
2.4.	<i>Các yếu tố khác cần quan tâm trong thiết kế khách sạn</i>		
3	Chương 3. Các yếu tố kỹ thuật trong thiết kế nội thất khách sạn		
3.1.	Sử dụng vật liệu	Thuyết trình + hỏi đáp + thực hành	Máy chiếu, máy tính
3.2.	Các yếu tố kỹ thuật về ánh sáng		

3.3.	Thông gió và các vấn đề liên quan		
3.4.	Công năng lưu trú và sinh hoạt trong khách sạn		
3.5.	Hệ thống an toàn điện, cháy nổ, thoát hiểm		
3.6.	Ký hiệu và chỉ dẫn trong khách sạn		
3.7.	Cây xanh và ứng dụng		
4	Chương 4. Thiết kế các không gian nội thất khách sạn		
4.1.	<i>Sảnh</i>	Thuyết trình + thực hành	Máy chiếu, máy tính
4.2.	<i>Khu vực tiếp tân</i>		
4.3.	<i>Cầu thang, thang máy</i>		
4.4.	<i>Phòng Massage</i>		
4.5.	<i>Phòng nghỉ khách sạn</i>		
4.6.	<i>Phòng vip</i>		
4.7.	<i>Bể bơi</i>		
4.8.	<i>Bãi để xe</i>		
4.9.	<i>Khu nấu ăn</i>		
4.10.	<i>Vệ sinh chung</i>		
4.11.	<i>Khu vực cho nhân viên, kho bãi</i>		

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học
- Điểm danh, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy
- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. *Cách đánh giá:*

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	2	CĐR 1 - 7
2	Đồ án	Xây dựng hồ sơ thiết kế công trình nội thất khách sạn trên mặt bằng thực tế có sẵn	6	CĐR 2 - 6
3	Điểm thi giữa kỳ	Thuyết trình về tiêu chuẩn thiết kế nội thất khách sạn	2	CĐR 2 CĐR 6
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi vấn đáp	60%	CĐR 1 - 7

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. *Đánh giá kết quả điểm chuyên cần*

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. *Đánh giá kết quả kiểm tra giữa kỳ*

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	

Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Thuyết trình xuất sắc. Trình bày đúng trình tự, có logic.	Thuyết trình tốt. Trình bày đúng yêu cầu	Thuyết trình đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả đồ án

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Đồ án	30	Đủ số bài đồ án được giao, hình thức sạch đẹp. Đúng hạn	Đủ số lượng bài đồ án. Đúng hạn	Đủ bài đồ án nhưng nộp trễ hoặc thiếu 10% bài tập	Dưới 80% bài đồ án. Bài tập do người khác thực hiện	
Nội dung	70	Đúng trên 90% yêu cầu	Đúng 70 - 90% yêu cầu	Đúng 40 - 70% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm đúng dưới 40%. Nội dung kiến thức không đạt yêu cầu.	
Điểm tổng						

11.3.4. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	

Nội dung đồ án	90	Trả lời đúng câu hỏi và đề án đạt yêu cầu trên 90%	Trả lời đúng câu hỏi và đề án đạt yêu cầu 70- 90%	Trả lời câu hỏi và đề án đạt yêu cầu 50- 69%	Trả lời câu hỏi và đề án đạt yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

1. Bài giảng môn học “Thiết kế nội thất công trình khách sạn” (Giảng viên cung cấp).

12.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Vũ Duy Cừ (2003). *Thiết kế không gian kiến trúc các loại nhà công cộng*, NXB Xây dựng.

[2]. Tạ Trường Xuân (2002). *Nguyên lý thiết kế nhà công cộng*. NXB Xây dựng

HỌC PHẦN: THIẾT KẾ NỘI THẤT CÔNG TRÌNH VUI CHƠI GIẢI TRÍ

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

+ Tên tiếng Việt: **Thiết kế nội thất công trình vui chơi giải trí**

+ Tên tiếng Anh: **Inrterior Design for Entertainment Engineering**

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 02

Lý thuyết : 15 tiết

Đồ án : 15 tiết

Thảo luận : 0 tiết

Thực hành/thực tập : 0 tiết

Tự học : 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1 Về kiến thức: Sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản về thiết kế không gian nội thất công trình vui chơi giải trí; Hiểu và áp dụng vào tổ chức và xử lý không gian nội thất công trình vui chơi giải trí theo đặc điểm công năng một cách hiệu quả.

4.2 Về kỹ năng: Sinh viên áp dụng được các kỹ năng vào thiết kế và trình bày ý tưởng thể hiện đồ án, từng bước hoàn thiện năng lực thiết kế công trình vui chơi giải trí thông qua công trình hay dự án cụ thể.

4.3 Về thái độ: Sinh viên có được thái độ làm việc tích cực, nghiêm túc; có được tư duy thiết kế nội thất khoa học và logic đáp ứng nhu cầu xã hội.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản trong thiết kế nội thất công trình vui chơi giải trí về cách thức thiết kế, tổ chức và xử lý không gian theo đặc điểm công năng, giúp người học sáng tạo được những phương án thiết kế phù hợp, đáp ứng các yêu cầu thiết kế.

Môn học hướng dẫn sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết đã học, tuân theo các trình tự trong quá trình thiết kế hoàn chỉnh một mô hình không gian nội thất công trình vui chơi giải trí đáp ứng các yêu cầu thiết kế và phù hợp với hiện trạng kiến trúc công trình.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR1	Nhớ được các loại hình và yêu cầu thiết kế công trình vui chơi giải trí
CDR2	Hiểu được các đặc điểm về bố cục, công năng, màu sắc, ánh sáng, tạo hình, âm thanh trong thiết kế công trình vui chơi giải trí
CDR3	Nhớ được các nguyên tắc cơ bản trong thiết kế công trình vui chơi, giải trí
Về kỹ năng	
CDR4	Áp dụng được yêu cầu và đặc điểm thiết kế trong thiết kế không

	gian nội thất công trình vui chơi, giải trí để bố trí phân khu công năng hợp lý
CĐR5	Áp dụng được nguyên tắc cơ bản trong thiết kế để thực hiện các bản vẽ nội thất công trình vui chơi, giải trí
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR6	Hiểu được giá trị của tính cân trọng, sự chuẩn xác trong hoạt động thiết kế nội thất công trình vui chơi, giải trí
CĐR 7	Hiểu trách nhiệm của bản thân trong quá trình học tập và sáng tạo trong làm việc nhóm

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Bài tập lớn/đồ án	Bài tập/ Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	Tổng quan về thiết kế nội thất công trình vui chơi giải trí	2					CĐR 1 CĐR 4
2	Đặc điểm cơ bản của công trình vui chơi giải trí	11	2				CĐR 2 CĐR 4
3	Nguyên tắc cơ bản trong thiết kế nội thất công trình vui chơi giải trí	2	13				CĐR 3 CĐR 5

8. Nội dung chi tiết môn học:

Chương 1

Tổng quan về thiết kế nội thất công trình vui chơi giải trí

(Số tiết: 02, lý thuyết: 02)

- 1.1. Khái quát về công trình vui chơi giải trí
- 1.2. Các loại hình công trình vui chơi giải trí
- 1.3. Yêu cầu công trình vui chơi giải trí
- 1.4. Xu thế phát triển của loại hình công trình vui chơi giải trí

Chương 2

Đặc điểm cơ bản của công trình vui chơi giải trí

(Số tiết: 13, lý thuyết: 11; đồ án: 02)

- 2.1. Công năng sử dụng
- 2.2. Bố cục không gian
- 2.3. Tạo hình không gian
- 2.4. Màu sắc và vật liệu
- 2.5. Âm thanh và ánh sáng

Chương 3

Nguyên tắc cơ bản trong thiết kế nội thất công trình vui chơi giải trí

(Số tiết: 15, lý thuyết: 02; đồ án: 13)

- 3.1. Đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí của khách hàng
- 3.2. Hình tượng không gian tạo ra lực hấp dẫn khách hàng
- 3.3. Kiến tạo môi trường vui chơi giải trí
- 3.4. Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và an toàn trong quá trình sử dụng

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	Chương 1: Tổng quan về thiết kế nội thất công trình vui chơi giải trí		
1.1	Khái quát về công trình vui chơi giải trí	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, bảng
1.2	Các loại hình công trình vui chơi giải trí	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, bảng
1.3	Yêu cầu công trình vui chơi giải trí	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, bảng
2	Chương 2: Đặc điểm cơ bản của công trình vui chơi giải trí		
2.1	Công năng sử dụng	Thuyết trình + hỏi đáp, thảo luận	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.2	Bố cục không gian	Thuyết trình + hỏi đáp, thảo luận	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.3	Tạo hình không gian	Thuyết trình + hỏi đáp, thảo luận	Máy chiếu, máy tính

			tính, bảng
2.4	Màu sắc và vật liệu	Thuyết trình + hỏi đáp, thảo luận	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.5	Âm thanh và ánh sáng	Thuyết trình + hỏi đáp, thảo luận	Máy chiếu, máy tính, bảng
3	Chương 3: Nguyên tắc cơ bản trong thiết kế nội thất công trình vui chơi giải trí		
3.1	Đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí của khách hàng	Thuyết trình + hỏi đáp, não công, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.2	Hình tượng không gian tạo ra lực hấp dẫn khách hàng	Thuyết trình + hỏi đáp, não công, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.3	Kiến tạo môi trường vui chơi giải trí	Thuyết trình + hỏi đáp, não công, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.4	Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và an toàn trong quá trình sử dụng	Thuyết trình + hỏi đáp, não công, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học
- Điểm danh, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy
- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. *Cách đánh giá:*

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	16%	CĐR 1 - 7
2	Điểm đồ án	- 01 bài tập về bố trí khu vực chức năng công trình vui chơi giải trí; - 01 bài về bản vẽ thiết kế không gian khu vui chơi giải trí	8%	CĐR 2 - 5
3	Điểm thi giữa kỳ	Thuyết trình 1 loại hình công trình vui chơi, giải trí	16%	CĐR 2 - 5
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi vấn đáp	60%	CĐR 1 - 7

11.3. *Rubrics đánh giá kết quả học tập*

11.3.1. *Đánh giá kết quả điểm chuyên cần*

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. *Đánh giá kết quả kiểm tra giữa kỳ*

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	

		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Thuyết trình xuất sắc. Trình bày đúng trình tự, có logic.	Thuyết trình tốt. Trình bày đúng yêu cầu	Thuyết trình đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả đồ án

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Đồ án	30	Đủ số bài đồ án được giao, hình thức sạch đẹp. Đúng hạn	Đủ số lượng bài đồ án. Đúng hạn	Đủ bài đồ án nhưng nộp trễ hoặc thiếu 10% bài tập	Dưới 80% bài đồ án. Bài tập do người khác thực hiện	
Nội dung	70	Đúng trên 90% yêu cầu	Đúng 70 - 90% yêu cầu	Đúng 40 - 70% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm đúng dưới 40%. Nội dung kiến thức không đạt yêu cầu.	
Điểm tổng						

11.3.4. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung đồ án	90	Trả lời đúng câu hỏi và đồ	Trả lời đúng câu hỏi và đồ	Trả lời câu hỏi và đồ án đạt	Trả lời câu hỏi và đồ án	

		án đạt yêu cầu trên 90%	án đạt yêu cầu 70-90%	yêu cầu 50-69%	đạt yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Câu trả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1 Tài liệu bắt buộc

1. Bài giảng “*Thiết kế nội thất công trình vui chơi giải trí*” (Giảng viên cung cấp).

12.2. Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt:

[1]. Vũ Duy Cừ (2003). *Thiết kế không gian kiến trúc các loại nhà công cộng*, NXB Xây dựng.

[2]. Tạ Trường Xuân (2002). *Nguyên lý thiết kế nhà công cộng*. NXB Xây dựng

HỌC PHẦN: THIẾT KẾ TRUNG BÀY TRIỂN LÃM

1. Thông tin chung về môn học:

1.1 Tên học phần

+ Tên tiếng Việt: Thiết kế trưng bày triển lãm

+ Tên tiếng Anh: Exhibition Design

1.2 Mã số học phần:

1.3 Số tín chỉ: 2

+ Lý thuyết: 15

+ Bài tập: 0

+ Đồ án: 15

+ Thực hành/ thực tập: 0

+ Tự học: 0

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Địa chỉ đơn vị phụ trách môn học:

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Về kiến thức: sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về thiết kế không nội thất công trình triển lãm; biết tổ chức và xử lý không gian nội thất công trình triển lãm đặc điểm công năng.

4.2 Về kỹ năng: sinh viên có kỹ năng thiết kế và trình bày ý tưởng thể hiện đồ án, từng bước hoàn thiện năng lực thiết kế công trình nội thất triển lãm thông qua công

trình hay dự án cụ thể.

4.3 Về thái độ: sinh viên có được thái độ làm việc tích cực, nghiêm túc, tính tương trợ trong quá trình làm việc nhóm.

5. Mô tả tóm tắt nội dung môn học (khoảng 150 từ)

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản trong thiết kế nội thất công trình triển lãm về các loại hình công trình triển lãm, cách thức thiết kế, tổ chức và xử lý không gian.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR1	Nhớ được lịch sử phát triển và phân loại không gian trưng bày triển lãm
CDR2	Hiểu được các yếu tố cơ bản trong thiết kế trưng bày triển lãm
CDR3	Phân tích được các công trình trưng bày triển lãm cơ bản
Về kỹ năng	
CDR4	Áp dụng được các yếu tố cơ bản để bố trí khu vực chức năng trong nội thất trưng bày triển lãm
CDR5	Áp dụng xây dựng được hệ thống bản vẽ kỹ thuật trong việc thiết kế nội thất trưng bày triển lãm
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR6	Hiểu được giá trị của tính cẩn trọng, sự chuẩn xác trong hoạt động thiết kế công trình triển lãm
CDR 7	Hiểu trách nhiệm của bản thân trong quá trình học tập và sáng tạo trong làm việc nhóm

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lên lớp						
		Lý thuyết	Bài tập	Đồ án	Thực hành, thực tập			
1	Tổng quan về thiết kế nội thất công trình triển lãm	2					CDR 1 CDR 6 CDR 7	

2	Các yếu tố trong thiết kế nội thất công trình triển lãm	7		5			CĐR 2 -7
3	Tìm hiểu một số công trình triển lãm	6		10			CĐR 3 CĐR 6 CĐR 7

8. Nội dung chi tiết môn học:

Chương 1

Tổng quan về thiết kế nội thất công trình triển lãm

(Số giờ: 02, lý thuyết: 02)

- 1.1. Khái quát về thiết kế trưng bày, triển lãm
- 1.2. Phân loại không gian trưng bày triển lãm
- 1.3. Lịch sử và xu thế phát triển của loại hình công trình triển lãm

Chương 2

Các yếu tố trong thiết kế nội thất công trình triển lãm

(Số giờ: 12, lý thuyết: 07, đồ án: 05)

- 2.1. Thiết kế sản phẩm trưng bày
- 2.2. Phân khu chức năng và tổ chức giao thông
- 2.3. Ứng dụng nhân trắc học
- 2.4. Thiết kế và chế tạo đạo cụ trưng bày
- 2.5. Thiết kế màu sắc
- 2.6. Thiết kế chiếu sáng
- 2.7. Ứng dụng khoa học kỹ thuật mới
- 2.8. Hệ thống chỉ dẫn
- 2.9. Ứng dụng và lựa chọn vật liệu

Chương 3

Tìm hiểu một số công trình triển lãm

(Số giờ: 16, lý thuyết: 06, đồ án: 10)

- 3.1. Triển lãm thương mại
- 3.2. Triển lãm phi thương mại
- 3.3. Nhà bảo tàng, bảo tàng nghệ thuật

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ THIẾT KẾ NỘI THẤT CÔNG TRÌNH TRIỂN LÃM		
1.1	Khái quát về thiết kế trưng bày, triển lãm	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.2	Phân loại không gian trưng bày triển lãm	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.3	Lịch sử và xu thế phát triển của loại hình công trình triển lãm	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
2	CHƯƠNG II: CÁC YẾU TỐ TRONG THIẾT KẾ NỘI THẤT CÔNG TRÌNH TRIỂN LÃM		
2.1	Thiết kế sản phẩm trưng bày	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.2	Phân khu chức năng và tổ chức giao thông	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.3	Ứng dụng nhân trắc học	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.4	Thiết kế và chế tạo đạo cụ trưng bày	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.5	Thiết kế màu sắc	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.6	Thiết kế chiếu sáng	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.7	Ứng dụng khoa học kỹ thuật mới	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.8	Hệ thống chỉ dẫn	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.9	Ứng dụng và lựa chọn vật liệu	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng

3	CHƯƠNG 3: TÌM HIỂU MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TRIỂN LÃM		
3.1	Triển lãm thương mại	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.2	Triển lãm phi thương mại	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.3	Nhà bảo tàng, bảo tàng nghệ thuật	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học
- Điềm danh, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy
- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. Thang điểm đánh giá: Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	16%	CĐR 1- 7
2	Điểm bài tập	- 01 bài tập về bố cục chức năng công trình triển lãm - 01 bài về bản vẽ bố trí nội thất	8%	CĐR 2 -5
3	Điểm thi giữa kỳ	Thuyết trình về 1 loại hình công trình triển lãm	16%	CĐR 2 - 5
II	Điểm thi cuối kỳ	Vấn đáp	60%	CĐR 1- 7

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. Đánh giá kết quả điểm chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả kiểm tra, bài tập

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	

Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Thuyết trình xuất sắc. Trình bày đúng trình tự, có logic.	Thuyết trình tốt. Trình bày đúng yêu cầu	Thuyết trình đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.4. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

1. Bài giảng “*Thiết kế nội thất công trình công cộng*” (Giảng viên cung cấp).

12.2. Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt:

[1]. Vũ Duy Cừ (2003). *Thiết kế không gian kiến trúc các loại nhà công cộng*, NXB Xây dựng.

[2]. Tạ Trường Xuân (2002). *Nguyên lý thiết kế nhà công cộng*. NXB Xây dựng

HỌC PHẦN: CÂY XANH TRONG THIẾT KẾ NỘI THẤT

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Cây xanh trong thiết kế nội thất

Tên học phần tiếng Anh: Interior plant

1.2. Mã học phần: CXNT4

1.3. Số tín chỉ: 02

Lý thuyết	:30 tiết
Bài tập lớn	:00 tiết
Thảo luận	:00 tiết
Thực hành/thực tập	:00 tiết
Tự học	:60 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Lâm nghiệp đô thị

Viện: Kiến trúc cảnh quan và Cây xanh đô thị

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức:

- Nắm được các khái niệm về cây nội thất, các hình thức phân loại cây nội thất, vai trò và tác dụng của cây xanh trong nội thất.
- Nắm được nguyên tắc, nguyên lý phối trí cây xanh trong nội thất, tiêu chí chọn loài cây trồng trong nội thất.
- Nắm được quy trình, các yêu cầu kỹ thuật trồng, chăm sóc, duy trì và quản lý cây xanh trong nội thất.

4.2. Kỹ năng:

- Nhận biết được 50-70 loài cây trồng nội thất. Chọn được loài cây trồng nội thất cho từng công trình chức năng, chăm sóc và duy trì cây...
- Bài trí cây xanh trong một công trình chức năng

4.3. Thái độ:

- Tham gia đầy đủ các bài giảng trên lớp, các buổi thực hành, có chuẩn bị bài trước theo yêu cầu của giáo viên.
- Nghiêm túc trong học tập, nhận thức rõ tính quan trọng của môn học trong nghiên cứu khoa học và thực tiễn.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (Khoảng 150 từ)

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cây xanh trong nội thất: khái niệm, phân loại, vai trò và tác dụng... Đồng thời môn học cũng giới thiệu khái quát cho sinh viên những kiến thức về đặc điểm hình thái, sinh thái, kỹ thuật gây trồng, chăm sóc và duy trì một số loài cây được sử dụng trong trang trí nội thất. Trên cơ sở nắm được đặc tính sinh vật học của loài, sinh viên được hướng dẫn cách chọn và bài trí cây xanh trong nội thất theo từng không gian chức năng.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra

VỀ KIẾN THỨC	
CDR1	Hiểu được những kiến thức cơ bản về cây nội thất như khái niệm, phân loại, tiêu chuẩn và phương pháp chọn loài cây nội thất.
CDR2	Nắm được đặc điểm sinh vật học của 50-70 loài cây trồng nội thất
CDR3	Hiểu, phân tích và giải thích được các nguyên tắc bài trí cây xanh trong nội thất; kỹ thuật trồng và chăm sóc cây trồng nội thất.
VỀ KỸ NĂNG	
CDR4	Nhận biết được 50-70 loài cây trồng nội thất. Lựa chọn được các loài cây nội thất phù hợp với từng không gian chức năng.
CDR5	Sắp xếp, phối kết được các loài cây với nhau và cây xanh với công trình kiến trúc.
NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM	
CDR6	Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa, tôn trọng pháp luật.
CDR7	Có thái độ làm việc khoa học, năng động, bản lĩnh, thái độ phục vụ tốt.
CDR8	Có ý thức tự học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn và vận dụng sáng tạo những kiến thức mới trong môi trường làm việc.

7. Cấu trúc nội dung học phần

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lên lớp				Thực hành, thực		
		Lý thuyết	BTL/ Đồ án	Thảo luận				
1	Giới thiệu chung về cây nội thất	07					1,2,4	
2	Các hình thức bài trí cây xanh trong nội thất	08					3,5	
3	Bài trí cây xanh trong một số công trình chức năng	08					1-5	
4	Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây nội thất	07					3	
Tổng		30						

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

Giới thiệu chung về cây nội thất

(Số tiết: 07, lý thuyết: 07, bài tập: 00, thảo luận: 00)

Giới thiệu cho Sinh viên những kiến thức cơ bản về cây nội thất: khái niệm cây nội thất, khái niệm xanh hóa nội thất, vai trò của cây xanh trong nội thất, các hình thức phân loại cây nội thất, đặc điểm sinh vật học của 50-70 loài cây trồng nội thất và các

hình thức nhân giống đối với cây nội thất.

1.1. Một số khái niệm

1.1.1. Khái niệm cây nội thất

1.1.2. Khái niệm về xanh hóa nội thất

1.2. Vai trò của cây xanh trong nội thất

1.2.1. Các tác nhân gây ô nhiễm môi trường nội thất

1.2.2. Lợi ích của cây xanh đối với không gian sống và môi trường làm việc

1.3. Phân loại cây nội thất

1.3.1. Phân loại theo đặc điểm hình thái và sinh trưởng

1.3.2. Theo đặc điểm cảnh quan

1.3.3. Một số hình thức phân loại khác

1.4. Giới thiệu về 50-70 loài cây trồng nội thất

1.5. Phương pháp nhân giống cây nội thất

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Yến (2021), *Bài giảng Ứng dụng cây xanh nội thất*, Đại học Lâm nghiệp (Chương 1).

Chương 2

Các hình thức bài trí cây xanh trong nội thất

(Số tiết: 08, lý thuyết: 08, bài tập: 00, thảo luận: 00)

Giới thiệu cho Sinh viên những kiến thức cơ bản về bài trí cây xanh trong không gian nội thất: nguyên tắc bài trí, các yếu tố hình thành tiểu cảnh cây xanh nội thất, các hình thức bài trí và vị trí bài trí cây. Nội dung thảo luận giúp Sinh viên tổng hợp kiến thức và bước đầu xây dựng những ý tưởng bài trí cây xanh trong không gian nội thất.

2.1. Nguyên tắc bài trí cây xanh trong không gian nội thất

2.1.1. Nguyên tắc chung

2.1.2. Nguyên tắc công năng

2.1.3. Nguyên tắc sinh thái

2.1.4. Nguyên tắc nghệ thuật

2.1.5. Nguyên tắc chủ yếu và thứ yếu

2.1.6. Nguyên tắc an toàn

2.1.7. Nguyên tắc thuận tiện

2.1.8. Nguyên tắc kinh tế

2.1.9. Nguyên tắc chọn loài và bài trí cây xanh trong nội thất

2.2. Các hình thức bài trí cây xanh trong không gian nội thất

2.2.1. Các yếu tố hình thành tiểu cảnh cây xanh trong nội thất

2.2.2. Các hình thức bài trí cây xanh trong nội thất

2.3. Vị trí bài trí cây

2.3.1. Trang trí cây xanh khu vực cửa sổ

2.3.2. Trang trí cây xanh trên tường nhà

2.3.3. Trang trí cây xanh trên nền nhà

2.3.4. Trang trí cây xanh trên bàn, trên kệ hoặc trên giá đỡ

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Yến (2021), *Bài giảng Ứng dụng cây xanh trong nội thất*, Đại học Lâm nghiệp (Chương 2).

Chương 3

Bài trí cây xanh trong một số công trình chức năng

(Số tiết:08, lý thuyết: 08; Bài tập lớn: 00; Thảo luận: 00, Thực hành: 00)

Giới thiệu cho Sinh viên trình tự các bước bài trí cây xanh trong không gian nội thất. Đồng thời cung cấp những kiến thức cơ bản về bài trí cây xanh trong khu ở, bài trí cây xanh trong không gian nội thất trường học, bài trí cây xanh trong các công trình công cộng, và một số xu hướng sử dụng cây xanh nội thất hiện nay. Trên cơ sở đó mỗi Sinh viên thực hiện 01 bài tập lớn về bài trí cây xanh trong một công trình chức năng tự chọn. Nội dung bài tập lớn giúp Sinh viên củng cố các kiến thức lý thuyết và gắn với thực tiễn.

3.1. Trình tự các bước bài trí cây xanh trong nội thất

3.1.1. Thu thập thông tin, tài liệu

3.1.2. Điều tra khảo sát và đo vẽ hiện trạng

3.1.3. Phân tích hiện trạng

3.1.4. Xây dựng bản vẽ mặt bằng phân tích hiện trạng

3.1.5. Thiết kế sơ bộ (Thiết kế ý tưởng)

3.2. Bài trí cây xanh trong khu ở

3.2.1. Bài trí cây xanh phòng khách

3.2.2. Bài trí cây xanh trong phòng ngủ

3.2.3. Bài trí cây xanh phòng bếp và phòng ăn

3.2.4. Bài trí cây xanh trong phòng tắm

3.2.5. Bài trí cây xanh khu vực hành lang

3.2.6. Bài trí cây xanh khu vực cầu thang

3.2.7. Bài trí cây xanh ban công

3.3. Bài trí cây xanh trong không gian nội thất trường học

3.3.1. Bài trí cây xanh không gian nội thất tại các cơ sở giáo dục mầm non

3.3.2. Bài trí cây xanh không gian nội thất trong các cơ sở giáo dục khác

3.4. Bài trí cây xanh nội thất trong các công trình công cộng

3.5. Xu hướng sử dụng cây xanh trong nội thất hiện nay

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Yên (2021), *Bài giảng Ứng dụng cây xanh nội thất*, Đại học Lâm nghiệp (Chương 3).

Chương 4

Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây nội thất

(Số tiết: 07, lý thuyết: 07; Bài tập/thảo luận: 00; Thực hành: 00)

Giới thiệu cho Sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật trồng và chăm sóc cây nội thất: Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây trong chậu, kỹ thuật trồng và chăm sóc cây thủy canh, kỹ thuật trồng và chăm sóc cây trong mô hình vườn đứng, kỹ thuật trồng và chăm sóc cây trong bình thủy tinh và kỹ thuật ghép cây trên rễ cây khô.

4.1. Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây trong chậu

4.2. Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây thủy canh

4.3. Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây trong mô hình vườn đứng

4.4. Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây trong bình thủy tinh hoặc bình nhựa trong suốt (Terrariums)

4.5. Kỹ thuật ghép cây trên thân, cành hoặc rễ cây khô (rutarium)

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Yên (2021), *Bài giảng Ứng dụng cây xanh nội thất*, Đại học Lâm nghiệp (Chương 4).

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
Chương 1	Giới thiệu chung về cây nội thất	Thuyết trình, thảo luận	Máy chiếu, Bảng phấn
Chương 2	Các hình thức bài trí cây xanh trong nội thất	Thuyết trình, thảo luận	Máy chiếu, Bảng phấn
Chương 3	Bài trí cây xanh trong một số công trình chức năng	Thuyết trình, thảo luận	Máy chiếu, Bảng phấn
Chương 4	Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây nội thất	Thuyết trình, thảo luận	Máy chiếu, Bảng phấn

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Thực hiện đầy đủ giờ lên lớp.
- Cung cấp tài liệu tham khảo đầy đủ cho sinh viên
- Theo dõi chuyên cần, thi, kiểm tra đúng quy định

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình			
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	0,1	6-8
2	Điểm bài tập lớn	Trả lời câu hỏi và làm bài tập	0,2	1-5
3	Điểm thi giữa kỳ	Thi viết/thi vấn đáp/trắc nghiệm....	0,1	1-5
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi viết/thi vấn đáp/trắc nghiệm.....	0,6	1-5

Ghi chú: Điểm quá trình chiếm trọng số 0,4; điểm thi cuối kỳ 0,6. Điểm quá trình nhất thiết phải có điểm chuyên cần và điểm thi giữa kỳ, những điểm thành phần khác có hay không tùy thuộc vào phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá của học phần.

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả bài tập cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Bài tập thực hiện	30	Đủ số bài tập, hình thức sạch đẹp. Đúng hạn	Đủ số lượng bài tập. Đúng hạn	Đủ bài tập nhưng nộp trễ. Thiếu 10% bài tập	Dưới 80% bài tập. Bài tập do người khác thực hiện	3
Nội dung	70	Đúng trên 90% yêu cầu	Đúng 70 - 90% yêu cầu	Đúng 40 - 70% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm đúng dưới 40%. Nội dung kiến thức không đạt yêu cầu	7
Điểm tổng						10

Đánh giá kết quả bài thi giữa kỳ (tự luận)

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	80	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40-60% câu theo đề tài	Làm bài đúng theo yêu cầu <40% câu theo đề bài	8
Vận dụng	10	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo	Có khả năng vận dụng kiến thức	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Không thực hiện được bài tập	1
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Cẩu thả, trình bày không logic	1
Điểm tổng						10

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Thị Yên (2021), *Bài giảng Ứng dụng cây xanh nội thất*, Đại học Lâm nghiệp.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Huyền Anh (2012), *Cây xanh trong nhà lọc thải ô nhiễm, cách chăm sóc và bài trí*, NXB Phụ nữ.
- Phạm Văn Duệ (2005), *Giáo trình kỹ thuật trồng hoa, cây cảnh*, Nxb Hà Nội.
- Trần Hợp (2003), *Hoa và Cây cảnh Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp.
- Phan Thị Lại, Chu Thị Thơm, Nguyễn Văn Tó (2008), *Kỹ thuật trồng hoa, cây cảnh*, NXB Hà Nội.
- Nguyễn Xuân Linh (2002), *Giáo trình kỹ thuật trồng hoa cây cảnh*, Nxb Nông nghiệp.

HỌC PHẦN: THIẾT KẾ XANH

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Thiết kế xanh

Tên học phần tiếng Anh: Green Design

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 2

Lý thuyết : 20 tiết

Bài tập : 10 tiết

Thảo luận : 0 tiết

Thực hành/thực tập : 0 tiết

Tự học : 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết: Thiết kế sản phẩm nội thất

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Về kiến thức

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sản phẩm xanh, hệ thống kỹ thuật xanh, thiết kế xanh, phương pháp thiết kế và đánh giá xanh ứng dụng trong thiết kế đồ gỗ nội thất.

4.2. Về kỹ năng

- Có thể nhận biết sản phẩm xanh, thiết kế sản phẩm nội thất theo hướng tăng cường tính năng xanh;

- Có thể tính toán, đánh giá tính năng xanh của một sản phẩm nội thất cụ thể theo hệ thống đánh giá.

4.3. Về thái độ

- Có nhận thức sâu sắc về sản phẩm xanh, luôn tư duy định hướng phát triển sản phẩm xanh;

- Có tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp trong công việc.

5. Mô tả tóm tắt nội dung môn học/học phần

Môn học bao gồm các nội dung chính sau: Tổng quan về đồ mộc xanh, các khái niệm về công nghệ xanh, kỹ thuật xanh, bao bì xanh,... Giới thiệu về các quy trình thiết kế đồ mộc xanh, chuẩn tắc thiết kế xanh, các phương thức đánh giá chất lượng sản phẩm

xanh,...

6. Chuẩn đầu ra của môn học/học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
CDR1	Trình bày được bối cảnh ra đời của kỹ thuật xanh
CDR2	Trình bày và phân tích được cơ sở lý luận của kỹ thuật xanh
CDR3	Trình bày được các khái niệm cơ bản về sản phẩm xanh và hệ thống kỹ thuật xanh
CDR4	Trình bày được các khái niệm cơ bản về đồ gia dụng xanh
CDR5	Trình bày và phân tích được nội hàm và đặc trưng của đồ gia dụng xanh
CDR6	Trình bày được cơ sở lý luận của đồ gia dụng xanh và các hệ thống kỹ thuật, hệ thống đánh giá và chứng nhận đồ gia dụng xanh
CDR7	Trình bày và phân tích được hiện trạng phát triển đồ gia dụng xanh trong và ngoài nước
CDR8	Trình bày được khái niệm, nội hàm, nguyên tắc và nội dung chủ yếu của thiết kế xanh đồ gia dụng
CDR9	Trình bày được các chuẩn tắc thiết kế xanh đồ gia dụng
CDR10	Trình bày và phân tích được các bước triển khai thiết kế xanh đồ gia dụng
CDR11	Trình bày được nội dung và phương pháp thiết kế xanh đồ gia dụng
CDR12	Trình bày được khái niệm về thiết kế xanh đồ gia dụng theo hướng thu hồi
CDR13	Phân tích được ý nghĩa bảo vệ môi trường của thu hồi tái chế trong thiết kế xanh
CDR14	Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến tính năng thu hồi đồ gia dụng
CDR15	Trình bày được các chuẩn tắc thiết kế xanh đồ gia dụng theo hướng tăng cường tính năng thu hồi sản phẩm
CDR16	Trình bày được nội dung và trình tự thiết kế xanh đồ gia dụng theo hướng tăng cường tính năng thu hồi sản phẩm
CDR17	Thiết kế được sản phẩm đồ nội thất xanh theo hướng tăng cường tính năng thu hồi sản phẩm
CDR18	Trình bày được các khái niệm cơ bản về đánh giá tính năng xanh của sản phẩm
CDR19	Phân tích được các yếu tố tác động đến hệ thống đánh giá xanh để xác định định hướng, yêu cầu cho xây dựng hệ thống đánh giá xanh
CDR20	Trình bày được khái quát về phương pháp xây dựng hệ thống đánh giá

	xanh
CĐR21	Vận dụng đánh giá được tính năng xanh (tính năng thu hồi) của một sản phẩm cụ thể

7. Cấu trúc nội dung môn học/học phần

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần				
		Lên lớp			Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Bài tập/ Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	Chương 1. Khái lược về kỹ thuật xanh	2				CĐR1 - 3
2	Chương 2. Đồ gia dụng xanh và hệ thống kỹ thuật của đồ gia dụng xanh	3				CĐR4 - 7
3	Chương 3. Thiết kế xanh đồ gia dụng	5				CĐR8 -17
4	Chương 4. Thiết kế xanh đồ gia dụng theo hướng thu hồi	5	5			CĐR12 - 17
5	Chương 5. Đánh giá tính năng xanh của đồ gia dụng	5	5			CĐR18 - 21

8. Nội dung chi tiết môn học

8.1. Lý thuyết (20 tiết)

Chương 1

Khái lược về kỹ thuật xanh

1.1. Bối cảnh ra đời Kỹ thuật xanh

1.1.1. Sự xuất hiện của khái niệm phát triển bền vững

1.1.2. Kỹ thuật xanh là biện pháp hữu hiệu giải quyết sự ô nhiễm môi trường trong sản xuất

1.1.3. Kỹ thuật xanh là yêu cầu tất yếu để thích ứng với thị trường tiêu dùng xanh

- 1.1.4. Kỹ thuật xanh là con đường hữu hiệu để thực hiện phát triển bền vững
- 1.1.5. Kỹ thuật xanh là sự lựa chọn tất yếu để loại bỏ rào cản thương mại xanh
- 1.1.6. Kỹ thuật xanh là biện pháp chiến lược để tạo dựng hình ảnh xí nghiệp và chiếm lĩnh ưu thế cạnh tranh

1.2. Cơ sở lý luận của kỹ thuật xanh

- 1.2.1. Lý luận phát triển bền vững
- 1.2.2. Lý luận kinh tế sinh thái
- 1.2.3. Lý luận xã hội sinh thái
- 1.2.4. Lý luận công nghiệp sinh thái
- 1.2.5. Lý luận kinh tế tuần hoàn
- 1.2.6. Lý luận phân tích chu kỳ vòng đời sản phẩm

1.3. Sản phẩm xanh và hệ thống kỹ thuật xanh

- 1.3.1. Sản phẩm xanh
- 1.3.2. Hệ thống kỹ thuật xanh

Chương 2

Đồ gia dụng xanh và hệ thống kỹ thuật của nó

2.1. Khái niệm về đồ gia dụng xanh

- 2.1.1. Đồ gia dụng
- 2.1.2. Đặc tính của đồ gia dụng
- 2.1.3. Khái niệm về đồ gia dụng xanh

2.2. Nội hàm và đặc trưng của đồ gia dụng xanh

- 2.2.1. Nội hàm của đồ gia dụng xanh
- 2.2.2. Đặc trưng cơ bản của đồ gia dụng xanh

2.3. Hệ thống kỹ thuật đồ gia dụng xanh

- 2.3.1. Cơ sở lý luận của đồ gia dụng xanh
- 2.3.2. Hệ thống kỹ thuật đồ gia dụng xanh
- 2.3.3. Hệ thống đánh giá và chứng nhận đồ gia dụng xanh

2.4. Hiện trạng phát triển của đồ gia dụng xanh

- 2.4.1. Sự ra đời và phát triển quan niệm về đồ gia dụng xanh
- 2.4.2. Hiện trạng phát triển của đồ gia dụng xanh

Chương 3

Thiết kế xanh đồ gia dụng

3.1. Lý luận chung về thiết kế xanh đồ gia dụng

- 3.1.1. Khái niệm và nội hàm của thiết kế xanh đồ gia dụng
- 3.1.2. Nguyên tắc cơ bản của thiết kế xanh đồ gia dụng
- 3.1.3. Nội dung chủ yếu của thiết kế xanh đồ gia dụng
- 3.1.4. Sự khác biệt giữa thiết kế xanh và thiết kế truyền thống

3.2. Chuẩn tắc của thiết kế xanh đồ gia dụng

3.2.1. Nguyên tắc cơ bản của thiết kế xanh đồ gia dụng

3.2.2. Chuẩn tắc và ứng dụng của thiết kế xanh đồ gia dụng

3.2.3. Thiết lập môi trường cơ sở cho thiết kế xanh đồ gia dụng

3.3. Các bước triển khai thiết kế xanh đồ gia dụng

3.3.1. Nguyên tắc triển khai thiết kế xanh đồ gia dụng

3.3.2. Các bước triển khai thiết kế xanh đồ gia dụng

3.3.3. Các loại hình triển khai thiết kế xanh đồ gia dụng

3.4. Nội dung của thiết kế xanh đồ gia dụng

3.4.1. Xuất phát điểm của thiết kế xanh đồ gia dụng

3.4.2. Nội dung chủ yếu của thiết kế xanh đồ gia dụng

3.5. Phương pháp thiết kế xanh đồ gia dụng

3.5.1. Phương pháp thiết kế chu kỳ vòng đời

3.5.2. Phương pháp thiết kế hệ thống

3.5.3. Phương pháp thiết kế kỹ thuật đồng hành

3.5.4. Phương pháp thiết kế mô đun hóa

3.5.5. Phương pháp thiết kế tháo dỡ

3.5.6. Phương pháp thiết kế thu hồi

Chương 4

Thiết kế xanh đồ gia dụng theo hướng thu hồi

4.1. Khái niệm thiết kế xanh theo hướng thu hồi

4.2. Ý nghĩa bảo vệ môi trường của thu hồi tái chế trong thiết kế xanh

4.3. Tính năng thu hồi đồ gia dụng và các yếu tố ảnh hưởng

4.3.1. Phương thức thu hồi và tính năng thu hồi

4.3.2. Yếu tố ảnh hưởng đến tính năng thu hồi của sản phẩm

4.4. Chuẩn tắc thiết kế xanh đồ gia dụng theo hướng tăng cường tính năng thu hồi sản phẩm

4.4.1. Chuẩn tắc thiết kế kết cấu có lợi cho thu hồi

4.4.2. Chuẩn tắc thiết kế tạo hình có lợi cho thu hồi

4.4.3. Chuẩn tắc lựa chọn nguyên liệu có lợi với thu hồi

4.5. Nội dung và trình tự thiết kế xanh đồ gia dụng theo hướng tăng cường tính năng thu hồi sản phẩm

4.5.1. Nội dung của thiết kế xanh đồ gia dụng theo hướng tăng cường tính năng thu hồi sản phẩm

4.5.2. Trình tự thiết kế xanh đồ gia dụng theo hướng tăng cường tính năng thu hồi sản phẩm

Chương 5

Đánh giá tính năng xanh của đồ gia dụng

5.1. Tổng quan về đánh giá tính năng xanh của sản phẩm

5.2. Định hướng xây dựng hệ thống đánh giá xanh

5.3. Yêu cầu đối với hệ thống đánh giá

5.3.1. Yêu cầu đối với hệ thống chỉ tiêu đánh giá

5.3.2. Yêu cầu đối với ứng dụng hệ thống đánh giá

5.4. Phương pháp xây dựng hệ thống đánh giá xanh

5.5. Ví dụ về quá trình xây dựng hệ thống đánh giá tính năng thu hồi đồ gia dụng

5.5.1. Phương pháp tư duy tiếp cận

5.5.2. Xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá tính năng thu hồi sản phẩm

5.5.3. Tính toán trọng số cho các chỉ tiêu đánh giá tính năng thu hồi sản phẩm

5.5.4. Xây dựng thước đo và phương pháp tính trị số các chỉ tiêu đánh giá

5.5.5. Hướng dẫn sử dụng hệ thống đánh giá tính năng thu hồi đồ gia dụng

8.2. Bài tập

TT	Nội dung	Số giờ
1	Bài 1: Phân tích kết cấu và đánh giá nhanh tính năng môi trường của sản phẩm	5 tiết
2	Bài 2: Ứng dụng quy trình thiết kế xanh để thiết kế một sản phẩm cụ thể	5 tiết

9. Phương pháp giảng dạy

9.1. Lý thuyết:

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	Chương 1. Khái lược về kỹ thuật xanh	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu
2	Chương 2. Đồ gia dụng xanh và hệ thống kỹ thuật của đồ gia dụng xanh	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu
3	Chương 3. Thiết kế xanh đồ gia dụng	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu
4	Chương 4. Thiết kế xanh đồ gia dụng theo hướng thu hồi	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu
5	Chương 5. Đánh giá tính năng xanh của đồ gia dụng	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn, máy chiếu

9.2. Bài tập

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	Bài 1: : Phân tích kết cấu và đánh giá nhanh tính năng môi trường của sản phẩm	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn , máy chiếu
2	Bài 2: Ứng dụng quy trình thiết kế xanh để thiết kế một sản phẩm cụ thể	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận nhóm	Bảng, phấn , máy chiếu

10. Hướng dẫn thực hiện

10.1. Về lý thuyết:

Các nội dung được giảng dạy theo trình tự với các hình ảnh minh họa cụ thể, chi tiết. Sử dụng máy tính, máy chiếu trong giảng dạy.

10.2. Về thực hành/Bài tập

Bài tập được giao cho từng sinh viên (mỗi sinh viên một đề bài cụ thể, riêng biệt).

10.3. Yêu cầu đối với giảng viên và sinh viên

10.3.1. Đối với giảng viên

- Lên lớp đúng giờ theo thời khóa biểu.
- Giảng dạy đúng với chương trình môn học.
- Thực hiện việc kiểm tra đánh giá theo quy định.

10.3.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập.
- Tham dự 100% số giờ bài tập.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập/thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. Thang điểm đánh giá: Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
----	-----------------	----------	----------	-------------------

I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học và trả lời câu hỏi thảo luận	20%	CĐR 1÷21
2	Điểm bài tập	Hoàn thành 02 bài tập theo yêu cầu	20%	CĐR 17,21
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi vấn đáp	60%	CĐR 1÷21

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. Đánh giá kết quả điểm chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả kiểm tra bài tập

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm đủ số bài và đạt yêu cầu trên 90%	Làm đủ số bài và đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm đủ số bài và đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm đủ số bài và đạt yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	

		bày có logic				
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Câu hỏi chính	90	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu trên 90%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu 70-90%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu 50-69%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu <50%	
Câu hỏi phụ	10	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu trên 90%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu 70-90%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu 50-69%	Trả lời câu hỏi đạt yêu cầu <50%	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập và tham khảo

12.1. Tài liệu học tập chính (bắt buộc)

1. Trần Văn Chú, Lý Tuấn Trường. *Giáo trình Thiết kế xanh*. NXB Nông nghiệp, 2015.

12.2. Tài liệu tham khảo

1. Ngô Trí Tuệ. *Kỹ thuật đồ gia dụng xanh*. NXB Lâm nghiệp Trung Quốc, 2006.
2. Lưu Quang Phục, Lưu Chí Phong, Lý Cương. *Thiết kế xanh và chế tạo xanh*. NXB Công nghiệp cơ khí Bắc Kinh – Trung Quốc, 1999.

HỌC PHẦN: THIẾT KẾ TIỂU CẢNH

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Thiết kế tiểu cảnh

Tên học phần tiếng Anh: Interior Landscape Design

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 02

Lý thuyết : 15 tiết

Bài tập lớn/Đồ án : 15 tiết

Thảo luận	: 0 tiết
Thực hành/thực tập	: 0 tiết
Tự học	: 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ và Nội thất

Viện: Công nghiệp Gỗ và Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Cung cấp các kiến thức cơ bản về thiết kế và các yếu tố cấu thành tiểu cảnh, thiết kế tiểu cảnh trong các không gian nội thất khác nhau.

4.2. Kỹ năng: Giúp người học biết cách vận dụng lý thuyết để bố trí tiểu cảnh trong thiết kế nội thất một cách khoa học, khả thi và phù hợp nội hàm văn hóa.

4.3. Thái độ: Giúp người học có thái độ nghiêm túc trong công việc thiết kế và nâng cao tính tương trợ trong quá trình làm việc nhóm.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần *(khoảng 150 từ)*

Nội dung chính trong học phần môn thiết kế tiểu cảnh bao gồm: Tổng quan về tiểu cảnh trong trang trí nội thất; Nội dung và phương pháp thiết kế tiểu cảnh nội thất; Yếu tố cấu thành và đặc điểm của một số tiểu cảnh dùng trong trang trí các không gian công năng của nội thất.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra
<i>Về kiến thức</i>	
CĐR1	Hiểu được khái niệm, các loại hình tiểu cảnh và các nguyên tắc bố trí tiểu cảnh
CĐR2	Hiểu được các nội dung, yêu cầu và trình tự trong thiết kế tiểu cảnh
CĐR3	Hiểu được các đặc điểm và yếu tố cấu thành lên tiểu cảnh
CĐR4	Hiểu được phương pháp, hình thức bố trí tiểu cảnh trong từng không gian nội thất
<i>Về kỹ năng</i>	
CĐR5	Thiết kế được một không gian tiểu cảnh (nhiệm vụ theo nhóm)

CĐR6	Xây dựng được hệ thống các bản vẽ thiết kế một không gian tiểu cảnh
CĐR7	Thuyết trình phần thiết kế theo nhóm
CĐR8	Chế tạo được một mô hình tiểu cảnh theo phương án thiết kế
<i>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>	
CĐR9	Có thể tự xây dựng được các bản vẽ kỹ thuật đơn giản trong thiết kế tiểu cảnh

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					Chuẩn đầu ra (HP)
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	
		Lý thuyết	Bài tập lớn	Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	Khái quát chung về tiểu cảnh trong công trình nội thất	2					CĐR1
2	Chương 2: Nội dung và phương pháp thiết kế tiểu cảnh nội thất	3					CĐR2
3	Chương 3: Đặc điểm và yếu tố cấu thành tiểu cảnh	5	7				CĐR3 - 8
4	Chương 4: Thiết kế tiểu cảnh theo không gian công năng	5	8				CĐR4 - 8

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

Khái quát chung về tiểu cảnh trong công trình nội thất

(Số tiết: 02, lý thuyết: 02; đồ án: 0)

1.1. Khái niệm về tiểu cảnh nội thất

1.2. Các loại hình tiểu cảnh nội thất

1.2.1. Tiểu cảnh ướt

1.2.2. Tiểu cảnh khô

1.2.3. Tiểu cảnh hỗn hợp

1.3. Nguyên tắc bố trí tiểu cảnh nội thất

1.3.1. Tính thẩm mỹ

1.3.2. Tính thuận tiện

1.3.3. Tính thoải mái

1.3.4. Tính môi trường

Chương 2:

Nội dung và phương pháp thiết kế tiểu cảnh nội thất

(Số tiết: 03, lý thuyết: 03; đồ án: 0)

2.1. Nội dung thiết kế tiểu cảnh nội thất

2.1.1. Thiết kế tiểu cảnh phòng khách

2.1.2. Thiết kế tiểu cảnh phòng ăn

2.1.3. Thiết kế tiểu cảnh phòng ngủ

2.1.4. Thiết kế tiểu cảnh ban công

2.1.5. Thiết kế tiểu cảnh sân thượng

2.2. Yêu cầu của thiết kế tiểu cảnh

2.2.1. Tính thẩm mỹ

2.2.2. Tính thuận tiện

2.2.3. Tính thoải mái

2.2.4. Tính môi trường

2.3. Phương pháp và trình tự thiết kế tiểu cảnh nội thất

2.3.1. Phương pháp thiết kế tiểu cảnh nội thất

2.3.1.1. Phương pháp cảnh quan tự nhiên

2.3.1.2. Phương pháp tạo cảnh nhân tạo

2.3.2. Trình tự thiết kế tiểu cảnh nội thất

2.3.2.1. Điều tra và phân tích hiện trạng nội thất

2.3.2.2. Thiết kế phương án

2.3.2.3. Thiết kế chi tiết

2.3.2.4. Thiết kế thi công

Chương 3

Đặc điểm và yếu tố cấu thành tiểu cảnh

(Số tiết: 12, lý thuyết: 05; đồ án: 07)

3.1. Tiểu cảnh cây xanh

3.1.1. Tác dụng của cây xanh trong nội thất

3.1.1.1. Tổ chức, dẫn hướng và phân chia không gian

3.1.1.2. Mềm hóa không gian, tăng sinh khí

3.1.1.3. Làm đẹp không gian

3.1.2. Loại hình cây xanh trong nội thất

3.2. Tiểu cảnh nước

3.2.1. Đặc điểm công năng của tiểu cảnh nước

3.2.2. Loại hình tiểu cảnh nước

3.2.2.1. Dạng tĩnh

3.2.2.2. Dạng lưu động

3.2.2.3. Dạng rơi thả

3.2.2.4. Dạng phun

3.3. Tiểu cảnh đá

3.3.1. Tác dụng của đá trong nội thất

3.3.2. Loại hình tiểu cảnh đá

Chương 4

Thiết kế tiểu cảnh theo không gian công năng

(Số tiết: 13, lý thuyết: 05; đồ án: 08)

4.1. Không gian sân vườn

4.1.1 Các yếu tố sân vườn

4.1.2. Phong cách thiết kế sân vườn

4.1.2.1. Phong cách Châu Âu

4.1.2.2. Phong cách Châu Á

4.1.2.3. Phong cách Địa Trung Hải

4.1.3. Hình thức sân vườn

4.1.3.1. Tính hình học

4.1.3.2. Cách bố trí

4.1.3.3. Chủ đề thiết kế

4.2. Không gian phòng khách

4.2.1. Loại hình tiểu cảnh phòng khách

4.2.2. Cách chọn tiểu cảnh phòng khách

4.2.3. Bố trí tiểu cảnh phòng khách

4.3. Không gian phòng ăn và giải trí

4.3.1. Loại hình tiểu cảnh

4.3.2. Cách chọn tiểu cảnh

4.3.3. Bố trí tiểu cảnh

4.4. Không gian sảnh và cửa ra vào

4.4.1. Hình thức không gian

4.4.2. Các yếu tố ảnh hưởng

4.4.3. Bố trí tiểu cảnh

4.5. Không gian sân thượng

4.5.1. Hình thức không gian

4.5.2. Cách thức sử dụng không gian

4.5.3. Bố trí tiểu cảnh

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	Chương 1: Khái quát chung về tiểu cảnh trong công trình nội thất	Thuyết trình, hỏi đáp, não công và	Bảng viết, phấn,

2	Chương 2: Nội dung và phương pháp thiết kế tiểu cảnh nội thất	thực hành thí phạm	máy chiếu, máy tính cá nhân, bút chì và giấy A4, A3
3	Chương 3: Đặc điểm và yếu tố cấu thành tiểu cảnh		
4	Chương 4: Thiết kế tiểu cảnh theo không gian công năng		

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tham dự tối thiểu 90% số giờ thí nghiệm, thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. *Cách đánh giá:*

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	20%	CĐR1 - CĐR9
2	Điểm thi giữa kỳ	Bài thực hành trên lớp	20%	CĐR5 - CĐR 8
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi vấn đáp	60%	CĐR1 - CĐR9

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. Đánh giá kết quả điểm chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả kiểm tra, bài tập

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

12.2. Tài liệu tham khảo

1. Ngô Quang Đê (2000), Nghệ thuật chậu cảnh, NXB Nông nghiệp.
2. Nguyễn Khắc Trung (1996), Kỹ thuật về hoa cây cảnh. NXB Nông nghiệp.

HỌC PHẦN: MARKETING

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: **Marketing căn bản**

Tên học phần tiếng Anh: **Basic marketing**

1.2. Mã học phần: MCB4

1.3. Số tín chỉ: 2

Lý thuyết	: 20 tiết
Bài tập/ Thảo luận	: 10 tiết
Bài tập lớn	: 0 tiết
Thực hành/thực tập	: 0 tiết
Tự học	: 120 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Quản trị doanh nghiệp

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết: không

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức:

- Cung cấp các kiến thức cơ bản về marketing và quản trị marketing trong doanh nghiệp;
- Trình bày các yếu tố về môi trường Marketing của doanh nghiệp;
- Cung cấp các kiến thức về thị trường và hành vi của khách hàng;
- Cung cấp các kiến thức về các chính sách marketing hỗn hợp trong doanh nghiệp.

4.2. Kỹ năng:

- Xây dựng được các kế hoạch marketing trong DN;

- Tổ chức quản lý, điều hành được các hoạt động marketing trong DN;
- Xây dựng, đánh giá được các chiến lược marketing trong DN;

4.3. Thái độ:

Hiểu và nhận thức rõ được vai trò của marketing trong DN; Yêu nghề và có đạo đức và trách nhiệm với bản thân, DN và xã hội.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về marketing: khái niệm, yêu cầu, nhiệm vụ cơ bản của marketing; các chính sách marketing (4P); công cụ xây dựng kế hoạch, chiến lược marketing trong DN; Các yếu tố ảnh hưởng đến việc hoạch định kế hoạch, chiến lược marketing trong DN.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CĐR1	Hiểu được những vấn đề cơ bản về marketing và QT marketing trong DN.
CĐR2	Hiểu và nắm được những nội dung cơ bản về môi trường marketing.
CĐR3	Hiểu và nắm được các kiến thức về thị trường và khách hàng.
CĐR4	Hiểu và nắm được những nội dung các chính sách marketing (4P)
Về kỹ năng	
CĐR5	Xây dựng được kế hoạch marketing trong DN.
CĐR6	Tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động marketing trong DN.
CĐR7	Xây dựng, đánh giá được các chiến lược marketing trong DN.
Về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR8	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả
CĐR9	Có khả năng tự nghiên cứu, học hỏi để cập nhật kiến thức thường xuyên.
CĐR10	Yêu nghề và có đạo đức và trách nhiệm với bản thân, DN và xã hội.

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, TT		
1	Những vấn đề cơ bản	2	0	0	0	8	CĐR:1

	về marketing						
2	Môi trường marketing	2	0	0	0	6	CĐR:2, 9, 10
3	Thị trường và hành vi của khách hàng	2		0	0	14	CĐR:3,8,9,10
4	Chiến lược thị trường	2		0	0	16	CĐR: 5,6,7,8, 9,10
5	Chính sách sản phẩm trong Marketing	3	2	0	0	16	CĐR:3,4, 8,9,10
6	Chính sách giá trong Marketing	3	2	0	0	14	CĐR:3,4, 8,9,10
7	Chính sách phân phối	2	2	0	0	14	CĐR:3,4, 8,9,10
8	Chính sách xúc tiến (truyền thông) MKT	2	2	0	0	16	CĐR:3,4, 8,9,10
9	Chiến lược và KH MKT	2	2	0	0	18	CĐR: 5,7
	Tổng	20	10	0	0	120	

8. Nội dung chi tiết môn học

Chương 1

Những vấn đề cơ bản về marketing

Tổng số: 2 tiết (LT: 2 tiết; BT: 0)

1.1. Những vấn đề cơ bản về marketing

1.1.1. Khái niệm marketing

1.1.2. Vai trò của Marketing trong doanh nghiệp

1.1.3. Quá trình phát triển marketing

1.1.4. Mục tiêu, nhiệm vụ của marketing

1.2. Quản trị marketing

1.2.1. Khái niệm, ý nghĩa của quản trị marketing

1.2.2. Các quan điểm quản trị marketing

Chương 2

Môi trường marketing

Tổng số: 2 tiết (LT: 2 tiết; BT: 0 tiết)

2.1. Hệ thống thông tin marketing (MIS)

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Các bộ phận cấu thành hệ thống thông tin marketing

2.2. Môi trường marketing

2.2.1. Môi trường vĩ mô

2.2.2. Môi trường vi mô

Chương 3

Thị trường và hành vi của khách hàng

Tổng số: 2 tiết (LT: 2 tiết; BT: 0 tiết)

3.1. Thị trường

3.1.1. Khái niệm thị trường

3.1.2. Phân loại thị trường

3.1.3 Đánh giá và dự báo thị trường

3.2. Hành vi mua của người tiêu dùng

3.2.1. Hành vi mua của cá nhân

3.2.2. Hành vi mua của tổ chức

3.2.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi mua của khách hàng

3.3 Quản trị mối quan hệ với khách hàng (CRM)

Chương 4

Chiến lược thị trường

Tổng số: 2 tiết (LT: 2 tiết; BT: 0 tiết)

4.1. Phân đoạn thị trường

4.2.1. Khái niệm, vai trò của phân đoạn thị trường

4.2.2. Yêu cầu khi phân đoạn thị trường

4.2.3. Tiêu thức phân đoạn thị trường

4.3. Lựa chọn thị trường mục tiêu

4.3.1. Khái niệm, vai trò của thị trường mục tiêu

4.3.2. Yêu cầu đối với thị trường mục tiêu

4.3.3. Các phương án lựa chọn thị trường mục tiêu

4.3.4. Các chiến lược đáp ứng thị trường mục tiêu

4.4. Định vị thị trường

4.4.1. Khái niệm

4.4.2. Các chiến lược định vị thị trường

4.4.3. Các bước tiến hành định vị thị trường

Chương 5

Chính sách sản phẩm trong Marketing

Tổng số: 5 tiết (LT: 3 tiết; BT: 2 tiết)

5.1. Sản phẩm trong marketing

5.1.1 Khái niệm

5.1.2 Thuộc tính và kết cấu sản phẩm

5.2 Quyết định về sản phẩm

5.2.1 Quyết định về nhãn hiệu và bao gói sản phẩm

5.2.2. Quyết định về chủng loại và danh mục sản phẩm

5.2.3. Quyết định marketing sản phẩm mới

5.2.4 Marketing với chu kỳ sống của sản phẩm

Chương 6

Chính sách giá trong Marketing

Tổng số: 5 tiết (LT: 3 tiết; BT: 2 tiết)

6.1. Khái niệm và các yếu tố ảnh hưởng đến giá

6.1.1. Khái niệm giá

6.1.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến giá

6.2. Các chiến lược giá

6.2.1 Chiến lược định giá

6.2.2 Chiến lược điều chỉnh giá

Chương 7

Chính sách phân phối

Tổng số: 4 tiết (LT: 2 tiết; BT: 2 tiết)

7.1. Các vấn đề cơ bản về phân phối

7.1.1. Các khái niệm cơ bản trong kênh phân phối

7.1.2 Vai trò của phân phối

7.2. Các chiến lược về phân phối

7.2.1 Lựa chọn kênh phân phối

7.2.2 Quản trị kênh phân phối

Chương 8

Chính sách truyền thông

Tổng số: 4 tiết (LT: 2 tiết; BT: 2 tiết)

8.1. Các vấn đề cơ bản về truyền thông trong MKT

8.1.1 Khái niệm truyền thông

8.1.2 Vai trò của truyền thông

8.2 Các công cụ truyền thông

8.2.1 Quảng cáo

8.2.2 Quan hệ công chúng (Public Relation)

8.2.3 Khuyến mãi

8.2.4 Marketing trực tiếp

Chương 9

Chiến lược và kế hoạch marketing

Tổng số: 4 tiết (LT: 2 tiết; BT: 2 tiết)

9.1. Tổ chức bộ máy quản trị marketing

9.1.1 Khái niệm tổ chức bộ máy MKT

9.1.2 Mô hình tổ chức bộ máy MKT

9.2. Kế hoạch và chiến lược marketing

9.2.1 Kế hoạch marketing

9.2.2. Chiến lược marketing

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	Môi trường marketing	- Thuyết trình - Hỏi đáp	- Bài giảng MKT chương 1 - TLTK liên quan
2	Thị trường và hành vi của khách hàng	- Thuyết trình - Hỏi đáp	- Bài giảng MKT chương 2 - TLTK liên quan
3	Chiến lược thị trường	- Thuyết trình - Hỏi đáp	- Bài giảng MKT chương 3 - TLTK liên quan
4	Chính sách sản phẩm trong Marketing	- Thuyết trình - Thảo luận	- Bài giảng MKT chương 4 - TLTK liên quan
5	Chính sách giá trong Marketing	- Thuyết trình - Thảo luận	- Bài giảng MKT chương 5 - TLTK liên quan
6	Chính sách phân phối	- Thuyết trình - Thảo luận	- Bài giảng MKT chương 6 - TLTK liên quan
7	Chính sách xúc tiến (truyền thông) MKT	- Thuyết trình - Thảo luận	- Bài giảng MKT chương 7 - TLTK liên quan
8	Chính sách xúc tiến (truyền thông) MKT	- Thuyết trình - Hỏi đáp	- Bài giảng MKT chương 8 - TLTK liên quan
9	Chiến lược và KH MKT	- Thuyết trình - Hỏi đáp	- Bài giảng MKT chương 9 - TLTK liên quan

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Có đề cương chi tiết và kế hoạch giảng dạy khi lên lớp

- Có bài giảng và tài liệu tham khảo khi lên lớp
- Cung cấp nguồn học liệu cho sinh viên
- Tổ chức quản lý, kiểm tra, đánh giá sinh viên đúng quy định

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. *Cách đánh giá:*

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	10%	CĐR: 8,9
2	Điểm bài tập	Làm bài tập trên lớp, ở nhà	10%	CĐR: 8,9
3	Điểm thi giữa kỳ	Thi viết/tiểu luận	20%	CĐR: 1,2,3,4,5, 6,7
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi viết/tiểu luận.... Đảm bảo điều kiện tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.	60%	CĐR: 1,2,3,4,5, 6,7

11.3 Rubric đánh giá kết quả học tập

11.3.1. *Đánh giá quá trình học tập*

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Xuất sắc	Giỏi	Đạt yêu cầu	Chưa đạt
		10-9	8-7	6-5	4-0
Chuyên cần	10%	Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp, tham gia lớp	Tham gia khá đầy đủ các buổi học trên lớp, không đi	Tham gia từ 70-80% các buổi học;	Tham gia dưới 70% các buổi học

		tích cực	học muộn, có tham gia xây dựng bài.		
Bài tập (trên lớp/về nhà)	10%	Làm đầy đủ bài tập, đúng hạn, hình thức sạch đẹp, kết quả đúng trên 90%	Làm đầy đủ bài tập, đúng hạn, hình thức tương đối sạch đẹp, kết quả đúng 70 - 80%	Làm bài tập tương đối đầy đủ, hình thức khá sạch đẹp, kết quả đúng 50 - 60%	Làm được dưới 40% số bài tập môn học và không đúng hạn
Kiểm tra giữa kỳ	20%	Làm đúng 90-10% yêu cầu	Làm đúng 70-80% yêu cầu	Làm đúng 50-60% yêu cầu	Làm đúng dưới 40% yêu cầu

2. Đánh giá kết quả bài thi kết thúc học phần (thi tự luận)

Tiêu chí đánh giá		Tỷ lệ (%)	Xuất sắc	Giỏi	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	Điểm
			10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	Lý thuyết	65%	Trả lời được đúng trên 90% số câu hỏi trắc nghiệm, giải thích cụ thể, logic nội dung câu hỏi đúng/sai.	Trả lời được đúng 70 - 80% số câu hỏi trắc nghiệm, giải thích cụ thể, logic nội dung câu hỏi đúng/sai.	Trả lời được đúng 50 - 60 % số câu hỏi trắc nghiệm, câu hỏi đúng/sai.	Trả lời được đúng dưới 40% số câu hỏi trắc nghiệm, câu hỏi đúng/sai.	
	Bài tập	25%	Làm đúng 100% bài tập	Làm đúng 70- 80% bài tập	Làm đúng 50- 60% bài tập	Làm đúng dưới 40% bài tập	
Vận dụng		10%	Bài làm có tính vận dụng, sáng tạo	Có khả năng vận dụng kiến thức	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Không thực hiện được bài tập	

Hình thức	5%	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày logic	Hình thức đẹp, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Cầu thả, trình bày không logic	
-----------	----	---	-----------------------------------	---------------	--------------------------------	--

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

1. Trần Minh Đạo, Giáo trình marketing căn bản, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2009, Hà Nội.

12.2. Tài liệu tham khảo

1. Trương Đình Chiến, Quản trị marketing, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2010, Hà Nội.

2. Vũ Huy Thông, Hành vi người tiêu dùng, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2013, Hà Nội.

HỌC PHẦN: KHỞI SỰ VÀ TẠO LẬP DOANH NGHIỆP

2. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: **Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp**

Tên học phần tiếng Anh: **Starting- up a business**

1.2. Mã học phần: KTDN4

1.3. Số tín chỉ: 2

Lý thuyết : 20 tiết

Bài tập/ Thảo luận : 20 tiết

Bài tập lớn : 0 tiết

Thực hành/ thực tập : 0 tiết

Tự học 80 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Quản trị doanh nghiệp

Khoa/Viện/Trung tâm: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Sau khi học xong môn này sinh viên cần nắm được các kiến thức cơ bản:

- Các kiến thức cơ bản về khởi sự và tạo lập doanh nghiệp.
- Các kiến thức cơ bản về các hoạt động cần thiết để vận hành DN.

4.2. Kỹ năng: Sau khi học xong môn học sinh viên có thể:

- Đưa ra được ý tưởng kinh doanh có tính khả thi.
- Lập kế hoạch kinh doanh, kế hoạch Marketing, kế hoạch doanh thu và chi phí, kế hoạch tài chính cho doanh nghiệp khởi nghiệp
- Thành lập hoặc tái lập một doanh nghiệp

4.3. Thái độ:

- Nhận thức đúng đắn về công việc khởi sự kinh doanh và cách thức tạo lập, vận hành doanh nghiệp.
- Có khả năng học hỏi, tự rèn luyện để hoàn thiện bản thân, nêu cao đạo đức và trách nhiệm với doanh nghiệp, bản thân và xã hội.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cần thiết, các kỹ năng rất cơ bản về khởi sự kinh doanh, và sự vận dụng các kiến thức này vào công tác chuẩn bị cũng như các bước triển khai thành lập và vận hành doanh nghiệp ở một lĩnh vực cụ thể trong thực tiễn sau khi ra trường.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR1	Hiểu được những vấn đề cơ bản về khởi sự kinh doanh
CDR2	Nắm vững được các kiến thức cơ sở về tạo lập doanh nghiệp.
CDR3	Nắm vững được các vấn đề cần thiết khi vận hành doanh nghiệp
Về kỹ năng	
CDR 4	Xây dựng được ý tưởng kinh doanh và thành lập được doanh nghiệp;
CDR5	Xây dựng, đánh giá được các kế hoạch, phương án kinh doanh trong khởi sự kinh doanh
CDR6	Thực hiện các nghiệp vụ, các hoạt động để khởi động vận hành doanh nghiệp.
Về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR7	Có ý thức công dân, chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của nhà nước.
CDR8	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả

CDR9	Yêu nghề, ý thức trách nhiệm với cộng đồng, xã hội, bản thân và doanh nghiệp
------	--

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TH/T T		
1	Những vấn đề cơ bản về khởi sự kinh doanh	4	0	6	0	20	CDR1, 2, 7,9
2	Hình thành ý tưởng và lập kế hoạch khởi sự kinh doanh	6	0	6	0	24	CDR1,2, 3, 4,5,6
3	Tài chính với quá trình khởi sự kinh doanh	5	0	4	0	18	CDR 5,6, 9
4	Tạo lập và triển khai hoạt động kinh doanh	5	0	4	0	18	CDR 3,6,7,8,9
	TỔNG	20	0	20	0	80	

8. Nội dung chi tiết môn học

Chương 1

Những vấn đề cơ bản về khởi sự kinh doanh

(Tổng số tiết: 10, Lý thuyết: 4; bài tập: 0; thảo luận:6)

1.1. Các vấn đề chung về khởi sự kinh doanh

1.1.1. Khái niệm về khởi sự kinh doanh

1.1.2. Lý do khởi sự kinh doanh

1.1.3. Các loại hình khởi sự kinh doanh

1.2. Chuẩn bị trở thành người chủ doanh nghiệp

1.2.1. Yêu cầu tổ chất của doanh nhân thành đạt

1.2.2 Chuẩn bị các tố chất cần thiết

1.2.3. Chuẩn bị các kiến thức cần thiết

1.3. Quy trình và phương thức khởi sự kinh doanh

1.3.1. Quy trình khởi sự kinh doanh

1.3.2 Phương thức khởi sự kinh doanh

Chương 2

Hình thành ý tưởng và lập kế hoạch kinh doanh

(Tổng số tiết 12, lý thuyết: 6, thảo luận: 6, bài tập: 0)

2.1 Nhận diện cơ hội kinh doanh

2.1.1. Cơ hội kinh doanh

2.1.2. Nhận diện cơ hội kinh doanh

2.1.3. Kỹ năng nhận diện cơ hội kinh doanh

2.2. Ý tưởng kinh doanh và đánh giá ý tưởng kinh doanh

2.2.1. Khái niệm ý tưởng kinh doanh

2.2.2. Phương pháp tìm kiếm, sáng tạo ý tưởng kinh doanh

2.2.3. Đánh giá và lựa chọn ý tưởng kinh doanh

2.3. Kế hoạch kinh doanh

2.3.1. Khái niệm

2.3.2. Vai trò và cách phân loại KH

2.3.3 Nội dung cơ bản kế hoạch kinh doanh

2.3.4 Kỹ năng cần thiết khi soạn thảo bản kế hoạch kinh doanh

Chương 3

Tài chính với quá trình khởi sự kinh doanh

(Tổng số tiết: 9, lý thuyết: 5, bài tập: 0, thảo luận: 4)

3.1. Tài chính trong giai đoạn khởi sự kinh doanh

3.1.1. Mục tiêu tài chính khi khởi sự kinh doanh

3.1.2. Nhận thức của người khởi sự về dòng tiền khi khởi sự và những năm đầu kinh doanh

3.2. Báo cáo và phân tích tài chính

3.2.1. Dự báo về các khoản thu nhập và chi phí

3.2.2. Các báo cáo tài chính

3.2.3. Phân tích các chỉ số tài chính cơ bản

Chương 4

Tạo lập và triển khai hoạt động kinh doanh

(Tổng số tiết: 9, lý thuyết 5, thảo luận:4, bài tập: 0)

4.1. Tạo lập doanh nghiệp

4.1.1. Lập kế hoạch tạo lập doanh nghiệp

4.1.2. Tìm nguồn huy động vốn cho công việc kinh doanh

4.1.3. Lựa chọn hình thức pháp lý cho doanh nghiệp

4.2. Triển khai hoạt động kinh doanh

4.2.1. Tổ chức bộ máy quản lý và nhân sự của cơ sở kinh doanh

4.2.2. Thiết kế trụ sở và mua sắm trang thiết bị văn phòng cần thiết

4.2.3. Quản lý các vấn đề liên quan tới kế toán và chi phí

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	Những vấn đề cơ bản về khởi sự kinh doanh	- Thuyết trình - Hỏi đáp	Bài giảng chương 1 và tài liệu tham khảo liên quan
2	Hình thành ý tưởng và lập kế hoạch khởi sự kinh doanh	- Thuyết trình - Hỏi đáp	Bài giảng chương 2, bài tập và tài liệu tham khảo liên quan...
3	Tài chính với quá trình khởi sự kinh doanh	- Thuyết trình - Hỏi đáp	Bài giảng chương 3, bài tập và tài liệu tham khảo liên quan...
4	Tạo lập và triển khai hoạt động kinh doanh	- Thuyết trình - Hỏi đáp	Bài giảng chương 4, bài tập và tài liệu tham khảo liên quan...

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Có đề cương chi tiết và kế hoạch giảng dạy khi lên lớp
- Có bài giảng và tài liệu tham khảo khi lên lớp
- Cung cấp nguồn học liệu cho sinh viên
- Tổ chức quản lý, kiểm tra, đánh giá sinh viên đúng quy định

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. *Cách đánh giá:*

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	10%	CĐR 7,8,9
2	Điểm thảo luận	Trả lời câu hỏi và thảo luận	10%	CĐR 1,2,3,7,8,9
3	Điểm thi giữa kỳ	Thi viết	20%	CĐR1, 2,3,
II	Điểm thi cuối kỳ	Thi viết luận Đảm bảo điều kiện tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.	60%	CĐR 1,2,3, 4,5,6

11.3. Rubric đánh giá kết quả học tập

11.3.2. *Đánh giá chuyên cần cá nhân*

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Xuất sắc	Giỏi	Đạt yêu cầu	Chưa đạt
		10-9	8-7	6-5	4-0
Chuyên cần	20%	Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp,	Tham gia khá đầy đủ các buổi học trên	Tham gia tương đối đầy đủ các buổi	Tham gia một số buổi học trên lớp,

			không đi học muộn, tích cực xây dựng bài.	lớp, không đi học muộn, có tham gia xây dựng bài.	học trên lớp, có đi học muộn, ít phát biểu xây dựng bài	thường xuyên đi học muộn, không phát biểu xây dựng bài
Bài tập/ Thảo luận		20%	Làm đầy đủ bài tập/ tình huống về khởi sự và tạo lập doanh nghiệp, đúng hạn, hình thức sạch đẹp, kết quả đúng trên 90%	Làm đầy đủ bài tập/ tình huống về khởi sự và tạo lập doanh nghiệp, đúng hạn, hình thức tương đối sạch đẹp, kết quả đúng 70 - 80%	Làm đầy đủ bài tập/ tình huống về khởi sự và tạo lập doanh nghiệp, tương đối đầy đủ, hình thức khá sạch đẹp, kết quả đúng 50 - 60%	Làm đầy đủ bài tập/ tình huống về khởi sự và tạo lập doanh nghiệp được dưới 40% số bài tập môn học và không đúng hạn
Thi giữa kỳ	Bài tập	60%	Làm đầy đủ bài tập/ tình huống văn hoá kinh doanh, đúng hạn, hình thức sạch đẹp, kết quả đúng trên 90%	Làm đầy đủ bài tập/ tình huống văn hoá kinh doanh, đúng hạn, hình thức tương đối sạch đẹp, kết quả đúng 70 - 80%	Làm đầy đủ bài tập/ tình huống văn hoá kinh doanh, tương đối đầy đủ, hình thức khá sạch đẹp, kết quả đúng 50 - 60%	Làm bài tập/ tình huống văn hoá kinh doanh được dưới 40% số bài tập môn học và không đúng hạn

11.3.2. Đánh giá kết quả bài thi kết thúc học phần (thi viết luận)

Tiêu chí đánh giá		Tỷ lệ (%)	Xuất sắc	Giỏi	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	Điểm
			10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	Lý thuyết	75%	Trả lời được đúng trên 90% số câu hỏi tự luận,	Trả lời được đúng 70 - 80% số câu hỏi tự luận,	Trả lời được đúng 50 - 60 % số câu hỏi	Trả lời được đúng dưới 40% số câu hỏi	

		giải thích cụ thể, logic nội dung câu hỏi đúng/sai.	giải thích cụ thể, logic nội dung câu hỏi đúng/sai.	tự luận, câu hỏi đúng/sai.	tự luận, câu hỏi đúng/sai.	
Vận dụng	20%	Bài làm có tính vận dụng, sáng tạo	Có khả năng vận dụng kiến thức	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Không thực hiện được bài tập	
Hình thức	5%	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày logic	Hình thức đẹp, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Cẩu thả, trình bày không logic	

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Ngọc Huyền, Ngô Thị Việt Nga (Chủ biên) (2014), Giáo trình Khởi sự kinh doanh, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

12.2. Tài liệu tham khảo

1. Nghệ thuật khởi sự kinh doanh, MBA. Đỗ Thanh Năm, NXB Trẻ, 2005.
2. Xây dựng kế hoạch marketing hoàn hảo (Dành riêng cho doanh nghiệp Việt Nam), Nguyễn Hoàng Phương - Nguyễn Thái Việt, Tủ sách doanh nhân học.
3. Giáo trình Kỹ năng Quản trị, NXB Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2012.
4. Luật doanh nghiệp Việt Nam (2015).

HỌC PHẦN: CƠ SỞ KIẾN TRÚC

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Cơ sở kiến trúc

Tên học phần tiếng Anh: Basic of Architectural Design

1.2. Mã số học phần: CKTR4

1.3. Số tín chỉ: 3

Lý thuyết : 30 tiết

Đồ án/bài tập lớn : 15 tiết

Thảo luận : 0 tiết

Thực hành/thực tập : 0 tiết

Tự học : 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Bộ môn Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Trang bị cho sinh viên các kiến thức khái quát về lịch sử phát triển và các phong cách kiến trúc; cấu tạo và công năng của kiến trúc; hồ sơ bản vẽ thi công kiến trúc

4.2. Kỹ năng: Sinh viên có khả năng phân biệt được các phong cách kiến trúc, đọc được bản vẽ kiến trúc, hiểu được các ký hiệu trong bản vẽ.

4.3. Thái độ: Sinh viên yêu thích môn học và ngành thiết kế nội thất. Nhìn thấy giá trị của tính cẩn trọng, sự chuẩn xác, trung thực trong hoạt động KH&KT.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Môn học Cơ sở thiết kế kiến trúc cung cấp những kiến thức cơ bản về kiến trúc: khái niệm chung về kiến trúc, đặc điểm, yêu cầu và phân loại phân cấp nhà dân dụng.

Các phong cách kiến trúc từ kiến trúc cổ đại đến kiến trúc hiện đại ngày nay được truyền tải trong nội dung môn học. Ngoài ra hệ thống kiến thức về cấu tạo kiến trúc nhà và các loại bản vẽ kỹ thuật được đưa vào chương trình bổ sung kiến thức nền tảng vững chắc cho sinh viên ngành thiết kế nội thất.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR1	Nhớ được lịch sử phát triển và đặc điểm của các phong cách kiến trúc
CDR2	Hiểu được trình tự thiết kế kiến trúc, cấu tạo và công năng của kiến trúc
CDR3	Phân tích được hồ sơ bản vẽ thi công kiến trúc
Về kỹ năng	
CDR4	Áp dụng được trình tự thiết kế, cấu tạo vào thiết kế các bản vẽ kiến trúc
CDR5	Áp dụng được các ký hiệu trong việc đọc bản vẽ kiến trúc

Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR6	Hiểu được giá trị của tính cân trọng, sự chuẩn xác trong hoạt động thiết kế kiến trúc
CĐR 7	Hiểu trách nhiệm của bản thân trong quá trình học tập và sáng tạo trong làm việc nhóm

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					Chuẩn đầu ra (HP)
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	
		Lý thuyết	Đồ án/ bài tập lớn	Thảo luận	Thực hành, thực tập		
1	Tổng quan về kiến trúc	5					CĐR 1 CĐR 6 CĐR 7
2	Khái quát quá trình phát triển các phong cách kiến trúc	10	5				CĐR 1 CĐR 6 CĐR 7
3	Phương pháp và trình tự thiết kế kiến trúc	2					CĐR 2 CĐR 3 CĐR 6 CĐR 7
4	Cấu tạo kiến trúc	8	5				CĐR 2 - 7
5	Bản vẽ kỹ thuật	5	5				CĐR 3 - 7

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

Tổng quan về kiến trúc

(Số tiết: 5, lý thuyết 05; bài tập: 0)

1.1. Khái niệm chung về kiến trúc

1.2. Đặc điểm và yêu cầu của kiến trúc

1.3. Phân loại và phân cấp nhà dân dụng

1.4. Kết cấu kiến trúc và phân loại kết cấu kiến trúc

Chương 2

Khái quát quá trình phát triển các phong cách kiến trúc

(Số tiết:15, lý thuyết 10; đồ án: 05)

- 2.1. Kiến trúc cổ đại Ai Cập, Lương Hà, Ba Tư, Hy Lạp và La Mã
- 2.2. Kiến trúc Byzantine, Roman, Gothic
- 2.3. Kiến trúc Phục Hưng, Barocco và Roccoco
- 2.4. Kiến trúc Tân cổ điển
- 2.5. Kiến trúc Hiện đại

Chương 3

Phương pháp và trình tự thiết kế kiến trúc

(Số tiết: 02, lý thuyết 02; bài tập: 0)

- 3.1. Khái niệm về thiết kế kiến trúc
- 3.2. Nội dung và phương pháp luận trong thiết kế kiến trúc
- 3.3. Trình tự thiết kế kiến trúc

Chương 4

Cấu tạo kiến trúc

(Số tiết:13, lý thuyết 08; đồ án: 05)

- 4.1. Móng
- 4.2. Tường và trụ
- 4.3. Sàn
- 4.4. Mái
- 4.5. Cửa
- 4.6. Cầu thang
- 4.7. Các bộ phận khác

Chương 5

Bản vẽ kỹ thuật

(Số tiết:10, lý thuyết 05; đồ án; 05)

- 5.1. Những khái niệm về bản vẽ kỹ thuật
- 5.2. Bản vẽ nhà
- 5.3. Bản vẽ kết cấu bê tông cốt thép
- 9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ KIẾN TRÚC		

1.1	Khái niệm chung về kiến trúc	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.2	Đặc điểm và yêu cầu của kiến trúc	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.3	Phân loại và phân cấp nhà dân dụng	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.4	Kết cấu kiến trúc và phân loại kết cấu kiến trúc	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
2	CHƯƠNG II: KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CÁC PHONG CÁCH KIẾN TRÚC		
2.1	Kiến trúc cổ đại Ai Cập, Luỡng Hà, Ba Tư, Hy Lạp và La Mã	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.2	Kiến trúc Byzantine, Roman, Gothic	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.3	Kiến trúc Phục Hưng, Barocco và Roccoco	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.4	Kiến trúc Tân cổ điển	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.5	Kiến trúc Hiện đại	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
3	CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP VÀ TRÌNH TỰ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC		
3.1	Khái niệm về thiết kế kiến trúc	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.2	Nội dung và phương pháp luận trong thiết kế kiến trúc	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.3	Trình tự thiết kế kiến trúc	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
4	CHƯƠNG 4: CẤU TẠO KIẾN TRÚC		
4.1	Các cấu kiện thẳng đứng	Thuyết trình, hỏi	Máy chiếu, máy

		đáp, não công	tính
4.2	Các cấu kiện nằm ngang	Thuyết trình, hỏi đáp, não công	Máy chiếu, máy tính
4.3	Các bộ phận khác	Thuyết trình, hỏi đáp, não công	Máy chiếu, máy tính
5	CHƯƠNG 5: BẢN VẼ KỸ THUẬT		
5.1	Những khái niệm về bản vẽ kỹ thuật	Thuyết trình + hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
5.2	Bản vẽ kiến trúc	Thuyết trình, hỏi đáp, não công	Máy chiếu, máy tính
5.3	Bản vẽ kết cấu bê tông cốt thép	Thuyết trình, hỏi đáp, não công	Máy chiếu, máy tính
5.4	Bản vẽ điện nước	Thuyết trình, hỏi đáp, não công	Máy chiếu, máy tính
6	Đồ án (15 TIẾT)		
6.1	Bài 1: Phân biệt sự khác nhau giữa các phong cách kiến trúc	Thuyết trình, hỏi đáp, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng
6.2	Bài 2: Phân biệt kết cấu móng, tường, cửa đi và cửa sổ kiến trúc và thiết kế các kết cấu đó theo mặt bằng đã cho sẵn	Thuyết trình, hỏi đáp, thị phạm	Máy chiếu, máy tính
6.2	Bài 3: Thiết kế hồ sơ bản vẽ kiến trúc và trình bày cách đọc bản vẽ kiến trúc	Thuyết trình, hỏi đáp, thị phạm	Máy chiếu, máy tính

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học
- Điềm danh, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy
- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. *Cách đánh giá:*

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	16	CĐR 7
2	Điểm đồ án	Hoàn thành đủ các bài đồ án theo yêu cầu	8	CĐR 1 CĐR 2; CĐR 3
3	Điểm thi giữa kỳ	Thuyết trình đọc bản vẽ kiến trúc và phong cách kiến trúc	16	CĐR 4 CĐR 5
II	Điểm thi cuối kỳ	Vấn đáp	60%	CĐR 1 - 5

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. *Đánh giá kết quả điểm chuyên cần*

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. *Đánh giá kết quả kiểm tra giữa kỳ*

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	

		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Thuyết trình xuất sắc. Trình bày đúng trình tự, có logic.	Thuyết trình tốt. Trình bày đúng yêu cầu	Thuyết trình đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả đồ án

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Đồ án	30	Đủ số bài đồ án được giao, hình thức sạch đẹp. Đúng hạn	Đủ số lượng bài đồ án. Đúng hạn	Đủ bài đồ án nhưng nộp trễ hoặc thiếu 10% bài tập	Dưới 80% bài đồ án. Bài tập do người khác thực hiện	
Nội dung	70	Đúng trên 90% yêu cầu	Đúng 70 - 90% yêu cầu	Đúng 40 - 70% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm đúng dưới 40%. Nội dung kiến thức không đạt yêu cầu.	
Điểm tổng						

11.3.4. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Câu hỏi chính	90	Trả lời đúng theo yêu cầu trên 90%	Trả lời đúng theo yêu cầu 70-90%	Trả lời đúng theo yêu cầu 50-69%	Trả lời đúng theo yêu cầu <50%	

Câu hỏi phụ	10	Trả lời đúng theo yêu cầu trên 90%	Trả lời đúng theo yêu cầu 70-90%	Trả lời đúng theo yêu cầu 50-69%	Trả lời đúng theo yêu cầu <50%	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Văn Hiệu, Nguyễn Thị Hương Giang (2020). *Bài giảng “Cơ sở thiết kế kiến trúc”*. Trường Đại học Lâm nghiệp

12.2. Tài liệu tham khảo

1. Phan Tấn Hải, Võ Đình Diệp, Cao Xuân Lương. Nguyên lý cấu tạo kiến trúc. Nhà xuất bản trẻ năm 1997

2. Tạ Trường Xuân. Nguyên lý thiết kế kiến trúc. Tái bản: Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội, 2010.

HỌC PHẦN: TIN HỌC CHUYÊN NGÀNH THIẾT KẾ NỘI THẤT

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Tin học chuyên ngành thiết kế nội thất

Tên học phần tiếng Anh: Informatics majoring in interior design

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 3

Lý thuyết : 5 tiết

Bài tập : 0 tiết

Thực hành/thực tập : 40 tiết

Tự học : 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phần mềm đồ họa thực hiện các bản vẽ 2D dùng trong chuyên ngành thiết kế nội thất.

4.2. Kỹ năng: Sử dụng thành thạo phần mềm Autocad để vẽ các bản vẽ 2D nội thất. Có kỹ năng tư duy và phân tích định hướng công việc để thực hiện dự án thiết kế.

4.3. Thái độ: Rèn luyện được tính tự chủ và độc lập trong công việc, khả năng quản lý thời gian và làm việc nhóm. Rèn luyện tính kiên trì, trung thực trong học tập, sự chuẩn xác, trung thực trong hoạt động KH&KT.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Môn học Tin học chuyên ngành thiết kế nội thất cung cấp những kiến thức và kỹ năng sử dụng phần mềm AutoCad. Trình bày những kiến thức chung (tổng quan) về thiết kế nội thất trên máy tính, cách thiết lập file Cad mẫu, các lệnh vẽ và lệnh hiệu chỉnh cơ bản, các lệnh quản lý và in ấn bản vẽ.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR1	Nhớ được trình tự thiết lập 1 file CAD mẫu
CDR2	Hiểu được các lệnh vẽ, lệnh hiệu chỉnh cơ bản trong AutoCAD
CDR3	Hiểu được các lệnh quản lý và in ấn bản vẽ
Về kỹ năng	
CDR4	Áp dụng được trình tự thiết lập file CAD mẫu để thiết lập file mẫu
CDR5	Áp dụng được các lệnh vẽ và hiệu chỉnh cơ bản trong thể hiện hồ sơ bản vẽ kỹ thuật
CDR6	Áp dụng được các lệnh quản lý và in ấn bản vẽ 2D
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR 7	Phân tích được định hướng công việc và đánh giá khả năng làm việc nhóm.
CDR 8	Hiểu trách nhiệm của bản thân trong quá trình thực hiện, quản lý và kiểm tra giám sát thiết kế các bản vẽ nội thất

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần		
		Lên lớp	Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)

		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập	
1	Tổng quan về Autocad	1			5	CĐR 1 CĐR 4 CĐR 7 CĐR 8
2	Các lệnh vẽ cơ bản draw	1			10	CĐR 2 CĐR 5 CĐR 7 CĐR 8
3	Các lệnh hiệu chỉnh modify	1			5	CĐR 2 CĐR 5 CĐR 7 CĐR 8
4	Ghi kích thước và chữ trong bản vẽ	1			2	CĐR 3 CĐR 6 CĐR 7 CĐR 8
5	Nhóm đối tượng - quản lý đối tượng	1			5	CĐR 3 CĐR 6 CĐR 7 CĐR 8
6	Quản lý và in bản vẽ bằng Layout, Sheets Set Manager				3	CĐR 3 CĐR 6 CĐR 7 CĐR 8
7	Vẽ các bản vẽ nội thất				10	CĐR 1 - CĐR 8

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

Tổng quan về Autocad

(Số tiết: 06, lý thuyết: 01; thực hành: 05)

- 1.1. Khởi động và thoát khỏi AutoCAD
- 1.2. Cấu trúc màn hình đồ họa AutoCAD
- 1.3. Lưu và mở bản vẽ trong AutoCAD
- 1.4. Thiết lập môi trường bản vẽ và quản lý đối tượng trong bản vẽ
- 1.5. Truy bắt điểm
- 1.6. Hệ tọa độ
- 1.7. Tạo file Cad mẫu

Chương 2

Các lệnh vẽ cơ bản draw

(Số tiết: 11, lý thuyết: 01; thực hành: 10)

- 2.1. Nhóm lệnh Line, Pline, Xline, Ray, Mline
- 2.2. Nhóm lệnh Arc, Circle, Elip, Spline
- 2.3. Nhóm lệnh Point, Divide
- 2.4. Nhóm lệnh Rectang, Polygon

Chương 3

Các lệnh hiệu chỉnh modify

(Số tiết: 06, lý thuyết: 01; thực hành: 05)

- 3.1. Nhóm lệnh Copy, Move, Rotate, Earse
- 3.2. Nhóm lệnh Mirror, Offset
- 3.3. Nhóm lệnh Trim, Extend
- 3.4. Nhóm lệnh Fillet, Champer
- 3.5. Nhóm lệnh Scale, Align, Stretch
- 3.6. Nhóm lệnh Explode, Join
- 3.7. Lệnh Array
- 3.8. Lệnh Hatch và hiệu chỉnh Hatch

Chương 4

Ghi kích thước và chữ trong bản vẽ

(Số tiết: 03, lý thuyết: 01; thực hành: 02)

- 4.1. Text Style
- 4.2. Dimension Style

Chương 5

Nhóm đối tượng, quản lý đối tượng

(Số tiết: 06, lý thuyết: 01; thực hành: 05)

- 5.1. Block, Block thuộc tính, Block động
- 5.2. Tạo khung tên Block thuộc tính
- 5.3. Tạo và quản lý Layer

Chương 6

Quản lý và in bản vẽ bằng Layout – Sheets Set Manager

(Số tiết: 03, lý thuyết: 0; thực hành: 03)

- 6.1. Quản lý bản vẽ bằng Layout
- 6.2. Quản lý bản vẽ bằng Sheets Manager
- 6.3. Thiết lập nét in Plotstyle, khổ giấy in Paper size, máy in Plotter
- 6.4. Xuất danh mục bản vẽ và in hồ sơ bản vẽ tự động

Chương 7

Vẽ các bản vẽ nội thất

(Số tiết: 10, lý thuyết: 0; thực hành: 10)

- 7.1. Vẽ sản phẩm nội thất cơ bản
- 7.2. Vẽ các loại bản vẽ mặt bằng nội thất

7.3. Vẽ các bản vẽ mặt đứng, mặt cắt nội thất

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ AUTOCAD		
1.1	Khởi động và thoát khỏi AutoCAD	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.2	Cấu trúc màn hình đồ họa AutoCAD	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.3	Lưu và mở bản vẽ trong AutoCAD	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.4	Thiết lập môi trường bản vẽ và quản lý đối tượng trong bản vẽ	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.5	Truy bắt điểm đối tượng	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.6	Hệ tọa độ	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.7	Tạo file Cad mẫu	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
2	CHƯƠNG 2: CÁC LỆNH VẼ CƠ BẢN DRAW		
2.1	Nhóm lệnh Line, Pline, Xline, Ray, Mline	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.2	Nhóm lệnh Arc, Circle, Elipse, Spline	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.3	Nhóm lệnh Point, Divide	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.4	Nhóm lệnh Rectang, Polygon	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
3	CHƯƠNG 3: CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH MODIFY		

3.1	Nhóm lệnh Copy, Move, Rotate, Erase	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.2	Nhóm lệnh Mirror, Offset	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.3	Nhóm lệnh Trim, Extend	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.4	Nhóm lệnh Fillet, Chamfer	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.5	Nhóm lệnh Scale, Align, Stretch	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.6	Nhóm lệnh Explode, Join	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.7	Lệnh Array	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.8	Lệnh Hatch và hiệu chỉnh Hatch	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
4	CHƯƠNG 4: GHI KÍCH THƯỚC VÀ CHỮ TRONG BẢN VẼ		
4.1	Text Style	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
4.2	Dimension Style	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
5	CHƯƠNG 5: NHÓM ĐỐI TƯỢNG - QUẢN LÝ ĐỐI TƯỢNG		
5.1	Block, Block thuộc tính, Block động	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
5.2	Tạo khung tên Block thuộc tính	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
5.3	Tạo và quản lý Layer	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
6	CHƯƠNG 6: QUẢN LÝ VÀ IN BẢN VẼ BẰNG LAYOUT, SHEETS SET MANAGER		
6.1	Quản lý bản vẽ bằng Layout	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
6.2	Quản lý bản vẽ bằng Sheets Manager	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
6.3	Thiết lập nét in Plotstyle, khổ giấy in Paper size, máy in Plotter	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
6.4	Xuất danh mục bản vẽ và in hồ sơ bản vẽ tự động	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
7	CHƯƠNG 7: VẼ CÁC BẢN VẼ NỘI THẤT		

7.1	Vẽ sản phẩm nội thất cơ bản	Thị phạm trên máy tính	Máy chiếu, máy tính, bảng
7.2	Vẽ các loại bản vẽ mặt bằng nội thất	Thị phạm trên máy tính	Máy chiếu, máy tính, bảng
7.3	Vẽ các bản vẽ mặt đứng, mặt cắt nội thất	Thị phạm trên máy tính	Máy chiếu, máy tính, bảng

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học
- ĐIỂM DANH, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy
- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết.
- Tham dự 100% số giờ thực hành.
- Hoàn thành tất cả các bài thực hành.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. **Thang điểm đánh giá:** Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	8%	CĐR 1 - CĐR 8
2	Điểm thực hành	Hoàn thành đủ 15 bài tập theo yêu cầu	24%	CĐR 1 - CĐR 6
3	Điểm thi giữa kỳ	Dựng mặt bằng nội thất theo yêu cầu có sẵn	8%	CĐR 1 - CĐR 6
II	Điểm thi cuối kỳ	Thực hành trên máy tính	60%	CĐR 1 - CĐR 8

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. Đánh giá kết quả điểm chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả thực hành

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia các bài thực hành	20	Tham gia trên 90% bài thực hành	Tham gia từ 80-90% bài thực hành	Tham gia từ 70-79% số bài thực hành	Tham gia dưới 70% số bài thực hành	
Ý thức trong giờ học, ghi chép, thực hiện nội dung thực hành	30	Chú ý nghe giảng, thực hiện tốt trên 90% nội dung thực hành	Chú ý nghe giảng, tham gia thực hiện được 70-90% nội dung thực hành	Có tham gia thực hiện được 60-70% nội dung thực hành	Có tham gia thực hiện được dưới 60% nội dung thực hành	
Kiểm tra thực hành	50	Hiểu và làm đúng trên 90% nội dung	Hiểu và làm đúng 70-90% nội dung thực	Hiểu và làm đúng 50-60% nội dung	Hiểu và làm đúng dưới 50% nội dung thực	

		thực hành	hành	thực hành	hành	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả thi giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.4. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

1. Bài giảng “Tin học chuyên ngành TKNT” (Giảng viên cung cấp).

12.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hữu Lộc. Sử dụng AutoCAD 2008. Tập 1, Cơ sở thiết kế hai chiều (2D). NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2007.

2. Nguyễn Hữu Lộc. Sử dụng AutoCAD 2008. Tập 2, Hoàn thiện bản vẽ thiết kế hai chiều. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2007.

HỌC PHẦN: TIN HỌC NÂNG CAO

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Tin học nâng cao

Tên học phần tiếng Anh: Advanced Informatics

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 2

Lý thuyết : 5 tiết

Bài tập : 0 tiết

Thực hành : 25 tiết

Tự học : 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phần mềm đồ họa Sketchup thực hiện các bản vẽ 2D và 3D dùng trong chuyên ngành thiết kế nội thất.

4.2. Kỹ năng: Sử dụng thành thạo phần mềm đồ họa Sketchup để vẽ các bản vẽ 3D nội thất. Có kỹ năng tư duy và phân tích định hướng công việc để thực hiện dự án thiết kế.

4.3. Thái độ: Rèn luyện được tính tự chủ và độc lập trong công việc, khả năng quản lý thời gian và làm việc nhóm. Rèn luyện tính kiên trì, trung thực trong học tập, sự chuẩn xác, trung thực trong hoạt động KH&KT.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Môn học Tin học chuyên ngành thiết kế nội thất cung cấp những kiến thức và kỹ năng sử dụng phần mềm đồ họa Sketchup. Trình bày những kiến thức chung (tổng quan) về Sketchup, cách thiết lập file vẽ mẫu; các công cụ làm việc trong Sketchup, quản lý đối tượng, cài đặt và sử dụng Plugin, sử dụng Vray trong Sketchup.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CĐR1	Nhớ được trình tự thiết lập 1 file vẽ mẫu
CĐR2	Hiểu được các công cụ làm việc trong Sketchup
CĐR3	Hiểu được các lệnh quản lý đối tượng
CĐR4	Hiểu được tác dụng của các Plugin và Vray trong Sketchup
Về kỹ năng	
CĐR5	Thiết lập được file mẫu để thiết lập file mẫu
CĐR6	Áp dụng được các công cụ làm việc trong Sketchup để thể hiện bản vẽ 2D, bản vẽ 3D
CĐR 7	Áp dụng được các lệnh quản lý đối tượng để thể hiện bản vẽ 2D, 3D
CĐR 8	Áp dụng được các Plugin và Vray trong thiết kế bản vẽ 2D và 3D trong Sketchup
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR 9	Phân tích được định hướng công việc và đánh giá khả năng làm việc nhóm.
CĐR 10	Hiểu trách nhiệm của bản thân trong quá trình thực hiện, quản lý và kiểm tra giám sát thiết kế các bản vẽ nội thất

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lên lớp				Thực hành, thực tập		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
1	Tổng quan về Sketchup	1			3		CĐR 1 CĐR 5 CĐR 9 CĐR 10	
2	Các công cụ làm việc trong Sketchup	2			10		CĐR 2 CĐR 6 CĐR 9 CĐR 10	

3	Nhóm quản lý đối tượng	1			2		CĐR 3 CĐR 7 CĐR 9 CĐR 10
4	Cài đặt và sử dụng Plugin thông dụng trong thiết kế nội thất và kiến trúc				6		CĐR 4 CĐR 8 CĐR 9 CĐR 10
5	Vray cho Sketchup	1			4		CĐR 4 CĐR 8 CĐR 9 CĐR 10

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

Tổng quan về Sketchup

(Số tiết: 04, lý thuyết: 01; thực hành: 03)

1.1. Thiết lập giao diện

1.1.1. Khởi động và tắt Sketchup

1.1.2. Mở File vẽ mẫu

1.1.3. Mở bảng Show Tray

1.1.4. Mở bảng Preference

1.1.5. Chọn hệ tọa độ

1.1.6. Khóa biểu tượng hình người tại tọa độ gốc

1.1.7. Lưu file vẽ mẫu

1.2. Thiết lập đơn vị cho hình khối

Chương 2

Các công cụ làm việc trong Sketchup

(Số tiết: 12, lý thuyết: 02; thực hành: 10)

2.1. Công cụ vẽ cơ bản (Draw Tool)

2.1.1. Lệnh Line

2.1.2. Lệnh Rectangle

2.1.3. Lệnh Polygon

2.1.4. Lệnh Circle

2.1.5. Lệnh Arc

2.1.6. Lệnh vẽ tự do Freehand

2.2. Công cụ hiệu chỉnh (Edit Tool)

2.2.1. Lệnh Move

2.2.2. Lệnh Rotate

2.2.3. Lệnh Scale

- 2.2.4. *Lệnh Push/Pull*
- 2.2.5. *Lệnh Follow me*
- 2.2.6. *Lệnh Offset*
- 2.2.7. *Lệnh Paint Bucket (đổ màu vật liệu)*
- 2.2.8. *Lệnh Erase (xóa) và Select (chọn đối tượng)*
- 2.3. Công cụ đo đạc (Construction Tool)
 - 2.3.1. *Tape Measure*
 - 2.3.2. *Dimension*
 - 2.3.3. *Protractor*
 - 2.3.4. *Text*
 - 2.3.5. *Axes*
 - 2.3.6. *3D Text*
- 2.4. Công cụ thao tác (Camera Tool)
 - 2.4.1. *Orbit*
 - 2.4.2. *Hand*
 - 2.4.3. *Zoom*
 - 2.4.4. *Zoom Window*
 - 2.4.5. *Previous*
 - 2.4.6. *Position Camera*
 - 2.4.7. *Look Around*
 - 2.4.8. *Walk*
- 2.5. Công cụ mặt cắt (Section Tool)

Chương 3

Nhóm quản lý đối tượng

(Số tiết: 03, lý thuyết: 01; thực hành: 02)

- 3.1. Tạo và quản lý Component
- 3.2. Tạo và quản lý Layer
- 3.3. Quản lý Outliner
- 3.4. Thiết lập và quản lý mô hình

Chương 4

Cài đặt và sử dụng Plugin thông dụng trong thiết kế nội thất và kiến trúc

(Số tiết: 06, lý thuyết: 0; thực hành: 06)

- 4.1. Các plugin - extension nền tảng
 - 4.4.1. *LibFredo6*
 - 4.4.2. *TT_lib2*
 - 4.4.3. *1001bit (Free vesion)*
 - 4.4.4. *SketchUcation*
 - 4.4.5. *JHS powerbar*
- 4.2. Plugin - Extension dựng hình

- 4.2.1. BZ toolbar
- 4.2.2. Shape Bender
- 4.2.3. Tool On Surface
- 4.2.4. Joint Pushpull
- 4.2.5. Curviloft
- 4.2.6. Round Corner
- 4.2.7. SketchyFFD
- 4.2.8. Fredo tool
- 4.2.9. Dibac
- 4.3. Plugin sửa lỗi
 - 4.3.1. CleanUp
 - 4.3.2. Solid Inspector
 - 4.3.3. Fix Solid
- 4.4. Plugin vật liệu
 - 4.4.1. Sketchup UV
 - 4.4.2. Thrupaint

Chương 5

Vray cho Sketchup

(Số tiết: 05, lý thuyết: 01; thực hành: 04)

- 5.1. Giao diện người dùng (UI)
- 5.2. Tạo vật liệu
- 5.3. Các ớp vật liệu cho công trình
- 5.4. Tùy chọn Render

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ SKETCHUP		
1.1	Thiết lập giao diện	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.2	Thiết lập đơn vị cho hình khối	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
2	CHƯƠNG 2: CÁC CÔNG CỤ LÀM VIỆC TRONG SKETCHUP		
2.1	Công cụ vẽ cơ bản (Draw Tool)	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.2	Công cụ hiệu chỉnh (Edit Tool)	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.3	Công cụ đo đạc (Construction Tool)	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy

		phạm	tính, bảng
2.4	Công cụ thao tác (Camera Tool)	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.5	Công cụ mặt cắt (Section Tool)	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
3	CHƯƠNG 3: NHÓM QUẢN LÝ ĐỐI TƯỢNG		
3.1	Tạo và quản lý Component	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.2	Tạo và quản lý Layer	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.3	Quản lý Outliner	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.4	Thiết lập và quản lý mô hình	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
4	CHƯƠNG 4: CÀI ĐẶT VÀ SỬ DỤNG PLUGIN THÔNG DỤNG TRONG THIẾT KẾ NỘI THẤT VÀ KIẾN TRÚC		
4.1	Các plugin - extension nền tảng	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
4.2	Plugin - Extension dựng hình	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
4.3	Plugin sửa lỗi	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
4.4	Plugin vật liệu	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
5	CHƯƠNG 5: VRAY CHO SKETCHUP		
5.1	Giao diện người dùng (UI)	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
5.2	Tạo vật liệu	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
5.3	Các ớp vật liệu cho công trình	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
5.4	Tùy chọn Render	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học
- Điểm danh, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy
- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết.
- Tham dự 100% số giờ thực hành.
- Hoàn thành tất cả các bài thực hành.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. *Cách đánh giá:*

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	8%	CĐR 1- CĐR 10
2	Điểm thực hành	Hoàn thành đủ 20 bài thực hành theo yêu cầu	24%	CĐR 1 - CĐR 10
3	Điểm thi giữa kỳ	Dựng công trình nhà phố	8%	CĐR 1 - CĐR 8
II	Điểm thi cuối kỳ	Thực hành trên máy tính	60%	CĐR 1 -8

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. *Đánh giá kết quả điểm chuyên cần*

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	

Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả thực hành

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia các bài thực hành	20	Tham gia trên 90% bài thực hành	Tham gia từ 80-90% bài thực hành	Tham gia từ 70-79% số bài thực hành	Tham gia dưới 70% số bài thực hành	
Ý thức trong giờ học, ghi chép, thực hiện nội dung thực hành	30	Chú ý nghe giảng, thực hiện tốt trên 90% nội dung thực hành	Chú ý nghe giảng, tham gia thực hiện được 70-90% nội dung thực hành	Có tham gia thực hiện được 60-70% nội dung thực hành	Có tham gia thực hiện được dưới 60% nội dung thực hành	
Kiểm tra thực hành	50	Hiểu và làm đúng trên 90% nội dung thực hành	Hiểu và làm đúng 70-90% nội dung thực hành	Hiểu và làm đúng 50-60% nội dung thực hành	Hiểu và làm đúng dưới 50% nội dung thực hành	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả thi giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.4. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

1. Bài giảng “Tin học nâng cao” (Giảng viên cung cấp).

12.2. Tài liệu tham khảo

1. ThS.KTS. Lê Quốc Hưng (2016). Giáo trình Sketchup 2013. NXB Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh.

2. <http://www.sketchup.com/learn/video/826>

3. <http://www.3dwarehouse.sketchup.com>

5. <http://www.sketchup.google.com/intl/en/training/videos.html>

HỌC PHẦN: KỸ THUẬT XỬ LÝ ẢNH TRONG THIẾT KẾ NỘI THẤT

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Kỹ thuật xử lý ảnh trong thiết kế nội thất

Tên học phần tiếng Anh: Application of Photoshop in Interior Design

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 2

Lý thuyết : 05 tiết

Thực hành : 25 tiết

Tự học : 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Bộ môn Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Giúp sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản về ảnh và các công cụ, chức năng phần mềm chỉnh sửa ảnh trong việc thể hiện các ý tưởng thiết kế nội thất.

4.2. Kỹ năng: Sinh viên áp dụng được các kỹ năng chỉnh sửa ảnh 3D, 2D, kỹ năng dàn trang để hoàn thiện các ý tưởng thiết kế nội thất.

4.3. Thái độ: Sinh viên hiểu được trách nhiệm của bản thân trong học tập và làm việc nhóm, có thái độ làm việc tích cực, nghiêm túc, chính xác, có khả năng tự học hỏi và làm việc độc lập.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về công cụ xử lý ảnh; các công cụ chỉnh sửa ảnh cơ bản để cắt ghép, định dạng để chỉnh sửa màu sắc, ánh sáng, vật liệu cho ảnh; công cụ layer và các công cụ tạo hiệu ứng cho đối tượng để minh họa chân thật không gian nội thất.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR1	Nhớ được giao diện của công cụ xử lý ảnh
CDR2	Hiểu được công cụ thường dùng chỉnh sửa ảnh áp dụng trong thiết kế nội thất
Về kỹ năng	
CDR3	Áp dụng được các công cụ trong tạo và hiệu chỉnh vùng chọn
CDR4	Áp dụng được các công cụ trong biên tập ảnh
CDR5	Áp dụng được các công cụ chỉnh sửa màu sắc và xử lý hậu kỳ trong thiết kế nội thất
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	

CĐR6	Sáng tạo và áp dụng làm việc độc lập trong xử lý hậu kỳ thiết kế nội thất
CĐR 7	Hiệu trách nhiệm của bản thân trong quá trình học tập và sáng tạo trong làm việc nhóm

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
1	Tổng quan và các khái niệm trong Photoshop	6			5		CĐR 1 CĐR 6 CĐR 7
2	Công cụ thường dùng trong photoshop	9			10		CĐR 2 - CĐR 7
3	Chỉnh sửa ảnh hậu kỳ				15		CĐR 2 - CĐR 7

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

Tổng quan và các khái niệm trong Photoshop

(Số tiết: 11, lý thuyết: 06; thực hành: 05)

- 1.1. Giao diện Photoshop
 - 1.1.1. Thanh Menu
 - 1.1.2. Hộp công cụ
 - 1.1.3. Thanh lựa chọn
 - 1.1.4. Thanh trạng thái
 - 1.1.5. Nhóm Panel
 - 1.1.6. Một số công cụ khác
- 1.2. Khái niệm cơ bản trên ảnh
 - 1.2.1. Tạo và mở một File mới
 - 1.2.2. Các kiểu đuôi ảnh thường dùng
 - 1.2.3. Pixel
 - 1.2.4. Độ phân giải của ảnh

1.3. Công năng của layer trong Photoshop

- 1.3.1. Khái niệm layer
- 1.3.2. Chế độ hòa chọn
- 1.3.3. Thuộc tính của layer
- 1.3.4. Thao tác với layer
- 1.3.5. Layer Mask

Chương 2

Công cụ thường dùng trong photoshop

(Số tiết:19, lý thuyết: 09: thực hành: 10)

2.1. Tạo và hiệu chỉnh vùng chọn

- 2.1.1. Marquee Tool
- 2.1.2. Lasso Tool
- 2.1.3. Quick Selection Tool
- 2.1.4. Magic wand Tool
- 2.1.5. Color Range
- 2.1.6. Biên tập vùng chọn

2.2. Di chuyển đối tượng

2.3. Transform Selection

2.4. Công cụ biên tập ảnh

- 2.4.1. Pattern Stamp Tool
- 2.4.2. Eraser Tool
- 2.4.3. Burn và Dodge
- 2.4.4. Healing Brush Tool
- 2.4.5. Crop Tool
- 2.4.6. Gradient Tool

2.5. Lệnh hiệu chỉnh màu sắc ảnh

- 2.5.1. Brightness / Contrast
- 2.5.2. Hue/Saturation
- 2.5.3. Color Balance
- 2.5.4. Levels
- 2.5.5. Curves

Chương 3

Chỉnh sửa ảnh hậu kỳ

(Số tiết:15, lý thuyết: 0: thực hành: 15)

- 3.1. Chỉnh sửa ảnh đơn giản
- 3.2. Xử lý bối cảnh thường dùng
- 3.3. Hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc nội ngoại thất
- 3.4. Tạo hiệu ứng ảnh đặc biệt
- 3.5. Xử lý ảnh 3D nội thất
- 3.6. Tạo bản vẽ mặt bằng bằng Photoshop

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VÀ CÁC KHÁI NIỆM TRONG PHOTOSHOP		
1.1	Giao diện Photoshop	Thuyết trình, thị phạm, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.2	Khái niệm cơ bản trên ảnh	Thuyết trình, thị phạm, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.3	Công năng của layer trong Photoshop	Thuyết trình, thị phạm, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng
2	CHƯƠNG 2: CÔNG CỤ THƯỜNG DÙNG TRONG PHOTOSHOP		
2.1	Tạo và hiệu chỉnh vùng chọn	Thuyết trình, thị phạm, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.2	Di chuyển đối tượng	Thuyết trình, thị phạm, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.3	Transform Selection	Thuyết trình, thị phạm, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.4	Công cụ biên tập ảnh	Thuyết trình, thị phạm, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.5	Lệnh hiệu chỉnh màu sắc ảnh	Thuyết trình, thị phạm, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng
3	CHƯƠNG 3: CHỈNH SỬA ẢNH HẬU KỲ		

3.1	Chỉnh sửa ảnh đơn giản	Thị phạm, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.2	Xử lý bối cảnh thường dùng	Thị phạm, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.3	Hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc nội ngoại thất	Thị phạm, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.4	Tạo hiệu ứng ảnh đặc biệt	Thị phạm, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.5	Xử lý ảnh 3D nội thất	Thị phạm, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.6	Tạo bản vẽ mặt bằng bằng Photoshop	Thị phạm, thực hành	Máy chiếu, máy tính, bảng

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học
- Điểm danh, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy
- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết.
- Tham dự 100% số giờ thực hành.
- Hoàn thành tất cả các bài thực hành.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. *Cách đánh giá:*

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	

1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	8%	CĐR 1 - 7
2	Điểm thực hành	Hoàn thành đủ 12 bài thực hành theo yêu cầu	24%	CĐR 2 - 5
3	Điểm thi giữa kỳ	Xử lý mặt bằng Cad sang photoshop.	8%	CĐR 2 - 5
II	Điểm thi cuối kỳ	Thực hành trên máy tính	60%	CĐR 1 - 5

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. Đánh giá kết quả điểm chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức trong giờ học	30	Chú ý nghe giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	Chú ý nghe giảng	Chưa tập trung vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả thực hành

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia các bài thực hành	20	Tham gia trên 90% bài thực hành	Tham gia từ 80-90% bài thực hành	Tham gia từ 70-79% số bài thực hành	Tham gia dưới 70% số bài thực hành	
Ý thức trong giờ học, ghi chép, thực hiện nội dung thực hành	30	Chú ý nghe giảng, thực hiện tốt trên 90% nội dung thực hành	Chú ý nghe giảng, tham gia thực hiện được 70-90% nội dung thực hành	Có tham gia thực hiện được 60-70% nội dung thực hành	Có tham gia thực hiện được dưới 60% nội dung thực hành	
Kiểm tra	50	Hiểu và làm đúng trên	Hiểu và làm đúng 70-90%	Hiểu và làm đúng 50-	Hiểu và làm đúng dưới	

thực hành		90% nội dung thực hành	nội dung thực hành	60% nội dung thực hành	50% nội dung thực hành	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả thi giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.4. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

1. Bài giảng “Kỹ thuật xử lý ảnh trong TKNT” (Giảng viên cung cấp).

12.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Phương. Photoshop CS 8.0 – NXB Thanh niên, 2004.

2. 李金明, 李金荣. 完全自学教程 (Photoshop CS6) – 人民邮电出版社, 2014年

HỌC PHẦN: LỰA CHỌN VÀ SỬ DỤNG THIẾT BỊ GIA CÔNG GỖ

1. Tên môn học

Tên tiếng Việt: Lựa chọn và sử dụng thiết bị gia công gỗ

Tên Tiếng Anh: Selection and utilization of wood processing machinery

Mã môn học: TBGC4

2. Số tín chỉ : 2

3. Phân bổ thời gian loại giờ tín chỉ:

Lý thuyết: 20 tiết

TH: 10 tiết

Học phần	TT chương	Tên chương	Tổng số giờ	Lý thuyết	TH
		Bài mở đầu	1	1	
	1	Khái quát chung về thiết bị gia công gỗ	6	6	
	2	Lựa chọn thiết bị gia công gỗ	11	6	5
	3	Sử dụng thiết bị gia công gỗ	12	7	5
		Tổng	30	20	10

4. Mục tiêu, yêu cầu môn học:

4.1. Mục tiêu:

Sinh viên nắm vững các tiêu chí, căn cứ, phương pháp lựa chọn thiết bị gia công gỗ, nội dung và kỹ thuật sử dụng thiết bị gia công gỗ. Có kỹ năng chọn và sử dụng thiết bị phù hợp với điều kiện và yêu cầu công nghệ cụ thể.

4.2. Yêu cầu:

Để đáp ứng mục tiêu trên, quá trình học tập cần có tài liệu, cần có các thiết bị gia công gỗ để phục vụ nội dung thực hành, sinh viên cần có kiến tập thực tế về gia công gỗ.

5. Điều kiện tiên quyết

Sinh viên học xong: Ứng dụng vật liệu trong nội thất

6. Mô tả nội dung môn học

Các nội dung chính gồm: Các kiến thức khái quát về thiết bị gia công gỗ, các tiêu chí, căn cứ, phương pháp lựa chọn thiết bị gia công gỗ, nội dung và kỹ thuật sử dụng thiết bị gia công gỗ.

7. Nội dung chi tiết môn học

7.1. Lý thuyết

BÀI MỞ ĐẦU: (1 tiết)

- Vai trò và sự phát triển của máy móc thiết bị
- Nhu cầu và tầm quan trọng trong công tác lựa chọn và sử dụng máy
- Mục tiêu và nội dung môn học
- Thông tin về giảng viên, môn học và tổ chức giảng dạy, học tập....

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ THIẾT BỊ GIA CÔNG GỖ

(Tổng số tiết: 6 tiết; LT:6)

1. 1. Khái quát chung

1.1.1. Khái niệm và phân loại thiết bị gia công gỗ

1.1.2. Cấu trúc và sơ đồ thiết bị

1.2. Một số thiết bị gia công gỗ điển hình

1.2.1. Các máy cưa

1.2.2. Các máy bào

1.2.3. Các máy phay

1.2.4. Các máy khoan

1.2.5. Các máy đục lỗ

1.2.6. Các máy tiện

1.2.7. Các máy uốn

1.2.8. Các máy uốn ép

1.2.9. Các máy đánh nhẵn

1.2.10. Máy trang sức

1.2.11. Một số thiết bị khác

CHƯƠNG 2: LỰA CHỌN THIẾT BỊ GIA CÔNG GỖ

(Tổng số tiết: 11 tiết; LT:6; TH: 5)

2.1. Một số chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và trình độ kỹ thuật của thiết bị

2.1.1. Một số chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật

2.1.2. Trình độ kỹ thuật và các chỉ tiêu chất lượng của thiết bị

2.2. Kiểm tra, đánh giá thiết bị

2.2.1. Kiểm tra, đánh giá năng suất thiết bị

2.2.3. Kiểm tra, đánh giá hình học thiết bị

2.2.1. Kiểm tra, đánh giá động học thiết bị

2.2.3. Kiểm tra, đánh giá động lực học thiết bị

2.3. Một số phương pháp lựa chọn thiết bị

- 2.3.1. Phương pháp dựa vào chẩn đoán kỹ thuật
- 2.3.2. Phương pháp thống kê, phân tích kết hợp với lý thuyết xác suất
- 2.3.3. Phương pháp chuyên gia
- 2.3.4. Phương pháp qui hoạch tuyến tính

2.4. Một số hướng dẫn lựa chọn thiết bị gia công gỗ

- 2.4.1. Các thiết bị pha phôi
- 2.4.2. Các thiết bị gia công sơ chế
- 2.4.3. Các thiết bị gia công tinh chế
- 2.4.4. Các thiết bị lắp ráp sản phẩm
- 2.4.5. Các thiết bị trang sức
- 2.4.6. Một số thiết bị khác

CHƯƠNG 3: KỸ THUẬT SỬ DỤNG THIẾT BỊ GIA CÔNG GỖ

(Tổng số tiết: 12 tiết; LT: 7 ; TH: 5)

3.1. Khái quát về sử dụng thiết bị

- 3.1.1. Khái niệm sử dụng thiết bị
- 3.1.2. Nội dung sử dụng thiết bị
- 3.1.3. Yêu cầu chung khi sử dụng thiết bị

3.2. Kỹ thuật sử dụng thiết bị

- 3.2.1. Khái quát về lắp đặt thiết bị
- 3.2.2. Chuẩn bị kỹ thuật thiết bị
- 3.2.3. Vận hành thiết bị gia công gỗ
- 3.2.4. Giám sát và kiểm tra kỹ thuật
- 3.2.5. Sửa chữa dự phòng
- 3.2.6. Bảo dưỡng thiết bị
- 3.2.7. Dự báo tình trạng kỹ thuật
- 3.2.8. Khái quát về công nghệ sửa chữa thiết bị
- 3.2.7. Nâng cao tuổi thọ thiết bị

7.2. Thực hành: 10 tiết

Bài 1(2t) : Lựa chọn thiết bị gia công theo sản phẩm cụ thể

Bài 2(2t): Sử dụng máy cưa vành

Bài 3(2t): Sử dụng máy phay mộng

Bài 4(2t): Sử dụng máy uốn – ép

Bài 5(2t): Sử dụng máy CNC

8. Hướng dẫn thực hiện

8.1. Về lý thuyết:

- Học sinh cần có tài liệu học tập, chuẩn bị bài trước khi lên lớp
- Cần máy chiếu khi giảng

8.2. Về thực hành/Bài tập

- Học sinh cần có tài liệu hướng dẫn, chuẩn bị bài trước khi lên lớp
- Cần có một số máy gia công gỗ để thực hành

9. Tài liệu học tập và tham khảo

9.1. Tài liệu chính

1. Bài giảng “ Lựa chọn và sử dụng máy và thiết bị gia công gỗ”

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Lưu Văn Nhang, Kỹ thuật sửa chữa máy công cụ, Nxb GD. Hà nội.
2. Nguyễn Ngọc Cảnh, Nguyễn Ngọc Hải, Công nghệ sửa chữa máy cắt kim loại, Nxb KHKT. Hà nội, 1982.
3. Nguyễn Tiến Thọ, Nguyễn Thị Xuân Bảy, Nguyễn Thị Cẩm Tú, Kỹ thuật đo lường - kiểm tra trong chế tạo cơ khí, Nxb KHKT. Hà nội, 2005.

10. Tiêu chuẩn đánh giá học viên

- Chuyên cần: 10 % - Thi giữa kỳ: 10 % - TH: 20 % - Thi cuối kỳ: 60 %

HỌC PHẦN: ĐỒ HỌA CNC

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

Tên học phần tiếng Việt: Đồ họa CNC

Tên học phần tiếng Anh: CNC Graphic

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 2

Lý thuyết	: 20 tiết
Bài tập	: 0 tiết
Thực hành	: 10 tiết
Tự học	: 0 tiết

(Số tiết đã quy đổi theo quy chế hiện hành)

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phần mềm đồ họa ứng dụng cho sản xuất CNC dùng trong thiết kế sản phẩm và nội thất.

4.2. Kỹ năng: Sử dụng thành thạo phần mềm đồ họa vẽ các bản vẽ 2D, 3D ứng dụng

cho sản xuất CNC trong thiết kế sản phẩm và nội thất.

4.3. Thái độ: Rèn luyện được tính tự chủ và độc lập trong công việc. Rèn luyện tính kiên trì, trung thực trong học tập, sự chuẩn xác, trung thực trong hoạt động KH&KT.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Môn học Đồ họa CNC cung cấp những kiến thức và kỹ năng sử dụng một số phần mềm đồ họa dùng trong sản xuất CNC. Trình bày giao diện thiết kế của phần mềm, thiết lập vật liệu, phụ kiện, thiết lập cài đặt dao cắt cho máy CNC, Công cụ vẽ, xuất báo giá và sơ đồ cắt ván.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR1	Nhớ được trình tự thiết lập giao diện vẽ trên các phần mềm đồ họa CNC
CDR2	Hiểu được các công cụ vẽ trên các phần mềm đồ họa
CDR3	Hiểu được tác dụng của các phần mềm đồ họa trong sản xuất CNC
Về kỹ năng	
CDR4	Thiết lập được giao diện vẽ và giao diện sản xuất
CDR5	Áp dụng được các công cụ vẽ và sản xuất để xuất file thiết kế và file sản xuất cho máy CNC
CDR 6	Xuất được file báo giá sản phẩm, file tổng hợp nguyên liệu và phụ kiện
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR 7	Phân tích được định hướng công việc và đánh giá khả năng làm việc nhóm.
CDR 8	Hiểu trách nhiệm của bản thân trong quá trình thực hiện, quản lý và kiểm tra giám sát thiết kế và sản xuất sản phẩm nội thất

(nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo)-Bloom

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT chương	Tên chương	Hình thức tổ chức dạy học học phần					
		Lên lớp				Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành,		

					thực tập		
1	Tổng quan về CNC và phần mềm đồ họa dùng trong CNC	2					CĐR 1 CĐR 4 CĐR 7 CĐR 8
2	Ứng dụng phần mềm Yunxi trong thiết kế sản phẩm và nội thất	6			4		CĐR 1 - 8
3	Ứng dụng phần mềm Haixun trong thiết kế sản phẩm và nội thất	6			4		CĐR 1 - 8
4	Ứng dụng phần mềm JDPaint trong điêu khắc	6			2		CĐR 1 - 8

8. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

Tổng quan về CNC và phần mềm đồ họa dùng trong CNC

(Số tiết: 02, lý thuyết: 02; thực hành: 0)

1.1. Khái quát về gia công CNC

1.1.1. Đặc điểm gia công CNC

1.1.2. Quá trình gia công CNC

1.2. Giới thiệu một số phần mềm đồ họa thường dùng trong thiết kế sản phẩm nội thất

Chương 2

Ứng dụng phần mềm Yunxi trong thiết kế sản phẩm và nội thất

(Số tiết: 10, lý thuyết: 06; thực hành: 04)

2.1. Giao diện thiết kế

2.1.1. Thiết lập giao diện

2.1.2. Thiết lập vật liệu

2.1.3. Thiết lập bản vẽ mới và thêm vật liệu

2.1.4. Thiết lập thêm ngăn kéo, cánh cửa, giá đỡ

2.1.5. Thiết lập tấm dị hình

2.1.6. Thiết lập modul và cách sử dụng

2.1.7. Thiết lập màu sắc cho vật liệu

2.1.8. Xuất file thiết kế, báo giá, bảng thống kê vật liệu và phụ kiện

2.2. Giao diện sản xuất

- 2.2.1. Nhập file thiết kế
- 2.2.2. Cài đặt nguyên liệu mới nhập và nguyên liệu tồn trong kho
- 2.2.3. Thiết lập xếp ván
- 2.2.4. Thiết lập dao cắt cho máy CNC
- 2.2.5. Cài đặt dán tem cho tấm chi tiết
- 2.2.6. Xuất file sản xuất cho máy CNC

Chương 3

Ứng dụng phần mềm Haixun trong thiết kế sản phẩm và nội thất

(Số tiết: 10, lý thuyết: 06; thực hành: 04)

- 3.1. Giao diện thiết kế
 - 3.1.1. Thiết lập giao diện
 - 3.1.2. Thiết lập bản vẽ mới và thêm vật liệu
 - 3.1.3. Thiết lập phụ kiện
 - 3.1.4. Công cụ vẽ cơ bản
 - 3.1.5. Modul sản phẩm và cách sử dụng
 - 3.1.6. Xuất file thiết kế, báo giá, bảng thống kê vật liệu và phụ kiện
- 3.2. Giao diện sản xuất
 - 3.2.1. Nhập file thiết kế
 - 3.2.2. Cài đặt nguyên liệu mới nhập và nguyên liệu tồn trong kho
 - 3.2.3. Thiết lập dao cắt cho máy CNC
 - 3.2.4. Thiết lập tối ưu hóa xếp ván
 - 3.2.5. Cài đặt dán tem, tạo mã Code, mã QR sản phẩm
 - 3.2.6. Xuất file sản xuất cho máy CNC

Chương 4

Ứng dụng phần mềm JDPaint trong điêu khắc

(Số tiết: 08, lý thuyết: 06; thực hành: 02)

- 4.1. Giao diện thiết kế
- 4.2. Công cụ vẽ cơ bản
- 4.3. Các thao tác cơ bản trong JDPaint
 - 4.3.1. Thao tác với bàn phím
 - 4.3.2. Thao tác với chuột
 - 4.3.3. Thao tác câu lệnh
 - 4.3.3.1. Lệnh từ thanh công cụ
 - 4.3.3.2. Lệnh từ thực đơn động
- 4.4. Ứng dụng JDPaint trong thiết kế mô hình phù điêu
 - 4.4.1. Dựng hình phù điêu từ hình vector
 - 4.4.2. Tạo và chỉnh sửa hình phù điêu từ hình ảnh

9. Phương pháp giảng dạy

STT	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Vật liệu phục vụ giảng dạy
1	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ CNC VÀ PHẦN MỀM ĐỒ HỌA DÙNG TRONG CNC		
1.1	Khái quát về gia công CNC	Thuyết trình, hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
1.2	Giới thiệu một số phần mềm đồ họa thường dùng trong thiết kế sản phẩm nội thất	Thuyết trình, hỏi đáp	Máy chiếu, máy tính, bảng
2	CHƯƠNG 2: ỨNG DỤNG PHẦN MỀM YUNXI TRONG THIẾT KẾ SẢN PHẨM VÀ NỘI THẤT		
2.1	Giao diện thiết kế	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
2.2	Giao diện sản xuất	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
3	CHƯƠNG 2: ỨNG DỤNG PHẦN MỀM HAIXUN TRONG THIẾT KẾ SẢN PHẨM VÀ NỘI THẤT		
3.1	Giao diện thiết kế	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
3.2	Giao diện sản xuất	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
4	CHƯƠNG 4: ỨNG DỤNG PHẦN MỀM JDPAIN TRONG ĐIỀU KHẮC		
4.1	Giao diện thiết kế	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
4.2	Công cụ vẽ cơ bản	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
4.3	Các thao tác cơ bản trong JDPaint	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng
4.4	Ứng dụng JDPaint trong thiết kế mô hình phù điêu	Thuyết trình + thị phạm	Máy chiếu, máy tính, bảng

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, bài giảng trước mỗi buổi học
- Điểm danh, quản lý sinh viên trong thời gian giảng dạy
- Chuẩn bị các phương tiện phụ trợ giảng dạy
- Tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên theo kế hoạch

10.2. Đối với sinh viên

- Tham dự tối thiểu 70% số giờ lý thuyết.
- Tham dự 100% số giờ thực hành.
- Hoàn thành tất cả các bài thực hành.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

11.1. *Thang điểm đánh giá:* Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.2. *Cách đánh giá:*

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình		40%	
1	Điểm chuyên cần	Tính trên số tiết tham dự học	8%	CĐR 1- CĐR 8
2	Điểm thực hành	Hoàn thành đủ 03 bài thực hành theo yêu cầu	32%	CĐR 1 - CĐR 6
II	Điểm thi cuối kỳ	Thực hành trên máy tính	60%	CĐR 1 - CĐR 6

11.3 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.3.1. *Đánh giá kết quả điểm chuyên cần*

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia học trên lớp	70	Tham gia trên 90% số tiết học	Tham gia từ 80-90% số tiết học	Tham gia từ 70-79% số tiết học	Tham gia dưới 70% số tiết học	
Ý thức	30	Chú ý nghe	Chú ý nghe	Chú ý nghe	Chưa tập trung	

trong giờ học		giảng, tích cực phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	giảng, có tham gia phát biểu đóng góp ý kiến cho giờ học	giảng	vào bài học, không tham gia đóng góp ý kiến cho giờ học	
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá kết quả thực hành

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Tham gia các bài thực hành	20	Tham gia trên 90% bài thực hành	Tham gia từ 80-90% bài thực hành	Tham gia từ 70-79% số bài thực hành	Tham gia dưới 70% số bài thực hành	
Ý thức trong giờ học, ghi chép, thực hiện nội dung thực hành	30	Chú ý nghe giảng, thực hiện tốt trên 90% nội dung thực hành	Chú ý nghe giảng, tham gia thực hiện được 70-90% nội dung thực hành	Có tham gia thực hiện được 60-70% nội dung thực hành	Có tham gia thực hiện được dưới 60% nội dung thực hành	
Kiểm tra thực hành	50	Hiểu và làm đúng trên 90% nội dung thực hành	Hiểu và làm đúng 70-90% nội dung thực hành	Hiểu và làm đúng 50-60% nội dung thực hành	Hiểu và làm đúng dưới 50% nội dung thực hành	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết quả thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

12. Tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc

1. Bài giảng môn học “Đồ họa CNC” (Giảng viên cung cấp).

12.2. Tài liệu tham khảo

1. <https://www.haixun.vn/>

2. <http://www.hisoon.com/>

ĐỀ CƯƠNG THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP 1

NGÀNH THIẾT KẾ NỘI THẤT

(Cho các môn học: Cơ sở tạo hình phẳng, Cơ sở tạo hình khối, Hình họa 1, Hình họa 2, Luật xa gần)

- **Đối tượng:** Sinh viên lớp TKNT - Tổng số: Sinh viên

- **Thời gian:** / / - / / (3 tuần/1 lớp)

- **Địa điểm:** Mai Châu – Hòa Bình; Hà Nội; Xuân mai Chương Mỹ – Hà Nội.

1. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1.1. Mục đích

+ củng cố, bổ sung kiến thức từ thực tế cho các môn cơ sở mỹ thuật sau khi đã học chương trình về lý thuyết các môn học.

+ Tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận, học hỏi và tích lũy vốn kiến thức hiểu biết về nghệ thuật tạo hình từ tự nhiên, trong các công trình kiến trúc dân gian, phong tục tập quán và phương thức sinh hoạt truyền thống... Trên cơ sở đó, định hướng và kích thích thúc đẩy khả năng sáng tạo nghề nghiệp sau này của sinh viên theo hướng hiện đại và đậm đà bản sắc Việt nam.

1.2. Yêu cầu

1.2.1. Về kiến thức:

- Hiểu và nắm vững những nét đặc trưng kiến trúc, mỹ thuật và phong cảnh nơi thực tập.

- Phát hiện và tổng hợp được những sáng tạo từ thực tế để bổ xung, minh họa cho lý thuyết đã học, từ đó vận dụng vào bài học.

- Đáp ứng đầy đủ yêu cầu và nội dung chuyên môn theo đề cương của từng môn học/ học phần đã được duyệt.

1.2.2. Về thái độ

- Trong quá trình thực tập sinh viên phải có tính kỷ luật cao, có mặt địa điểm thực tập đúng giờ, ngày quy định và đảm bảo thời gian thực tập theo đúng quy định của đoàn thực tập;

- Thực hiện nghiêm túc các quy chế, nội quy của Nhà trường và của các địa phương nơi sinh viên thực tập;

- Chấp hành sự phân công, hướng dẫn của giáo viên và cán bộ hướng dẫn được phân công phụ trách tại cơ sở thực tập và Ban chỉ đạo đoàn thực tập.

2. NỘI DUNG THỰC TẬP

2.1. Nội dung tổng quát

- Tìm hiểu chung về đặc điểm kiến trúc và phong cảnh tại địa điểm thực tập;

- Ghi chép (vẽ kí họa) các đối tượng kiến trúc, mỹ thuật, phong cảnh, phân tích những yếu tố tạo hình và nguyên lý mỹ thuật ứng dụng trong đó;

- Sử dụng các yếu tố thu thập được (vốn cổ, thiên nhiên...) sáng tạo theo yêu cầu, rèn luyện khả năng bố cục tạo hình;

- Sáng tạo theo chủ đề lấy cảm hứng từ những đối tượng quan sát được tại nơi thực tập;

- Tổng hợp ghi chép thành bài thu hoạch theo nội dung yêu cầu của từng môn học/học phần.

2.2. Nội dung chi tiết các môn học:

2.2.1. Cơ sở tạo hình (các môn: luật xa gần, cơ sở tạo hình phẳng, cơ sở tạo hình khối)

2.2.1.1. Mục tiêu:

****Về kiến thức:***

- Phát hiện và nhận thức được vẻ đẹp tạo hình trong tự nhiên.

- Hiểu và nắm được những nguyên lý về cấu trúc hình thể trong không gian ba chiều.

- Hiểu quy trình cách điệu một vật thể từ hình thể đến màu sắc trong không gian thật lên mặt phẳng, hay đồ thức trang trí trong nội thất.

****Về kỹ năng:***

- Biết ghi chép, vẽ kí họa (bằng chất liệu bút chì, bút sắt, màu bột, màu nước) hoa lá, vốn cổ, phong cảnh từ tự nhiên. Từ đó đơn giản, cách điệu làm tài liệu, phục vụ cho

các môn học chuyên ngành nội thất (môn cơ sở tạo hình phẳng) và thực tiễn nghề nghiệp sau này.

- Biết cách ghi chép đúng tỷ lệ, cấu trúc trong không gian thật, thu nhỏ tỷ lệ để làm bài mô hình (môn cơ sở tạo hình khối).

- Có sự nhận thức đúng sai về những giá trị thẩm mỹ (tự nhiên và nhân tạo) từ đó đặt nền móng sáng tạo nên những giá trị mới trên cơ sở văn hóa truyền thống dân tộc.

*** Về thái độ:**

- Có sự nhận thức đúng về vẻ đẹp tự nhiên và văn hóa trong kiến trúc, nội thất sinh hoạt của các vùng miền khác nhau. Qua đó có thái độ ứng xử văn hóa chuẩn mực, với các sắc thái văn hóa đa dạng.

- Thông qua các đồ thức trang trí vốn cổ dân tộc thấy được vẻ đẹp thẩm mỹ truyền thống và lịch sử dân tộc ẩn chứa bên trong.

- Có lòng tin, tình yêu với giá trị mỹ thuật cổ Việt nam và các sắc thái văn hóa khác nhau trong cộng đồng 54 dân tộc.

2.2.1.2. Nội dung thực hiện công việc của sinh viên:

- Thu thập tư liệu từ văn hóa, đời sống liên quan đến tạo hình; Tìm hiểu các nét đặc trưng tạo hình trong đời sống văn hóa con người thông qua các hình thức ăn ở, trang phục và kiến trúc, cùng các phương thức sinh hoạt của người dân nơi thực tập.

- Vẽ, ghi chép, tìm hiểu về cách phối hợp đường nét, hình khối, màu sắc, các họa tiết cách điệu, trang trí trong các sản phẩm văn hóa và đời sống của các dân tộc tại nơi thực tập;

- Thực hiện các bài tập cơ sở tạo hình dựa trên tư liệu đã thu thập được tại nơi thực tập.

2.2.2. Hình họa (các học phần : Hình họa 1, Hình họa 2)

2.2.2.1. Mục tiêu:

*** Kiến thức:**

- Rèn luyện kỹ năng quan sát, lấy bố cục ngoại cảnh và vẽ kí họa ngoại cảnh bằng các chất liệu: chì, bút kim, bút sắt, bột màu, màu nước...

- Biết cắt cảnh, lấy khung hình với bố cục hợp lý trong khổ giấy, hiểu được không gian 3 chiều và không gian trên mặt phẳng, thông qua các yếu tố tạo hình (đường nét hình khối, màu sắc, chất cảm...).

- Phát hiện và nhận thức được đặc trưng nét đẹp của vốn kiến trúc cổ và phong

cảnh thiên nhiên.

*** Về kỹ năng:**

- Vẽ được một bài kí họa góc cảnh, phong cảnh đen trắng (bằng bút chì, bút sắt..) có bố cục hợp lý trong khổ giấy, diễn tả được không gian, ánh sáng, vật thể được thể hiện sát mẫu, có cấu trúc, tỷ lệ hợp lý hài hòa.

- Vẽ được bài kí họa góc cảnh, phong cảnh màu (bằng màu nước, màu bột...) có bố cục hợp lý trong khổ giấy, bằng màu sắc diễn tả được không gian, ánh sáng, vật thể được thể hiện sát mẫu, có cấu trúc, tỷ lệ hợp lý hài hòa.

*** Thái độ:**

- Có sự nhận thức đúng về vẻ đẹp tự nhiên và văn hóa trong kiến trúc, nội thất sinh hoạt của các vùng miền khác nhau. Qua đó có thái độ ứng xử văn hóa chuẩn mực, với các sắc thái văn hóa đa dạng của dân tộc Việt nam.

- Thông qua các bài vẽ thấy được vẻ đẹp tự nhiên từ đó có ý thức sáng tạo ứng dụng vẻ đẹp vào thực tế bài học và ứng dụng trong nghề nghiệp trong tương lai.

2.2.2.2. Nội dung thực hiện của sinh viên:

- Vẽ, phong cảnh, góc cảnh từ thiên nhiên, ghi chép về cách phối hợp đường nét, hình khối, màu sắc, trong các trang trí hoa văn dân tộc Việt nam ở nơi thực tập;

- Thực hiện các bài tập tại nơi thực tập.

3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

3.1. Thực tập

* Toàn bộ nội dung chi tiết của 5 môn học được tổ chức triển khai tại các cơ sở chính:

* Toàn bộ sinh viên sau khi được phổ biến đề cương sẽ tiến hành các nội dung thực tập theo yêu cầu cụ thể của giáo viên và cán bộ hướng dẫn trên từng địa bàn thực tập.

* Sinh viên được tổ chức thực hiện các nội dung thực tập tập trung, cuốn chiếu theo từng nội dung. Sau thời gian định mức, sinh viên phải hoàn thành khối lượng bài chuyên môn theo yêu cầu ở từng cơ sở thực tập.

* Theo Đề cương chung các môn học, Cán bộ tham gia hướng dẫn chi tiết hoá các nội dung thực tập cho môn học được giao phụ trách cho từng buổi thực tập và có trách nhiệm giải đáp các nội dung chuyên môn theo yêu cầu của sinh viên.

3.2. Lịch trình thực tập

Địa điểm, thời gian thực tập, nội dung chuyên môn và giáo viên trực tiếp hướng dẫn được cụ thể hoá trong lịch trình kèm theo (Bản phân công giáo viên hướng dẫn, lịch trình thực tập).

3.3. Tổ chức đi, về của sinh viên

- Sinh viên tự túc lo kinh phí đi lại, ăn, ngủ. Kế hoạch cụ thể về đi lại, nơi ăn, nơi ở (tập trung) có sự thống nhất toàn đoàn và được trường đoàn đồng ý.

- Để đảm bảo chất lượng chuyên môn và thực tập an toàn, đạt kết quả cao, đề nghị sinh viên các lớp thực hiện đúng quy định và nội dung của đoàn thực tập.

4. KẾT QUẢ DỰ KIẾN

4.1. Bài thu hoạch của cá nhân

*** Hình họa 1 :**

- 5 bài vẽ kí họa cây đơn (cây cao) (trên khổ giấy A3 chất liệu bút chì, bút sắt)/một sinh viên

- 5 bài vẽ kí họa nhóm cây (3 cây trở lên cây cao, kết hợp cây thấp) (trên khổ giấy A3 chất liệu bút chì, bút sắt)/một sinh viên.

- 10 bài vẽ góc cảnh, phong cảnh cây kết hợp công trình kiến trúc (khổ giấy A3, chất liệu bút chì, bút sắt)/ một sinh viên

*** Hình họa 2 :**

- 5 bài vẽ kí họa nhóm cây (3 cây trở lên cây cao, kết hợp cây thấp) (trên khổ giấy A3 chất liệu màu nước, bột màu)/một sinh viên.

- 10 bài vẽ góc cảnh, phong cảnh cây kết hợp công trình kiến trúc (khổ giấy A3, chất liệu mực nho, màu nước, bột màu)/ một sinh viên.

*** Cơ sở tạo hình phẳng:**

- 2 bài ghi chép hoa lá thật (trên khổ giấy A4 chất liệu bút chì, bút sắt)/một sinh viên.

- 2 bài đơn giản từ những ghi chép thực (trên khổ giấy A4 chất liệu bút chì, bút sắt)/một sinh viên.

- 2 bài cách điệu từ những bài đơn giản (trên khổ giấy A4 chất liệu mực nho màu nước, bút sắt)/một sinh viên.

- 10 bài ghi chép vốn cổ dân tộc (khổ giấy A4, chất liệu bút chì, bút sắt, mực nho, màu nước)/ một sinh viên.

4.2. Bài tập nhóm:

* **Cơ sở tạo hình khối:** (Mỗi nhóm 5 sinh viên).

Mỗi nhóm làm một sản phẩm trưng bày trong nội thất, chất liệu tự chọn.

VD: Kệ đựng sách, giá đựng sách, móc treo quần áo, giá đựng văn phòng phẩm (sản phẩm sáng tạo trên cơ sở thực tế, có tính ứng dụng cao, có thể sử dụng được).

5. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

* **Điều kiện đánh giá:**

- Sinh viên phải hoàn thành các nội dung theo đề cương chuyên môn, có đủ số bài theo yêu cầu và không vi phạm nội quy của đoàn thực tập cũng như các quy định của địa phương (địa bàn) nơi thực tập.

- Các bài vẽ phải có đặc điểm của mẫu, đường nét, màu sắc, bố cục hài hòa, cấu trúc, tỷ lệ hợp lý tạo. Bằng đậm nhạt tạo được không gian chiều sâu và giữ được tinh thần chung của vật thể.

- Bài tập nhóm phải đảm bảo tính thống nhất ngôn ngữ, đoàn kết.

- Tất cả các bài phải được nộp đúng thời gian, bài phải được bo biểu dán lên bảng gỗ, ghi rõ họ tên mã số SV ra phía sau. Tất cả các bài tập vẽ trên giấy đều có dấu của bộ môn, sinh viên ghi rõ ngày tháng năm.

* **Hình thức đánh giá:**

Tổ chức triển lãm trưng bày bài thu hoạch, giáo viên và cán bộ hướng dẫn, căn cứ chất lượng bài, ý thức sinh viên và điều kiện thực tiễn tiến hành nhận xét và đánh giá. Điểm thực tập được thống nhất thông qua điểm của các thành viên đoàn hướng dẫn.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP 2 NGÀNH THIẾT KẾ NỘI THẤT

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần

- Tên tiếng Việt: Thực tập nghề nghề nghiệp 2 ngành TKNT

- Tên tiếng Anh: Professional Internship 2 for Interior Design Students

1.2. Mã số học phần:

1.3. Số tín chỉ: 12 tín chỉ, 180 tiết

Lý thuyết: 5 tiết

Thực tập tại công ty: 175 tiết

Địa điểm thực tập: Các công ty thuộc lĩnh vực thiết kế, thi công công trình nội thất và sản phẩm nội thất; Địa điểm thực tập theo danh sách đính kèm

2. Đơn vị phụ trách học phần

Bộ môn: Bộ môn Thiết kế đồ gỗ & Nội thất

Viện: Công nghiệp gỗ & Nội thất

3. Điều kiện tiên quyết:

Thực tập này được tiến hành sau khi sinh viên học xong các môn học cơ sở ngành, chuyên ngành của ngành thiết kế nội thất.

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức

- Củng cố và bổ sung kiến thức thực tế về nội dung thiết kế công trình nội thất.
- Củng cố và bổ sung kiến thức thực tế về nội dung thiết kế sản phẩm nội thất
- Bổ sung các kiến thức thực tế về công nghệ và thiết bị gia công sản phẩm nội thất.
- Củng cố, bổ sung các kiến thức thực tế về vật liệu cho thiết kế nội thất và sản phẩm nội thất.
- Củng cố và bổ sung kiến thức thực tế thi công công trình và sản phẩm nội thất.

4.2 Kỹ năng

- Nâng cao kỹ năng, năng lực thiết kế công trình nội thất: Phân tích, đánh giá, lựa chọn phương án thiết kế, lập hồ sơ thiết kế công trình nội thất.
- Nâng cao kỹ năng, năng lực thiết kế sản phẩm nội thất: Phân tích, đánh giá, lựa chọn phương án thiết kế, lập hồ sơ thiết kế.
- Nâng cao kỹ năng nhận biết, lựa chọn sử dụng vật liệu nội thất vào đúng mục đích yêu cầu.
- Nâng cao kỹ năng gia công sản phẩm nội thất.
- Nâng cao kỹ năng thi công công trình nội thất.
- Tạo điều kiện cho sinh viên tích lũy kinh nghiệm, chủ động sáng tạo trong công việc; rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết công việc.

4.3. Thái độ:

- Nghiêm túc, kỷ luật, có trách nhiệm trong học tập.
- Tăng yêu thích môn học và ngành thiết kế nội thất.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Sinh viên tìm hiểu công ty, thực tập nội dung về thiết kế thi công sản phẩm nội thất, thiết kế thi công công trình nội thất. Bước đầu chủ động giải quyết vấn đề thực tế về chuyên môn.

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Về kiến thức	
CDR1	Hiểu được trình tự thiết kế công trình nội thất tại doanh nghiệp
CDR2	Hiểu được trình tự thiết kế sản phẩm nội thất thực tế tại xưởng sản xuất
CDR3	Phân tích được đặc tính nguyên liệu sử dụng trong thiết kế sản phẩm

	và trang trí nội thất
CĐR4	Phân tích được tình trạng sử dụng nguyên liệu và thiết bị tại doanh nghiệp, xưởng sản xuất
Về kỹ năng	
CĐR5	Áp dụng được trình tự thiết kế nội thất để xây dựng hồ sơ thiết kế công trình nội thất
CĐR6	Áp dụng được trình tự thiết kế sản phẩm để xây dựng hồ sơ thiết kế sản phẩm nội thất
CĐR7	Đánh giá được chất lượng thiết kế sản phẩm và nội thất
CĐR8	Lựa chọn được vật liệu dùng cho công trình nội thất và sản phẩm nội thất
CĐR9	Lựa chọn được thiết bị sản xuất phù hợp dùng trong sản xuất sản phẩm
CĐR10	Tổ chức và giám sát được quá trình thiết kế và thi công sản phẩm nội thất, công trình nội thất
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR 11	- Phân tích được định hướng công việc và đánh giá khả năng làm việc nhóm. - Nghiêm túc, kỷ luật, có trách nhiệm trong công việc
CĐR 12	Hiểu trách nhiệm của bản thân trong quá trình thực hiện, quản lý, tổ chức và kiểm tra giám sát thiết kế và thi công sản phẩm nội thất, công trình nội thất

7. Cấu trúc nội dung học phần:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần			
		Lên lớp		Sv tự nghiên cứu, tự học	Chuẩn đầu ra (HP)
		Lý thuyết	Thực tập		
1	Phổ biến nội dung thực tập	5			CĐR1- 12
2	Thực tập tại công ty		175		CĐR1- 12

8. Nội dung chi tiết học phần

Lý thuyết (5 tiết)

- Trình bày đề cương thực tập.
- Yêu cầu cần đạt
- Phương thức thực hiện
- Vấn đề an toàn đi lại và thực tập.

Thực tập (175 tiết)

1. Tìm hiểu chung về công ty:

- Tìm hiểu quy mô công ty, lĩnh vực kinh doanh chính của công ty, vị trí vai trò công đoạn thiết kế trong toàn bộ hoạt động chung của công ty;
- Tìm hiểu các chủng loại sản phẩm thiết kế của công ty;
- Tìm hiểu về công nghệ và thiết bị gia công sản phẩm nội thất chủ yếu tại công ty.

2. Thực tập thiết kế không gian nội thất

- Tìm hiểu một số công trình thiết kế của công ty: bản vẽ thiết kế, yêu cầu thiết kế.
- Phân tích đánh giá ưu điểm và hạn chế của các phương án thiết kế đó.
- Tìm hiểu trình tự quá trình thiết kế các công trình nội thất của công ty;
- Tìm hiểu trình tự, bước công việc thi công và yêu cầu đạt được từng bước thi công công trình nội thất.
- Tìm hiểu chủng loại và đặc tính của vật liệu thường sử dụng cho công trình nội thất công ty đang sử dụng. Hiểu được ưu nhược điểm khi chọn lựa vật liệu đó cho công trình.
- Thực tập thiết kế không gian nội thất cụ thể:
 - + Tìm hiểu yêu cầu khách hàng, thực trạng công trình;
 - + Đề xuất ý tưởng, phương án thiết kế;
 - + Phân tích đánh giá và lựa chọn phương án thiết kế.
 - + Thiết kế các bản vẽ 2D, 3D;
 - + Lập kế hoạch thi công;
 - + Thực hành rèn luyện kỹ năng thi công và giám sát thi công công trình nội thất.

3. Thực tập thiết kế sản phẩm nội thất

- Tìm hiểu chủng loại sản phẩm nội thất của công ty;
- Tìm hiểu chủng loại và đặc điểm nguyên liệu chủ yếu dùng cho sản xuất sản phẩm nội thất của công ty
- Tìm hiểu về liên kết sản phẩm, kích thước sản phẩm;
- Thực hành vẽ bóc tách sản phẩm thực tế tại doanh nghiệp, xưởng sản xuất;
- Tìm hiểu các bước công nghệ gia công tạo sản phẩm;
- Tính toán được nguyên vật liệu cho sản phẩm;
- Tìm hiểu phương pháp kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm;
- Thực hành rèn luyện kỹ năng gia công sản phẩm
- Thực tập thiết kế sản phẩm nội thất cụ thể:
 - + Tìm hiểu yêu cầu khách hàng
 - + Đề xuất ý tưởng thiết kế
 - + Lựa chọn phương án thiết kế
 - + Thiết kế các bản vẽ 2d, 3D sản phẩm nội thất cụ thể.
 - + Tính toán được nguyên vật liệu, phụ kiện và giá thành sản phẩm theo điều kiện thực tế tại cơ sở

+ Rèn luyện kỹ năng thi công và lắp ráp sản phẩm nội thất.

9. Phương thức, kế hoạch thực hiện

9.1. Lý thuyết

Trình bày trên giảng đường

9.2. Thực tập

(1) Địa điểm và hình thức phân nhóm

Hình thức phân nhóm: 2-3 sinh viên / nhóm

Địa điểm: Mỗi nhóm sinh viên sẽ thực tập tại 1 địa điểm cụ thể (*Có danh sách kèm theo*)

(2) Tổ chức đi lại, ăn ở của sinh viên

- Sinh viên tự túc phương tiện đi lại và tự chịu trách nhiệm về các hoạt động của mình trong suốt quá trình thực tập;
- Tự túc chỗ ăn ở và các đồ dùng cá nhân, tự bảo quản đồ dùng cá nhân.

(3) Tổ chức quản lý, giám sát và liên lạc

Trong quá trình thực tập, đoàn thực tập có trách nhiệm thường xuyên liên lạc chặt chẽ với đơn vị, cơ quan nơi sinh viên thực tập để theo dõi tiến độ thực tập và kịp thời phối hợp xử lý các vấn đề liên quan.

10. Hướng dẫn giảng viên thực hiện và yêu cầu đối với sinh viên

10.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ đề cương thực tập
- Liên hệ doanh nghiệp, xưởng sản xuất trước khi sinh viên đi thực tập
- Kiểm tra, quản lý sinh viên trong thời gian thực tập.
- Tổ chức cho sinh viên báo cáo kết quả thực tập.

10.2. Đối với sinh viên

- Tham gia 100% thời gian thực tập tại doanh nghiệp, xưởng sản xuất.
- Hoàn thành Báo cáo thực tập theo nội dung đề cương thực tập.
- Bảo vệ thực tập sau khi quá trình thực tập kết thúc.

11. Đánh giá kết quả

11.1. Tiêu chí đánh giá:

Đánh giá kết quả thực tập qua 3 tiêu chí:

Đánh giá quá trình thực tập tại cơ sở thực tập

Đánh giá Bản báo cáo thực tập

Đánh giá qua bảo vệ thực tập

11.2. Điều kiện bảo vệ thực tập:

+ Sinh viên không vi phạm nội quy, quy chế của cơ sở và đoàn thực tập; Phải có xác nhận, đánh giá kết quả thực tập của cơ sở thực tập.

+ Sinh viên phải hoàn thành các nội dung chuyên môn theo đề cương đã duyệt.

11.3. Đánh giá thực tập:

Kết quả thực tập được đánh giá qua quá trình và kết quả thực tập tại cơ sở (căn cứ theo nhật ký và đánh giá của cơ sở thực tập), bản báo cáo và bảo vệ kết quả thực tập.

11.4. **Thang điểm đánh giá:** Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

11.5. Cách đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Chuẩn đầu ra (HP)
I	Điểm quá trình	Do doanh nghiệp, xưởng sản xuất đánh giá	30%	CĐR 1 - 12
II	Điểm báo cáo thực tập	Chấm báo cáo thực tập, sổ nhật ký thực tập	30%	CĐR 1 - 10
III	Điểm bảo vệ kết quả thực tập	Vấn đáp	40%	CĐR 1 - 10

11.6 Rubrics đánh giá kết quả học tập

11.6.1. Đánh giá điểm quá trình (Do doanh nghiệp nơi sinh viên thực tập đánh giá)

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Ý thức, sự chấp hành nội quy của cơ sở thực tập	20	Rất tốt, tuân theo đầy đủ 100% nội quy của cơ sở	Tuân theo nội quy của cơ sở TT 70%- < 100%	Tuân theo nội quy của cơ sở TT 60%-70%	Tuân theo nội quy của cơ sở TT <60%	
Chấp hành thời gian thực tập theo đề cương TT tại cơ sở	30	Thời gian TT tại cơ sở đầy đủ 100%.	Thời gian TT tại cơ sở 70%- < 100%	Thời gian TT tại cơ sở TT 60%-70%	Thời gian TT tại cơ sở TT <60%	
Chấp hành nội dung chuyên môn theo đề cương.	30	Thực tập đúng nội dung chuyên môn 100%	Thực tập đúng nội dung chuyên môn 70%- < 100%	Thực tập đúng nội dung chuyên môn 60%-70%	Thực tập đúng nội dung chuyên môn TT <60%	
Sáng tạo và giải	20	Có tính sáng tạo cao	Sáng tạo khá	Sáng tạo TB	Sáng tạo ít, thụ động	

pháp đề xuất của sinh viên trong thời TT						
Điểm tổng						

11.3.2. Đánh giá báo cáo thực tập

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung báo cáo	90	Nội dung báo cáo đúng theo yêu cầu trên 90%	Nội dung báo cáo đúng theo yêu cầu từ 70-90%	Nội dung báo cáo đúng theo yêu cầu từ 50-69%	Nội dung báo cáo đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức báo cáo	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						

11.3.3. Đánh giá kết bảo vệ thực tập

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng				Điểm
		Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
		10-9	8-7	6-5	4-0	
Nội dung	90	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 70-90%	Làm bài đúng theo yêu cầu 50-69%	Làm bài đúng theo yêu cầu <50%	
Hình thức	10	Hình thức đẹp, sạch sẽ, trình bày có logic	Hình thức đẹp	Hình thức đạt yêu cầu	Cẩu thả, trình bày không logic	
Điểm tổng						